

HOÀI THANH HOẠT CHÂN

Thi Nhân *Việt Nam*

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

THI NHÂN VIỆT NAM

HOÀI THANH - HOÀI CHÂN

**THI NHÂN
VIỆT NAM
1932-1941**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

In theo bản in lần đầu
NGUYỄN ĐỨC PHIÊN
xuất bản năm 1942
do nhà thơ Xuân Tâm cung cấp

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hơn nửa thế kỷ trước đây, phong trào Thơ mới đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền văn học trước Cách mạng tháng Tám của đất nước. Các thi sĩ của thuở ấy đã đem lại cho bạn đọc một tiếng nói mới, phản ánh khá trung thực tâm trạng của cả một lớp thanh niên tiểu tư sản trong cuộc sống có nhiều đau buồn, trăn trở và đôi khi bế tắc trước hiện trạng của đất nước thời bấy giờ. Với sự đổi mới mạnh mẽ của hình thức nghệ thuật, Thơ mới thực sự đã thu hút được sự chú ý của khá đông bạn đọc yêu thơ và đó cũng là một đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển của thể loại và chứng minh khả năng biểu đạt phong phú của tiếng Việt.

Ngay lúc bấy giờ hai tác giả Hoài Thanh và Hoài Chân đã sớm nhận ra giá trị ấy và đã kịp thời sưu tầm, giới thiệu các thành tựu của phong trào Thơ mới qua tác phẩm *Thi nhân Việt Nam* và đã cho xuất bản vào đầu năm 1942.

Thi nhân Việt Nam là sự khám phá và đánh giá đầu tiên đối với Thơ mới. Chúng ta đều biết việc lựa chọn tác phẩm và tác giả đương thời, nhất là những người mới xuất hiện trên văn đàn, là một việc làm hết sức khó khăn, nhưng với sự cảm thụ khá sâu sắc

và với cái nhìn tinh tế, các tác giả đã chọn được một chùm hoa giàu hương sắc trong vườn thơ mới đã gửi tặng những người yêu thơ. Chính vì thế ***Thi nhân Việt Nam*** đã được bạn đọc cả nước đón nhận và tán thưởng.

Để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc trong và ngoài nước, nhất là của những nhà nghiên cứu, những sinh viên văn khoa và đông đảo những người yêu thơ, Nhà xuất bản Văn học cho tái bản tác phẩm ***Thi nhân Việt Nam*** của Hoài Thanh và Hoài Chân trong Tủ sách nghiên cứu.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, việc thẩm định lại những giá trị có thể có những thay đổi, nhưng để bảo đảm tính lịch sử của một tác phẩm đã xuất hiện trước đây, chúng tôi cho in nguyên văn của tác phẩm.

Ngoài ra để có thêm tư liệu tham khảo cho bạn đọc, chúng tôi cho in thêm Lời cuối sách.

Xin trân trọng giới thiệu ***Thi nhân Việt Nam*** cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tiến sĩ



HOÀI THANH
(Ảnh chụp năm 1935, tại Huế)

HOÀI THANH

Tiểu sử

Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, sinh năm 1909, ở xã Nghi Trung, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh, trong một gia đình nhà pho nghèo có tham gia phong trào chống Pháp của Phan Bội Châu. Bắt đầu học chữ Hán, chữ quốc ngữ, rồi theo học trường Pháp Việt đến bậc trung học. Có tham gia phong trào yêu nước của học sinh trong dịp hai cụ Phan về nước. Năm 1927, gia nhập Tân Việt cách mệnh đảng. Năm 1930 đang học ở trường Bưởi (Hà Nội) thì bị bắt, bị kết án treo, bị đuổi ra khỏi trường. Kế đó viết báo, lại bị bắt, bị trục xuất ra khỏi Bắc Kỳ và giải về quê.

Năm 1931 vào Huế, làm công cho một nhà in, đi dạy học tư, đồng thời viết văn, viết báo.

Tham gia tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945. Từ đó lần lượt làm giáo sư ở Đại học Hà Nội, biên tập viên Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng thư ký Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Hội Văn nghệ Việt Nam. Hoài Thanh là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau kháng chiến chống Pháp, làm vụ trưởng Vụ Nghệ thuật, Tổng thư ký Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Viện phó Viện Văn học và Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, ủy viên Đảng đoàn văn nghệ,

ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam và Chủ nhiệm tuần báo *Văn nghệ* cho đến đầu năm 1975.

Nhà văn Hoài Thanh mất ngày 14 - 3 - 1982 tại Hà Nội.

Tác phẩm

Trước Cách mạng tháng Tám:

Viết các báo: *Phổ thông, Le Peuple, La Gazette de Huế, Tràng An, Sông Hương, Tao Đàn*. Năm 1936 cùng với Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều viết quyển *Văn chương và hành động* (bị chính quyền thực dân cấm). Năm 1941 cùng với Hoài Chân biên soạn quyển *Thi Nhân Việt Nam*.

Sau cách mạng tháng Tám:

Đã in: *Có một nền văn hóa Việt Nam* (1946), *Quyển sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du* (1949), *Nhân văn Việt Nam* (1949), *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951), *Nam Bộ mến yêu* (1955), *Quê hương và thời niên thiếu của Bác* (cùng viết với Thanh Tịnh 1960), *Phê bình và tiểu luận*, tập I (1960), tập II (1965), tập III (1971), *Phan Bội Châu* (1978), *Chuyện thơ* (1978). *Tuyển tập Hoài Thanh* (2 tập, 1982 - 1983).

Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam
và Chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ cho đến đầu năm 1975.
Nhà văn Hoài Thanh mất ngày 14 - 3 - 1982 tại Hà

Nội



HOÀI CHÂN

HOÀI CHÂN

Hoài Chân, em ruột Hoài Thanh, tên thật là Nguyễn Đức Phiên, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1914 ở xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Năm 1930, tham gia phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Năm 1931, giữa lúc đang học ở trường Collège Vinh (Cao đẳng tiểu học) thì bị bắt và bị kết án tù một năm.

Cuối năm 1932, sau khi ra tù, vào Huế kiếm sống đồng thời tự học để thi tú tài.

Từ 1933, làm nhà in Đắc Lập rồi làm báo *Tràng An* và *La Gazette de Huế* (Tờ báo thành Huế).

Cùng với Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư xây dựng *Ngân Sơn tùng thư* (1933 - 1935)

Năm 1941, cùng với Hoài Thanh biên soạn quyển *Thi nhân Việt Nam*. Năm 1942, tự xuất bản quyển *Thi nhân Việt Nam*

Đầu năm 1945, tham gia Việt Minh rồi Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Huế.

Sau Cách mạng tháng Tám, lần lượt làm:

- Chủ nhiệm báo *Quyết chiến*, cơ quan Ủy ban nhân dân Trung Bộ.

- Phó ban tuyên huấn tỉnh ủy Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ An.

- Trưởng ty Thông tin, Trưởng ty Văn hóa tỉnh Nghệ An.

- Phụ trách Nhà xuất bản Văn hóa.

- Phó giám đốc kiêm phó tổng biên tập Nhà xuất bản Văn học.

- Giám đốc kiêm tổng biên tập Nhà xuất bản Văn hóa (mới).

Đã nghỉ hưu.

Của tin, gọi một chút này làm ghi.

NGUYỄN DÙ



TẢN ĐÀ
(1888 - 1939)

CUNG CHIÊU ANH HÔN TẢN ĐÀ

Hội Tao đàn hôm nay đông đủ hầu khắp mặt thi nhân; chúng tôi một lòng thành kính xin rước anh hôn tiên sinh về chứng giám.

Anh em ở đây, tuy người sau kẻ trước, nhưng ai nấy đều là con đầu lòng của thế kỷ hai mươi. Trên hội Tao đàn, chỉ tiên sinh là người của hai thế kỷ. Tiên sinh sẽ đại biểu cho một lớp người để chứng giám công việc lớp người kế tiếp. Ở địa vị ấy còn có ai xứng đáng hơn tiên sinh.

Tiên sinh gần chúng tôi lắm. Tiên sinh không mang lột y phục, lột tư tưởng của chúng tôi. Nhưng có làm

gi những cái lốt. Tiên sinh đã cùng chúng tôi chia sẻ một nỗi khát vọng thiết tha, nỗi khát vọng thoát ly ra ngoài cái tù túng, cái giả dối, cái khô khan của khuôn sáo. Đôi bài thơ của tiên sinh ra đời từ hơn hai mươi năm trước đã có một giọng phóng túng riêng. Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đương sắp sửa.

Nhưng dẫu sao, với chúng tôi tiên sinh vẫn là một bậc đàn anh; chúng tôi không dám xem tiên sinh như một người bạn. Tiên sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng, cái phong thái ung dung. Đời tiên sinh tuy bơ vơ, hồn tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ hai mươi với tấm lòng bình thản một người thời trước. Những nỗi chật vật của cuộc sống hàng ngày, những cảnh đời éo le thường phô bày ra trước mắt, không từng làm bận được linh hồn cao khiết của tiên sinh. Cái dáng điệu ngang tàng chúng tôi thường thấy ở các nhà thơ xưa, ở tiên sinh không bao giờ có vẻ vay mượn. Cái buồn chán của tiên sinh cũng là cái buồn chán một người trượng phu. Thở than có, nhưng không bao giờ rên rỉ.

Bởi vậy cho nên cần phải có tiên sinh trong cuộc hội họp hôm nay. Có tiên sinh người ta sẽ thấy rõ chúng tôi không phải là những quái thai của thời đại, những đứa thất cước không có liên lạc gì với quá khứ của giống nòi. Có tiên sinh, trên Tao đàn sẽ còn phảng phất chút bình yên trong tin tưởng, chút thích thú mà từ lâu chúng tôi đã mất.

Thôi, chúng tôi không muốn nói nhiều. Hội Tao đàn đến lúc mở. Xin tiên sinh hãy khai hội bằng ít bài thơ.

THỀ NON NƯỚC

- Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
Nhớ lời “nguyện nước thề non”,
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
- Non cao những ngóng cùng trông,
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày,
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây chiếu bóng tà dương,
Càng phơi vẽ ngọc nét vàng phai pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù như sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.
- Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
- Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.

TỔNG BIỆT

Lá đào rơi rắc lối Thiên thai,
Suối tiễn, oanh đưa, những ngậm ngùi.
 Nửa năm tiên cảnh,
 Một bước trần ai.
Uớc cũ duyên thừa có thể thôi.
 Đá mòn, rêu nhạt,
 Nước chảy, huê trôi.
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Trời đất từ nay xa cách mãi.
 Cửa động,
 Đầu non,
 Đường lối cũ,
Ngàn năm thơ thảo bóng trăng soi.

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi, về hình thức cũng như về tinh thần. Triều đại tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi cuộc biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống của nhân dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục, bấy nhiêu ý nghĩ, bấy nhiêu tin tưởng, cho đến những nỗi yêu, ghét, vui, buồn, cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian.

Nhưng, nhất đán, một cơn gió mạnh bỗng từ xa thổi đến. Cả nền tảng xưa bị một phen điên đảo, lung lay. Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ.

Phải trở lại cái thời tổ tiên ta mới tiếp xúc với người Trung Hoa, hơn nữa, phải trở lại cái thời giống người Anh đô nê diêng⁽¹⁾ lần thứ nhất để chân vào lưu vực sông Hồng Hà mới hòng tìm được một cuộc biến thiên quan trọng như vậy.

Trước mắt chúng ta bỗng bày ra những cảnh lạ

(1) Tôi không tin rằng người Việt Nam vốn quê hương trên sông Dương Tử.

lòng chưa bao giờ từng thấy. Lúc đầu, ai nấy đều ngơ ngác, không hiểu ra làm sao. Nhưng rồi chúng ta quen dần.

Chúng ta ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô tô, xe lửa, xe đạp... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật chất, phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày trước. Nào dầu tây, diêm tây, nào vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. Đừng tưởng tôi nguy hiểm. Một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông. Những đồ dùng kiểu mới ấy chính đã dẫn đường cho tư tưởng mới. Trong công cuộc duy tân, ảnh hưởng của nó ít ra cũng ngang với ảnh hưởng những sách nghị luận của hiền triết Âu Mỹ, cùng những sách cổ động của Khang, Lương. Sĩ phu nước ta từ xưa vốn chỉ biết có Khổng Tử, bắt đầu dẫn Mạnh Đức Tư Cưu với Lư Thoa. Họ bắt đầu viết quốc ngữ, một thứ chữ mượn của người phương Tây. Câu văn của họ cũng bắt đầu có cái rõ ràng, cái sáng sủa của văn tây. Những tư tưởng phương Tây đầy dẫy trên *Đông Dương tạp chí*, trên *Nam Phong tạp chí*, và từ hai cơ quan ấy thấm dần vào các hạng người có học. Người ta đua nhau cho con em đến trường Pháp Việt, người ta gửi con em sang tận bên Pháp. Thế rồi có những người Việt Nam đậu kỹ sư, đậu bác sĩ, đậu thạc sĩ; có những người Việt Nam nghiên cứu khoa học, triết học; và

có những người Việt Nam nghĩ chuyện xây dựng một nền học riêng cho nước Việt Nam.

Bấy nhiêu sự thay đổi trong khoảng năm sáu mươi năm! Năm sáu mươi năm mà như năm sáu mươi thế kỷ! Nhưng cuộc Âu hóa không phải chỉ có thế. Nó đã đi qua hai giai đoạn: hình thức và tư tưởng; nó còn phải đi qua một giai đoạn nữa. Nó đã thay đổi những tập quán sinh hoạt hàng ngày, nó đã thay đổi cách ta vận động tư tưởng, tất nó sẽ thay đổi cả cái nhịp rung cảm của ta nữa. Những hình thức mới của cuộc đời, những tư tưởng mới và nhất là ảnh hưởng văn học Pháp ngày một thâm thía, ấy là những lợi khí Âu hóa trong giai đoạn thứ ba này.

Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu, ghét, giận hờn nhất nhất như ngày trước. Đã đành ta chỉ có chừng ấy mối tình như con người muôn nơi và muôn thuở. Nhưng sống trên đất Việt Nam ở đầu thế kỷ hai mươi, những mối tình của ta không khỏi có cái màu sắc riêng, cái dáng dấp riêng của thời đại. "... Các cụ ta ưa những màu đỏ choét; ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya; ta nao nao vì tiếng gà lúc đứng ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoảng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi... cái tình trong giây phút, cái tình ngàn

thu..." Mấy câu nói xô bồ, liều lĩnh mà tha thiết của Ô. Lưu Trọng Lư ở nhà Học hội Quy Nhơn hồi *Juin* 1934 đã vạch rõ tâm lý của lớp thanh niên chúng ta.

Tình chúng ta đã đổi mới, thơ chúng ta cũng phải đổi mới vậy. Cái khát vọng cõi trời cho thi ca chỉ là cái khát vọng nói rõ những điều kín nhiệm u uất, ***cái khát vọng được thành thực***. Một nỗi khát vọng khẩn thiết đến đau đớn. Chính Ô. Lưu Trọng Lư cũng đã viết trong quyển *Người sơn nhân hồi mai* 1933: "Người thanh niên Việt Nam ngày nay dương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình như người con đi tìm mẹ".

Đã thế, không thể xem phong trào thơ mới là một chuyện lập dị do một bọn dốt nát bày đặt ra để kiếm chỗ ngồi trong làng thơ. Nó là kết quả không thể không có của một cuộc biến thiên vĩ đại bắt đầu từ hồi nước ta sát nhập đế quốc Pháp và, xa hơn nữa, từ hồi Nguyễn - Trịnh phân tranh, lúc người Âu mới đến. Cái ngày người lái buôn phương Tây thứ nhất đặt chân lên xứ ta, người ấy đã đem theo cùng với hàng hóa phương Tây, cái mầm sau này sẽ nảy thành thơ mới.

★

Nhưng tìm nguồn gốc thơ mới mà chỉ nói xa xôi thế, công việc nhà viết sử cũng khá dễ dàng. Ta hãy tìm những nguyên nhân gần gũi hơn cùng những triệu chứng của phong trào thơ mới.

Đã lâu, người mình làm thơ hầu hết chỉ làm những bài tám câu, mỗi câu bảy chữ. Theo Ô. Phan Khôi⁽¹⁾,

(1) *Chương dân thi thoại* (nhà in Đắc Lập, Huế, 1936) tr.45-46.

lỗi ấy phải quy cho khoa cử. Phép thi ngày xưa bắt học trò vào trường nhĩ làm một bài thơ theo thể thất ngôn luật. Thể thất ngôn luật vốn mượn của thi nhân đời Đường, nhưng khi người ta đưa nó vào khoa cử, nó còn bó buộc gấp mấy luật Đường. Theo luật Đường trong một bài thơ tám câu, bốn câu giữa gọi là câu tam tứ, câu ngũ lục và muốn nói gì thì nói. Phép khoa cử bắt phải gọi câu tam tứ là câu thực, nghĩa là phải giải thích đầu đề cho rõ ràng, hai câu ngũ lục là câu luận, nghĩa là phải đem ý đầu bài mà bàn rộng ra. Thí sinh làm thơ nhất định phải theo quy mô ấy. Không theo, hỏng.

Nhưng chính phủ Bảo hộ lần lượt bỏ chế độ khoa cử, ở Nam Kỳ (1864?), ở Bắc Kỳ (1915), ở Trung Kỳ (1918). Khoa cử bỏ, thể thất ngôn luật cũng theo đó mà mất địa vị độc tôn. Năm 1917 nó bị Ô. Phạm Thượng Chi công kích trong một bài bàn về tâm lý lỗi thơ ấy⁽¹⁾. Ông bảo: “Người ta thường nói thơ là tiếng kêu tự nhiên của con tâm. Người Tàu định luật nghiêm cho nghề làm thơ thực là muốn chữa lại, sửa lại cái tiếng kêu ấy, cho nó hay hơn, trúng vần trúng điệu hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên nhiên đi vậy”. Tiếp đó ông phê bình bài thơ “Qua đèo Ngang” của Bà huyện Thanh Quan:

“Rằng hay thì thực là hay.

Nhưng hay quá, khéo quá, phần nhân công nhiều mà vẻ tự nhiên ít, quả là một bức tranh cảnh vậy”.

Thời oanh liệt của thất ngôn luật đã đến lúc tàn.

Năm 1928, nó bị Ô. Phan Khôi công kích trên *Đông*

(1) *Nam Phong tạp chí* số 5.

Pháp thời báo. Ông Phan trách thể thơ “bó buộc quá mà mất cả sanh thú”(1).

Năm 1929, trên báo *Phụ nữ tân văn* Ô. Trịnh Đình Rư lại công kích nó một lần nữa và hô hào người ta lưu tâm đến lối lục bát và song thất lục bát, là những lối thơ đặc biệt của ta(2).

Thực ra, từ trước, trên sách vở báo chương thỉnh thoảng thất ngôn luật cũng đã phải nhường chỗ cho lục bát, song thất lục bát, cổ phong, từ khúc .v.v... Lác dác người ta còn thấy xuất hiện những bài không niêm, không luật, không hạn chữ, hạn câu. Ấy là bài dịch thơ ngụ ngôn *La Cigale et la Fourmi* của Nguyễn Văn Vĩnh(3):

*Con ve sầu kêu ve ve
Suốt mùa hè
Đến kỳ gió bắc thổi
Nguồn cơn thật bồi rồi...*

Ấy là những bài gọi là *thơ buông*(4) của một sinh viên trường Cao đẳng. Ô. Lê Khánh Đồng, đã làm một trò cười cho chúng ta hồi nhỏ.

Những bài như thế mà dám mạo danh là thơ, cứ thời bấy giờ thực đáng khép vào tội phạm thượng. Một sự biến cố dường ấy mà xảy ra được, dầu không được công nhận, cũng đủ chứng rằng cái thời vận luật Đường đã cực kỳ suy vi.

(1) *Chương dân thi thoại* (nhà in Đắc Lập, Huế, 1936), tr.46.

(2) *Phụ nữ tân văn* ra ngày 21-10-1929.

(3) *Thơ ngụ ngôn của La Fontaine tiên sinh* (Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1928).

(4) *Thơ buông* (Chân Phương, Hà Nội, 1928).

Khuôn khổ bài thơ bắt đầu rạn nứt. Một sức mạnh dương ngấm ngấm hoạt động trong tâm linh nời giống. Nói cho đúng, chúng ta cũng chỉ phỏng đoán chứ thực ra chưa thấy gì. Thi thể có ít nhiều thay đổi mà thi tứ vẫn như xưa. Chỉ trong đôi bài thơ của Tản Đà mới thấy phảng phất chút băng khuâng, chút phóng túng của thời sau. Ngoài ra, người ta vẫn ca đi hát lại bấy nhiêu đề thơ bằng bấy nhiêu giọng thơ không di dịch. Cửa hé mở từ lâu nhưng ngọn gió xa đón hoài không thấy tới. Xã hội Việt Nam chưa đến tuần thành thực. Chưa có thể nhóm dậy một cuộc cách mệnh về thi ca.

★

Nhưng một ngày kia cuộc cách mệnh về thi ca đã nhóm dậy. Ngày ấy là ngày 10 *mars* 1932⁽¹⁾. Lần đầu tiên trong thành trì thơ cũ hiện ra một lỗ thủng. Ô. Phan Khôi hăng hái như một vị tướng quân, đồng dặc bước ra trận. Ông tự giới thiệu: “Trước kia... ít ra trong một năm tôi cũng có được năm bảy bài, hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Nôm; mà năm bảy bài của tôi, không phải nói phách, đều là năm bảy bài nghe được”. Ấy thế đó mà ông kết án thơ cũ! “Thơ cốt chơn. Thơ cũ bị câu thúc quá nên bị mất chơn”. Bởi vậy ông bày ra một lối thơ “đem ý thật có trong tâm khảm mình tả ra bằng những câu có vần mà không bó buộc bởi niêm luật gì hết” và tạm mệnh

(1) Tức là ngày xuất bản tờ *Phụ nữ tân văn* số 122 trong ấy có bài “Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ”.

đanh là *thơ mới*.

Hồi bấy giờ *Phụ nữ tân văn* đương thời cực thịnh. Những lời nói của ông Phan được truyền bá đi khắp nơi. Cái bài thơ mới “Tình già”⁽¹⁾ ông dẫn ra làm thí dụ, không rõ có được ai thích không, nhưng một số đông thanh niên trong nước bỗng thấy mở ra một góc trời vì cái táo bạo giấu giếm của mình đã được một bức màn anh trong văn giới công nhiên thừa nhận.

Lần lượt những bài thơ mới, vốn làm từ trước, được đưa lên mặt báo. Người hưởng ứng thú nhất là Ô. Lưu Trọng Lư. Sau khi đăng bài của Ô. Phan Khôi chẳng bao lâu, *Phụ nữ tân văn* nhận được một bức thư hoan nghênh ký cô Liên Hương (Faifo), một bài thơ mới “Trên đường đời” ký Lưu Trọng Lư và một bài nữa “Vắng khách thơ” ký Thanh Tâm. Ký nhiều

(1) TÌNH GIÀ

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa. Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh, kề nhau than thở:
- “Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẳn là không dặng;

“Để đến nỗi tình trước phụ sau, chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau!”

“Hay! Nói mới bạc làm sao chứ! Buông nhau làm sao cho nữa?

“Thương được chừng nào hay chừng ấy, chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy;

“Ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung?”

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau:

Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung đố có nhìn ra được!

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi! Con mắt còn có đuôi.

tên cho rộn thể thôi chứ đi lại cũng chỉ một người. “Tình già”, “Trên đường đời”, và “Vắng khách thơ” là ba bài mang tên thơ mới được đăng báo trước nhất. Trong ba bài ấy thì bài thứ ba đã là một bài có giá trị⁽¹⁾. Kế đó, *Phụ nữ tân văn* còn đăng thơ mới của Nguyễn Thị Mạnh Mạnh (tức Nguyễn Thị Kiêm), của Hồ Văn Hảo và nhiều người nữa.

Nhưng rồi phong trào thơ mới chuyển ra đất Bắc và được một cơ quan ngôn luận khác ủng hộ một cách đắc lực hơn.

Báo *Phong hóa* tập mới ra đời ngày 22 *septembre* 1932. Ngay số đầu đã có bài công kích thơ Đường luật và kết luận rằng: “Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng”. Từ đó cho đến cuối năm 1932, *Phong hóa* không đăng thơ mới nhưng cũng không đăng thơ cũ. *Phong hóa* lại còn giấu thơ cũ bằng cách giấu Tản Đà, người đại biểu chính thức cho nền thơ cũ. Bài “Cảm thu tiễn thu” của Tản Đà đã làm đầu đề cho một bức tranh khôi hài của Đông Sơn và một bài hát nói khôi hài của Tú Mỡ. Họ so sánh cảnh thực với cảnh mộng trong trí tưởng thi nhân. Tú Mỡ viết:

• *Cây tươi tốt, lá còn xanh ngắt,
Bối đâu ra lác đác lá ngô vàng!
Trên đường đi nóng dẫy như rang,
Cảnh tuyết phủ mơ màng thêm quái lạ!*

...

Phá hoại rồi họ kiến thiết. Nhận được của Ô. Lưu Trọng Lư bức thư gửi cho Ô. Phan Khôi mấy tháng trước, họ trình trọng đăng lại trên *Phong hóa* số Tết

(1) Có trích trong quyển này với nhan đề “Xuân về”.

ra ngày 24 *janvier* 1933 cùng với ít bài thơ mới của Lưu Trọng Lư, Tân Việt, Thế Lữ. Tiếp theo đó, *Phong hóa* luôn luôn đăng thơ mới của Tú Ly, Thế Lữ, Nhất Linh, Nguyễn Văn Kiện, Vũ Đình Liên, Đoàn Phú Tứ, Huy Thông.

Các báo chí khác cũng đua nhau đăng thơ mới. Ở Huế, *Ngân Sơn tùng thư* ra đời ngày 15 *septembre* 1933, liền xuất bản với ít truyện ngắn, một tập thơ mới của Lưu Trọng Lư⁽¹⁾.

Thơ mới đã bắt đầu có cơ sở. Trong làng thơ mới người ta càng sốt sắng thêm. Từ hai tháng trước, hôm 26 *juillet* 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn Thị Kiêm, đã lên diễn đàn hội Khuyến học Sài Gòn hết sức tán dương thơ mới. Hội Khuyến học Sài Gòn thành lập đến bấy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế.

Nổi gót cô Nguyễn Thị Kiêm, còn nhiều diễn giả cũng theo một mục đích: giành lấy phần thắng cho thơ mới:

Juin 1934: Ô. Lưu Trọng Lư diễn thuyết tại nhà Học hội Quy Nhơn.

Janvier 1935: Ô. Đỗ Đức Vượng diễn thuyết tại hội Trí tri Hà Nội.

Janvier 1935: cô Nguyễn Thị Kiêm lại diễn thuyết tại hội Khuyến học Sài Gòn để tranh luận với Ô. Nguyễn Văn Hanh.

Novembre 1935: Ô. Vũ Đình Liên diễn thuyết tại hội Trí tri Nam Định.

(1) *Người sơn nhân*.

Février 1936: Ô. Trương Tửu diễn thuyết về thơ Bạch Nga tại hội Khai trí tiến đức Hà Nội.

Trên báo chương cũng luôn luôn có những bài bình vực, khích lệ thơ mới. Ô. Lưu Trọng Lư gửi hai bức thư lên Khê Thượng nói chuyện thơ mới với Tản Đà⁽¹⁾. Ô. Lê Tràng Kiều viết tám bài ca tụng các nhà thơ mới để trả lời Ô. Tùng Lâm và Ô. Thái Phi⁽²⁾. Ngoài ra còn bao nhiêu bài nữa.

Ở cái xứ vô sự này, câu chuyện câu thơ cơ hồ là câu chuyện độc nhất của một số đông thanh niên nam nữ. Nhưng đã đến lúc những lời hùng biện trở nên vô dụng. Những thi sĩ có danh đã ra đời: Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Thông, Nguyễn Nhược Pháp, J. Leiba, Thái Can. Trong khoảng bốn năm, đã sản xuất rất nhiều bài thơ có giá trị. Và những bài thơ ấy, nhất là những bài của Thế Lữ, không trống không kèn đã bình vực một cách vững vàng cho thơ mới.

1935, cái năm đại náo trong làng thơ, đi qua. Bước sang 1936 sự toàn thắng của thơ mới đã rõ rệt. Để tựa tập *Những áng thơ hay*, Ô. Lê Tràng Kiều bàn nên xóa bỏ hai chữ thơ mới. Vì “hai chữ thơ mới là biểu hiện một cuộc cách mệnh đương bùng nổ” mà “cuộc cách mệnh về thi ca ngày nay đã yên lặng như mặt nước hồ thu”. Ô. Lưu Trọng Lư nở một nụ cười kiêu hãnh, đăng trên *Hanoi báo* (19-2-1936) một bài thơ thất ngôn sách họa kết bằng hai câu:

(1) Đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy* số 29 ra ngày 15-12-1934 và số 34 ra ngày 19-1-1935.

(2) Đăng ở *Văn học tạp chí* 1935 và *Hanoi báo* 1936.

*Nấn nót miễn sao nên bốn vế,
Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ.*

Cái cười khinh mạn của người chiến thắng kể không có gì đáng ưa. Thế Lữ, khôn hơn, chỉ lảng lạng nói chuyện với người đồng hương - những người trong làng thơ mới. Từ mục “Lá thăm” của *Tinh hoa* đến mục “Tin thơ” của *Ngày nay*, từ *mai* 1937 đến *octobre* 1938, Thế Lữ chăm chú dạy nghề thơ cho những ai nuôi giấc mộng một ngày kia trở nên thi sĩ.

Thơ mới ra đời ngày một nhiều, cái danh hiệu thơ mới mất dần trên sách báo. Thi đàn đã vắng tiếng cãi nhau. Cho đến hồi *juin* năm nay, vì chuyện thơ mới, Ô. Huỳnh Thúc Kháng và Ô. Phan Khôi bắt bẻ lẫn nhau⁽¹⁾, làng thơ Việt Nam không mấy ai để ý đến những lời qua tiếng lại giữa hai ông già ấy.

Tấn kịch mới cũ trong phạm vi thi ca đã kết liễu. Thơ mới đã giành được quyền sống. Nó chiếm hầu hết báo chí sách vở, đã len vào đến học đường⁽²⁾. Mà đã vào học đường, nhất là ở nước ta, tức là thanh thế đã to lắm.

*

Trước sự bành trướng mãnh liệt của thơ mới, trước mọi sự hô hào rầm rộ của những người trong phái mới, làng thơ cũ đã phản ứng như thế nào?

(1) Ô. Huỳnh viết *Tiếng dân*, ông Phan viết *Dân báo*.

(2) Thơ mới có ở trong chương trình quốc văn ban cao đẳng tiểu học và ban trung học.

Août 1933: Một tuần sau cuộc diễn thuyết thứ nhất của cô Nguyễn Thị Kiêm, Ô. Tân Việt, bình bút báo *Công luận*⁽¹⁾, bênh vực thơ cũ tại diễn đàn hội Khuyến học Sài Gòn.

Octobre 1933: *Văn học tạp chí*, Hà Nội, chê các nhà thơ mới không biết cân nhắc chữ dùng.

Novembre - décembre 1934: Tản Đà nói chuyện thơ mới, thơ cũ trên *Tiểu thuyết thứ bảy*.

Décembre 1934: Trên *Văn học tạp chí* Ô. Hoàng Duy Từ phản đối bài diễn thuyết của Ô. Lưu Trọng Lư tại nhà Học hội Quy Nhơn.

9 janvier 1935: Ô. Nguyễn Văn Hanh diễn thuyết tại hội Khuyến học Sài Gòn.

16 janvier 1935: Ô. Nguyễn Văn Hanh lại diễn thuyết tại hội Khuyến học Sài Gòn cùng một hôm với cô Nguyễn Thị Kiêm (diễn thuyết tranh luận).

Avril 1935: Hai Ô. Tường Vân và Phi Vân xuất bản tập thơ cũ *Những bông hoa trái mùa ở Vinh*.

Juin 1935: Ô. Tùng Lâm Lê Cương phụng công kích thơ mới trên *Văn học tuần san*, Sài Gòn.

Avril 1936: Ô. Thái Phi công kích thơ mới trên báo Tin văn, Hà Nội.

Août 1937: Ô. Nguyễn Văn Hanh diễn thuyết ở hội Quảng tri Huế.

Juin 1941: Ô. Huỳnh Thúc Kháng, sau nhiều lần chỉ trích và mặt sát, nói cả quyết rằng thơ mới đã đến ngày mặt vắn.

*

(1) Không phải Ô. Tân Việt báo *Phong hóa*

Cũng rộn đầy chữ! Cái cảnh thơ cũ lúc tàn không đến nỗi buồn tẻ, thảm hại như cái cảnh suy vi của nền Khổng học. Năm 1930, Ô. Phan Khôi viết trên báo *Thần chung* ở Sài Gòn một thôi hai mươi một bài chỉ trích Khổng giáo. Thế mà những môn đồ đạo Khổng còn sống sót nguội lạnh như không. Tinh thần Khổng giáo ở nước ta đã bạc nhược lắm vậy. Tinh thần thơ cũ⁽¹⁾ có phần tráng kiện hơn. Gặp cơn nguy biến, còn có người ra tay chống chọi. Nhưng rồi cũng không sao cứu vãn được tình thế. Chỉ có một người hoặc có thể làm nên chuyện. Người ấy là Tản Đà một nhà thơ có tài. Nhưng đối với phong trào thơ mới, Tản Đà lại hết sức dè dặt. Một người nữa, Ô. Hoàng Duy Từ, trên *Văn học tạp chí*, cũng có nhiều câu có lý, nhưng ông lại chủ trương cái thuyết của A.Chénier: tứ mới lời xưa. Và như thế ý kiến ông giống hệt nhiều nhà thơ mới.

Còn các người khác họ lập luận đại khái bất ngoại mấy lối này:

Hoặc họ cho những nhà thơ mới là một bọn mù:

Chẳng khác anh mù lại nói mơ

Chẳng qua một bọn dốt làm thơ⁽²⁾

Ý họ nghĩ rằng người ta làm thơ mới là chỉ vì luật thơ Đường khó. Nhưng từ *août* 1933, thuật lại cuộc diễn thuyết của Ô. Tân Việt, *Phụ nữ tân văn* đã trả

(1) Hai chữ thơ cũ ở đây xin hiểu theo nghĩa hẹp như các nhà thơ mới hồi bấy giờ vẫn hiểu (xem đoạn định nghĩa thơ mới, thơ cũ sau này).

(2) Trích trong tập *Những bông hoa trái mùa* của Tường Vân và Phi Vân xuất bản ở Vinh, 1935.

lời trước họ: “Thơ tám câu cũng không phải khó gì. Nhiều người chỉ học trong nửa tiếng đồng hồ là thuộc và có thể làm đúng niêm luật. Các báo hàng ngày vẫn đăng luôn bao nhiêu là thơ bát cú của nhiều thi sĩ chỉ học trong có mấy ngày là “thành tài”... Chúng tôi dám quả quyết như vậy là vì từ khi có báo quốc ngữ đến nay, đã vài mươi năm, ở mục văn uyển các báo, thơ tám câu, bốn câu mọc ra không phải như hoa lan, hoa huệ, hoa hồng, mà như nấm”⁽¹⁾.

Hoặc họ dẫn ra ít bài thơ mới lủng củng lủng ca để công kích cho tiện rồi kết luận theo lối cái nhà thơ cũ nào đó đã gửi cho Ô. Lam Giang một bài bát cú chê thơ mới:

*Nghĩa lý vợ vơ rồi vẫn vẫn
Thanh âm ngắn ngắn lại ngơ ngơ
So với Á học như dừa đắng
Sánh với Âu văn tựa mít xơ...*⁽²⁾

Họ quên rằng chính những nhà thơ mới đã công kích thơ mới tàn nhẫn nghĩa là công kích những bài mới bất thành thơ. Phong trào thơ mới xuất hiện được hơn một năm thì trên báo *Phong hóa* đã thấy những bài thơ nhại của Thế Lữ và của Khái Hưng⁽³⁾.

Công kích những bài thơ mới lủng củng là một chuyện thừa vậy. Công kích được những bài có giá trị mới mong tiết được mầm thơ mới. Nhưng đã có giá trị thì còn biết công kích thế nào!

(1) *Phụ nữ tân văn* số 211 ra ngày 10-8-1933.

(2) *Thảo luận luật thơ mới* của Lam Giang, xuất bản ở Huế, 1939.

(3) Thế Lữ giễu Nguyễn Vỹ; Khái Hưng giễu chung những kẻ bất tài nhân phong trào thơ mới thừa cơ muốn nhảy vào làng thơ.

Đó là chưa nói đến những người như Ô. Nguyễn Văn Hanh: Ba lần Ô. Hanh lên diễn đàn công kích thơ mới là ba lần tai hại cho nền thơ cũ. Con gấu của LaFontaine cũng không thể vụng về hơn.

Như thế thì làm sao hòng đối phó với một bọn vừa khôn vừa ranh. Họ làm lỗi, họ tự phê bình lấy không đợi người khác chỉ trích. Mà khi họ đã chỉ trích ai thì khó mà cất đầu lên được. Cô Bích Ngọc đề tựa lời khuyên của cô chỉ thêm vào mấy chữ: "... dù ao nhà ấy đầy những bùn, những vẩn. Tôi buồn rằng người thực nữ có duyên đến thế lại kém vệ sinh".

Nhưng nguy nhất cho những người bên vực thơ cũ là trong tám chín năm luôn thơ mới sản xuất ra tập thơ cũ *Những bông hoa trái mùa* khuyên làng thơ nên bỏ "ao ngoài" về tắm "ao nhà". Lê Ta thuật nhiều nhà thơ có danh, nhiều bài thơ có giá trị, mà họ gần như không sáng tạo ra được một chút gì có thể gọi là thơ⁽¹⁾.

Cuộc tranh đấu đã đến hồi không ngang sức. Cả thanh thế Ô. Huỳnh Thúc Kháng, một nhà chí sĩ lão thành cũng chịu không làm gì được. Thực ra, thơ cũ rút quân khỏi mặt trận, nhưng không hề cởi giáp lai hàng. Nó lui về các thị xã, ẩn mình trong những thi tập chỉ trao tay trong năm bảy anh em và lưu truyền về sau cho con cháu. Đừng có ai xâm phạm đến những nơi nó đương an nhàn dưỡng lão. Kẻ viết mấy dòng

(1) Quyển *Trời xanh thăm* của Nguyễn Giang xuất bản năm 1935, quyển *Một tấm lòng* của Quách Tấn xuất bản năm 1939, không đủ cho người ta hoan nghênh. Tập thơ cũ rất có giá trị *Mùa cổ điển* của Quách Tấn mới xuất bản năm nay.

này đã có lần đụng phải nanh vuốt của nó. Hồi 1937, vì vô ý lạm dụng vào một cuộc bàn cãi về văn chương, tôi đã bị một ông tiến sĩ nói thẳng vào mặt: “Khoa học xin nhường các người; nhưng thơ văn các người phải để đó cho chúng tôi”. Chính ông nghệ ấy đã có lần lên án chém Lưu Trọng Lư. Cũng may ông nghệ chúng ta không làm tể tướng nên họ Lưu vẫn làm thơ mới như thường.

Dấu sao, chút oai thừa cũng không đủ khiến người ta quên cái cảnh tiêu điều của một đám tàn quân thất thế. Thơ cũ trên sách báo ngày một thưa dần. Trừ một đôi tờ không chuyên về văn chương, còn hề đăng thơ cũ là báo chết. Tình cảnh ấy liên lụy đến cả Ô. Phan Khôi, người đã khởi xướng ra thơ mới. Những bài nói chuyện thơ của ông đăng trên *Nam Phong tạp chí*, *Đông Pháp thời báo*, *Thần chung*, *Phụ nữ tân văn*, *Trung lập*, khoảng 1918 - 1932, đã được hoan nghênh biết bao. Thế mà hồi 1936 ông góp lại thành tập xuất bản lấy tên là *Chương dân thi thoại* thì chẳng mấy ai để ý đến. Mà quyển thi thoại của ông nào có dở cho cam! Nó chỉ có cái tội là nói chuyện thơ cũ.

Đồng thời trên báo thấy đăng một cái quảng cáo “nhận làm thuê các thứ văn vui, buồn, thường dùng trong xã hội”.

Dưới quảng cáo một tên ký mà lịch sử văn học Việt Nam sẽ lưu truyền mãi mãi: Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu!

Đã hết dấu. Sau đó còn một cái quảng cáo nữa bằng thơ nhận đoán lý số Hà lạc:

....

Còn như tiền đặt quẻ

Nhiều năm (5\$) ít có ba (3\$):

Nhiều ít tùy ở khách,

Hậu bạc kể chi mà⁽¹⁾.

Và dưới quảng cáo này vẫn cái tên ký: Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.

Thực là thương tâm! Chúng ta, bọn thanh niên, đọc quảng cáo ấy khác gì đọc những lời buộc tội. Cái vui chiến thắng đi qua, chúng ta bắt đầu hối hận. 10 *octobre* 1937, *Ngày nay* đăng một bài dịch thơ Đường của Tản Đà với những lời hết sức khen ngợi. Thơ Tản Đà còn được *Ngày nay* đăng nhiều lần nữa; nhóm Tự lực còn tính cả việc xuất bản thi phẩm của người mà hồi trước họ đã chế giễu⁽²⁾.

Nhưng phá đi dễ mà dựng lên khó. Làng thơ mới đã tàn phá thanh danh của Tản Đà. Dầu sao cũng không thể sớm chiều khôi phục lại được. Phải chờ đến ngày 7 *juin* 1939 là ngày Tản Đà mất mới tìm lại được cái không khí hơn mười năm trước. Những bài điệu văn khi hạ huyết, những bài ca tụng trên báo, những bài diễn thuyết tại hội Trí tri Hà Nội, đã kêu to lòng ái mộ của toàn thể làng thơ. Yêu Tản Đà ta chạnh nghĩ đến người bạn tình của thi sĩ. Trong bộ đồ tang phục trông nàng cũng xinh xinh...

Thế rồi một hôm nàng đến tìm ta và ta thấy nàng khác hẳn. Vẫn khuôn mặt cân đối ấy, vẫn cái dáng đi nghiêm chỉnh ấy, vẫn giọng nói nhỏ nhẹ ấy, nhưng mặn mà, nhưng đầm thắm y như mấy trăm năm trước,

(1) *Ngày nay* số 140 ra ngày 10-12-1938.

(2) Nghe đâu Tản Đà không chịu cho Tự lực xuất bản vì sợ in đẹp quá phải bán đắt không phổ cập được trong dân gian.

hồi nàng còn thơ. Nàng theo sau một người bạn mới. Người bạn trân trọng giới thiệu nàng. Ta vốn đã đón tiếp cả hai: nhà thơ mới Chế Lan Viên đề tựa *Mùa cổ điển*, một tập thơ cũ, đã khép lại một thời đại trong thi ca.

*

Một thời đại vừa chẵn mười năm.

Trong mười năm ấy, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. Cuộc tranh đấu kéo dài cho đến ngày thơ mới toàn thắng. Trong sự thắng lợi ấy, cũng có công những người tả xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới. Tôi không so sánh các nhà thơ mới với Nguyễn Du để xem ai hơn ai kém. Đời xưa có thể có những bậc kỳ tài đời này không sánh kịp. Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lúc một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu.

Từ người này sang người khác, sự cách biệt rõ ràng. Cá tính con người bị kiềm chế trong bao nhiêu lâu bỗng được giải phóng. Sự giải phóng có thể tai hại ở chỗ khác. Ở đây nó chỉ làm giàu cho thi ca. Cái sức

mạnh sức tích từ mấy ngàn năm nhất dân tung bờ
vỡ đê. Cảnh tượng thực là hỗn độn. Nhìn qua ta chỉ
thấy một điều rõ: ảnh hưởng phương Tây, hay đúng
hơn, ảnh hưởng Pháp.

Nhưng ảnh hưởng Pháp cũng có chia đậm nhạt
khác nhau.

Người đầu tiên chịu ảnh hưởng Pháp rất đậm là
Thế Lữ. Những bài thơ có tiếng của Thế Lữ ra đời
từ đầu 1933 đến cuối 1934⁽¹⁾. Giữa lúc người thanh
niên Việt Nam đương ngập trong quá khứ đến tận
cổ thì Thế Lữ đưa về cho họ cái hương vị phương xa.
Tác giả *Mấy vần thơ* liền được tôn làm đương thời
đệ nhất thi sĩ và nhờ thế đã lập được công lớn, đã
mở đường cho các nhà thơ mới sau này. Chung quanh
ngôi sao Thế Lữ châu tuần bao nhiêu hành tinh có
tên và không tên, hầu hết các thi sĩ lớn nhỏ hồi bấy
giờ: Nguyễn Văn Kiện, Vũ Đình Liên, Đỗ Huy Nhiệm,
Tường Bách, Lan Sơn, Việt Nữ Hoàng Hương Bình,
Thụy An, Nguyễn Nhuệ Thủy, Thanh Tịnh, Thúc Tế,
Phi Yến, Lữ Khê... Cả những vì sao vốn ở một trời
khác: Vân Đài, Đông Hồ, Mộng Tuyết, cũng ghé về
châu tuần một lúc.

Cái vinh quang rực rỡ của Thế Lữ có lẽ đã khiến
nhiều người thêm ngưỡng mộ. Trong những người ấy có
Huy Thông và Nguyễn Vỹ.

Nguyễn Vỹ là người có chí cao nhưng tài mọn. Cái
mộng tây hóa của trường thơ Bạch Nga (Nguyễn Vỹ
và Mộng Sơn) chỉ lưu lại có một bài: "Sương rơi".

(1) Tuy có bài làm từ 1928.

Huy Thông, khá hơn, đã đôi ba lần nhập tịch được vào thơ Việt cái không khí mơ màng của những vở kịch Shakespeare và cái giọng hùng tráng của Victor Hugo. Huy Thông cũng đã lập ra một trường thơ nhỏ trong ấy có Lam Giang, Phan Khắc Khoan⁽¹⁾ và một nhà thơ sau này sẽ đi xa: Chế Lan Viên.

Nhưng đến 1936, ảnh hưởng Pháp lại thấm thía thêm một tầng nữa. Trong thơ Thế Lữ ta chỉ thấy ẩn hiện đôi nhà thơ Pháp về thời lãng mạn. Xuân Diệu, nhà thơ ra đời hồi bấy giờ, mới một cách rõ rệt. Với Thế Lữ thì nhân ta còn nuôi giấc mộng lên tiên, một giấc mộng rất xưa. Xuân Diệu đốt cảnh bông lai và xưa ai nấy về hạ giới. Với một nghệ thuật tinh vi đã học được của Baudelaire, Xuân Diệu diễn tả lòng ham sống bông bột trong thơ de Noailles và trong văn Gide. Lúc bấy giờ Thế Lữ mới tìm đến Baudelaire nhưng nguồn thơ Thế Lữ đã cạn không sao đi kịp thời đại.

Ảnh hưởng Pháp trong thơ Việt đến Xuân Diệu là cực điểm. Qua năm 1938, Huy Cận ra đời, nó đã bắt đầu xuống, mặc dầu Huy Cận cũng chịu ảnh hưởng thơ Pháp gần đây, nhất là ảnh hưởng Verlaine.

Chung quanh đôi bạn Xuân Diệu - Huy Cận có vô số thi sĩ bàn nhì bàn ba: Tế Hanh, Huyền Kiều, Đinh Hùng, Phan Khắc Khoan, Thu Hồng, Nguyễn Đình Thư, Xuân Tâm, Huy Tân, Huy Chúc, Phan Thanh Phước, Nguyễn Đức Chính, Tường Đông... Đôi nhà thơ như Lan Sơn⁽²⁾, Thanh Tịnh, lúc này đã thấy một

(1) Trong hai vở kịch *Trần Can* và *Phạm Thái*.

(2) Trong tập *Thơ* của một đời.

bên Thế Lữ, bây giờ lại kéo nhau về đây. Và Thế Lữ ngồi một mình trong dĩ vãng chừng thấy lẻ loi cũng về đây nốt.

Tôi không biết có nên đề vào xóm Huy Xuân⁽¹⁾ hai nhà thơ Phạm Hân và Yên Lan. Tuy thơ cùng một giọng song hình như họ đã trực tiếp với các nhà thơ Pháp, ít khi nhờ Xuân Diệu, Huy Cận đứng làm trung gian. Cái kín đáo của thơ Pháp gần đây tôi còn thấy ở Đoàn Phú Tứ.

Cùng ra đời một lần với thơ Huy Xuân nhưng kém thanh thế hơn nhiều là lối thơ tả chân. Thơ mới vốn ưa tả chân hơn thơ cũ, nhưng làm những bài thơ tả chân biệt hẳn ra một lối chỉ có Nam Trân, Đoàn Văn Cừ và Anh Thơ. Cũng có thể kể cả Bằng Bá Lân và Thu Hồng. Đoàn Văn Cừ chịu ảnh hưởng A. Samain (Samain Hy Lạp không phải Samain tượng trưng). Nam Trân, Bằng Bá Lân, Anh Thơ, Thu Hồng có lẽ chỉ đi theo cái xu hướng gần sự thực, dầu sự thực tâm thường là một đặc tính của văn học phương Tây.

Trái hẳn với lối thơ tả chân có lối thơ Hàn Mặc Tử - Chế Lan Viên. Cả hai đều chịu rất nặng ảnh hưởng Baudelaire và, qua Baudelaire, ảnh hưởng nhà văn Mỹ Edgar Poe, tác giả tập *Chuyện lạ*⁽²⁾. Có khác chăng là Chế Lan Viên đã đi từ Baudelaire, Edgar Poe đến thơ Đường⁽³⁾, mà Hàn Mặc Tử đã đi ngược lại từ thơ Đường đến Baudelaire, Edgar Poe và đi

(1) Tên nhà xuất bản tưởng tượng đã in quyển *Thơ Thơ* lần thứ hai.

(2) Baudelaire dịch Edgar Poe.

(3) Chế Lan Viên chưa làm thơ Đường nhưng hết sức ca tụng tập thơ *Đường Mưa cổ điển*.

thêm một đoạn nữa cho gặp Thánh Kinh của đạo Thiên Chúa. Cả hai đều cai trị trường thơ Loạn và đã chiêu tập một số đồ đệ là Hoàng Diệp⁽¹⁾, Quỳnh Dao, Xuân Khai (tức Yến Lan nhưng không phải Chế Lan Viên đi về thơ Đường. Nếu nói đi tới thơ tượng trưng Pháp có lẽ đúng hơn, tuy hai lối thơ này có chỗ giống nhau⁽²⁾). Điều ấy thấy rõ ở tác phẩm một người rất gần Chế Lan Viên và Hàn Mặc Tử: Bích Khê.

Từ Xuân Diệu, Huy Cận, thơ Việt Nam đã có tính cách của thơ Pháp lối tượng trưng, nhưng còn dè dặt. Bích Khê và ít nhiều nữa như Xuân Sanh⁽³⁾ muốn đi đến chỗ người ta thường cho là cao nhất trong thơ tượng trưng: Mallarmé, Valéry.

Ta vừa lần theo dòng thơ mạnh nhất trong những dòng thơ đi xuyên qua thời đại. Riêng về dòng thơ này thơ Việt đã diễn lại trong mười năm cái lịch sử một trăm năm của thơ Pháp, từ lãng mạn đến Thi Sơn⁽⁴⁾: tượng trưng và những nhà thơ sau tượng trưng. Tinh thần lãng mạn Pháp đã gia nhập vào văn học Việt Nam từ năm 1932, cùng một lần với *Tuyết hồng lệ sử*, *Tố Tâm* và *Giọt lệ thu*. Cho nên trong thời đại này nó chỉ còn phảng phất. Thơ tượng trưng được người ta thích hơn, nhất là Baudelaire, người đầu

(1) Trong tập *Màu huyền diệu*.

(2) Hai lối thơ đều ghét lý luận, ghét kể chuyện, ghét tả chân. Nhưng thi nhân đời Đường không bao giờ cố làm mất hẳn cái nghĩa thường từng chữ từng câu để tìm cái đẹp thuần túy như đôi nhà thơ tượng trưng Pháp. Họ gần Verlaine hơn là Mallarmé.

(3) Tác phẩm chưa xuất bản nhưng trong làng thơ thường nói đến.

(4) Le Parnasse.

tiên đã khơi nguồn thơ ấy. Có thể nói hầu hết các nhà thơ vừa kể trên, không nhiều thì ít, đều bị ám ảnh vì Baudelaire.

Viết xong đoạn trên này đọc lại tôi thấy khó chịu. Mỗi nhà thơ Việt hình như mang nặng trên đầu năm bảy nhà thơ Pháp. Ấy chỉ vì tôi tìm ảnh hưởng để chia xu hướng. Sự thực đâu có thế. Tiếng Việt, tiếng Pháp khác nhau xa. Hồn thơ Pháp hề chuyển được vào thơ Việt là đã Việt hóa hoàn toàn. Sự thực thì khi tôi xem thơ Xuân Diệu, tôi không nghĩ đến de Noailles. Tôi phải dần lòng tôi không cho xôn xao mới thấy thấp thoáng bóng tác giả *Le Cœur innombrable*. Thi văn Pháp không làm mất bản sắc Việt Nam. Những sự mô phỏng ngu muội lập tức bị đào thải.

*

Hướng chỉ trong hàng thanh niên chịu ảnh hưởng thơ văn Pháp nhiều người lại quay về thơ Đường. Thanh thế thơ Đường ở nước ta xưa nay bao giờ cũng lớn. Nhưng vì cái học khoa cử, những bài thơ kiệt tác ngâm đi giảng lại hoài đã gần thành vô nghĩa. Nó chỉ còn là những cái máy để đúc ra hàng vạn thí sinh cùng hàng vạn bài thơ dở. Đến khi khoa cử bỏ, chữ nho không còn là một con đường tiến thân, song thiếu niên Tây học vẫn có người xem sách nho. Họ chỉ cốt tìm một nguồn sống tinh thần. Họ đi tới thơ Đường với một tấm lòng trong sạch và mới mẻ, điều kiện cần thiết để hiểu thơ. Cho nên, dầu dốt nát, dầu nghĩa câu nghĩa chữ lắm khi họ rất mờ, họ đã hiểu thơ Đường hơn nhiều tay khoa bảng.

Hồn thơ Đường vắng đã lâu, nay lại trở về trong thơ Việt. Lần đầu tiên (1934) nó đi theo J.Leiba. Leiba giao lại cho Thái Can. Thái Can giàu, Leiba sang. Ở Thái Can cũng như ở Leiba hồn thơ Đường có cái cốt cách đời thịnh. Với Đỗ Huy Nhiệm, Vân Đài, Lưu Kỳ Linh, Phan Khắc Khoan⁽¹⁾, Thâm Tâm, hoặc nó kín đáo tinh vi hơn hoặc nó rần rỗi chắc chắn hơn, nhưng cũng nghèo hơn.

Cái nàng thơ xưa này thực là rắc rối: Có người cả đời phiêu bạt đầu đầu bồng một hôm ghé về, liền được nàng dãi một bài thơ. Người có diễm phúc ấy là Phan Thanh Phước.

Lại có người chưa từng gặp, chỉ ngắm dung nhan nàng ở mấy nhà quen (Đoàn Thị Điểm, bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Du) cũng được nàng hai ba lần gửi yêu: Huy Cận⁽²⁾.

Thế mà có người say theo thì nàng lại chẳng mặn mà chi, như hai thầy trò Đông Hồ, Mộng Tuyết. Đến nổi một buổi sáng kia, hai thầy trò, chán nản, bỏ đi tìm duyên mới. Nhưng Đông Hồ, Mộng Tuyết còn may mắn hơn nhiều người khác. Những người này cố ý bụng tai cho đừng nghe thấy tiếng gọi phương xa. Họ quyết giữ trọn nghĩa thủy chung với nàng thơ cũ. Nhưng họ đã bị ruồng rẫy mà không hay. Có phải Nguyễn Giang cũng ở trong bọn những người xấu số ấy?

Cảm được lòng người dân bà khó chiều kia, họa chỉ có Quách Tuấn. Mỗi lương duyên gây nên từ *Một*

(1) Trong tập *Xa xa*.

(2) Huy Cận nói đã làm những bài có hồn thơ Đường trước khi đọc thơ Đường.

tấm lòng đến *Mùa cổ điển* thì thực là đắm thắm. *Mùa cổ điển* gồm cả cái giàu sang của Thái Can, Leiba, súc tích lại trong một khuôn khổ rắn chắc. Nhưng Quách Tấn có thực là một nhà thơ cũ hoàn toàn? Có thực Quách Tấn không bao giờ mơ tưởng bạn phương xa?⁽¹⁾

*

Tôi muốn xếp riêng vào một dòng những nhà thơ tuy có chịu ảnh hưởng phương Tây nhưng rất ít và cũng không chịu ảnh hưởng thơ Đường. Thơ của họ có tính cách Việt Nam rõ rệt.

Đứng đầu dòng này là Lưu Trọng Lư. Điều ấy không có gì lạ. Lưu Trọng Lư nhắc đọc sách nhất trong các thi sĩ đương thời. Họ Lưu ưa sống trong cuộc đời nhiều hơn trong sách vở. Sách Tàu hay sách Tây cũng vậy. Thi nhân chỉ nhớ mang máng một ít *Kiều*, một ít *Chinh phụ ngâm*, năm bảy câu trong bản dịch *Tỳ bà hành* cùng vài bài cổ phong từ khúc của Tản Đà. Trong những thể thơ ấy, Lưu Trọng Lư đã gửi rất dễ dàng nỗi đau buồn riêng của một người thanh niên Việt Nam thời mới.

Một nhà thơ khác cũng tìm cảm hứng trong thi phẩm thời xưa: Phan Văn Dật.

Trái lại, trong thơ Nguyễn Nhược Pháp chịu không thể thấy dấu tích một nhà thơ xưa nào. Không biết ai đã giúp Nguyễn Nhược Pháp tìm ra nụ cười kín

(1) Xem bài “Đà Lạt đêm sương” và câu thứ bảy trong bài “Mộng thấy Hàn Mặc Tử” (có trích trong quyển này).

đảo, hiền lành và có duyên ấy. Alfred de Musset chẳng? Dầu sao đây rõ ràng là một nụ cười riêng của người Việt. Thế mà lạ, trong vườn thơ nó chỉ nở ra có một lần. Sau này Nguyễn Bính đi tìm tính chất Việt Nam lại trở về ca dao. Thơ Nguyễn Bính có cái vẻ mộc mạc của những câu hát đồng quê. Nguyễn Đình Thu cũng có chịu ít nhiều ảnh hưởng ca dao, lại chỉ mượn ở ca dao cái vẻ tình tứ. Cho nên Nguyễn Đình Thu gần *Kiểu* hơn.

Cuối năm ngoái có xuất bản một tập thơ đáng lẽ được người ta để ý hơn mới phải: *Thơ say* của Vũ Hoàng Chương. Vũ Hoàng Chương rất gần Lưu Trọng Lư, Tản Đà: cả ba đều say. Nhưng cái say của Vũ Hoàng Chương mới hơn. Cái chán nản cũng thế. Tuy có chịu ảnh hưởng thơ Pháp nhưng trước hết là phản ánh của cuộc đời mới. Say mà không điên và cái chán nản, dầu có cái vị Baudelaire, vẫn nhẹ nhàng khoáng đãng không nặng nề u ám như cái chán nản của Baudelaire.

Ngoài Lưu Trọng Lư, Phan Văn Dật, Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn Bính, Nguyễn Đình Thu, Vũ Hoàng Chương, trong dòng Việt cơ hồ không còn ai. Hoặc cũng có thể tìm thấy ở đây: Đông Hồ, Nguyễn Xuân Huy, Thúc Tề, Nguyễn Vỹ⁽¹⁾, T. T. Kh., Hằng Phương, Mộng Huyền, Trần Huyền Trân. Nhưng không lấy gì làm rõ lắm.

Các nhà thơ về dòng này thường có lời thơ bình dị. Họ ít ảnh hưởng lẫn nhau và cũng ít có ảnh hưởng đối với thi ca cận đại. Thi phẩm của họ có tính cách

(1) Trong bài "Gửi Trương Tửu" (có trích trong quyển này).

vĩnh viễn nhiều hơn tính cách một thời. Và họ nương vào thanh thế phương Tây cũng ít. Lưu Trọng Lư có thơ đăng báo trước Thế Lữ. Nhưng đến khi Thế Lữ ra đời, người ta tưởng không có Lưu Trọng Lư nữa. Gần đây trong hàng thanh niên hình như có người lại sức nhớ tới tác giả *Tiếng thu*. Phải chăng thi ca Việt Nam đã đi đến chỗ xoay chiều?

*

Đó là ba dòng thơ đã đi song song trong mười năm qua. Cố nhiên trong sự thực ba dòng ấy không có cách biệt rõ ràng như thế. Nếu ta nghĩ đến những dòng sông thì đó là những dòng sông nước tràn bờ và luôn luôn giao hoán với nhau. Tuy mỗi dòng mỗi khác nhưng cả ba dòng đều có vài xu hướng chung.

Phong trào thơ mới lúc bột phát có thể xem như một cuộc xâm lăng của văn xuôi. Văn xuôi tràn vào địa hạt thơ, phá phách tan tành. Một đặc tính của văn xuôi là nói nhiều. Cho nên trong thơ hội bấy giờ thì tứ hình như giãn ra:

Ta là một khách chinh phu

Cả ý thơ dồn lại trong hai chữ “chinh phu”, bốn chữ kia thừa. Hãy so sánh câu ấy của Thế Lữ với một câu thơ xưa:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Bảy chữ không một chữ thừa.

Nhưng rồi thơ mới cũng mất dần tính cách văn xuôi: văn thơ càng ngày càng thêm hàm súc. Đôi khi lại còn hàm súc quá. Trong thơ Huy Cận đã thấy những câu như:

Ngàn năm sức tỉnh, lê thê

Trên thành son nhạt. - Chiều tê cúi đầu...⁽¹⁾

Hai câu ấy còn hiểu được một phần. Thơ của một vài người gần đây lại hàm súc đến nỗi có những câu không ai hiểu gì cả.

Trong mười năm chúng ta đi từ thơ đến văn xuôi, rồi lại từ văn xuôi đến thơ và... ra ngoài địa hạt thơ.

Đồng thời, ta thấy mất dần cái hăng hái lúc đầu. Còn nhớ: Ô. Nhất Linh quả quyết rằng thơ Đường luật nếu có hay cũng chỉ hay về văn thể, khó hay về ý tưởng; Ô. Lưu Trọng Lư công kích tràn, theo họ Lưu phép đối trong thơ cũ bất ngoại “con chó đi ra, con mèo chạy vô”; Ô. Phan Khôi đòi đưa những bài thơ cũ người ta hòa nhau khen hay, “lột tận xương” ra xem cái hay ở đâu. Thực là liêu lĩnh! Những câu liêu lĩnh như thế mà hồi bấy giờ bao nhiêu người cho là tự nhiên. Hẳn có sức gì nâng người ta lên trên những điều phải chăng, mực thước. Ấy là một nguồn sống đương rạo rực trong tâm trí thanh niên và trong những văn thơ linh động.

Mười năm qua. Bây giờ chúng ta “biết điều” hơn. Không còn ai làm những câu thơ 27 chữ như Nguyễn Thị Kiêm⁽²⁾ hay có đủ mười hai “chân” như Nguyễn Vỹ. Những cái ngông cuồng trái với tinh thần tiếng Việt đều mất. Hồn thiêng của cha ông còn nung trong

(1) Tôi có nghe người ta nói Huy Cận viết: “Chiều tê tái sầu”. Nhưng có lẽ vì như thế rõ ràng quá, nên Xuân Diệu chữa lại “Chiều tê cúi đầu”. Không rõ sự thực có vậy không.

(2) Trong bài “Bà Lafugie” (*Phụ nữ tân văn* số 239 ra ngày 26-4-1934).

tiếng nói đã giữ con cháu không cho làm loạn. Như thế càng hay. Chỉ sợ cùng với cái ngông cuồng ta mất luôn cả tinh thần sáng tạo.

Không biết tương lai sẽ thế nào. Tôi chỉ lo. Một nhà thơ có tài là một nguồn sống. Nhưng nguồn sống vừa xuất hiện mầm chết đã đi theo. Tôi gọi bằng mầm chết cái thói bất chước *vô ý thức* nó đương lưu hành trong làng thơ như một cái họa. Không một nhà thơ nào nổi tiếng mà không có một bọn xúm lại bất chước. Bất chước rồi tìm ra những vẻ đẹp riêng thì còn nói gì. Đẳng này bọn họ như những con thiêu thân chỉ nhẩy vào lửa để mà chết.

Nói cho đúng, nhiều người vẫn còn ngông cuồng chán. Phong trào thơ mới đã phá vỡ ít khuôn khổ xưa. Máy người táo bạo này muốn tiếp tục công việc phá hoại ấy. Họ biến nghĩa tiếng một đi bằng cách sắp đặt tiếng này với tiếng khác một cách bất ngờ. Như thế rất chính đáng. Các nhà thơ chân chính xưa nay đều làm thế để nói cho đúng cái bản sắc của họ⁽¹⁾. Nhưng bao giờ cũng giữ chừng mực. Các Ô.Bích Khê và Xuân Sanh noi theo gương Mallarmé, Valéry không thêm gìn giữ gì hết. Trong tác phẩm của họ vẫn chừng ấy tiếng ta rất quen, nhưng thẳng hoặc ta mới tìm được dấu tích những ý tứ, những tình cảm ta vẫn quen gửi vào đó. Họ chạm trở rất tỉ mỉ, không phải

(1) Thí dụ một câu thơ Thế Lữ: "Ái ân bờ cỏ ôm chân trúc". Những chữ "ái ân" và "ôm" ở đây đã xa cái nghĩa thông thường của nó nhiều lắm. Và cả "bờ cỏ" "chân trúc" cũng nhuộm rất đậm mối cảm của thi nhân không còn giữ hình dáng thông thường nữa.

những rỗng những phượng như ngày trước, mà những gì chẳng ai biết tên. Những gì đó đôi khi cũng đẹp. Đôi khi hình như họ đã diễn tả được những điều sâu kín, nhưng lời thơ rắc rối quá, dầu sao phần đông chúng ta cũng đành... kính nhi viễn chi.

Không, từ bao giờ đến bây giờ, từ Homère đến Kinh Thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế.

Và như thế chẳng có hại gì cho sự phát huy bản sắc của thi nhân. Đoàn thể bao giờ cũng đàn áp cá nhân bằng tất cả sức nặng của ý sáo, chữ sáo. Làm thơ là phản động lại, là lật cái lớp ý sáo, chữ sáo để tìm ở dưới những gì linh động và sâu sắc hơn. Tả tình hay tả cảnh, không quan hệ. Bởi tình hay cảnh đều hòa theo nhịp sống của thi nhân. Nhưng cứ đi vào hồn một người, ta sẽ gặp hồn nòi giống. Và đi sâu vào hồn một nòi giống, ta sẽ gặp hồn chung của loài người. Còn gì riêng cho Nguyễn Du, cho người Việt Nam hơn *Truyện Kiều*? Nhưng *Truyện Kiều* cũng mãi mãi là chuyện tâm sự của con người không chia màu da, chia thời đại.

Nếu các nhà thơ bí hiểm này chỉ có vài ba người thì chẳng sao. Cái tai nạn lớn nhất có thể xảy ra là tốn giấy. Chưa biết chừng họ sẽ làm giàu cho thơ Việt Nam cũng nên. Tôi chỉ sợ các thi nhân ta đều đua nhau vào con đường tối tăm ấy. Rồi thơ sẽ thành món tiêu khiển riêng cho ít người nhàn rồi không còn ăn thua gì đến cuộc đời chung.

Không, muốn tìm một nguồn sống cho thi ca, phải

đi theo hướng khác. Ảnh hưởng Pháp đã giúp ta nhận thức cái cá tính của ta. Hoặc trở về thơ Việt xưa, hoặc tìm đến thơ Đường, thơ Pháp, đi đâu thì ta cũng cốt tìm ra. Ta tìm và nhiều lần ta đã gặp. Tôi không biết rồi đây thơ Pháp và thơ Đường, hay nói rộng ra, thơ Trung Quốc, còn có thể đưa ta tới đâu⁽¹⁾. Nhưng có một điều rõ ràng là ảnh hưởng thơ xưa của ta hãy còn bạc nhược. Trong ba dòng thơ, dòng Việt luôn luôn bị gián đoạn mà những nhà thơ xếp vào dòng này nhiều khi cũng chỉ nói mối cảm của mình một cách tự nhiên không nhờ người xưa làm hướng đạo.

Di sản tinh thần của cha ông đại khái hãy còn nguyên vẹn. Tôi tin rằng nó có thể đưa sinh khí đến cho thơ và cứu các nhà thơ ra khỏi một tình thế chùng như lúng túng. Trong thi phẩm mười năm nay ta đã thấy hiện dần cái hình ảnh mới của người Việt Nam. Nếu các thi nhân ta đủ chân thành để thừa hưởng di sản xưa, nếu họ biết tìm đến thơ xưa với một tấm lòng trẻ, họ sẽ phát huy được những gì vĩnh viễn hơn, sâu sắc hơn mà bình dị hơn trong linh hồn nòi giống. Nhất là ca dao sẽ đưa họ về với dân quê, nghĩa là với chín mươi phần trăm số người trong nước. Trong nguồn sống dồi dào và mạnh mẽ ấy họ sẽ tìm ra những vần thơ không phải chỉ dành riêng cho chúng ta, một bọn người có học mới, mà có thể làm nao lòng hết thảy người Việt Nam.

*

(1) Lịch sử thi ca Pháp không phải chỉ có thế kỷ XIX và lịch sử thi ca Trung Quốc cũng không phải chỉ có đời Đường.

Trên kia đã nói đến *Mùa cổ điển* là hết một thời đại trong thi ca.

Làng thơ mới tự mình mở cửa đón mời một người cũ. Họ không nói chuyện hơn thua nữa. Thực hành một ý kiến phát biểu ra từ trước, họ nhã nhặn bỏ luôn cái danh hiệu thơ mới; từ nay thơ họ chỉ gọi nó là thơ⁽¹⁾. Tôi sẵn lòng tin rằng tương lai sẽ chiều theo ý họ. Nhưng Quách Tấn là một người thanh niên có Tây học; người thanh niên ấy hồi 1939 đã xuất bản một tập thơ cũ⁽²⁾ được Tấn Đà đề ngang với thơ Yên Đỗ, thơ Hồ Xuân Hương, mà chúng ta lại thấy lạt lạt. Đến nay người cho ra một tập nữa, chúng ta hết sức hoan nghênh, thì trong những nhà thơ cũ chính tông lại ít có người thích. Nội chừng ấy cũng đủ chứng rằng sau này thơ có thể không chia mới cũ, nhưng trong khoảng mười năm qua, mới, cũ là hai sự thực.

Lần theo dòng thời gian đến cuối giai đoạn này của lịch sử, ta hãy dừng lại, để nhận rõ chân tướng của mỗi loại thơ.

Cái danh hiệu thơ cũ đã dùng nhiều lần, mỗi người hiểu một cách. Người phái cũ bảo đó là tất cả thi ca Việt Nam, tất cả thi ca Trung Quốc từ trước tới nay, nghĩa là chỉ trừ những bài quốc văn quái gở mạo danh là thơ mới xuất hiện sau 1932, ngoài ra là thơ cũ hết. Chẳng những thế, họ còn ban tên thơ cũ cho những

(1) Chế Lan Viên viết: "... Phân chia bờ cõi Thơ bằng hai chữ Mới Cũ chẳng có ý nghĩa gì" (tựa *Mùa cổ điển*).

(2) Tức là *Một tấm lòng*.

bài tuy không đúng niêm luật nhưng vẫn thuộc vào các thể thất ngôn, ngũ ngôn, lục bát, v.v.v... do những người trẻ tuổi viết ra. Thành ra khi họ dùng hai chữ thơ cũ, họ nghĩ đến Khuất Nguyên, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du và bao nhiêu tên rạng rỡ nữa; họ cũng có thể nghĩ đến Lưu Trọng Lư, Thái Can v.v... Kể như vậy cũng tiện! Trong các cuộc xung đột họ sẽ đưa những tên ấy ra làm hậu thuẫn thì ai còn dám đương đầu.

Song bọn mới cũng chẳng vừa chi. Họ nhất định cướp cho được Lưu Trọng Lư, Thái Can, v.v..., và giành luôn cả Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đỗ Phủ, Lý Bạch. Có gì đâu. Trong ý họ thơ cũ là cái mớ thi ca đã xuất hiện khoảng nửa thế kỷ nay, đã trị vì một cách bệ vệ trên các sách báo quốc ngữ và hiện đương chiếm một phần lớn cái bộ *Văn đàn bảo giám* của Ô. Trần Trung Viên Hơn nữa, trừ một đôi khi hăng quá hóa liều còn thu nói thơ cũ họ chỉ muốn nói những bài thơ dở gần đây, nhất là những bài thuộc về thể thơ họ cảm nhất, thể thơ luật.

Nói tóm lại, thơ cũ hoặc là *Tinh hoa* của mấy ngàn năm văn học, hoặc là căn bản một lối thơ đến lúc tàn.

Định nghĩa như thế thì có thể cãi nhau mãi kiếp cũng chưa xong. Lỗi ấy tại ai? Mới ngó qua thì hình như lỗi những người trẻ tuổi. Nhưng ta hãy nghĩ: danh từ thơ cũ là một danh từ chính họ vừa đặt ra. Ngày xưa không có thơ cũ. Họ cần phải phản động lại một lối thơ rất thịnh hành trong vài ba mươi năm gần đây. Vẫn biết trong lối ấy cũng đã sản xuất ít

bài có giá trị, song những bài ấy thừa thớt quá không che được cái tầm thường mênh mông, cái trống rỗng đồ sộ đương ngự trị trên thi đàn Việt Nam. Tinh thần lối thơ ấy đã chết. Họ phải thoá^{*} ly ra khỏi xác chết để tìm một đường sống. Không biết gọi xác chết ấy thế nào, họ đặt liễu cho nó cái tên: thơ cũ. Chữ dùng có thể sai, nhưng nguyện vọng của họ rất chính đáng. Có bao giờ họ xâm phạm đến các thi hào đời xưa đâu, mà người ta phải nhọc lòng bênh vực⁽¹⁾. Họ chỉ công kích một lối thơ gần đây, một lối thơ - tai hại - nó vẫn giống thơ Lý, Đỗ Như cái nhẵn mặt của Đông Thi vẫn giống cái nhẵn mặt của Tây Thi vậy!

Họ không muốn nhẵn mặt. Sợ mang cái đại của Đông Thi. Họ tìm những vẻ đẹp khác. Thơ mới ra đời.

Ta hãy định nghĩa thế nào là thơ mới và luôn thể hoặc ta sẽ tìm được cái nghĩa chính đáng của danh từ thơ cũ. Trước hết muốn tránh mọi sự lầm lẫn xin hiểu chữ *thơ* theo nghĩa chữ *thi* trong *Kinh Thi* hay

(1) "Lâu nay mỗi khi có hứng, tôi toan giở ra ngâm vịnh thì cái hồn thơ của tôi như nó lúng túng, chẳng khác nào cái thân của tôi là lúng túng. Thơ chữ Hán ư? Thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông Tô choán trong đầu tôi rồi. Thơ nôm ư? Thì cụ Tiên Điền, Bà huyện Thanh Quan đè ngang ngực tôi làm cho tôi thơ không ra" (Phan Khôi - *Phụ nữ tân văn* số 122 ra ngày 10-3-1932).

"Thơ mới đầu có sản xuất ra được một bậc thiên tài lỗi lạc tôi cũng không vì bậc thiên tài ấy mà ré rúng ông Nguyễn Du thân yêu của tôi, ông Nguyễn Du bất diệt, nhà thi sĩ của muôn đời" (Lưu Trọng Lư - *Tiểu thuyết thứ bảy* số 29 ra ngày 15-12-1934).

chữ *poésie* trong tiếng Pháp. Hiểu theo nghĩa rộng vậy. Đã thế, khi nói lối thơ mới chỉ là nói cho tiện, chứ thực ra thơ mới cũng nhiều lối. Bởi không nhận rõ điều ấy nên có đôi người tưởng thơ mới tức là thơ tự do. Đã đành theo cách định nghĩa của người đề xướng ra nó thì chính nó là thơ tự do, nhưng trong mười năm hàng vạn người đã dùng danh từ thơ mới để chỉ rất nhiều bài thơ khác xa lối thơ tự do. Danh từ này vốn mới đặt ra, người ta trao cho nó nghĩa gì thì nó sẽ có nghĩa ấy. Cho nên phải hiểu nó theo nghĩa thông thường không thể hiểu theo cách định nghĩa của Ô.Phán Khôi.

Thơ tự do chỉ là một phần nhỏ trong thơ mới. Phong trào thơ mới trước hết là một cuộc thí nghiệm táo bạo để định lại giá trị những khuôn phép xưa. Cuộc thí nghiệm bây giờ đã tạm xong. Và đây là những kết quả:

Thể Đường luật vừa động đến là tan. Những bài Đường luật của Quách Tấn dầu được hoan nghênh cũng khó làm sống lại phép đối chữ, đối câu cùng cái nội dung chặt chẽ của thể thơ.

Thất ngôn và ngũ ngôn rất thịnh. Không hẳn là cổ phong. Cổ phong ngày xưa đã thúc lại thành Đường luật. Thất ngôn và ngũ ngôn bây giờ lại do luật Đường giãn và nói ra, cho nên êm tai hơn. Cũng có lẽ vì nó ưa vần bằng hơn vần trắc.

Ca trù biến thành thơ tám chữ. Thể thơ này ra đời từ trước 1936, nghĩa là trước khi Ô.Thao Thao đề xướng. Yêu vận mất. Phần nhiều vần liên châu.

Lục bát vẫn được trân trọng: ảnh hưởng *Truyện Kiều* và ca dao. Song thất lục bát cơ hồ chết, không hiểu vì sao.

Thơ bốn chữ trước chỉ thấy trong những bài vè, nay cất lên hàng những thể thơ nghiêm chỉnh.

Lục ngôn thể trước chỉ thấy trong *Bạch Vân thi tập* thỉnh thoảng cũng được dùng.

Từ khúc mà hồi đầu người ta toan đưa làm thể chính thức của thơ mới, đã chết dần cùng với thơ tự do⁽¹⁾.

Luật *đổi thanh* rất tự nhiên trong thơ Việt vẫn chi phối hết thảy các thể thơ⁽²⁾.

Nói tóm lại, phong trào thơ mới đã vứt đi nhiều khuôn phép xưa, song cũng nhiều khuôn phép nhân đó sẽ thêm bền vững. Hẳn tương lai còn dành nhiều vinh quang cho những khuôn phép này. Nó đã qua được một cơn sóng gió dữ dội trong khi các khuôn phép mới xuất hiện đều bị tiêu trầm như thơ tự do, thơ mười chữ, thơ mười hai chữ, hay đương sắp sửa

(1) Thơ tự do có khi không vẫn như thơ Thái Can trong *Những nét đan thanh*, thường thì có vẫn. Nhưng dấu có vẫn nó vẫn khác từ khúc. Nó không bao giờ độc vận. Ba câu cùng một vận đi liền với nhau cũng không mấy khi. Trong một bài từ khúc liên vận thường có *vẫn chị vẫn em* như một bản nhạc có âm chính, âm phụ.

(2) Hễ câu thơ chia làm hai, ba hay bốn đoạn, những chữ cuối các đoạn phải lần lượt bằng rồi trắc, hay bằng ngắt (không dấu), bằng dài (có dấu huyền). Tôi gọi luật ấy là luật *đổi thanh*.

tiêu trầm như những cách gieo vần phỏng theo thơ Pháp⁽¹⁾.

Đến đây chắc người ta nhắc lại cái câu đã nói nhiều lần: “Không có thơ mới. Có điều các anh gọi là mới, hơn ngàn năm trước đã có rồi”.

Thì ai chẳng nhận thấy thế. Nhưng đã lâu lắm ta chỉ quen với món thất ngôn bát cú. Quen đến ngấy. Bây giờ nếu có gì chưa quen ta cứ gọi là mới chứ sao. Ở nhà quê đến mỗi năm một lần ăn cơm mới. Có ai bắt bẻ: “Mới gì thứ cơm ấy, năm ngoái đã ăn rồi?” Vậy mặc dầu các lối thơ thông dụng đời nay chỉ là những lối thơ xưa phục hưng, nó vẫn mới như thường.

Huống chi ta đã thấy những lối thơ xưa phục hưng đều có biến thể ít nhiều. Nó mềm hơn. Nhạc điệu câu

(1) Tiếng ta có bằng trắc rõ ràng. Nhiều khi chỉ đổi thanh cũng đủ không cần vần. Đọc mấy câu này của Đoàn Phú Tứ:

Duyên trăm năm đứt đoạn

Tình một thuở còn hương

Hương thời gian thanh thanh

Màu thời gian tím ngắt.

có ai ngờ là những câu không vần. Còn như trong mấy câu này của Xuân Diệu:

Đây, đây thơ e ấp đã lâu rồi

Chìm trong cỏ một vườn hoa bỏ vắng;

(Lòng tôi đó: một vườn hoa cháy nắng)

Xin lòng người mở cửa ngõ lòng tôi...

giả thay giữ “tôi” cuối câu thứ tư bằng một chữ gì khác không dấu đọc lên vẫn êm. Đại khái gieo vần phỏng theo thơ Pháp đều thừa như thế, mà lắm khi lại còn làm mất cả âm điệu bài thơ.

thơ cũng khác. Vì những chỗ ngắt hơi không nhất định. Nhất là vì cái lối dùng chữ rớt đã được nhập tịch đường hoàng.

Hôm nay tôi đã chết trong người

Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi.

Hai câu thất ngôn ấy của Xuân Diệu hình dáng khác thơ xưa biết bao. Phép dùng chữ, phép đặt câu đổi mới một cách táo bạo cũng thay hình dáng câu thơ không ít. Những thể thơ, cũng như toàn thể xã hội Á Đông, muốn mưu lấy sinh tồn, không ít thì nhiều cũng phải thay hình đổi dáng.

Nhưng hôm nay tôi chưa muốn nói nhiều về hình dáng câu thơ. Một lần khác buồn rầu hơn chúng ta sẽ thảo luận kỹ càng về luật thơ mới, về những vần gián cách, vần ôm nhau, vần hỗn tạp, về ngữ pháp, cú pháp và nhiều điều rắc rối nữa.

Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng hơn: tinh thần thơ mới.

Giá các nhà thơ mới cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này thì tiện cho ta biết mấy. Nhưng chính Xuân Diệu còn viết:

Người giai nhân: bến đợi dưới cây già;

Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

Và một nhà thơ cũ⁽¹⁾ tả cảnh thu lại có những câu nhí nhảnh và lả lơi:

(1) Ô. Dương Quảng Hàm (*Quốc văn trích diễm*) và Ô. Trần Trung Viên (*Văn đàn bảo giám*) bảo là Bà huyện Thanh Quan: Ô. Cordier (*Morceux choisis d'auteurs Annamites*) và Ô. Nguyễn Hữu Tiến (*Giai nhân di mặc*) nói là Hồ Xuân Hương.

*Ô hay! Cảnh cũng ưa người nhĩ!
Ai thấy ai mà chẳng ngán ngơ?*

Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết **mấy**. Khốn nỗi, cái tầm thường, cái lố lằng chẳng **phải của riêng một** thời nào và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.

Ấu là ta đành phải nhận rằng trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thể hệ chúng ta. Hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.

Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa - hay thơ cũ - và thời nay - hay thơ mới - có thể gồm lại trong hai chữ *tôi* và *ta*. Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ *tôi* vẫn giống chữ *ta*. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.

Ngày thứ nhất - ai biết đích ngày nào - chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bờ ngõ. Nó như lạc loài nơi đất khách, bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân, chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kỳ tài xuất đầu lộ diện. Thăng hoặc

họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thắng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu tảo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi*, để nói với mình, hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người. Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mênh mông, hoặc họ không tự xưng⁽¹⁾, hoặc họ ẩn mình sau chữ *ta*, một chữ có thể chỉ chung nhiều người. Họ phải cầu cứu đoàn thể để trốn cô đơn. Chẳng trách gì tác phẩm họ vừa ra đời, đoàn thể đã giành làm của chung, lắm khi cũng chẳng thêm ghi tên của họ. Ở phương Tây, nhất là từ khi có đạo Thiên Chúa, không bao giờ cá nhân lại bị rẻ rúng đến thế.

Bởi vậy cho nên khi chữ "*tôi*", với cái nghĩa tuyệt đối của nó, xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo những chữ anh, chữ bác, chữ ông đã thấy chường. Huống bây giờ nó đến một mình!

Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bỡ ngỡ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá!

Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ *ta* với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ *tôi*. Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lý Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ⁽²⁾.

(1) Suốt trong *Khúc tự tình* của Cao Bá Nhạ dài 538 câu, chữ *tôi* không có đã đành, mà cũng không có lấy một chữ *ta*.

(2) Xem bài nói về Nguyễn Vỹ.

Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn,
họ cũng không có nữa:

Nỗi đời cay cực đang giờ vượt,

Cơm áo không đùa với khách thơ.

Không biết trong khi rên rỉ như thế Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn Công Trứ, một người đồng quận, chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui⁽¹⁾.

Nhưng ta trách gì Xuân Diệu? Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thầy chúng ta.

Đời chúng ta nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.

Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.

Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhứt là xôn xao đến thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước.

(1) "Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cần no;

Đêm năm canh an giấc giấc khô khô, đời thái bình của thường bỏ ngó". (*Hàn nho phong vị phú*)

"Tin xuân đã có cảnh mai đỏ.

Chẳng lịch song mà cũng biết giòng. (*Vui cảnh nghèo*).

Thời trước, dầu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ, dầu bị khinh bỏ như cô phụ trên bến Tâm Dương, vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hòe phủ trên thi tú. Phương Tây đã trao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đó ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác: một lòng tin đầy đủ.

Đó, tất cả cái bi kịch đương diễn ngấm ngấm, dưới những phù hiệu dễ dãi, trong hồn người thanh niên.

Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỷ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để giữ nổi bản khoán riêng.

Nhưng do đó trong thất vọng sẽ nảy mầm hy vọng.

Chưa bao giờ như bây giờ họ hiểu câu nói can đảm của ông chủ báo *Nam Phong*: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn”.

Chưa bao giờ như bây giờ họ cảm thấy tinh thần nòi giống cũng như các thể thơ xưa chỉ biến thiên chứ không sao tiêu diệt.

Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai.

Novembre 1941



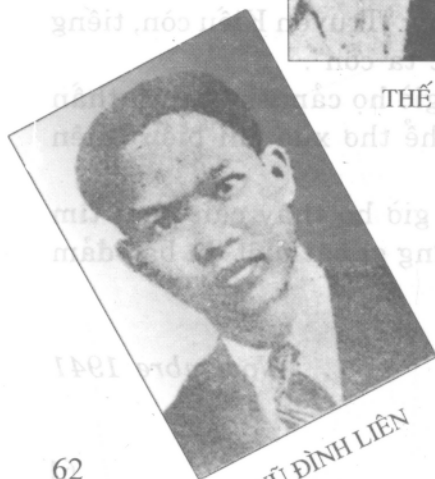
THÚC TỀ



LÂM SƠN



THẾ LỮ



VŨ ĐÌNH LIÊN



VÂN ĐÀI

THẾ LŨ

Chính tên là Nguyễn Thứ Lễ. Sinh tháng 10 năm Đinh Mùi (1907). Nơi sinh Thế Lũ lấy làm lạ thấy người nhà nói là Thái Hà ấp Hà Nội, còn thi sĩ thì cứ tưởng là Lạng Sơn, nơi đã ở từ khi còn bé đến năm 11 tuổi. 11 tuổi xuống Hải Phòng. Học đến năm thứ ba ban thành chung thì bỏ để theo sở thích riêng. Sau đó lên Hà Nội học trường Mỹ Thuật, nhưng lại thôi ngay. Bắt đầu viết từ hồi này. Được ít lâu bị đau lại về Hải Phòng tĩnh dưỡng. Những ý thơ và đôi bài thơ đầu tiên, như bài “Lựa tiếng đàn”, nảy ra trong lúc này.

Có chân trong Tự lực văn đoàn và trong tòa soạn các báo: *Phong hóa*, *Ngày nay*, *Tinh hoa*.

Đã xuất bản: *Mấy vần thơ* (1935), *Mấy vần thơ, tập mới* (Đời nay, Hà Nội, 1941).

Luôn trong mấy năm, mê theo thơ người này, người khác, tôi không hề ngâm thơ Thế Lũ. Tôi cứ nghĩ lòng trí tôi đã thay đổi, không sao còn có thể thích những vần thơ không cùng tôi thay đổi. Nhưng hôm nay, đọc lại những câu với tôi vẫn còn quen quen, tôi sung sướng biết bao. Tôi đón những câu thơ ấy với cái hân hoan của khách phiêu lưu lúc trở về cố hương gặp những người thân yêu cũ. Dầu nhìn nét mặt một hai người, khách không khỏi ngỡ ngơ... Nhưng hề chi!

Khách vẫn gửi ở đó cái hương vị những ngày âm thầm qua trong gian nhà tranh nọ... Cả một thời xưa tỉnh dậy trong lòng tôi. Tôi sống lại những đêm bình yên đầy thơ mộng.

Độ ấy thơ mới vừa ra đời. Thế Lữ như vầng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dầu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này. Thế Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảng khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ.

Bởi vì không có gì khiến người ta tin ở thơ mới hơn là đọc những bài thơ mới hay. Mà thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần, cho đến tiết tấu âm thanh. Đọc những câu như:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thiết khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, đông dặc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vỗ bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.

Đọc những câu thơ ấy, không ai còn có quyền bĩu môi trước cuộc cách mệnh về thi ca đương nổi dậy. Cho đến những bài thất ngôn, ngũ ngôn, lục bát, song thất lục bát của Thế Lữ cũng khác hẳn xưa. Thế Lữ đã làm rạn vỡ những khuôn khổ ngàn năm không di dịch. Chữ dùng lại rất táo bạo. Đọc đôi bài, nhất

là bài “Nhớ rừng”, ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dấn vặt bởi một sức mạnh phi thường. Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được.

Nhưng con người táo bạo ấy vẫn không nỡ lìa những giấc mộng nên thơ của thời trước. Tuy ảnh hưởng thi ca Pháp về phái lãng mạn và nhất là ảnh hưởng tản văn Pháp đã khiến những mộng ấy có một ít hình dáng mới, một ít sắc màu mới, ta vẫn có thể nhìn nhận dễ dàng cái di sản của lớp người vừa qua. Thế Lữ cũng như phần đông thanh niên ta hồi trước hay buồn nản vẫn vơ. Người muốn sống cuộc đời ẩn sĩ.

Trăm năm theo dõi đám mây trôi.

Người lưu luyến cảnh tiên trong tưởng tượng, phảng phất nghe tiếng sáo tiên, mãi mê nhìn những nàng tiên. Muốn gọi trí mơ tưởng cảnh tiên, người không cần chi nhiều. Đương đi giữa đường phố rộn rịp, bỗng trông thấy những cành đào cành mai là người đã... tưởng nhớ cảnh quê hương...

Bồng lai muôn thuở vườn xuân thắm,

Sán lạn, u huyền, trong khói hương...

Đương cùng bầu bạn uống rượu, vừa ngà ngà say là người đã thoát trần bỏ bạn hữu ở lại để đi về chốn Lung linh vàng đội cung Quỳnh

Nhịp nhàng biến hiện những mình Tiên nga.

Ở xứ ta từ khi có người nói chuyện tiên, nghĩa là từ khi có thi sĩ, chưa bao giờ ta thấy thế giới tiên có nhiều vẻ đẹp như thế. Phải chăng vì cõi tiên đã cùng cõi trần Âu hóa?

Nhưng làm tiên, làm ẩn sĩ hay làm chính phu chỉ

là chuyện mộng. Sự thực thì khi nghe tiếng ái ân réo rắt, chỉ có khách chinh phu “đi theo đuổi bước tương lai”, còn thi nhân và chúng ta ở lại bên sông cùng thiếu nữ. Sự thực thì giấc mộng ẩn sĩ tan dần trong một căn nhà ở Hà Nội. Và nói cho đúng, thi nhân có lên tiên cũng chỉ để nói chuyện dưới trần. Những áo đào thiên tiên người thấy trong khi say thường pháp phối bên bờ hồ Hoàn Kiếm: Tôi muốn nói Thế Lữ vẫn nặng lòng trần. Người say theo những cảnh đẹp của trần gian muôn hình muôn vẻ, từ

Cảnh vĩ đại sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ cho đến

Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay.

Người đã khéo tả hình sắc lại cũng khéo tả âm thanh. Những đoạn thơ tả cảnh, tả tiếng của Thế Lữ thực không sao kể xiết. Ngay trong những bài thơ không hay lắm, vẫn có nhiều câu rất thần tình, chẳng hạn như:

*Sáng hôm nay, sương biếc tỏa mờ mờ
Như hương khói đượm đầu cau, mái rạ;
Ánh hồng tía rắc ngọc châu trên lá,
Trời trong xanh, chân trời đỏ hây hây.*

Nhưng trong “vườn trần gian” còn gì thấm tươi hơn những thiếu nữ. Cho nên không biết bao nhiêu lần thi nhân tả người đẹp với những nét tinh tế, dịu dàng và âu yếm. Người thấy rõ:

*Trên vùng trán ngây thơ, trong sáng
Vẫn vờ qua một áng hương buồn.*

Người lặng nhìn:

Đôi mắt cô em như say, như đắm.
Như buồn in hình ảnh giấc mơ xa.
Người mãi mê nghe tiếng hát người đẹp:
Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền,
Êm như hơi gió thoảng cung tiên,
Cao như thông vút, buồn như liễu:
Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.

Có những thi nhân chỉ tìm ý thơ trong tình yêu của một người. Trái lại trong thơ Thế Lữ thấp thoáng hình ảnh không biết bao nhiêu người. Mỗi thiếu nữ đã đi qua trong đời thi nhân hay trong trí tưởng thi nhân đều mang theo một chút hương ân ái. Đối với họ thi nhân chưa đủ thân mật để gọi bằng em; thi nhân chỉ dùng hai tiếng “cô em”, nghe lảng lơ, mà xa vời và thiếu tình ấm áp. Có lẽ Thế Lữ là một người khát yêu, lòng mở sẵn để đón một tình duyên không thấy tới. Mỗi tình yêu không người yêu ấy man mác khắp cỏ cây mây nước, nên thi nhân thường tả những cảnh được tình luyến ái:

Mây hồng ngừng lại sau dèo,
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi.

Trời có những dải mây huyền thấp thoáng
Như vẩn vương lưu luyến quện lòng ai.

Khiến cho cảnh bồi hồi ngây ngất,
Tiếng sáo chưa nở dứt trên không,
Khiến cho hồ nước mịt mù,
Ngày không muốn hết, ta không muốn về.
Thơ Thế Lữ là nơi hẹn hò của hai nguồn thi cảm.

Thế Lữ đã bắn khoăn trước hai nẻo đường: nẻo về quá khứ với mơ màng, nẻo tới tương lai và thực tế. Đáng lẽ Thế Lữ nên rẽ nẻo thứ hai này. Sau một hồi mộng mị vẩn vơ, thơ Thế Lữ như một luồng gió lạ xui người ta biết say sưa với cái sán lạn của cuộc đời thực tế, biết cười cùng hoa nở chim kêu, biết yêu và biết yêu tình yêu. Thế Lữ đã làm giáo sư dạy khoa tình ái cho cả một thời đại.

Nhưng hình như có hồi Thế Lữ đã đi lầm đường. Bởi người ta nói quá nhiều, nên thi nhân tưởng quê hương mình là tiên giới và quên rằng đặc sắc của người chính ở chỗ tả những vẻ đẹp thực của trần gian.

Tuy vậy, dầu về hồi sau thơ Thế Lữ có phần kém trước, nhưng giá những bài ấy là của một người khác, thì vẫn có thể dành cho tác giả nó một địa vị khá trên thi đàn. Bởi vì Thế Lữ ít khi ghép những lời suông, khi nào viết là cũng có chuyện gì để nói.

Tôi nói về Thế Lữ đã nhiều quá rồi. Những còn biết bao nhiêu điều muốn nói nữa. Tôi thấy chung quanh tôi người ta lạnh lùng quá. Thế Lữ cơ hồ đã đi theo phần đông thi sĩ trong "Văn đàn bảo giám". Cái cảnh lạt phai ấy sao mà buồn thế!

Không, ta hãy đi ngược lại thời gian, quên những sở thích nhất thời và trân trọng lấy những bông hoa vẫn thắm tươi như hồi mới nở.

Janvier 1941

NHỚ RỪNG
(Lời con hổ ở vườn Bách thú)

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua,
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi,
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, đông dặc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mất thần khi đã quá,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chúa tể cả muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

*

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối:
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;
Giải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém;
Dẫm vùng lá hiến lành, không bí hiểm,
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao ả, âm u.

Hỡi mai linh, cảnh nước non hùng vĩ!
Là nơi giống hần thiêng ta ngụ trị,
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần người,
- Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

(Mấy vần thơ, tập mới)

TIẾNG TRÚC TUYỆT VỜI

Tiếng địch thổi đầu dây,
Cớ sao mà réo rắt?
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt,
Mây bay... gió quuyến mây bay...
Tiếng vi vút như khuyển van, như diều dật,
Như hát hiu cùng hơi gió heo may.

Ánh chiều thu
Lướt mặt hồ thu,
Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc,
Rặng lau già xao xác tiếng reo khô,
Như khua động nổi nhớ nhung, thương tiếc
Trong lòng người đứng bên hồ.

Cô em đứng bên hồ
Nghiêng tựa mình cây, dáng thần thơ.
Chừng cô tưởng đến ngày vui sẽ mất,
Mà sắc đẹp rõ ràng rồi sẽ tắt
Như bóng chiều dần khuất
Dưới chân trời.

Cho nên cô nghe tiếng trúc tuyệt vời,
- Thốn thúc với lòng cô thốn thúc,
Man mác với lòng cô man mác -
Cô để tâm hồn tê tái, băng khuâng.

Ta muốn nâng
Tấm khăn hồng lau mắt lệ cho ai,
Vì ta sợ má đào kia phai,
Cũng như ta đã ca
Khuyên ngày vui trở lại
Cùng với ánh quang minh còn mãi,
- Cho người với cảnh quên già.

(Mấy vần thơ, tập mới)

TIẾNG SÁO THIÊN THAI

Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi,
Bên rừng thổi sáo một hai kim đồng.
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng,
Buồn ơi! Xa vắng, mệnh mông là buồn...
Tiên nga tóc xòa bên nguồn,
Hàng tùng rủ rủ trên cồn đầu hiu;
Mây hồng ngừng lại sau đèo,
Mình cây nặng nhuộm, bóng chiều không đi.
Trời cao, xanh ngắt. - Ô kìa
Hai con hạc trắng bay về Bồng lai.
Theo chim, tiếng sáo lên khơi,
Lại theo dòng suối bên người Tiên nga;
Khi cao, vút tận mây mờ,
Khi gần, vát vèo bên bờ cây xanh,
Êm như lọt tiếng tơ tình,

Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trong không.
Thiên thai thoảng gió mơ mòng.
Ngọc Chân buồn tưởng tiếng lòng xa bay..

(Mấy vần thơ, tập mới)

BÊN SÔNG ĐƯA KHÁCH

Tặng tác giả *Đời mưa gió*
Lòng em như nước Trường giang ấy,
Sớm tôi theo chàng tới Phúc Châu.
(Lời kỹ nữ)

Trời nặng mây mù. Mấy khóm cây
Đứng kia, không biết tỉnh hay say,
Đỗ bờ sông trắng, con thuyền bé,
Cạnh lớp lau già, gió lất lay.

Tôi tiễn đưa anh đến tận thuyền
Để dài thêm hạn cuộc tình duyên;
Thuyền đi, tôi sẽ rời chân lại.
Tôi nhớ tình ta, anh vội quên.

Thuyền khách đi rồi, tôi vẫn cho
Lòng tôi theo lái tới phương mô?
Bâng khuâng trong cõi sầu vô hạn.
Không khóc, vì chưng nước mắt khô.

Đâu biết rằng anh cũng chỉ là
Khách chơi giấy lát ghé chơi qua;
Rồi thôi, nín áo không tình nữa,
Để mặc mình ai khổ ước mơ.

Tôi chỉ là người mơ ước thôi,
Là người mơ ước hão! Than ôi!
Bình minh chói lói đâu đâu ấy,
Còn chốn lòng riêng u ám hoài.

Mà biết vô duyên vẫn cứ mong,
Trăm năm ôm mãi khối tình không,
Trọn đời làm kẻ đưa thuyền khách:
Thuyền chầy, trở vó đứng với sông.

(Mấy vần thơ, tập mới)

CÂY ĐÀN MUÔN ĐIỀU

.....(*)

Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẽ đẹp có muôn hình, muôn thể.
Mượn lấy bút nàng Ly tao, tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
Vẽ đẹp u trầm, dấm đuối, hay ngây thơ,
Cũng như vẽ đẹp cao siêu, hùng tráng
Của non nước, của thi văn tư tưởng.

Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân;
Ánh tung bừng linh hoạt nắng trời xuân;

(*) Theo Thơ mới 1932 - 1945 Tác giả và tác phẩm, NXB Hội nhà văn, 1999, bài "Cây đàn muôn điệu" (trang 31 - 32) còn có những câu sau (kiểm duyệt thời Pháp cắt bỏ):

Tôi là người bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi;
Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian lao, trong giờ sung sướng,
Khi phấn đấu cùng như hồi mơ tưởng.
Tôi yêu đời cùng với cảnh lầm than.
Cảnh thương tâm, ghê gớm hay dịu dàng,
Cảnh rục rĩ, ái ân hay dữ dội
Anh dù bảo: tình tình tôi thay đổi,
Không chuyên tâm, không chủ nghĩa: nhưng cần chi?

Vẻ sầu muộn âm thầm ngày mưa gió;
Cảnh vĩ đại sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ;
Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay;
Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy;
Thú sản lạn mơ hồ trong ảo mộng;
Chí hăng hái đua ganh đòi náo động;
Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.

Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bi,
Và cảm khái bởi những lời hăng hái,
Tôi ngợi ca với tiếng lòng phấn khởi,
Tôi thở than cùng thiếu nữ băng khuâng,
Tôi véo von theo tiếng sáo lưng chừng,
Tôi yên ủi với tiếng chuông huyền diệu.

Với Nàng Thơ tôi có đàn muôn điệu,
Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu;
Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm mầu
Lấy Thanh Sắc trần gian làm tài liệu.

(Mấy vần thơ, tập mới)

VỀ ĐẸP THOÁNG QUA

Hôm qua đi hái mấy vản thơ,
Ở mãi vườn tiên gần Lạc hồ:
Cảnh tĩnh, trong hoa chim mách lẻo.
- Gió đào môn trớn liễu buông tơ.

Nước mát hơi thu thấm sắc trời,
Trời xanh xanh ngắt đượm hồng phai.
Ái ân, bờ cỏ ôm chân trúc,
Sau trúc, ô kìa! Xiêm áo ai?

Rẽ lá, thi nhân bước lại bên
Mấy vòng sóng gợn mặt hồ yên,
Nhớ như vùng vẫy ba cô tắm
Dưới khóm hoa quỳnh lá biếc xen.

Hồ trong như ngọc tắm thân nga,
Lồ lộ da tiên thô sắc hoa,
Mím miệng, anh đào tan tác rụng,
Tóc buông vờn mặt nước say sưa.

Say sưa, người khách lạ Bồng lai,
Giận lũ chim kia khúc khích hoài,
Vạn khê gió dừng vì vút nữa.
- Nhặng mà chim, gió có nghe ai?

Lời angh trên liễu, yến bên hồng,
Hạc ở trong không, phụng dưới từng,
Bồng chốc cùng nhau cao tiếng họa,
Đàn tiên rộn rã khắp tiên cung...

Hoa lá cùng bay, bướm lượn qua,
Người tiên biến mất - Khách trông ra:
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận.
- Một áng hương tan, khói tỏa mờ.

(Mấy vần thơ, tập mới)

GIẤY PHÚT CHẠNH LÒNG

Tặng tác giả Đoạn tuyệt

“Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.
Đã quyết không mong sum họp mãi,
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?

“Non nước đương chờ gót lãng du,
Đâu đây vẳng tiếng hát chinh phu,
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.

“Anh đi vui cảnh lạ, đường xa,
Đem chí bình sinh dãi nắng mưa,
Thân đã hiến cho đời gió bụi,
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?

“Rồi có khi nào ngấm bóng mây
Chiều thu đưa lạnh gió heo may

Dừng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây;

“Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
Giảm hăm thân trong cảnh nặng nề,
Vẫn để hồn theo người lặn độn,
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi”.

Lấy câu khẳng khái tiễn đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thấm sâu.
Nhưng chính lòng em còn thổn thức,
Buồn kia em giấu được ta đâu?

Em đứng nương mình dưới gốc mai,
Vịn ngành sương đọng, lệ hoa rơi,
Cười nâng tà áo đưa lên gió,
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.

Rồi bỗng ngừng vui cùng lẳng lặng,
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi.
Nhưng trong khoảnh khắc ơ thờ ấy,
Thấy cả muôn đời hận biệt ly.

Năm năm theo tiếng gọi lên đường.
Tóc rụng rơi bởi gió bốn phương.
Mấy lúc thần thờ trông trở lại,
Để hồn mơ tới bạn quê hương.

Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Gác tình duyên cũ thẳng đường trông.

Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.

Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan,
Trong lúc gần xa pháo nổ ran,
Rũ áo phong sương trên gác trọ,
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.

Ta thấy xuân nồng thắm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.

Lòng ta tha thiết đượm tình yêu,
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mắt lệ đầm trông miến cách biệt,
Phút giây chừng mỗi gôi phiêu lưu...

Cát bụi tung trời - Đường vất vả
Còn dài - Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân.

(Mấy vần thơ, tập mới)

VŨ ĐÌNH LIÊN

Sinh ngày 15 tháng 10 năm Quý Sửu (1913) ở Hà Nội.

Học trường Bảo hộ, trường Luật.

Day tư, quản lý *Tinh hoa*, chủ trương *Revue Pédagogique*. Hiện làm tham tá Thương chính Hà Nội.

Đã đăng thơ: *Phong hóa, Loa, Phụ nữ thời đàm, Tinh hoa*.

Có những nhà thơ không bao giờ có thể làm được một câu thơ - tôi muốn nói một câu đáng gọi là thơ. Những người ấy hẳn là những người đáng thương nhất trong thiên hạ. Sao người ta thương hại những kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng quý nhất và lớn nhất ở đời: giấc mộng thơ?

Hôm nay trong khi viết quyển sách này, một quyển sách họ sẽ xem như một sự mỉa mai đau đớn, thơ Vũ Đình Liên bỗng nhắc tôi nghĩ đến những người xấu số kia.

Tôi có cần phải nói ngay rằng Vũ Đình Liên không phải là một người xấu số? Trong làng thơ mới Vũ Đình Liên là một người cũ. Từ khi phong trào thơ mới ra đời, ta đã thấy có thơ Vũ Đình Liên trên các báo. Người cũng ca tình yêu như hầu hết mọi nhà

thơ hồi bấy giờ. Nhưng hai nguồn thì cảm chính của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Người thương những kẻ thân tàn ma dại, người nhớ những cảnh cũ người xưa. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và đã để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ. Ông đồ năm năm đến mùa hoa đào, lại ngồi viết thuê bên đường phố. “Ông chính là cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn”⁽¹⁾. Ít khi có một bài thơ bình dị mà cảm động như vậy. Tôi tưởng như đọc lời sám hối của cả bọn thanh niên chúng ta đối với lớp người đương đi về cõi chết. Đã lâu lắm chúng ta chỉ xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mặt sát họ hủ lậu. Cái cảnh thương tâm của nền học Nho lúc mặt vận chúng ta vô tình không lưu ý. Trong bọn chúng ta vẫn có một hai người ca tụng đạo Nho và các nhà nho. Nhưng chế giễu mặt sát không nên, mà ca tụng cũng không được. Phẫn đông các nhà nho còn sót lại chỉ đáng thương. Không nghiên cứu, không lý luận, Vũ Đình Liên với một tấm lòng dễ cảm đã nhận ra sự thực ấy và gián tiếp chỉ cho ta cái thái độ hợp lý hơn cả đối với các bậc phụ huynh của ta. Bài thơ của người có thể xem là một việc nghĩa cử.

Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ để lưu danh, đủ với người đời. Còn riêng đối với thi nhân thực chưa đủ. Tôi thấy Vũ Đình Liên còn bao điều muốn nói, cần nói

(1) Lời Vũ Đình Liên trong một bức thư gửi cho chúng tôi (9-1-1941)

mà ghen ngào không nói được. "Tôi bao giờ - lời Vũ Đình Liên - cũng có cái cảm tưởng là không đạt được ý thơ của mình. Cũng vì không tin thơ tôi có một chút giá trị nên đã lâu tôi không làm thơ nữa"⁽¹⁾. Vũ Đình Liên đã hạ mình quá đáng, chúng ta đều thấy. Nhưng chúng ta cũng thấy trong lời nói của người một nỗi đau lòng kín đáo. Người đau lòng thấy ý thơ không thoát được, lời thơ như linh hồn bị giam trong nhà tù xác thịt. Có phải vì thế mà hồi 1937, trước khi từ già thi đàn, người đã gửi lại đôi vần thơ u uất:

Nặng mang mãi khối hình hài ô nhục,
Tâm hồn ta đã nhọc tự lâu rồi!
Bao nhiêu xanh thăm thẳm trên bầu trời;
Bao bóng tối trong lòng ta vẫn đục!

Nghĩ cũng tức! Từ hồi 1935, tả cảnh thu, Vũ Đình Liên viết:

Làn gió heo may xa hiu hắt,
Lạnh lùng chẳng biết tiễn đưa ai!

Hai câu thơ cũng sạch sẽ, dễ thương. Nhưng làm sao người ta còn nhớ được Vũ Đình Liên khi người ta đã đọc, bốn năm sau, mấy câu thơ Huy Cận cùng một tứ:

Ôi! Nắng vàng sao mà nhớ nhung!
Có ai đàn lẻ để tơ chùng?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy

Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...

Cũng may những câu thơ hoài cổ của Huy Cận:

(1) Cũng trong bức thư đề ngày 9-1-1941

Bờ tre rung động trống châu,
Tưởng chừng còn vọng trên lầu ải quan,
Đêm mơ lay ánh trăng tàn,
Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống dồn.
*những câu thơ tình nhẹ nhàng, tứ xa vắng, chưa đến
nỗi làm ta quên cái lòng hoài cổ âm thầm, u tịch của
Vũ Đình Liên:*

Lòng ta là những hàng thành quách cũ,
Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.

Septembre 1941

LÒNG TA LÀ NHỮNG HÀNG THÀNH QUÁCH CŨ⁽¹⁾

Dậy đi thôi con thuyền nằm dưới bến,
Vì đêm nay ta lại căng buồm đi,
Mái chèo mơ để băng khuâng trôi đến
Một phương giời mây lộc lổng giăng khuya.

Gió không thổi, nước sông trôi giá lạnh,
Thuyền đi trong bóng tối lữ thành xưa.⁽²⁾

(1) Làm sau khi xem lễ Nam giao 1936.

(2) Đã nói: “lòng ta là những hàng thành quách cũ”, rồi lại nói cuối
“thuyền đi trong bóng tối lữ thành xưa”, bài thơ tựa hồ vô nghĩa.
Nhưng nếu ta nghĩ rằng chỉ hồn ta mới có thể đi du ngoạn trong
hồn ta thì ta sẽ thấy là tự nhiên vậy.

Trên chòi cao, tự ngàn năm sức tỉnh
Trong giăng khuya bỗng vắng tiếng loa mơ.

Tự ngàn năm cả hồn xưa sức tỉnh,
Tiếng loa vang giầy lát động giăng khuya,
Nhưng giầy lát lại rơi im, hiu quạnh,
Cả hồn xưa yên lặng trong giăng khuya.

Trôi đi thuyền! Cứ trôi đi xa nữa!
Vỗ giăng khuya bơi mãi! Cánh chèo mơ!
Lòng ta là những hàng thành quách cũ,
Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.

(Tình hoa)

ÔNG ĐỒ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay.
Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa,
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

(Tinh hoa)

LAN SƠN

Chính tên là Nguyễn Đức Phòng. Sinh ngày 11 *avril* 1912 ở Hải Phòng. Chánh quán: phủ Anh Sơn (Nghệ An). Học trường Hải Phòng, trường Tourane, trường Bảo hộ Hà Nội. Hiện làm việc ở sở Công chính Hải Phòng.

Đã viết giúp: *Hải Phòng tuần báo, Phong hóa, Ngay nay, Tinh hoa.*

Đã xuất bản: *Anh với em* (1934)

Một buổi sáng kia, tình yêu đã đến với Lan Sơn và người học trò ấy bỗng thành thi sĩ.

Tình yêu không đưa Lan Sơn vào một trời đất nào xa lạ; Lan Sơn chưa từng đi sâu vào những chỗ u uẩn trong lòng người. Người chỉ nói những điều rất tầm thường, những điều ai cũng biết, nhưng giọng nói của người thiết tha, chân thực dễ cảm lòng ta.

Xem như khi người mong thư:

...

Thư bạn thôi không có buổi nay!

Người phát thư vừa qua khỏi cửa,

Lòng anh như đại lại như ngày.

cùng khi người tìm bạn:

Em ơi, nói mãi chỉ thêm sâu,

Mỏi mắt phương trời chốc bấy lâu,

Phố xá xôn xao, người nhộn nhịp,
Tìm em anh có thấy em đâu.

Kẻ Lan Sơn còn vụng về nhiều. Lắm lúc người ngập ngừng, bỡ ngỡ. Nhưng cái bỡ ngỡ ấy không phải không có chút duyên dáng. Ấy là cái duyên của người thiếu nữ khi thỏ thẻ những lời ngây ngô mà thành thực:

Em thường nói: “Ai hơn anh được!
Em trông anh thật khác người ta,
Biển tình cho nổi phong ba
Người là người lạ, anh là anh em”.

Tiếc thay tình yêu ngày một lạt. Lan Sơn hình như chỉ còn giữ lại một cái bóng để làm thơ. Nhưng tình hết, thơ Lan Sơn cũng hết. Chỉ những lúc hồi tưởng lại thời thơ ấu, trong lòng người mới có chút trong trẻo có thể diễn ra thơ. Con người dễ thương ngày trước, con người mà Ô. Nguyễn Tiến Lãng gọi bằng em trong một bài tựa⁽¹⁾, con người ấy trở nên tối tăm, rắc rối, cầu kỳ, con người ấy tôi không muốn biết nữa...

Septembre 1941

(1) Tựa Anh với em .

VẾT THƯƠNG LÒNG⁽¹⁾

Nắng sớm, em ngồi tựa thủy tiên
Hồn em say đắm cảnh thiên nhiên,
Bóng ai thấp thoáng ngoài hiên vắng,
Em đã vô tình vội ngẩng lên.

Em vội ngừng tay, vội ngó ra,
Dao cầm sẵn chạm tới rò hoa;
Rò hoa ngày lụi, màng hoa ứa,
Hoa đã vì em chịu xót xa.

Rễ tuy trong trắng, lá xanh tươi,
Mầm, nhánh đều xinh, đẹp mấy mươi!
Nếu chẳng vì em hoa phải lụi,
Trời xuân sao chẳng nhớn như cười!

Nhớn như cười với cảnh xuân sang,
Vội cả bao nhiêu khách rộn đường,
Cùng với muôn hoa đua sắc thắm,
Vì ai? Đành chịu kém mùi hương!

(1) Hãy so sánh với bài "Le vase brisé" của Sully Prudhomme cùng một đề nhưng lạc điệu và ý nhị hơn.

Mùi hương đã kém, sắc rồi phai,
Rồi cũng cùng ai, cũng với ai,
Cùng chịu vì em chung số phận,
Cùng nhau chất đống để hiên ngoài.

Tim anh chung phận với hoa này,
Cũng bởi vì em đã sẩy tay,
Đã vội mãi trông bao cảnh đẹp,
Vết thương mang nặng vẫn còn đây.

Còn đây năm cũ vết thương lòng
Ghi lấy tình em chẳng thủy chung,
Một phút lòng em mơ bạn mới,
Yêu anh sau nữa cũng bằng không!

(Anh với em)

TẾT VÀ NGƯỜI QUA...

*Những cô con gái rất ngây thơ
- Những mộng xinh tươi, bé bỏng xưa -
Ta nhìn nhao rồi! Quen biết quá!
Nhìn nhau giờ hết vẻ say sưa!*

.....

Thuở bé tôi đeo chiếc khánh vàng,
Quần đào xẻ đũng, áo hàng lam,

Chân đi hài đỏ, tay thu pháo,
Nhộn cả nhà lên tiếng hát vang!

Muôn màu tươi sáng, phấn, hoa, hương,
Đời ngọt ngào như có vị đường.
Tôi sống, tôi say và mỗi Tết
Lòng tơ thêm động chút yêu đương.

Khói pháo say người rượu ái ân,
Cõi lòng thắm nở một vườn xuân.
Nàng thơ năm ấy cười mê đắm
Trong mắt em Nhung hiện giữa trần.

Nhưng tháng, năm qua, vẫn thế thôi!
Ước mơ tàn lửa với thân đời
Tiết trinh bán hết cho sương gió,
Làm điểm hai mươi tám tuổi trời!

.....
*Nên đến bây giờ gặp các em,
Gặp ngày xuân tới, bạn xưa quen:
- Em Nhung, em Tuyết hay ngày Tết -
Rượu hủ hời rồi! Hết vị men.*

(Ngày nay)

ĐÁM MA ĐI⁽¹⁾

Có những buổi mưa phùn thê thảm quá,
Cảnh vật trùm trong tấm vải chôn người.
Mảnh gỗ chèn thay kính cửa vỡ rồi,
Không chắn nổi gió ngoài hơi lạnh giá.

Có những buổi mưa phùn thê thảm quá,
Gội lên trên cổ ván mỏng chôn người,
Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá,
Đi trên đường và đập xéo lòng tôi.

Đám ma kéo lê thê trong lòng tôi lạnh giá,
Dem chôn đi những kỷ niệm lâu rồi;
Đám ma đi trong mưa phùn thê thảm quá,
Đi hàng ngày chưa tới huyết lòng tôi.

(Thơ của một đái)

(1) Chúng tôi trích bài này vì chiếu theo lời yêu cầu của Ô.Lan Sơn.

THANH TỊNH

Họ Trần. Sinh ngày 12 *décembre* 1913 ở làng Dương Nỗ (Thừa Thiên). Học trường Đông Ba, trường Pellerin (Huế). Có bằng thành chung. Hiện dạy tư ở Huế.

Đã viết giúp: *Phong hóa*. Ngày nay, *Hanoi báo*, *Tiểu thuyết thứ năm*, *Tinh hoa*...

Đã xuất bản: *Hận chiến trường* (1936).

Xem thơ Thanh Tịnh cái cảm giác trội nhất của tôi là thấy một cái gì cứ dần trải, dần trải hoài mà lại lỏng. Có lẽ là một mặt hồ. Cũng chưa đúng. Hồ còn có bờ, có hình nhất định. Ở đây không có bờ, và nước - âu cũng phải gọi là nước - cứ chảy tràn lan. Những cảnh sắc in hình trên mặt nước vẫn thường thay đổi: có khi là một cây liễu rủ, cũng có khi là một lũy tre. Những cảnh sắc dầu có khác, bao giờ cũng chỉ ngăn ấy nước mà thôi. Có một lần người ta bỗng thấy trên mặt nước dựng lên một lâu đài xương máu⁽¹⁾; nhưng khi người ta tới nơi, nó lại biến đâu mất. Thì ra một ảo ảnh.

Kể chỗ này cũng trống trải. Hình như đằng xa kia,

(1) *Hận chiến trường*, mấy vần thơ máu (1936).

có vài ngọn núi. Nhưng đây vẫn là nơi hò hẹn của những ngọn gió bốn phương. Mỗi lần gió đến, mặt nước không buồn cưỡng, cứ tự nhiên lướt theo chiều gió. Có khi người ta còn thấy nó vươn mình lên cho ngang tầm gió, tưởng chừng như nó muốn hóa thân làm gió. Nhưng gió qua lại thôi và rồi nó cũng giữ được cái mềm mại, cái ẩn ước là bản sắc của nó.

Septembre 1941.

MÒN MỎI⁽¹⁾

- Em ơi, nhẹ cuốn bức rèm tơ
Tìm thử chân mây khói tỏa mờ
Có bóng tình quân muôn dặm ruổi
Ngựa hồng tuôn bụi cõi xa mờ.

- Xa nhìn bên cõi trời mây
Chị ơi, em thấy một cây liễu buồn.

- Bên rừng em hãy lặng nhìn theo.
Có phải chẳng em ngựa xuống đèo?
Chị ngỡ như chàng lên tiếng gọi
Trên mình ngựa hí lạc vang reo.

(1) Phỏng theo chuyện "Barbe bleue" của Perrault nhưng Thanh Tịnh đã tạo ra một không khí rất Á Đông.

- Bên rừng ngọn gió rung cây,
Chị ơi, con nhận lạc bấy kêu sương.

- Tên chị ai gieo giữa gió chiều
Phải chăng em hồi tiếng chàng kêu?
Trên dòng sông lặng em nhìn thử
Có phải chăng người của chị yêu?

- Sóng chiều đưa chiếc thuyền nan,
Chị ơi, con sáo gọi ngàn bên sông...
Ô kìa! Bên cội trời đông
Ngựa ai còn ruổi dặm hồng xa xa

- Này lặng em ơi, lặng lặng nhìn
Phải chăng mình ngựa sắc hồng in?
Nhẹ nhàng em sẽ buông rèm xuống,
Chị sợ trong sương bóng ngựa chìm.

- Ngựa hồng đã đến bên hiên,
Chị ơi, trên ngựa chiếc yên... vắng người.

(Tinh hoa)

TƠ TRỜI VỚI TƠ LÒNG

Còn nhớ hôm xưa độ tháng này
Cánh đồng xào xạc gió đùa cây.
Vô tình thiếu nữ cùng ta ngắm
Một đoạn tơ trời lững thững bay.

Tơ trời theo gió vương mình ta,
Mối khác bên nàng nhẹ bỏ qua.
Nghiêng nón nàng cười, đôi má thắm,
Ta nhìn vợ vẫn áng mây xa.

Tìm dấu hôm xưa giữa cánh đồng,
Bên mình chỉ nhận lúa đầy bông.
Tơ trời lơ lững vượn mình uốn
Đến nỗi duyên mình với... cỗi không.

(Phong hóa)

THÚC TÊ

Chính tên là Thúc Nhuận. Sinh ngày 17 *octobre* 1916 ở Huế. Học trường Quy Nhơn, trường Quốc học Huế. Đã viết giúp: *Văn học tạp chí* 1935, *Mai*, *Dân quyền*... Hiện là chủ bút tuần báo *Đông Dương* (Sài Gòn).

Tôi yêu bài Trăng mờ của Thúc Tê. Mở bài ra, hồn thi nhân kéo mình lê thê trên trang giấy, chán nản, uể oải. Có lẽ nó đã nhập vào cái trăng kia, “ẻo lả” khi nằm mơ, “lười biếng” khi thức dậy. Nhưng khi đã tỉnh, nó mới linh động làm sao! Nó uyển chuyển như một người đẹp. Cái mệt mỏi của Dương Quý Phi⁽¹⁾ với cái nhẹ nhàng của Phi Yến.

Octobre 1941

TRĂNG MỜ

Một đêm mờ lạnh ánh gương phai,
Suốt giải sông Hương nước thở dài.
Xào xạc sóng buồn khua bãi sậy,
Bập bênh bên mạn chiếc thuyền ai.

(1) Thị nhi phù khởi kiểu vô lực (Bạch Cư Dị)

Mây xám xây thành trên núi Bắc,
Nhạc mềm chơi với giữa sương êm,
Trăng mờ mờ ngủ lim dim gặt,
Éo lả nằm trên ngọn trúc mềm.

Dịp cầu Bạch Hổ mấy bóng ma
Biến mất vì nghe giục tiếng gà.
Trăng tỉnh giấc mơ, lười biếng dậy,
Động lòng lệ liễu, giọt sương sa.

Lai láng niêm trắng tuôn dạ nước
Ngập tràn sông trắng gợn băng khuâng;
Hương trắng quán quýt hơi sương ướm
Ngân dội lời tình điệu hát xuân.

(Hanoi báo)



NGUYỄN GIANG



ĐOÀN PHÚ TÚ



NGUYỄN VỸ



HUY THÔNG



HUY THÔNG

Họ Phạm. Sinh thá 4 septembre 1918 ở Hà Nội. Học trường Thầy dòng, trường A.Sarraut, trường Luật. Đậu cử nhân luật rồi sang du học Pháp. Đã đậu luật khoa tiến sĩ và cao đẳng văn chương; hiện đang soạn thi thạc sĩ sử học và tiến sĩ văn khoa.

Đã xuất bản: *Yêu đương* (1933), *Anh Nga* (1934), *Tiếng địch sông Ô* (1935), *Tân Ngọc* (1937).

Ngoài ra, đã đăng báo: *Con voi già* (tặng Phan Sào Nam), *Hận chiến sĩ*, *Tân Hồng Châu*, *Lòng hỡi hận*, *Chàng Lưu*, *Kinh Kha*, *Huyền Trân công chúa*, *Tây Thi*.

Người thiếu niên ấy cũng như hầu hết những thiếu niên, đã sống những giấc mộng ái ân êm dịu. Và cũng như hầu hết những thiếu niên, chàng đã tưởng ở đời không có gì quan trọng hơn những nỗi vui buồn thương nhớ của mình. Chàng đã kể lễ đồng dài và lắm lúc đã quên rằng người nói đành không bao giờ chán nhưng người nghe rất dễ chán.

Cũng may thỉnh thoảng Huy Thông biết vờ quên mình đi để những giấc mộng ái ân của người đượm một vẻ mơ hồ riêng.

Hoặc người tạo ra một cái không khí lạ lạ khiến ta nhớ đến những chiêm bao chính ta đã từng trải qua hay những chiêm bao Shakespeare đã đưa lên sân khấu.

*Hoặc người cầu cứu đến lịch sử là cái môn người
vẫn sở trường để dẫn nẻo cho nguồn mơ. Người mượn
lời một thiếu nữ trong mộng để gọi lại cảnh xưa:*

Ngân lang! Ngân lang! Chàng còn nhớ
Chiều xuân xưa, trên ngựa, dỡ kim cầu,
Chàng thảo mấy dòng thơ như nhận mùa
Trên tờ mây thiếp vẫn giữ bên tim sầu?

*Người lưu luyến cái hình ảnh Tây Thi, người ước
ao cái sung sướng của Phù Sai, Phạm Lãi. Người
gọi bạn:*

Đi! Cùng anh tới Cô Tô cảnh cũ
Chờ giăng lên mơ nữa giấc mơ xưa.

*Nhưng Huy Thông không phải chỉ biết những giấc
mộng ái ân êm dịu. Khi yêu người còn có những khát
vọng lạ lùng:*

Tôi muốn hóa một con chim để cùng gió
Bay lên cao mơn trớn sợi mây hồng;
Muốn uống vào trong buồng phổi vô cùng
Tất cả ánh sáng dưới gầm trời lồng lộng;
Muốn có đôi cánh tay vô ngần to rộng
Để ôm ghì cả vũ trụ vào lòng tôi!

*Một người có những ham muốn dị thường như thế
ắt phải ưa sống cái đời những vị anh hùng thời trước,
hồi thế giới còn hoang vu, hồi một người trượng phu
còn có thể tin rằng mỗi hành vi của mình đều làm
xao động cả trời đất. Đặc sắc của Huy Thông chính
ở những bài anh hùng ca như bài “Tiếng địch sông
Ô” tả bước đường cùng của Hạng Tịch⁽¹⁾. Chưa bao*

(1) Bài này đã dài quá mà lại không toàn bích nên không thể trích theo đây.

giờ thi ca Việt Nam có những lời hùng tráng như trong tác phẩm của người thiếu niên hiền lành và xinh trai ấy. Hãy nghe Hạng Tịch than:

Nén đau thương, vương ngậm ngùi sẽ kể

Niềm ngao ngán vô biên như trời bể.

Ôi! Tầm gan bên chặt như Thái Sơn.

Bao nhiêu thu cay đắng chẳng hề sờn!

Ôi! Những trận mạc khiến “trời long đất lở!”

Những chiến thắng tung bừng!

Những vinh quang rực rỡ!

Ôi! Những võ công oanh liệt chốn sa trường!

Những buổi tung hoành, lăn lộn trong

rừng thương!

Những tướng dũng bị đầu văng trước trận...!

Nhưng, than ôi! Vận trời khi đã tận,

Sức “lay thành nhổ núi” mà làm chi?

Hơi văn mà đến thế thực đã đến bậc phi thường. Anh hùng ca của Victor Hugo tưởng cũng chỉ thế. Giữa cái ảo lả, cái ủy mị của những linh hồn đương chờ sa ngã, thơ Huy Thông đã ồ ạt đến như một luồng gió mạnh. Nó lôi cuốn bừa đi. Người xem thơ ngạc nhiên và sung sướng vì thấy mình vẫn còn đủ tráng khí để buồn cái buồn Hạng Tịch.

Chỉ tiếc rằng Huy Thông, người anh hùng trong mộng tưởng ấy, lại cũng là một người thiếu niên khao khát yêu đương và rất lễ phép với đàn bà. Có khi vô tình người đã phác họa Hạng Tịch theo hình ảnh của mình. Đã đành Hạng Tịch mê Ngu Cơ, đã đành ái tình không chia kim cổ, nhưng tình yêu của Hạng Tịch hẳn phải thế nào chứ!

Août 1941

ANH NGA⁽¹⁾

*Niềm ái ân chưa được biết bao giờ,
Ta vừa biết phút giây trong giấc mộng
Mà mộng nọ, than ôi! Còn đâu bóng!
Ta gục đầu thốn thức nhớ điệu đàn
Và âm thầm tưởng tiếc bóng đêm tan.*

HUY THÔNG

(Tỳ bà vắng vắng)

Các vai: ANH NGA; NGÂN SINH

Một tiếng ca nơi xa xa

Nhịp tiếng tỳ bà đưa

TIẾNG CA

Hương muôn hoa như êm đêm quyến luyến
Vùng cây khuya nghênh gió dưới giăng ngà
Nhưng đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,
Và vùng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa.

(1) Không hiểu sao Huy Thông lại viết thành một bản kịch, có nhiều câu - mà lại là những câu hay - cần phải là lời của tác giả không thể là lời các nhân vật.

NGÂN SINH

Vùng hồng sẽ tắm nắng chân mây xa...,

*

Nhưng bây giờ, trên không tím
Lướt sao êm, mây lả thuốt tha qua;

*

Lặng ngấm giăng mơ màng, hoa chúm chím,
Và, bên tường, len lén, gió bay hoa.
Trên đôn sứ nghiêng đờn, ta đứng dậy,
Rồi, nhịp hài, lưng thững bước thư sinh...
Ta thấy lòng say sưa... Và lại thấy
Hương ái ân nhẹ quện tim đa tình.

*

Đêm băng khuâng... giờ ơi! Sao đẹp đề!
Nhưng mà... sao tẻ ngắt, sao buồn tênh?

*

Là vì, Anh Nga ơi! Vườn vắng vẻ
Thiếu xiêm đào tha thướt dưới giăng chên.

*

Hứa cùng ta sẽ trăm năm ân ái,
Nỡ đi đâu để bạn đắng cay lòng!

*

Để bạn lòng, trở vợ phòng trống trải,
Ấp tim sâu lạnh ngắt như băng đông!

TIẾNG CA

Bóng đêm như chan hòa niềm quện luyến,
Như vuốt ve du khách dưới giăng nga...

Nhưng đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,
Và vùng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa!

NGÂN SINH

Thì tắt nắng chân mây đi! Vùng ô hồi!
Vì hơi đêm phôi phối
Vì giăng cao rắc ánh
Trên vườn yên
Vì sao khuya lóng lánh
Xứ muôn tiên...
Vì cảnh đẹp dưới giăng xanh tuy êm ái,
Nhưng lòng ta còn mãi
Nhớ thương người đẹp cũ chốn dạ đài

ANH NGÀ

Dạ đài trống trải!
Ôm lòng đau, ta cũng mãi nhớ thương ai.

NGÂN SINH

Bên khóm phù dung giăng mạ biếc,
Ai băng khuâng, nhớ tiếc,
Hay chờ mong?

ANH NGÀ

Hồi thư sinh chôn thức dưới giăng trong!
Nơi thiếp mơ mau lẹ gót mơ mòng!
Chàng có thấy, bên phù dung lả lướt,

Bóng ai đi tha thướt
Như tiên nga thấp thoáng suối Thiên Thai?

NGÂN SINH

Bóng ai đi tha thướt...?
Hay hồn êm kẻ khuất chốn dạ đài?

TIẾNG CA

Hãy cùng ai, nơi hương hoa quyến luyến,
Ngắm vườn lam ngây ngất dưới giăng ngà!
Vì đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,
Và vùng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa!

ANH NGÀ

Chàng... Chàng tới gần nơi hương hoa quyến luyến
Kẻo nắng hồng đậm tắt chân mây xa...

NGÂN SINH

Hỡi giai nhân!
Nàng là ai mà diễm lệ, thanh tân?
Nàng là ai mà âm thầm, huyền ảo.
Để, xuyên qua liên tiền thảo,
Ánh giăng xuân
Nhẹ nhàng vờn trên dung nhan kín đáo?
Nàng là người trong Quảng điện hay Chiêu Quân?
Hay tiên nga lạc cánh xuống phàm trần?

ANH NGA

Thiếp là người chàng mơ tưởng, nhớ thương.

NGÂN SINH

Nàng?

ANH NGA

Chàng làm chi mà bỗng dưng bàng hoàng?

NGÂN SINH

Nàng?

Nàng là người ta mơ tưởng, nhớ thương?
Là người tiên ta tiếc bóng bao đêm trường?

ANH NGA

Ngân lang, chàng hỡi! Bao đêm trường!

NGÂN SINH

Nhưng không! Không, nàng quyết chẳng phải ai!
Vì Anh Nga còn đâu nữa trên trần ai!

ANH NGA

Ngân lang! Ngân lang! Chàng còn nhớ,
Chiều xuân xưa, trên ngựa, dỡ kim cầu,

Chàng thảo mấy dòng thơ như nhận mưa
Trên tờ mây thiếp vẫn giữ bên tim sầu?

NGÂN SINH

Hỡi kẻ ta chờ mong...! Nhưng chẳng phải!
Vì mỹ nhân xiêm thoáng trên lầu xưa
Đã lẩn bóng như làn mây êm ái
Và ngàn năm đã lịm giấc say sưa!

TIẾNG CA

Hãy cùng ai, nơi hơi đêm quyến luyến
Đừng mê tình tự dưới giếng ngà!
Vì đêm biếc rồi tàn, giếng xuân biến,
Và vừng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa!

ANH NGA

Chàng ơi! Chàng ở lại,
Chờ vừng hồng tắt nắng chân mây xa...
Và, biệt chàng, thiếp xin đi, đi mãi mãi!
Vì, than ôi! Chàng quên lãng bóng Anh Nga.

NGÂN SINH

Anh Nga! Anh Nga!
Nàng dừng hài hãy đứng dưới vòm hoa!

ANH NGÀ

Ngân lang chàng hỡi!
Giờ ái ân mơ hồ như gió thổi,
Mà đành lòng chẳng để hững hờ qua!
Bên phòng sách, thướt tha.
Ai uốn liễu?
Và tỳ bà đâu đưa văng vẳng điệu?

NGÂN SINH

Ôi!
Người đâu mà yếu điệu như nàng Thôi?
Người đâu mà tươi thắm, dịu dàng,
Mà đoá môi phảng phất sự mơ màng,
Mà tóc huyền bay óng như mây qua,
Mà mắt đưa như ngọc ánh dưới giăng ngà?

ANH NGÀ

Phù dung tươi, nếp tường, như kiểng gót
Ngắm tre đằng rũ tóc dịu dàng ngân.

*

Bên vành giăng, lóng lánh, áng mây vùn,
Và cỏ mềm bâng khuâng bên cát bạc.

*

Vườn ướp trong hương thơm, như man mác
Biết bao lời mây nước đắm say lòng..

*

Tình lang! Chàng hãy để tim mơ mộng
Lặng tẩm dưới lưu ly hồ mộng tưởng!

*

Cho tim mê tưởng nhâm: giờ vui sướng
Sẽ kéo dài mãi mãi với thời gian.

TIẾNG CA

Nhịp lời lòng... ai ơi! Lời quyến luyến
Với lời tơ ẩn hiện dưới giăng ngà!
Kẻo đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,
Và vùng hồng sẽ tẩm nắng chân mây xa!

NGÂN SINH

Đêm giăng! Hãy dừng lại trong vườn hoa!
Và, vùng ô khe khát!
Chờ vội vàng tẩm nắng chân mây xa!

*

Ta muốn không bao giờ sao kia tắt,
Không bao giờ phơ phát ánh đông hồng!
Muốn đêm dày nặng phủ khối sương bông
Và ôm ấp vườn say cho tới mãi!

*

Ta ước nghe, ngàn đời, lời ân ái
Trong đêm mờ, hòa nhịp... giấc mơ diên.

*

Cho hồn mơ lướt tới cõi u yên,
Nơi Suối Đào nao nao trong vắt chảy...

*

Rồi, tay ôm đồn tình man mác gầy,
Ta uốn lời luyến sắc Anh Nga nương!

ANH NGA

Giăng nghiêng ánh. Bóng tường se sẽ ngã,
Và giờ đông, lát nữa, sẽ dần tươi...
Nhưng, trước lúc ven giờ thoa son thắm,
Hãy để lòng say đắm một đêm nay!

NGÂN SINH

Đêm nay và mãi mãi...! Tình nương ơi!

ANH NGA

Gió im lìm chơi vơi trong vườn vắng
Và tiếng tỳ văng vẳng đưa từng hơi...
Nhưng, đến buổi, than ôi! Đèn giăng tắt,
Bóng Anh Nga vợ vất côi mung lung.

NGÂN SINH

Vợ vất côi mung lung?
Nhưng...
Nhưng Anh Nga, nàng hồi!... hình như nàng...
Hình như nàng...
Ai, năm xưa... bảo khuất dưới Suối Vàng?

ANH NGA

Suối Vàng...

Nơi muôn năm... u uất nỗi mơ màng...

TIẾNG CA

Khách đa tình còn bâng khuâng quuyền luyến
Giấc mơ xuân đầm thắm dưới giăng ngà.
Mà đêm biếc sắp tàn, giăng xuân biến,
Và vừng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa.

ANH NGA

Chàng ơi! Chàng!

Anh Nga là một bóng dưới Suối Vàng,
Nơi muôn năm u uất nỗi mơ màng...
Nên, chàng ơi! Khi giờ đêm hừng sáng
Vong hồn thiếp sẽ không còn lảng vảng
Trong vườn hoa, để ngắm áo chàng bay...

NGÂN SINH

Lao nhiều nỗi đau lòng dù quên lãng.
Trăm năm còn ôm mãi mối hận này...

ANH NGA

Và, góc vườn, ghen lệ lúc chia tay,
Thiếp ra đi ngàn thu không trở lại...

NGÂN SINH

Để những đêm âm thầm giăng sương dài,
Bình lòng càng trĩu chất nỗi buồn thương...

ANH NGÀ

Bình minh tươi phơn phớt sau rèm sương,
Và tình tú mờ phai trên gò lặng...

NGÂN SINH

Nàng băng khuâng dần lùi trên cát trắng,
Êm như hơi và chậm tựa mây chiều...

ANH NGÀ

Tay run run cố níu dải the điều,
Chàng thốn thức nhẹ lần theo bước thiếp...

NGÂN SINH

Vườn diu hiu vẫn mơ màng thêm thiếp;
Hãy dừng chân, nàng ơi...! Phút giây thôi!

ANH NGÀ

Xin từ đây vĩnh quyết, hỡi chàng ơi!

TIẾNG CA

Vườn vắng vẻ, thư sinh còn quyến luyến
Cảnh thần tiên huyền ảo dưới giăng ngà.
Nhưng đêm biếc đã tàn, giăng xuân biến,
Và vầng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa.

NGÂN SINH

Vầng hồng đã tắt nắng chân mây xa.

*

Và...

Dưới ánh giăng tà...

Đâu mất...?

*

Nàng Anh Nga đi đâu mất dưới giăng tà?

Đêm 16-17 tháng 7 năm 1935
(Theo Hanoi báo)

KHÚC TIÊU THIÊU

Ngồi dưới liễu du dương ta nhẹ nhấc
Cây nhả tiêu đồn dập nhạc mơ hồ.
- Gió ngang mơn hàng cây chưa tỉnh giấc;
Bình minh xuân êm ái như lời mơ.

Kìa Tây Thi! Sao mây chưa được trắng
Anh tối đây chưa kịp gọi hồn tiêu,
Em đã sớm cong mình trên nước lạnh
Cho nước trong ngược về dáng yêu kiều?

Dừng rũ vôi...! Giời im còn tăm tối,
Cầu Nhục Gia chưa kẻ bám tre lần...
Quảng lụa thắm bên nguồn dừng rũ vôi,
Em lên nghe anh gọi tiếng chim thần!

Em hay chăng? Ngày xưa khi vua Thuấn
Chúm môi thiêng say thổi khúc tiêu này,
Phượng sánh hoàng từng không theo nhịp uốn;
Ngàn muôn chim giao cánh chập chờn bay.

Đờn suối bỗng lên cung - và chan chứa
Những câu ca tươi sáng ánh u uyên,
Nụ trúc đào quên thu đua thắm nở;
Gió trên trần dàu dặt ngát hương tiên...

Ngày nay, cạn lời khua trong ống rỗng,
Không bao giờ thấy nữa cảnh huyền xưa.
Suối thờ ơ, mây gió lười cảm động;
Chim xa xôi lạ điệu Tiêu thiếu ca.

Tiêu chẳng khiến giời đêm kia thôi tối,
Hơi xuân qua vẫn lạnh... nhưng cần chi?
Vì, mỗi lần rung hơi anh đắm thổi,
Em lắng nghe lời trúc, - hỡi Tây Thi!

(Tây Thi)

NGUYỄN VỸ

Sinh năm 1910 ở làng Tân Hội (sau đổi là Tân Phong), huyện Đức Phổ (Quảng Ngãi). Học trường Quảng Ngãi, trường Quy Nhơn. Đã từng cạo đầu đi tu, gánh cát ở bãi sông Cái, bán kẹo ở Hà Nội, bán báo ở Sài Gòn. Hiện nay ở Hà Nội, sống về nghề văn.

Đã viết: *Ami du Peuple, Le Cygne, Văn học tạp chí 1935, Hanoi báo, Phụ nữ.*

Đã xuất bản: *Tập thơ đầu* (1934)

Nguyễn Vỹ đã đến giữa làng thơ với chiêm, trồng, xấp xoèng inh cả tai. Chúng ta đổ nhau ra xem. Nhưng chúng ta lại từng hững trở vào vì ngoài cái lối ăn mặc và những điệu bộ lơ lửng, lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì.

Táo bạo thì táo bạo thực, nhưng trong văn thơ táo bạo không đủ đưa người ta ra khỏi cái tầm thường. Khi Nguyễn Vỹ hô hào:

Ta hãy truyền một thi hứng mới cho

thế kỷ hai mươi,

Ta hãy ký thác trong văn thơ những

tình sâu ý hiểm.

người có biết rằng trong hai câu này không có lấy một chút “tình sâu ý hiểm” và mặc dầu cái lối mới rênh rành của chúng, chúng vẫn có thể nằm xếp hàng

với những câu sáo nhất xưa nay mà không chút...
ngượng. Tránh tâm thường mà lại rơi vào tâm thường
là thế.

Nguyễn Vũ quả đã muốn lòn những kẻ tâm thường
là bọn chúng ta. Thực ra, chúng ta cũng dễ bị lòn.
Nhưng ở chỗ nào khác kia, chữ trong văn chương thì
hơi khó. Một hai người có thể lắm; năm mười người,
trăm ngàn người có thể lắm; chữ cả đám người mệnh
mông không tên tuổi kia ít khi lắm lắm. Chúng ta
có thể lắm trong một hai năm, chữ lắm luôn trong
năm bảy năm hay lâu hơn nữa, là chuyện thắng hoặc
mới có.

Tôi tin rằng linh hồn chung của một lớp người đủ
phức tạp để cảm thông với hầu hết những thơ văn
có giá trị. Một bài như bài “Sương rơi” được rất nhiều
người thích. Người ta thấy Nguyễn Vũ đã sáng tạo
ra một cái nhạc điệu riêng để tả một cái gì đương
rơi. Cái gì đó có thể là những giọt sương, cũng có thể
là những giọt lệ hay những giọt gì vẫn rơi đều đều,
chậm chậm trong lòng ta mỗi lúc vẫn vơ buồn ta đứng
một mình trong lặng lẽ.

Nhưng “Sương rơi” còn có vẻ một bài văn. “Gửi
Trương Tửu” mới thực là kiệt tác của Nguyễn Vũ.
Trong lúc say, Nguyễn Vũ đã quên được cái tật cố
hữu của người, cái tật lòn đời. Người đã quên những
câu thơ hai chữ và những câu thơ mười hai chữ. Người
dùng một lối thơ rất bình dị, rất xưa, lối thất ngôn
tràng thiên liên vận và liên châu. Lời thơ thống thiết,
uất ức, đủ dãi nổi bi phần cho cả một hạng người.
Một hạng người nếu có tội với xã hội thì cũng có chút

công, một hạng người đã đau khổ nhiều lắm, hạng sống bằng nghề văn. Hãy cho đi là họ không có gì xuất chúng; thì ít nhất họ cũng đã nuôi những giấc mộng to lớn khác thường. Nhưng đời không chiều họ; đụng vào sự thực, những giấc mộng của họ đều tan tành và lần lượt họ bỏ thây ở dọc đường hay trong một căn phòng bố thí.

Nguyễn Vỹ đã làm bài thơ này trong một lúc vô cùng buồn giận vì cái nghiệp văn chương. Những ai cùng một cảnh huống xem thơ tưởng có thể khóc lên được. Trong lời văn còn chút ngênh ngang từ đời xưa lưu lại. Nhưng ta đã xa lắm rồi cái kiêu ngạo phi thường của Lý Thái Bạch, chỉ biết có văn chương còn khinh hết thảy:

Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt,
Sở vương đài tạ không sơn khâu;
Hứng cam lạc bút giao ngũ nhạc,
Thi thành tiểu ngạo lãng thương châu.

Với Nguyễn Vỹ, chúng ta đã mất hẳn cái cười kiêu ngạo ấy và ngơ ngác thấy xếp cùng hàng với... chó.

Cái lối xếp hàng kỳ quái ấy đã làm phật ý Tản Đà. Một hôm say rượu, Tản Đà trách Nguyễn Vỹ: "Sao anh lại ví nhà văn chúng mình với chó? Anh không sợ xấu hổ à?". Nguyễn Vỹ đáp lại, cũng trong lúc say: "Tôi có ví như thế thì chó xấu hổ, chứ chúng ta xấu hổ cái nỗi gì?"

Septembre 1941

SƯƠNG RƠI

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu..
Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh lùng
Hiu hắt
Thấm vào
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương!...

Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng
Tả tơi
Em ơi!
Từng giọt
Thanh thót,
Từng giọt
Điệu tàn
Trên nam
Mồ hoang!...

Rơi sương
Cành dương
Liễu ngã
Gió mưa
Tơi tả
Từng giọt,
Thánh thót,
Từng giọt.
Tơi bời.
Mưa rơi,
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi!...

(Văn học tạp chí, 1935)

GỬI TRƯỞNG TỬU

Viết trong lúc say

Nay ta thêm rượu nhớ mong ai!
Một mình rót uống chẳng buồn say!
Trước kia hai thằng hết một nệm,
Trò chuyện đông dài mặt đỏ sẫm.
Nay một mình ta, một be con:
Cạn rượu rồi thơ mới véo von!

*

Đạo ấy chúng mình nghèo xơ xác,
Mà coi đồng tiền như cái rác!
Kiếm được xu nào đem tiêu hoang,
Rủ nhau chè chén nói huynh hoang,
Xáo lộn văn chương với chả cá,
Chửi Đông chửi Tây chửi tất cả⁽¹⁾.
Rồi ngủ một đêm, mộng với mê,
Sáng dậy nhìn nhau cười hê hê!

*

Thời thế bây giờ vẫn thấy khó,
Nhà văn An Nam khổ như chó!
Mỗi lần cầm bút nói văn chương,
Nhìn đàn chó đói gặm tro xương,
Và nhìn chúng mình hì hục viết,
Suốt mấy năm giờ kiết vẫn kiết,
Mà thương cho tôi, thương cho anh,

(1) Câu này trong bản in lần đầu *Thi nhân Việt Nam* bị kiểm duyệt thời Pháp bỏ nên soạn giả để lửng (.) (Từ Sơn chú)

Đã rụng bao nhiêu mớ tóc xanh!

Bao giờ chúng mình thật ngất ngưỡng?
Tôi làm Trạng nguyên, anh Tể tướng?
Và anh bên võ, tôi bên văn,
Múa bút tung gươm há một phen?

...

Chứ như bây giờ là trò chơi,
Làm báo làm bung chán mớ đời!
Anh đi che tàn một lũ ngốc,
Triết lý con tiêu, văn chương cóc!⁽¹⁾
Còn tôi bưng thúng theo đàn bà,
Ra chợ bán văn, ngày tháng qua!⁽²⁾

*

Cho nên tôi buồn không biết mấy!
Đời còn nhớ nhặng ta chịu vậy!
Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
Bực chí thành say mấy cũng vừa!
Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ!
Chơi nước cờ cao lại gặp bĩ!
Rồi đâm ra điên, đâm vẩn vơ,
Rút cục chỉ còn mộng với mơ!

*Viết rồi hã còn say
(Phụ nữ)*

(1,2.) Hồi bấy giờ Trương Tửu viết giúp báo *Ích hữu* của Lê Văn Trương, Nguyễn Vỹ giúp báo *Phụ nữ* của bà Nguyễn Thị Thảo.

ĐOÀN PHÚ TỨ

Sinh ngày 10 *septembre* 1910 ở Hà Nội. Học ở Hà Nội.
Có bằng tú tài tây.

Viết văn từ năm 1925, lúc còn học lớp nhất. Những bài văn đầu tiên là những bài từ khúc đăng báo *Đông Pháp*. Sau này thỉnh thoảng viết giúp *Phong hóa*, *Ngày nay*. Năm 1937, chủ trương tờ *Tinh hoa*. Chuyên viết kịch. Làm thơ rất ít.

Hẳn có kẻ sẽ ngạc nhiên thấy Đoàn Phú Tứ trong quyển này. Người ta vẫn nghĩ Đoàn Phú Tứ chỉ có tài viết kịch và diễn kịch. Nhưng thơ hay không cần nhiều. Đoàn Phú Tứ chỉ làm có dăm bảy bài mà hầu hết là những bài đặc sắc. Ấy là một lối thơ rất tinh tế và rất kín đáo. Thi nhân ghi lại bằng những nét mong manh những cảm giác rất nhẹ nhàng. Người xem thơ cũng biết rằng đây là hình ảnh một đời mầu đời, nhưng hình ảnh mờ quá không thể đoán nhu...g mầu đời kia ra thế nào. Có khi, cả ý nghĩa bài thơ cũng không hiểu rõ.

Nhiều người khi làm thơ chỉ biết có mình, không giấu giếm gì hết; thơ làm ra in lên báo lên sách thì được, nhưng không thể đưa đọc trước người khác vì quá sỗ sàng. Đoàn Phú Tứ không thế. Tôi tưởng Đoàn Phú Tứ có thể đọc thơ mình trước mọi người mà không sợ ngượng.

Mai 1941

MÀU THỜI GIAN⁽¹⁾

Sớm nay tiếng chim thanh
Trong gió xanh
Dịu vương hương⁽²⁾ ấm thoảng xuân tình

*

Ngàn xưa không lạnh lắm, Tần phi⁽³⁾
Ta lặng dâng nàng
Trời mây phảng phất nhuộm thời gian⁽⁴⁾

*

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngắt⁽⁵⁾
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh⁽⁶⁾

*

Tóc mây một món chiếc dao vàng⁽⁷⁾
Nghìn trùng e lệ phụng⁽⁸⁾ quân vương
Trăm năm tình cũ lia không hận
Thà nép mày hoa thiếp phụ chàng⁽⁹⁾

*

Duyên trăm năm đứt đoạn
Tình một thuở còn hương
Hương thời gian thanh thanh
Màu thời gian tím ngắt⁽¹⁰⁾

(Ngày nay)

CHÚ

(1) Không ai ngờ một cái đầu để có tính cách triết học như thế lại dùng để nói một câu chuyện tâm tình.

(2) Hãy để ý cái âm điệu vương vấn của mấy chữ này.

(3) Thi nhân mượn sự tích người xưa để giữ vẻ kín đáo cho câu chuyện. Xưa có người cung phi, nàng Lý phu nhân, lúc gần mất nhất định không cho vua Hán Võ để xem mặt, sợ trông thấy nét mặt tiêu tụy vua sẽ hết yêu. Cái tên Tần phi thi nhân đặt ra vì một lẽ riêng.

Ngàn xưa không lạnh nữa: Chuyện xưa đã hầu quên nay nhớ lại lòng lại thấy nôn nao.

(4) Thi nhân muốn nói dâng hồn mình cho người yêu. Song nói như thế sẽ sỗ sàng quá. Và người thấy mình không có quyền nói thế, vì tình yêu ở đây chưa từng được san sẻ. Nên phải mượn cái hình ảnh “trời mây phảng phất nhuốm thời gian” để chỉ hồn mình. Chữ “nhuốm” có vẻ nhẹ nhàng không nặng nề như chữ “nhuộm”. Chữ “dâng” hơi kiêu cách.

(5) Người Pháp thường bảo thời gian màu xanh. Nhưng thi nhân nhớ lại thời xưa, hồi người đương yêu, cứ thấy màu thời gian tím ngắt vì người riêng thích một thứ hoa tím, và màu hoa lẫn với màu yêu.

(6) Hương thời gian là hương thứ hoa kia mà cũng là hương yêu, một thứ tình yêu qua đã lâu rồi, nên chỉ thấy thanh sạch, nhẹ nhàng.

(7) Nàng Dương Quý Phi lúc mới vào cung, tính

hay ghen, bị Đường Minh Hoàng đưa giam một nơi. Nhưng nhà vua nhớ quá sai Cao lục sĩ ra thăm. Dương Quý Phi cắt tóc gửi vào dâng vua. Vua trông thấy tóc, thương quá, lại vờ nài vào cung.

Đoàn Phú Tứ hợp chuyện này và chuyện Lý phu nhân làm một và tưởng tượng một người cung phi gần mất không chịu để vua xem mặt chỉ cắt tóc dâng, gọi là đáp lại trong muôn một mối tình triu mến của đấng quân vương.

Ở đây không có chuyện cắt tóc nhưng có chuyện khác cũng tương tự như vậy.

(8) Chữ “phụng” rất kín đáo, chữ “dâng” sẽ quá xa vời, chữ “tặng” quá suồng sã.

(9) Ý nói: thà phụ lòng mong mỏi của chàng, còn hơn gặp chàng trong lúc dung nhan tiêu tụy để di hận về sau.

(10) *Tím ngát* tả đúng mối tình dịu dịu. *Tím “ngát”* sẽ đau đớn quá.

BÌNH

Nói về toàn thể nên chú ý đến điệu thơ. Bài thơ bắt đầu bằng những câu dài ngắn không đều: âm điệu hoàn toàn mới. Kể đến bốn câu ngũ ngôn cổ phong, một lối thơ cũ mà các thi nhân gần đây cũng thường dùng. Bỗng chuyển sang thất ngôn: điệu thơ hoàn toàn xưa. Lối thơ cũng xưa với những chữ “phụng quân vương” và những chữ lấy lại ở câu Kiều: “tóc

mây một món dao vàng chia hai”. Nhưng với hai câu thất ngôn dưới thi nhân đã từ chuyện người xưa trở về chuyện mình. Những chữ “thiếp phụ chàng” đưa dần về hiện tại. Rồi điệu thơ lại trở lại ngụ ngôn với hương màu trên kia.

Thành ra ý thơ, lời thơ, điệu thơ cùng với hồn thi nhân đi từ hiện tại về quá khứ, từ quá khứ gần đến quá khứ xa, rồi lại dần dần trở về hiện tại. Hiện tại chỉ mờ mờ nhạt nhạt, nhưng càng đi xa về quá khứ, câu thơ càng thiết tha, càng rục rã. Nhất là chỗ từ ngụ ngôn chuyển sang thất ngôn câu thơ đẹp vô cùng. Tôi tưởng dầu không hiểu ý nghĩa bài thơ người ta cũng không thể không nhận thấy cái vẻ huy hoàng, trang trọng của câu thơ⁽¹⁾.

Trong thơ ta có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo như thế.

(1) Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát có đưa phổ bài thơ này vào đàn. Đoạn đầu bài nhạc đi rất mau, rồi chậm dần. Đến đoạn thất ngôn nhạc lên giọng *maiestuoso*. Cuối cùng còn thêm một đoạn lấy lại âm điệu mấy câu đầu.



HUY CẬN



TẾ HANH



XUÂN DIỆU



PHẠM HÂN



YẾN LAN

XUÂN DIỆU

Họ Ngô. Sinh ngày 2 *février* 1917. Người làng Trảo Nha, huyện Can Lộc (Hà Tĩnh). Học ở Quy Nhơn, Huế, Hà Nội. Có bằng tú tài tây. Hiện làm tham tá Thương chánh ở Mỹ Tho (Nam Kỳ).

Có chân trong Tự lực văn đoàn.

Đã viết giúp: *Phong hóa, Ngày nay, Tình hoa*. Đã xuất bản: *Thơ Thơ* (Đời này, Hà Nội, 1938)

Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam hồi Xuân Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.

Ngày một ngày hai cơ hồ ta không để ý đến những lỗi lùng chữ đặt câu quá tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái đáng đáp yêu kiều, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta. Đọc những câu:

Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lời lẽ?

hay là:

Chính hôm nay gió đại tới trên đồi,
Cây không hẹn để ngày mai sẽ mát;
Trời đã thăm, lẽ đâu vườn cũ nhạt?

Đẩn đo gì cho lỗ mộng song đôi!

ta thấy cái hay ở đây không phải là ý thơ, mà chính là cái lối làm duyên rất có duyên của Xuân Diệu, cái vẻ dài các rất hiền lành của điệu thơ.

Nhưng thơ Xuân Diệu chẳng những diễn đạt được cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Vả chẳng tinh thần một nòi giống có cần gì phải bất di dịch. Sao lại bắt ngày mai phải giống hệt hôm qua? Nêu ra một mở tính tình, tư tưởng, tục lệ, rồi bảo: người Việt Nam phải như thế, là một điều tôi vô lý. Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết.

Nhưng sự sống muôn hình thức mà trong những hình thức nhỏ nhất thường lại ẩn náu một nguồn sống dồi dào. Không cần phải là con hổ ngự trị trên rừng xanh, không cần phải là con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm mới là sống. Sự bông bột của Xuân Diệu có lẽ đã phát biểu ra một cách đầy đủ hơn cả trong những rung động tinh vi. Sau khi đọc đi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân Diệu.

Trong cảnh mùa thu rất quen với thi nhân Việt

Nam, chỉ Xuân Diệu mới để ý đến:

Những luồng run rẩy rung rinh lá...
cùng cái:

Cành biếc run run chân ý nhí.

Nghe đàn dưới trăng thu, chỉ Xuân Diệu mới thấy:

Lung linh bóng sáng bỗng rung mình
và mới có cái xôn xao gửi trong mấy hàng chữ lạ lùng
này:

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời;

Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi!

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:

Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.

*Cũng chỉ Xuân Diệu mới tìm được nơi đồng quê
cái cảnh*

Mây biếc về đâu bay gấp gấp,

Con cò trên ruộng cánh phân vân.

*Từ con cò của Vương Bột lặng lẽ bay với ráng chiều
đến con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân
vân, có sự cách biệt của hơn một ngàn năm và của
hai thế giới.*

*Cho đến khi Xuân Diệu yêu, trong tình yêu của
người cũng có cái gì rung rinh. Người hồi tưởng lại:*

Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử;

Gắm trong lòng và khi đứng chờ ngây;

Và nhạc phấn dưới chân mừng sánh bước;

Và tơ giảng trong lời nhỏ khơi ngời;

Tà áo mới cũng say mùi gió nước;

Rạng mi dài xao động ánh dương vui.

*Còn rất nhiều câu có thể tiêu biểu cho lối xúc cảm
riêng của Xuân Diệu. Tôi chỉ dẫn một thí dụ này*

nữa. Trong bản dịch “Tỳ bà hành” của Phan Huy Vịnh có hai câu:

Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt

Một vừng trắng trong vắt lòng sông
tả cảnh chung quanh thuyền sau khi người tỳ bà phụ
vừa đánh đàn xong. Một cái cảnh lặng lẽ, lạnh lùng
ẩn một mối buồn âm thầm, kín đáo. Thế Lữ có lẽ đã
nhớ đến hai câu ấy khi viết:

Tiếng diều sáo nao nao trong vắt,

Trời quang mây xanh ngắt màu lơ.

Mặc dầu hai chữ “nao nao” có đưa vào trong câu
thơ một chút rung động, ta vẫn chưa xa gì cái không
khí bình yên trên bến Tâm Dương. Với Xuân Diệu
cả tình lẫn cảnh trở nên xôn xao vô cùng. Người kỹ
nữ của Xuân Diệu⁽¹⁾ cũng bơ vơ như người tỳ bà phụ.
Nhưng nàng không lặng lẽ buồn, ta thấy nàng run
lên vì đau khổ:

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;

Trời đầy trắng lạnh lẽo suốt xương da.

Ngay từ khi trắng mới lên, nàng đã thấy:

Gió theo trăng từ biển thổi qua non;

Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.

Chỉ trong thơ Xuân Diệu mới có những thoáng buồn
rờn rợn như vậy.

Ngay lời văn Xuân Diệu cũng có vẻ chơi vơi, Xuân
Diệu viết văn tựa trẻ con học nói hay như người ngoại
quốc mới vô vẻ tiếng Nam. Câu văn tuồng bơ ngỡ.
Nhưng cái dáng bơ ngỡ ấy chính là chỗ Xuân Diệu

(1) “Lời kỹ nữ” trích theo đây.

hơn người. Dòng tư tưởng quá sôi nổi không thể đi theo những đường có sẵn. Ý vẫn xô đẩy, khuôn khổ câu văn phải lung lay.

Nhưng xét rộng ra, cái nao nức, cái xôn xao của Xuân Diệu cũng là cái nao nức, cái xôn xao của thanh niên Việt Nam bây giờ. Sự đụng chạm với phương Tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt Nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy **cái** thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người. Họ tưởng có thể nhắm mắt làm liều, lấy cá nhân làm cứu cánh cho cá nhân, lấy sự sống làm mục đích cho sự sống. Song đó chỉ là một cái dối mình. “Chớ để riêng em phải gặp lòng em”, lời khấn cầu của người kỹ nữ cũng là lời khấn cầu của con người muôn thuở. Đời sống của cá nhân cần phải vin vào một cái gì thiêng liêng hơn cá nhân và thiêng liêng hơn sự sống.

Bởi Xuân Diệu đã gửi trong thơ của người lẫn với một chút hương xưa của đất nước, bao nhiêu nỗi niềm riêng của thanh niên bây giờ - Xuân Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới - nên chỉ những người lòng còn trẻ mới thích đọc Xuân Diệu, mà đã thích thì phải mê. Xuân Diệu không như Huy Cận vừa bước vào làng thơ đã được người ta dành ngay cho một chỗ ngồi yên ổn. Xuân Diệu đến giữa chúng ta tới nay đã ngót năm năm mà những tiếng khen chê vẫn chưa ngớt. Người khen, khen hết sức; người chê, chê không tiếc lời. Song những ai chê Xuân Diệu, tưởng Xuân Diệu có thể trả lời theo lối Lamartine ngày trước: “Đã có những thiếu niên, những thiếu nữ hoan nghênh tôi”.

*Với một nhà thơ còn gì quý cho bằng sự hoan nghênh
của tuổi trẻ.*

Juillet 1941

TRĂNG

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ...
Im lìm, không dám nói năng chi.

Bâng khuâng chân tiếc dậm lên vàng,
Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,
Và làm sai lỗ nhịp trăng đang.

Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh,
Cho gió du dương điệu múa cành;
Cho gió đượm buồn, thôi náo động
Linh hồn yếu điệu của đêm thanh.

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ.
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá!
Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ.

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

HUYỀN DIỆU

Les parfums, les couleurs et les sons se répondent

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn;
Nhu hương thấm tận qua xương tủy,
Âm điệu, thần tiên, thấm tận hồn.

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường,
Dẫn vào thế giới của Du Dương;
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiện hiện hoa và phảng phất hương...

Hãy nghe lẫn lộn gió bên tai
Giọng suối, lời chim, tiếng khóc người;
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc,
Ngọt ngào than gọi thuở xa khơi...

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ rung hoài, trong chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

TÌNH TRAI

Tôi nhớ *Rimbaud* với *Verlaine*,
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men,
Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
Khinh rẻ khuôn mòn, bỏ lối quen.

Những bước song song xéo dậm trường,
Đôi hôn tươi đậm ngát hoa hương,
Họ đi, tay yếu trong tay mạnh,
Nghe hát ân tình giữa gió sương.

Kể chi chuyện trước với ngày sau;
Quên ngó môi son với áo màu;
Thây kệ thiên đường và địa ngục!
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

NHỊ HỒ

Trăng vừa đủ sáng để gây mơ,
Gió nhịp theo đêm không vội vàng;
Khí trời quanh tôi làm bằng tơ
Khí trời quanh tôi làm bằng thơ.

Cây cỏ bình yên, khuya tĩnh mịch
Bỗng đâu lên khúc *Lạc âm thiếu...*

Nhị hồ để bốc niêm cô tịch
Không khóc nhưng mà buồn hiu hiu.

Điệu ngả sang bài *Mạnh Lệ Quân*,
Thu gồm xa vắng tự muôn đời.
Sương nường theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

Tiếng đàn thâm diệu dẫn tôi đi
Qua những sân cung rộng hải hồ.
Có phải A Phòng hay Cô Tô?
Lá liễu dài như một nét mi.

... Và nàng Lộng Ngọc lấy Tiêu Lang,
Cưỡi hạc một đêm bay lên trời.
Vua Trần hậu chúa ngó trăng vàng,
Khúc Hạm đình hạc đương lên khơi.

Linh hồn lưu giữa bể du dương...
Tôi thấy xiêm nghê nổi gió lửa:
Những nàng cung nữ ước mơ vua.
Không biết bao giờ nguôi nhớ thương.

Tôi yêu Bao Tự mặt sâu bi,
Tôi mê Ly Cơ hình nhíp nhàng,
Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng,
Trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi.

(*Thơ Thơ, in lần thứ hai*)

ĐÂY MÙA THU TỐI

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng;
Đây mùa thu tới - mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh;
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Thỉnh thoảng nàng trắng tự ngần ngơ...
Non xa khỏi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vẳng người sang những chuyển dò...

Mây vẫn từng không, chim bay đi,
Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

VỘI VÀNG

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;

Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.
Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi.
Mỗi sáng sớm thần vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa;
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.
Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật.
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng dứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?
Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...
Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta uốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn;

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

CHIỀU

Hôm nay trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn, không hiểu làm sao tôi buồn.
Lá hồng rơi lặng ngõ thôn,
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.
Phát phơ hồn của bông hường,
Trong hơi phiêu bạt còn vương máu hồng.
Nghe chừng gió nhớ qua sông,
E bên lau lách thuyền không vắng bờ.
- Không gian như có dây tơ,
Bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu.
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khê buồn...

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

VIỄN KHÁCH

Đương lúc hoàng hôn xuống,
Là giờ viễn khách đi.
Nước đượm màu ly biệt,
Trời vương hương biệt ly,

Mây lạc hình xa xôi;
Gió than niềm trách móc.
Mây ôi và gió ôi!
Chớ nên làm họ khóc.

Mắt ghen nhìn thấu dạ;
Môi khô hết nín lời...
Chân dãi, tay muộn rã...
Kẻ khuất... kẻ trông vời...

Hôm nào như hôm qua
Má kẻ trên gối sánh?
Anh đi, đường có hoa...
Tôi nằm trong tuổi lạnh,

Buổi chiều ra cửa sổ;
Bóng chụp cả trời tôi!
- Ôm mặt khóc rưng rức;
Ra đi là hết rồi.

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

TƯƠNG TƯ, CHIỀU...

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm;
Anh nhớ em, em ơi! Anh nhớ em.
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm
Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rới;
Đêm bàng khuâng đôi miếng lẩn trong cành;
Mây theo chim về dãy núi xa xanh
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.

Thôi hết rồi, còn chi nữa đâu em!
Thôi hết rồi, gió gác với trăng thêm,
Vội sương lá rụng trên đầu gần gũi.
Thôi đã hết hồn ghen và giận dỗi!
(Được giận hờn nhau sung sướng bao nhiêu!)
Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh
Anh nhớ em, anh nhớ lắm! Em ơi!
Anh nhớ anh của ngày tháng xa khơi,
Nhớ đôi môi đương cười ở phương trời;
Nhớ đôi mắt đương nhìn anh đắm đắm.
Gió bao lần từng trận gió thương đi,
- Mà kỷ niệm, ôi, còn gọi ta chi...

(Thơ Thơ, in lần thứ hai)

LỜI KỶ NỮ

Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa;
Vội vàng chi trắng sáng quá, khách ơi!
Đêm nay rằm: yến tiệc sáng trên trời;
Khách không ở, lòng em cô độc quá.
Khách ngồi lại cùng em! Đây gối lả,
Tay em đây, mời khách ngả đầu say;
Đây rượu nồng. Và hồn của em đây,
Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử,
Chớ đập hồn em!

Trăng từ viễn xứ
Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn;
Gió theo trăng từ biển thổi qua non;
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rộn,
Lòng kỹ nữ cũng sâu như biển lớn
Chớ để riêng em phải gặp lòng em;
Tay ái ân du khách hãy làm rèm,
Tóc xanh tốt em xin nguyên dặt võng.
Đẩy hộ hồn em triển miên trên sóng,
Trôi phiêu lưu không vọng bến hay gành,
Vì mình em không được quán chân anh,
Tóc không phải những dây tình vương víu.
Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.
Người giai nhân: bến đợi dưới cây già;
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

*

Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt.
Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi.
Người viễn du lòng bạn nhớ xa khơi,
Gõ tay vương để theo lời gió nước.

*

Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.
Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi.
Du khách đi
- Du khách đã đi rồi.

(Ngày nay)

NGUYỆT CẨM

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hồi trăng ngân!
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm!
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh.
Lung linh bóng sáng bỗng rung mình,
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời;
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi!
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người...

Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê;
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề...
Sương bạc làm thính, khuya nín thở
Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê.

(Ngày nay)

GIỤC GIÃ

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!
Em, em ơi, tình non đã già rồi,
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! Thời gian không đứng đợi.

Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới:
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ,
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết.

Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt;
Những vườn xưa nay đoạn tuyệt dấu hài;
Gặp đi em, anh rất sợ ngày mai;
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.

*

Vừa xịch gôi chẵn, mộng vàng tan biến;
Dung nhan xê động, sắc đẹp tan tành;

Vàng son đương lộng lẫy buổi chiều xanh,
Quay mặt lại: cả lâu chiều đã vỡ.

Vì chút mây đi, theo làn vút gió,
Biết thế nào mà chậm rãi, em ơi?
Sớm nay, sương xê xích cả chân trời,
Giục hồng nhận thiên di về cõi bắc.

Ai nói trước lòng anh không phản trắc.
Mà lòng em, sao lại chắc trơ trơ?
Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,
Đốt muôn nến sánh mặt trời chói lói.

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm,
Em vui đi, rằng nở ánh trắng rằm;
Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự.

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ
Em, em ơi! Tình non sắp già rồi.

(Ngày nay)

THU

Nồn nà sương ngọc quanh thêm đậu;
Nắng nhỏ băng khuâng chiều lữ thì.
Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;
Cành biếc run run chân ý nhi.

Gió thâm, mây lặng, dáng thu xa;
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.
Buồn ở sông xanh nghe đã lại,
Mơ hồ trong một tiếng chim qua.

Bên cửa ngừng kim thêu bức gấm,
Hây hây thực nữ mắt như thuyền;
- Gió thu hoa cúc vàng lưng đậu,
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên.

(Ngày nay)

BUỒN TRĂNG

Gió sáng bay về, thi sĩ nhớ
Thương ai không biết, đứng buồn trăng;
Huy hoàng trăng rộng, nguy nga gió,
Xanh biếc trời cao, bạc đất bằng.

Mây trắng ngang hàng tự thuở xưa,
Bao giờ viễn vọng đến bây giờ...
Sao vàng lẻ một, trăng riêng chiếc;
Đêm ngọc tê ngồi men với tở...

Chỉ biển trời xanh, chẳng bến trời.
Mất tìm thêm rộn ánh khơi vơi.
Trăng ngà lặng lẽ như bông tuyết,
Trong suốt không gian, tịch mịch đời.

Gió nọ mà bay lên nguyệt kia,
Thêm đêm sương lạnh xuống đầm đìa.
Ngảng đầu ngấm mãi chưa xong nhớ,
Hoa buổi thơm rồi: đêm đã khuya.

(Ngày nay)

HOA ĐÊM

Chen lá lục, những búp nhài mở nửa,
Hóp bóng trắng đầy miệng nhỏ xinh xinh
Vì gió im, và đêm cứ làm thình,
Đoàn giây phút cũng lần khân nghỉ đã.
Trăng ở đó; đất vườn thêu bóng lá;
Trời trên kia vàng mạ, sáng như bằng;
Lá lim dim trên mấy ngọn bằng bằng;
Cành lả lả tưởng chờ ai đón đầy.
Ôi vắng lặng!

Trong giờ mơ ngủ ấy,
Bỗng hoa nhài thức dậy, sánh từng đôi;
Hoa nhài xanh, dưới ánh nguyệt tuôn trời,
Ánh nguyệt trắng trên hoa nhài đúc sữa.
Sao họ khéo nồn nà mà bỏ ngỡ,
Những nàng hoa chờ đợi gió phong lưu;
Chiều khả liên áo mới, khê nghiêng đầu,
Mỗi cánh bướm yêu yêu thân tuyết bạch.

Nguyệt lác đác tiếng nổ dòn lách tách;
Lòng phơi phơi chừng đợi cái ong châm;
Miệng thở ra hương, hương tỏa tình ngấm,
Hoa kỹ nữ đã mở lời trêu ghẹo.

Chàng gió lại đi khuya ngoài khuất nẻo,
Nghe tiếng thơm, liêu liêu đến tìm hương.
Cánh du lang tha thướt phát qua tường,
Áo công tử giải là vương nào nuốt.

Này hoa ngọc đã giạt mình trắng muốt,
Thoảng tay tình gió vuốt bông lao đao:
- Hương hiu hiu, nên gió cũng ngọt ngào,
Hôn nhỏ nhỏ mà đầu hoa nặng trĩu.

*

Là màu sắc hay chỉ là âm điệu?
Là hương say hay chính ấy rượu thơm?
Gió canh khuya hay nghìn ngón tay ôm?
Trăng mối lái phủ màng tơ ảo mộng...
Gió chấp cánh cho hương càng tỏa rộng,
Xóc nhau đi vào khắp cõi xa bay
Và hương bay, thì hoa tưởng hoa bay...

(Sách Tết Đời nay 1941)

HUY CẬN

Cù Huy Cận sinh ngày 31 *mai* 1919. Quê quán: làng Ân Phú, huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh). Học lớp năm ở trường tổng, lớp tư đến khi đậu tú tài tây ở Huế. Hiện học Trường Cao đẳng Nông lâm.

Hồi 1936, có viết giúp *Tràng An, Sông Hương* (ký Hán Quỳnh). Từ 1938, đăng thơ ở *Ngày nay*.

Đã xuất bản: *Lửa thiêng* (Đời nay, Hà Nội, 1940)

Đã có hồi người ta tưởng muốn làm thơ hay phải là người hay khóc và thi nhân mỗi lần cầm bút là một lần phải "nâng khăn lau mắt lệ". Nhưng buồn mãi cũng chán. Trên tao đàn Việt Nam bỗng phe phẩy một ngọn gió yêu đời, tuy không thổi tan những đám mây sâu u ám, song cũng đã mấy lần ngân lên những tiếng reo vui. Người thính tai sẽ nhận thấy trong những tiếng kia còn biết bao nhiêu vui gượng, nhưng đâu sao sự cố gắng đau đớn của cả một lớp người đi tìm vui, cái cảnh ấy ai thấy mà chẳng động lòng? Than ôi! Ngày vui ngắn ngủi, chưa được mấy năm nổi buồn đã trở về, thảm đạm và nặng nề hơn xưa.

Nó đã trở về trong tập Lửa Thiêng. Với những tính cách khác hẳn. Cái buồn Lửa Thiêng là cái buồn tỏa ra từ hồn một người cơ hồ không biết đến ngoại cảnh. Có người muốn làm thơ phải tìm những cảnh nên

thơ. Huy Cận không thể. Nguồn thơ đã sẵn trong lòng, đời thi nhân không cần có nhiều chuyện. Huy Cận có lẽ đã sống một cuộc đời rất bình thường, nhưng người luôn luôn lắng nghe mình sống để ghi lấy cái nhịp nhàng lặng lẽ của thế giới bên trong. Ai đã so sánh “*Las Mocedades del Cid*” của Guillen de Castro với “*le Cid*” của Corneille hay “*Kim Vân Kiều truyện*” của Thanh Tâm Tài Nhân với “*Đoạn trường tân thanh*” của Nguyễn Du đều nhận thấy trong “*Đoạn trường tân thanh*” và trong “*le Cid*” nhiều tình mà ít chuyện. Nếu ta so sánh thơ Huy Cận với thơ hồi trước, ta cũng sẽ thấy như thế.

Huy Cận đi lượm lặt những chút buồn rơi rác để rồi sáng tạo nên những vần thơ ảo não. Người đời sẽ ngạc nhiên vì không ngờ với một ít cát bụi tâm thường thi nhân lại có thể đúc thành bao nhiêu châu ngọc. Ai có ngờ những bước chân đã tan trên đường kia còn ghi lại trong văn thơ những dấu tích hẳn không bao giờ tan được:

Thôi đã tan rồi vụn gót hương
Của người đẹp tới tự trăm phương.
Tan rồi những bước không hò hẹn
Đã bước trùng nhau một ngã đường.

Lại có khi suốt buồn thương cứ tự trong thâm tâm
chảy ra lai láng không vương chút bụi trần:

Ôi! Nặng vàng sao mà nhớ nhung!
Có ai đàn lẻ để tơ chùng?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...

Phải tỉnh lắm mới thấy rõ lòng mình như thế giữa

cái ô at, cái rộn rịp của cuộc đời hằng ngày.

Đây có lẽ là một điều Huy Cận đã học được trong thơ Pháp. Nhưng với trí quan sát rèn luyện trong nền học mới, Huy Cận đã làm một việc táo bạo: tìm về những cảnh xưa, nơi bao nhiêu người đã sa lầy - tôi muốn nói sa vào khuôn sáo. Người nói cùng ta nỗi buồn nơi quán chát đèo cao, nỗi buồn của sông dài trời rộng, nỗi buồn của người lữ thứ dừng ngựa trên non, buồn đêm mưa, buồn nhớ bạn. Và cũng như người đã làm thơ với những cái hình như không có gì nên thơ, người tìm ra thơ trong những chốn ta tưởng không còn có thơ nữa. Người đã gọi dậy cái hồn buồn của Đông Á, người đã khơi lại cái mạch sâu mấy nghìn năm vẫn ngấm ngấm trong cội đất này. Huy Cận triển miên trong cảnh xưa, trò chuyện với người xưa, luôn luôn đi về trên con đường thời gian vô tận. Có lúc hình như thi nhân không phân biệt mộng với thực, ngày trước với ngày nay. Cảnh trước mắt mơ màng như đã thấy ở một kiếp nào, tình mới nhóm người tưởng chừng đã hẹn đâu "từ vạn kỷ".

Nhưng con đường về quá khứ đi càng xa, càng cô tịch; tứ bề càng vắng lặng, mênh mông. Có lẽ thi nhân trong cuộc viễn du đã có lần nhác thấy cái xa thăm của thời gian và không gian, có lẽ người đã nghe trong hồn hơi gió lạnh buốt từ vô cùng đưa đến. Một Pascal hay một Hugo trong lúc đó sẽ rùng mình, sẽ hốt hoảng. Với cái điềm đạm của người phương Đông thời trước, Huy Cận chỉ lặng lẽ buồn:

Một chiếc linh hồn nhỏ:

Mang mang thiên cổ sầu.

Tôi nhớ lại cái buồn của một thi nhân khác, Trần Tử Ngang, ngàn năm trước, cũng đã có một cuộc viễn du tương tự như thế:

Ai người trước đã qua?

Ai người sau chưa đến?

Nghĩ trời đất vô cùng

Một mình tuôn giọt lệ⁽¹⁾.

Tuy nhiên điếm đạm đến đâu người ta cũng không thể một mình đứng trước vô cùng. Người ta cần phải nương tựa vào một cái gì cho đỡ lẻ loi: một lòng tin hay, ít nữa, một tình yêu, theo nghĩa thông thường và chân chính của chữ yêu. Huy Cận có lẽ đã thiếu tình yêu, mà Thương đế của người lại chỉ là một cái bóng để gửi ít câu thơ thì được, để an ủi thì không. Cho nên người thấy mình lạc loài giữa cái mệnh mông của đất trời, cái xa vắng của thời gian. Lời thơ vì thế buồn rười rượi. Nhưng thương nhất là những đoạn thơ vui (chẳng hạn bài “Tình tự”). Ta thấy một người hiền lành lắm và non dại lắm, vui hấp tấp, vui cuống quýt, vì trong lúc vui người cũng biết buồn đương chờ mình đâu đó.

Nhưng thương hay mến có làm gì. Thương mến không đủ làm tan nỗi bơ vơ. Khoảng trống trong lòng

(1) Theo bản dịch của Ô.Võ Liêm Sơn trong *Cổ lầu mộng*. Nguyên văn chữ Hán:

Tiền bất kiến cổ nhân

Hậu bất kiến lai giả

Niệm thiên địa chi du du

Độc thương nhiên nhi lệ hạ.

thi nhân họa tình yêu mới lấp được muôn một.

Có người sẽ bảo thơ Huy Cận già. Già vì buồn, già vì hay kể về những chuyện xưa. Nhưng trong đời người ta còn có tuổi nào hay buồn hơn tuổi hai mươi⁽¹⁾. Còn có tuổi nào hay vẫn trẻ hơn. Tôi thấy thơ Huy Cận trẻ lắm. Huy Cận đã đưa tôi về khoảng đời tôi bảy tám năm trước. Tôi bùi ngùi thương chàng niên thiếu hồi bấy giờ đã sống luôn mấy năm trong hiu quạnh. Chàng cũng mang một tấm lòng chứa chan yêu dấu đi tìm tình yêu trong tình bạn. Và vì thế chàng cũng đã đi lầm đường. Chàng thấy cảnh trời đẹp, chàng gặp những tâm hồn cao quý, chàng được vô số mến thương. Nhưng đẹp làm gì, cao quý làm gì, thương mến làm gì, nếu lòng chàng không hề đón được ít hương ân ái. Vũ trụ bao la quá, lòng chàng giá lạnh quá, chàng muốn quên mình, quên hết thấy trong tình yêu của một người, vô luận người nào. Chàng gõ cửa hết nơi nọ chốn này song bao nhiêu tâm tư đều đóng kín.

*

Nỗi lòng xưa, nay sức tỉnh. Đọc thơ Huy Cận tôi đã gặp lại một người em.

Chỉ một người em? Không. Năm tháng dẫu đi qua, đời tôi dẫu có khác, nhưng tuổi hai mươi đã thực chết trong lòng tôi?

Mars 1941

(1) Tuổi hai mươi, không phải hai mươi tuổi.

BUỒN ĐÊM MƯA

Đêm mưa làm nhớ không gian,
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la...

Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn.

Nghe đi rồi rạc trong hồn
Những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi...

Rơi rơi... dịu dịu rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nỗi lời vu vơ...

Tương tư hướng lạc, phương mờ...
Trở nghiêng gối mộng, hững hờ nằm nghe.

Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư...

(Lửa Thiêng)

TÌNH TỰ

Sáng hôm nay hồn em như tử áo,
Ý trong veo là lượt xếp từng đôi.
Áo đẹp chưa anh! Hoa thắm thêu đời,
Áo mơ ước anh bận giùm chiếc nhé.
Vàng rạng cùng xanh, hồng cười với tía,
Xin mời anh chọn hình sắc yêu đương.
Hồn em đây đủ muôn ánh nghề thường,
Anh hãy bận hồn em màu sáng chói.

Anh có biết, hôm nay là ngày hội
Của lòng ta. Em trần thiết, trang hoàng.
Anh đã về; em nghe dưới chân vang
Hoa lá nở với chuông rền giọng thắm.
Thửa chờ đợi, ôi, thời gian rét lắm,
Đời tàn rơi cùng sao rụng canh thâu;
Và trăng lu xế nửa mái tình sâu,
Gió than thở biết mấy lời van vỉ?

Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ,
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa.
Yêu giữa đời mà hồn ở trong mơ,
Tình rộng quá, đời không biên giới nữa.
Đây cửa mộng lòng em, anh hãy mở;
Màu thanh thiên rơi rọi, gió long lanh:
Hồn nhớ thương em dệt áo dâng anh.

(Lửa Thiêng)

ĐI GIỮA ĐƯỜNG THƠM

Đường trong làng: hoa dại với mùi rơm...
Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm,
Lòng giắt sẵn ít hương hoa tưởng tượng.
Đất thù nắng, bóng tre, rồi bóng phượng
Lần lượt buông màn nhẹ vương chân lâu:
Lên bề cao hay đi xuống bề sâu?
Không biết nữa. - Có chút gì làm ngợp
Trong không khí... hương với màu hòa hợp...

Một buổi trưa không biết ở thời nào,
Như buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao,
Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ,
Mà đôi lứa đứng bên vườn tình tự.
Buổi trưa này xưa kia ta đã đi,
Phải cùng chăng? Lòng nhớ rõ làm chi!
Chân bên chân, hôn bên hôn, yên lặng,
Người cùng tôi đi giữa đường rải nắng,
Trí vô tư cho da thở hương tình.
Người khê nắm tay, tôi khê nghiêng mình
Như sắp nói, nhưng mà không; - khóm trúc
Vừa động lá, ta nhận vào một lúc
Cả không gian hỗn hậu rất thơm tho;
Gió hương đưa mùi, dịu dịu phát phơ...
Trong cảnh lặng, vẫn đưa mùi gió thoảng...

Trí băng quở nghĩ thoáng nhưng buồn nhiều:
"Chân hết đường thì lòng cũng hết yêu".
Chân đang bước bỗng e dè dừng lại
- Ở giữa đường làng, mùi rơm, hoa dại...

(Lửa Thiêng)

ĐẸP XƯA

Ngập ngừng mép núi quanh co,
Lưng đeo quán đựng, mưa lò mái ngang...
Vì vu gió hút nẻo vàng;
Một trời thu rộng mấy hàng mây nao.

Dừng cương nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lũ thú kè nào héo hon...

Đi rồi, khuất ngựa sau non;
Nhỏ thưa tràng đặc tiếng còn tịch liêu...
Trơ vơ buồn lọt quán chiều,
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người.

(Lửa Thiêng)

TRÀNG GIANG

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

H.C.

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ giọt đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều,
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật.
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

(Lửa Thiêng)

VẠN LÝ TÌNH

Người ở bên trời, ta ở đây;
Chờ mong phương nọ, ngóng phương này.
Tương tư đôi chốn, tình ngàn dặm,
Vạn lý sâu lên núi tiếp mây.

Nắng đã xế về bên xứ bạn;
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy.
Trông vời bốn phía không nguôi nhớ,
Dời động hoàng hôn thấp thoáng bay.

Cơn gió hiu hiu buồn tiễn biệt,
Xa nhau chỉ biết nhớ vơi ngày.
Chiều chẵn không ấm người nằm một -
Thương bạn chiều hôm, sâu gối tay.

(Lửa Thiêng)

NHẠC SẦU

Ai chết đó? Nhạc buồn chi lắm thế!
Chiều mờ cô, đời rét mướt ngoài đường;
Phố chiều hiu màu đá cũ lên sương.
Sương hay chính bụi phai tàn lả tả?
Từng tiếng lệ: ấy mộng sầu ứa lá.

Chim vui đâu? Cây đã gãy vài cành.
Ôi chiều buồn! Sao nặng quá mong manh!
Môi tái nhạt nào cười mà héo vầy!
Ai chết đó? Trục xoay và bánh dầy,
Xe tang đi về tận thế giới nào?
Chiều đông tàn, lạnh xuống tự trời cao,
Không lửa ấm, chắc hồn buồn lắm đó.
Thê lương vậy mà ai đành lìa bỏ
Trần gian sao? Đây thành phố đang quen,
Nhưng chốc rồi nẻo vắng đã xa miền
Đường sá lạ thôi lạnh lòng biết mấy!

Và ngựa ơi, đi nhịp dầm, chớ nhảy
Kẻo thân đau, chưa quên nệm đường đời.
Ai đi đưa, xin đưa đến tận nơi,
Chớ quay lại nửa đường mà làm tủi
Người đã chết. - Một vài ba đầu cúi,
Dầm bầy lòng thương xót đến bên mồ
Để cho hồn khi sắp xuống hư vô
Còn được thấy trên mặt người ấm áp
Hình dáng cuộc đời từ đây xa tấp.
Xe tang đi, xin đường chớ gập ghềnh!
Không gian ôi, xin hẹp bớt mông mênh,
Ảo não quá trời buổi chiều vĩnh biệt!
Và người nữa, tiếng gió buồn thê thiết
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn.
Hàng cờ đen là bóng quạ chập chờn
Báo tin xấu, dẫn hồn người đã xế...

Ai chết đó? Nhạc buồn chi lắm thế!
Kèn đám ma hay ấy tiếng đau thương
Của cuộc đời? Ai rút tọt trong xương
Tiếng nức nở gọi gió đường quanh quẽ!
Sầu chi lắm trời ơi! Chiều tận thế!

(Lửa Thiêng)

NGÂM NGÙI

Nắng chia nửa bãi; chiều rồi...
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu.
Sợ buồn con nhện dăng mau;
Em ơi! Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.
Lòng anh mở với quạt này;
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.
Ngủ đi em, mộng bình thường!
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ...
Cây dài bóng xế gần ngơ...
- Hồn em đã chín mấy mùa thương đau?
Tay anh em hãy tựa đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi...

(Lửa Thiêng)

THÚ RỪNG

Bỗng dưng buồn bã không gian,
Mây bay lững thấp dăng màn âm u.

Nai cao gót lẫn trong mù
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về.

Sắc trời trôi nhạt dưới khe;
Chim đi lá rụng, cành nghe lạnh lùng.

Sầu thu lên vút, song song
Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu.

Non xanh ngây cả buồn chiều
- Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.

(Lửa Thiêng)

ÁO TRẮNG

Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong.
Hôm xưa em đến, mắt như lòng.
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước tỏa hồng.

Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;
Em duyên đôi má nằng hoe tròn.
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thổi lại phòng anh cả núi non.

Em nói anh nghe tiếng lẫn lời;
Hồn em anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài.

Đôi lúa thân tiên suốt một ngày.
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.
Dịu dàng áo trắng trong như suối
Tỏa phát đôi hồn cánh mộng bay.

(Lửa Thiêng)

CHIỀU XUÂN

Xuân gọi tràn đầy
Giữa lòng hoan lạc,
Trên mình hoa cây...

Nắng vàng lạt lạt -
Ngày đi chầy chầy...

Hai hàng cây xanh
Đâm chồi hy vọng...
Ôi duyên tốt lành.

Én ngàn đưa vông -
Hương đồng lên hanh.

Kê bên đường mòn
- Mùa đông đã tạnh -
Cỏ mọc bờ non...

Chiều xuân tươi mạnh -
Gió bay vào hồn.

Có bàn tay cao
Trút bình ăm dịu
Từ phương xa nào...

Người cô yếu điệu
Nghe mình nao nao...

Nhạc vươn lên trời:
Đời măng đang dậy
Tưng bừng muôn nơi...

Mái rừng gió hắt -
Chiều xuân đầy lời.

(Lửa Thiêng)

TẾ HANH

Họ Trần. Sinh ngày 15 tháng 5 năm Tân Dậu (1921) ở làng Đông Yên, phủ Bình Sơn (Quảng Ngãi). Chánh quán: làng Giao Thủy, cách làng kia một con sông. Đậu sơ học rồi ra Huế học trường Khải Định. Ở đó quen Huy Cận và được Huy Cận chỉ vẽ cho nhiều. Hiện học năm thứ hai ban trung học.

Những bài thơ trích sau đây rút trong tập *Nghẹn ngào* đã được giải khuyến khích của Tự lực văn đoàn năm 1939.

Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”, như tiếng hát của hương đồng quyến rũ con đường quê nhỏ nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm cho cảnh vật: sự mỗi một say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sâu tủi của một con đường. Tế Hanh luôn nói đến những con đường. Cũng phải. Trên những con đường ngừng lại biết bao nhiêu băng khuâng hồi hộp!

Nhưng Tế Hanh sở dĩ nhìn đời một cách sâu sắc như thế là vì người sẵn có một tâm hồn tha thiết.

*Hôm đầu tôi gặp người thiếu niên ấy, người rụt rè
ngượng nghịu như một chàng rể mới. Nhưng tôi vẫn
nhớ đôi mắt. Đôi mắt nồng nàn lạ. Tôi nghĩ ở một
người như thế những điều cảm xúc, những nỗi đau
xót sẽ quá mực thường và có khi khác thường.*

Như khi yêu, người thấy:

*Kìa em, lên! Rực rỡ bốn phương trời;
Đôi mắt to ném lửa sáng nơi nơi;
Vùng trán rộng, hào quang lòe chói rực.
Ta thấy sáng! Hồn phiêu diêu thoát tục,
Lòng lâng lâng không muốn ước mơ chi,
Mắt lim dim đầu cúi gục chân quỳ...*

*Tuy lời thơ còn có gì lệch với hồn thơ nhưng không
có một tâm hồn đắm đuối không thể viết nên những
lời như thế.*

*Khi thất vọng thì nhân ước cho người yêu chết đi
để được ngồi trên mỏ nhỏ từng giọt nước mắt thấm
xuống tâm thân lạnh lẽo.*

*Tệ hơn nữa, người muốn hưởng cái thú tàn nhẫn
được thấy người yêu “đau quằn quại”, được nghe tiếng
khóc của người yêu, tiếng khóc:*

Rách đau thương như lụa xé tôi rời.

*Chúng ta sẽ ngạc nhiên và băn khoăn không biết
ở những chỗ sâu kín trong lòng ta có gì giống như
thế không. Dầu sao, sự thành thực của thi nhân không
thể ngờ được.*

*Nhưng tôi chưa muốn nói nhiều về Tế Hanh. Tế
Hanh còn trẻ lắm và cũng mới bước vào làng thơ,
chưa có thể biết rõ những con đường người sẽ đi.*

Avril 1941

QUÊ HƯƠNG

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

(*Nghẹn ngào*)

LỜI CON ĐƯỜNG QUÊ

Tôi, con đường nhỏ chạy lang thang
Kéo nỗi buồn không dạo khắp làng,
Đến cuối thôn kia hơi cỏ vương,
Hương đồng quế rũ hát lên vang.

Từ đây mình tôi cỏ mọc đầy,
Giọt lòng hoa dại ngát hương lây.
Tôi ôm đám lúa, quanh nương sắn,
Bao cái ao rêu nước đục lây...

Những buổi mai tươi nắng chói xa
Hồn tôi lóng lánh ánh dương sa,
Những chiều êm ả tôi thư thái
Như kẻ nông phu trở lại nhà.

Tôi đã từng đau với nắng hè:
Da tôi rạn nứt bởi khô se,
Đã từng điêu đứng khi mưa lụt:
Tôi lở, thân tôi rã bốn bề.

San sẻ cùng người nỗi ấm no
Khi mùa màng được, nỗi buồn lo
Khi mùa màng mất, tôi ngây cả
Với những tình quê buổi hẹn hò.

Và thế đời tôi hết cái buồn
Trong làng. Cực khổ đắm say luôn,

Tôi thâm tê tái trong da thịt
Hương đất, hương đồng chẳng ngọt tuôn.

(Nghen ngào)

VU VƠ

Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi, đến những ga,
Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt,
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa.

Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu
Ngàn đời không đủ sức đi mau:
Có chi vướng víu trong hơi máy,
Máy chiếc toa đầy nặng khổ đau.

Bánh nghiêng lăn lán quá nặng nề;
Khối phì như nghen nỗi đau tê;
Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ:
Lòng của người đi réo kẻ về.

Kẻ về không nói bước vương vương..
Thương nhớ lan xa mấy dặm trường
Lẽo đẽo tôi về theo bước họ,
Tâm hồn ngỡ ngẩn nhớ muôn phương.

(Nghen ngào)

AO ƯỚC

Anh là kẻ say mê nhưng nhút nhát,
Không hiểu giúp em lại nỡ cho anh
Là không yêu, là một kẻ vô tình;
Anh tức quá đem lòng ao ước tệ:

Nếu em chết chắc là anh có thể
Tổ mối tình lặng lẽ, quá sâu thâm;
Anh tìm nơi em nghỉ giấc ngàn năm
Ngồi điên dại, sầu như cây liễu rũ.

Anh không uống, anh không ăn, không ngủ,
Anh khóc than, than khóc đến bao giờ
Nước mắt anh lầy lội cả năm mờ,
Nhỏ từng giọt xuống thân em lạnh lẽo.

Rồi anh chết, anh chết sâu, chết héo;
Linh hồn anh thất thiếu đôi hồn em.
- Và ở đâu kia, ở cõi đời đêm
Chắc em chẳng nghi ngờ tình anh nữa...

(Nghẹn ngào)

YẾN LAN

Chính tên là Lâm Thanh Sang. Sinh năm 1918 ở làng An Ngãi, phủ An Nhơn (Bình-Định). Chỉ học quanh mấy trường trong tỉnh.

Đã đăng thơ: *Phụ nữ, Tiểu thuyết thứ năm, Nghệ thuật.*

Hai bài trích dưới đây rút trong tập *Bến My Lăng* chưa xuất bản.

Xuân Diệu có hai câu thiệt hay:

Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu,
Lả lả cảnh hoang vắng trở chiều.

Chính là hai câu tả cảnh. Nhưng cảnh như muốn theo lời thơ mà tan ra. Nó chỉ mất một tí rõ ràng để được thêm rất nhiều thơ mộng. Yến Lan cũng làm thơ lối ấy, nhưng Yến Lan đi quá xa. Xem thơ Yến Lan tôi mơ màng như đi trong mây mù. Khi đầu thì cũng hay hay, nhưng dần lâu cơ hồ ngạt thở. Chỉ thấy mờ mờ những con đường chảy, êm như những dòng sông, và nhất là cái vầng trăng vẫn thường ám ảnh các nhà thơ Bình Định. Ngoài ra chịu không biết sau màn mây mù ấy có gì không.

Dưới đây tôi chỉ trích vài bài mà cái không khí lạ nhưng nhẹ nhàng dễ khiến người ta thích.

Octobre 1941

BẾN MY LĂNG

Bến My Lăng nằm không, thuyền đợi khách,
Rượu hết rồi, ông lái chẳng buồn câu.
Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách,
Ông lái buồn để gió lên mơn râu.

Ông không muốn run người ra tiếng địch,
Chở mãi hồn lên tắm bến trăng cao.
Vì diu hiu, diu hiu, trời tĩnh mịch,
Trời võ vàng, trời thiếu những vì sao.

Trôi quanh thuyền, những lá vàng quá lạnh
Tơ vương trời, nhưng chỉ giải trắng trăng.
Chiều ngui ngút dài trôi về nẻo quạnh,
Để đêm buồn vây phủ bến My Lăng.

Nhưng đêm kia đến một chàng ky mã,
Nhúng dây trắng màu áo ngọc lưu ly,
Chàng gọi dò, gọi dò như hồi hã
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.

Ông lão vẫn say trăng, đầu gối sách,
Để thuyền hồn bơi khỏi bến My Lăng.
Tiếng gọi dò, gọi dò như oán trách,
Gọi dò thôi run rẩy cả ngành trăng.

Bến My Lăng còn lạnh, bến My Lăng
Ông lái buồn đợi khách suốt bao trăng.

(Bến My Lăng)

NHỚ

Một buổi trong rừng chim “hít cô”
Dịu dàng buông nhẹ xuống hư vô
Những tràng ngọc tiếng lẳng trong gió,
Theo những dòng mây chảy lặng lẽ.

Tôi nhớ trên đường bao vẫy lá,
Mà thu vàng rụng giữa ngày khô!

Ừ sao không nhớ người trai trẻ,
Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng?
(Đêm qua tan hội trong làng cuối,
Khi đứng bên cầu buộc dải khăn)

(Bến My Lăng)

PHẠM HẦU

Con quan nguyên thượng thư Phạm Liệu. Sinh ngày
2 mars 1920 ở Trùng Giang, phủ Điện Bàn (Quảng Nam).
Học trường Quốc học Huế, trường Mỹ thuật Hà Nội.
Đã đăng thơ: *Tao đàn*, *Mùa gặt mới*.

Lần đầu tôi xem thơ Phạm Hầu trên tạp chí “Tao đàn”, những bài thơ in bằng một thứ chữ chắc chắn, đậm nét. Lần ấy tôi bỏ qua. Hôm nay đại khái cũng những bài thơ ấy, tôi lại thích. Sự thay đổi đó tôi tin rằng một phần cũng vì những bài tôi xem hôm nay đều do tay tác giả chép bằng một lối chữ khác hẳn lối chữ “Tao đàn” ngày trước. Những chữ mảnh khảnh, nhỏ nét, nằm trên trang giấy như còn e thẹn, ngấp ngừng. Lối chữ này đã giúp tôi hiểu Phạm Hầu dễ dàng hơn. Ở đời có những người nói to bước vững. Phạm Hầu quyết không phải trong hạng ấy. Ở giữa đời, Phạm Hầu là một cái bóng, chân đi không để dấu trên đường đi. Người còn mãi sống với mình và con người ta tưởng không có gì là một người giàu vô hạn. Lòng người là một vụng hải đài⁽¹⁾, người chỉ việc đứng trên đài lòng mà ngắm: qua lại thiếu gì mây sớm gió chiều. Một buổi trưa bình yên người thấy:

(1) Xem bài “Vụng hải đài” trích theo đây.

Có cái gì chuyển thay đây với đó,
Một cái gì lên xuống mãi không thôi.
Lắng càng lâu càng nghe mãi xa xôi...
Một tiếng nhẹ trong tiếng nào nhẹ nữa.
*Cho đến khi yêu, người vẫn ưa nhìn lòng mình
hơn nhìn nhan sắc người yêu:*

Gặp tình cờ song chẳng biết vì đâu
Chân em trắng vậy mà lòng anh lạnh.
*Cái màu trắng kia tưởng ở trong lòng người thơ
nhiều hơn là trên chân người đẹp.*

*Thơ như thế mà in ra bằng một thứ chữ chắc chắn,
đậm nét thì thực lệch lạc cả. Hồn thơ là một cái gì
rất mong manh, có khi chỉ một tí cũng đủ làm tiêu
tan hết. Không lẽ mỗi bài thơ - không, mỗi câu thơ
- in một thứ chữ, nhưng phải như thế mới có nghĩa.*

Octobre 1941

CHIỀU BUỒN

Tôi đã dám cầu xin hai giọt lệ
Trên mi nàng huyền bí vẻ say mê.
Cho điệu buồn man mác tự đâu về
Đưa ngọn cỏ theo chiều mây lạng lẽ.

Cho tôi được nghiêng kẻ nàng thả thả
Vì lời yêu rên siết ẩn trong tôi
Chỉ khi buồn may mới thoáng ra thôi
Mà hương lệ đó là trang sổ quý.

Buồn len lỏi trên đầu cây thi vị
Gieo lệ vàng trên ngấn nắng chiều trôi;
Tôi kể nàng môi chạy kiếm làn môi,
Lời tôi lặn trên môi nàng rung động.

Yêu đương đến tất cả chiều mơ mộng
Buồn nhẹ nhàng trong làn khói thu không,
Buồn mơn man trên đầu tóc rối bồng
Và vợ vẫn bên đôi người vô tội.

Nàng và tôi, nhánh sầu chung rễ cội,
Kề vai nhau khi lệ với chiều rơi.
Khi giọt sương âu yếm nhỏ lên người,
Nàng và tôi là hai dòng lệ nối.

(Tao đàn)

VỌNG HẢI ĐÀI

Chẳng biết trong lòng ghi những ai?
Thêm son từng đội gót vân hài.
Hỡi ôi! Người chỉ là du khách
Giây phút dừng chân vọng hải đài.

Cơn gió nào lên có một chiều
Ai ngờ thổi tạt mối tình kiều
Tháng ngày đi rước tương tư lại
Làm rã chân thành sắp sửa xiêu.

Trống trải trên đài du khách qua
Mây ngày vơ vẩn, gió đêm là.
Muôn đời e hãy còn vương vấn
Một sắc không bờ trên biển xa.

Lòng xiêu xiêu, hồn nức hương mai.
Rạng đông về thức giấc hoa nhài.
Đưa tay ta vẫy ngoài vô tận
Chẳng biết xa lòng có những ai?

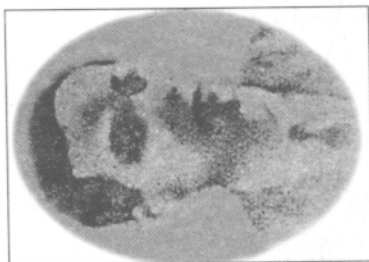
(Tao đàn)



BÀNG BÁ LÂN



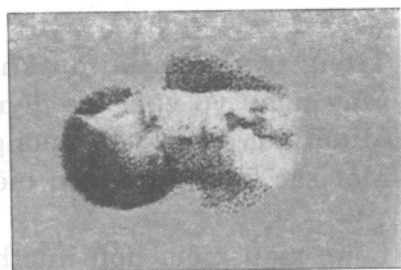
ANH THƠ



NAM TRÂN



THU HỒNG



XUÂN TÂM

XUÂN TÂM

Chính tên là Phan Hạp. Sinh ngày 1 *ler janvier* 1916 ở làng Bảo An, phủ Điện Bàn (Quảng Nam). Học trường Chaigneau, trường Quốc học (Huế). Có bằng thành chung. Hiện làm việc ở sở kho bạc Tourane.

Đã dâng thơ: *Tân văn, Sông Hương*.

Đã xuất bản: *Lời tim non* (1941)

Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không dành.

Tôi không rõ Xuân Tâm, người học trò Quảng ấy, có phải lòng một cô gái Huế không? Nhưng cảnh Huế cũng là một cô gái và cô gái này đã quyến rũ lòng non trẻ của Xuân Tâm.

Mặc dầu cảnh Huế cơ hồ Xuân Tâm không nói đến, không khí sông Hương núi Ngự vẫn man mác trong thơ Xuân Tâm. Tìm kiếm Xuân Tâm hoài, tôi chỉ thấy một ít Xuân Diệu, một ít Huy Cận và rất nhiều Huế. Một Xuân Diệu không tha thiết, một Huy Cận không buồn mênh mông, một xứ Huế không có cái băng khuâng của Phan Văn Dật, cái vẻ tài hoa của Nguyễn Đình Thu, cái dáng non yếu của Mộng Huyền, cái vẻ ngây thơ của Thu Hồng, cái ẩn ước của Thanh Tịnh. Huế ở đây trong sạch, đứng đắn và nhất là có chừng mực. Nhà văn sĩ Pháp Pujarniscle viết về Huế

có câu: “Thành phố mỉm cười khi thương đau, thờ than khi vui vẻ”⁽¹⁾. Quả có thế. Vui hay buồn ở Xuân Tâm đều có vẻ dịu dàng, vừa phải. Ta hãy xem khi người buồn:

Dám cười, người ta vui vẻ nhĩ;
Pháo tràng gieo đỗ, tiệp liên miên;
Riêng tôi đi tránh, buồn và nghĩ;
- Cảnh ấy nào đâu phải cảnh tiên...

và khi vui:

Thấy chiều, hôn hỏ tôi ra đón
Như đứa trẻ con thấy mẹ về,
Chiều buồn, chiều đẹp, chiều mơn trớn,
Chiều ru êm ái khúc lòng tê.

Vui hay buồn cũng phảng phất như nhau.

Còn khi Xuân Tâm giận dữ thì thực... buồn cười: người như Xuân Tâm có lẽ không giận dữ được. Người mến tình yêu, ghét dục vọng. Muốn giữ vẻ thiêng liêng cho tình yêu, người hung hăng quát tháo:

Ồi khốn nạn! Ôi diên rô! Giận tức!
Đuổi đi mau Xác thịt, đuổi đi mau!
Dắt nó ra, ném nó xuống dưới lầu
Đẹp dẽ và nguy nga tình Yêu mến...

Tôi tưởng tượng cái cười ranh mãnh của Xác thịt, trong khi bị nhà thơ đuổi. Nó biết cái người hét nhiều và nói nhiều ấy chỉ tức giận vờ, và đã ân cần bảo “dắt nó ra” thì chẳng có gan nào ném nó đâu!

Đứng trước cuộc đời, Xuân Tâm có vẻ dè dặt. Cảnh trời hay tình người, Xuân Tâm chỉ muốn hưởng ở xa

(1) Ville où le deuil sourit où la joie soupire.

*xa. Có khi mơ tưởng cảnh Đế Thiên, người thấy
những tượng đá thử thách Thời gian. Nhưng Thời
gian chịu thua:*

Mưa không tuôn, gió lặng, sấm không vang,
Trời nhạt nhạt sắp buông lời thân thiện.

*Ấy bất cứ để gì lời thơ vẫn một giọng nhẹ nhẹ, êm
êm. Nó chậm chậm đi vào hồn ta như một buổi chiều
Xuân Diệu.*

Octobre 1941

XA LẠ

Chân ngắn quá không đi cùng trái đất
Để mắt nhìn cảnh lạ trải bên đường.
Hãy bằng lòng tấm tranh đóng trên tường
Và hình ảnh muôn màu in lá sách.
Mùi giấy mới thơm tho và trong sạch
Thế hương hoa ngào ngạt chốn xa vời...

Đây con tàu lướt sóng giữa mù khơi,
Mang với nó vui mừng hay chán nản;
Nơi quê cũ, đứng trên bờ hải cảng,
Có tình lang trông ngóng quả tim yêu;
Mỗi chấm đen là hy vọng ít nhiều,
Mỗi làn khói là một trời luyến ái...

Đây băng tuyết, giữa mùa đông tê tái,
Rơi, rơi, rơi... và bao phủ đồng quê;
Con đường làng hiu quạnh ngủ say mê,

Cây trắng xóa, cửa nhà đều trắng xóa...
Người ta tưởng lạc loài vào đồng mả,
Chung quanh mình vây kín bức màn tang...

Đây hoàng hôn. Vài tia nắng gần tàn
Còn sáng sót trên đôi cây xanh đậm;
Lũ xe gỗ nặng nề bò chậm chậm
Chờ nhe về. Mấy thiếu nữ xinh tươi,
Chân bước theo và môi nở nụ cười,
Đôi má chín hơn buồn nhe chín thắm...

Đây dòng suối reo cười. Dưa lộn tím,
Đoàn tiên nga để lộ tấm thân ngà;
Nước hôn chân... Sương thoa phấn màu da,
Hoa cỏ mơn trăn nhau cài mái tóc...
Cặp ngỗng trắng xinh xinh như bạch ngọc
Ngẩng cổ nhìn, say đắm đẹp thần tiên...

Đây nghênh ngang, pho tượng đá Đế Thiên
Lăn tròn mắt tròn xoe, đang đổ thách
Thời gian thử gỏi phai màu cảm thạch
Nhưng Thời gian khuất phục muốn xin hàng;
Mưa không tuôn, gió lặng, sấm không vang,
Trời nhạt nhạt sắp buông lời thần thiện...
... Bao cảnh ấy trong trí tôi hiển hiện,
Nổi bật lên trước mắt nhăm lờ dờ
Mỗi khi thềm xa lạ, tôi ngồi mơ,
Và mở cửa thả hồn đi du lịch...

(Lời tìm non)

NGHĨ HỀ

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết,
Đoàn trai non hôn hờ rủ nhau về.
Chín mươi ngày nhẩy nhót ở miền quê,
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!

Một nét mặt, trăm tiếng cười rộn rã,
Lời trên môi chen chúc nối nghìn câu.
Chờ đêm nay; sáng sớm bước lên tàu,
Ăn chẳng được, lòng nôn nao khó ngủ.

Trong khoảnh khắc sách, bài là giấy cũ,
Nhớ làm chi. Thầy mẹ đợi, em trông
Trên đường làng huyết phượng nở thành bông,
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.

Kiểm soát kỹ, có khi còn thiếu sót;
Rượu chạt rồi, khó nhốt cả niềm vui.
Tay bắt tay, hôn không chút bùi ngùi,
Các bạn hỡi, trời mai đầy ánh sáng.

(Lời tim non)

THU HỒNG

Sinh ngày 19 *Juillet* ở Tourane. Chánh quán: làng
Thần Phù, huyện Hương Thủy (Thừa Thiên). Học trường
Tourane, trường Đồng Khánh, Huế.
Đã xuất bản: *Sóng thơ* (1940)

*Người ta vẫn nói giọng Huế phải nghe từ miệng
con gái Huế mới có duyên. Lần thứ nhất trên thi đàn
ta được nghe giọng một người gái Huế, mà lại là một
người trong hoàng tộc: Tôn nữ Thu Hồng.*

*Già Thu Hồng chịu làm những câu tròn tru mà
trống rỗng, chắc chẳng khó gì. Ai mà không làm được
những câu tròn tru, trống rỗng? Nhưng người có cái
ý muốn rất đáng quý là diễn đúng hình dáng riêng
của hồn mình. Có phải vì thế mà giọng nói của người
có vẻ ngọng nghịu rất ít có trong thơ ca. Ngọng nghịu
khi ôn lại quãng đời thơ ấu đã dành; ngọng nghịu
cả những khi ca ngợi cảnh trời:*

Cảnh đẹp cứ dần thêm bước bước,

Lời ngợi khen mỗi phút lại thay thay.

*Những tình ý người lớn trong giọng nói trẻ con ấy
thực dễ thương.*

*Thực ra Thu Hồng cũng chỉ trẻ con ở cái giọng.
Khi người ta muốn sống hoài trong thời thơ ấu, hẳn
người ta không còn thơ ấu nữa. Người thiếu nữ ấy
đã biết tình yêu là “mâm chán nản” và người ước ao:*

Mầm chán nản chớ len vào niên thiếu,
Chớ len vào sớm quá, tội em mà!
Em nghe như thời ấy vẫn còn xa,
Em chậm chậm để mong còn xa mãi;
Hãy là hoa, xin hãy khoan là trái:
Hoa nồng hương mà trái lắm khi chua.

Ta tưởng nghe những lời Xuân Diệu. Nhiều chỗ khác cũng xui ta nghĩ đến Xuân Diệu, nhất là khi Thu Hồng bắn khoán muốn cắt nghĩa tình yêu. Bốn câu thơ của người không bóng bảy, không tinh vi như bốn câu thơ Xuân Diệu⁽¹⁾ nhưng cũng thật thà dễ thương:

Chỉ biết hôm xưa, một buổi chiều,
Cùng người trò chuyện chẳng bao nhiêu.
Người đi, tôi thấy sao mong nhớ!
Và cảm quanh mình nổi tịch liêu.

Xem thơ Thu Hồng, tôi còn nghĩ đến vài người nữa, nhất là Nam Trân. Thu Hồng đã học được của Nam Trân cái lối ghi chép những hình sắc xứ Huế và ngòi bút của nữ sĩ đã vẽ nên đôi bức tranh nho nhỏ, có lẽ chưa được nổi nhưng có một vẻ linh hoạt riêng:

Đêm. Trăng rạng rõ soi
Thuyền ai thông thả trôi
Đàn hát chảy theo nước,
Không gian bỗng nô cười!

(1) Làm sao cắt nghĩa được tình yêu!

Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhẹ nhẹ, gió hiu hiu...

Ở xứ này, nói đến những thiếu nữ làm thơ người ta thường mỉm cười. Hình như thơ là một cái gì to chuyên lắm. Thu Hồng đã tránh được cái mỉm cười mai mỉa ấy vì người rất bình dị, rất hồn nhiên, không lúc nào ra vẻ muốn làm cho to chuyện.

Septembre 1941

TƠ LÒNG VỚI ĐẸP

Kìa trăng vỡ trong hồ khi nước động,
Sóng lao xao lấp loáng, ánh xa ngời.
Và búp hoa nghênh dậy đón hương trời,
Cây tuôn bóng, lũng lơ, dò chẳng lướt!
Cảnh đẹp cứ dần thêm bước bước,
Lời ngợi khen mỗi phút lại thay thay.

Tơ lòng với đẹp đêm nay
Rộn ràng thổn thức vì say nhiệm mầu.

(Sóng thơ)

ÊM ĐÊM

Hồi tưởng nhiều mai, dưới ánh dương,
Em vừa tỉnh giấc, dậy bên giường,

Mẹ em đôi mắt đầy âu yếm,
Vây bọc chim khua, rộn giấc hương.

Vạn buổi êm trời, dịu mát hương
Chưa bằng đôi mắt chứa yêu đương!
Mẹ hiền tựa cửa, khi chờ ngóng,
Em thấy lòng vui, lướt dặm đường.

Cũng có nhiều đêm, gió rít vang,
Mẹ em ốm nặng thức trong màn,
Em ngồi mơ sách người xưa ước,
Nếu có thì em cũng ước tràn.

Nếu có thì em: “ước mẹ lành,
Cha cho nhiều bánh với nhiều tranh,
Cây me cao quá, bên vườn bắc,
Nghiêng xuống cho em bẻ một cành”.

Có lắm hoàng hôn, mãi cột đèn,
Quên rằng bãi bể sóng chiều khua.
Và nhà cơm đợi, chờ em vắng,
Em sắp hàng năm, để chạy đua.

Rồi đến trăng nhô mới vội về,
Cha cười, song cũng chỉ roi đe:
“Mai còn chơi chậm thì con liệu
Sắm sửa vài mo để đón che”.

Ai có như em, một ấu thời?
Đi tìm bướm bắt để nuôi chơi,

Búp bê đem tắm hơi cho ấm,
Lửa bén vào! Thôi, cháy mất rồi!

Rô là em cũng quá lôi thôi,
Ai chả còn ghi quăng ấu thời,
Đằng đẳng đường trường cơn gió bụi,
Duy còn ôn lại những ngày vui.

(Sóng thơ)

MẢNH HỒN THƠ

Em muốn thơ em hoàn toàn vui,
Đừng sầu lá rụng, khóc hoa rơi,
Đừng than thở, tiếc ngày qua chóng.
Ước nguyện đành không đạt nguyện rồi!

Ô hay! Đâu thoát khỏi triển miên,
Hồn lặng trong mê, ý dậy phiền.
Đời ít khi vui, hoài cảm xúc,
Thương sen lẫn lộn sống trên bùn!

...

Cho nên nhiều lúc, muốn thơ cười,
Chợt nghĩ quanh mà bút bỗng rơi!
Ôm mảnh hồn thơ, dưỡng oán hận,
Em dùng thổn thức, dãi nên lời.

(Sóng thơ)

BÀNG BÁ LÂN

Sinh năm 1912 (tháng chạp năm Nhâm Tý) ở phố Tân Ninh, Phủ Lạng Thương (Bắc Giang). Chánh quán: làng Đôn Thư, phủ Bình Lục (Hà Nam). Học trường Vôi (Bắc Giang), trường Phủ Lý, trường Phủ Lạng Thương, trường Bảo hộ Hà Nội. Có bằng thành chung.

Đã xuất bản: *Tiếng thông reo* (1934), *Xưa* (hợp tác với Anh Thơ, 1941).

Hai bài trích sau đây rút trong tập *Tiếng sáo diều* chưa xuất bản.

Đồng quê xứ Bắc đã gây cảm hứng cho nhiều nhà thơ. Nhưng mỗi nhà thơ xúc cảm một cách riêng. Nguyễn Bính nhà quê hơn cả nên chỉ ưa sống trong tình quê mà ít để ý đến cảnh quê. Anh Thơ không nhà quê một tí nào, Anh Thơ là một người thành thị đi du ngoạn, nên chỉ thấy cảnh quê⁽¹⁾. Bằng Bá Lân gần Anh Thơ hơn gần Nguyễn Bính. Bằng Bá Lân cũng ít sống trong tình quê nhưng hiểu cảnh quê hơn Anh Thơ; hiểu hơn vì mến hơn. Thơ Bằng Bá Lân và “Bức tranh quê” đều là những bông hoa khả ái từ xa mới đưa về, nhưng bông hoa Bằng Bá

(1) Tôi không muốn nói đến Đoàn Văn Cừ ở đây.

Lân ra chiều đã thuộc thủy thổ hơn, cho nên sắc hương nó cũng khác.

Bàng Bá Lân không có cái tử mỉ của Anh Thơ, không nhìn đủ hình dáng đời quê như Anh Thơ. Anh Thơ có khi nhìn cảnh không mến cảnh, Bàng Bá Lân có khi lại mến cảnh quên nhìn, nhưng đã lưu ý đến cảnh nào, Bàng Bá Lân thường lưu luyến cảnh ấy. Như khi người tả một buổi sáng:

Cổng làng rộng mở. Ôn ào,

Nông phu lững thững đi vào nắng mai.

ta thấy rõ người mến cảnh ấy lắm: lòng người cùng rộng mở với cổng làng và cùng vui với nông phu trong nắng sớm.

Bởi thế có lúc người đã cảm được hồn quê vẫn bàng bạc sau cảnh vật. Tôi không biết làm thế nào nói cho ra điều này. Ấu là cứ trích ít câu thơ của Bàng Bá Lân:

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,

Bà hàng thưa khách ngả thiu thiu,

Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...

Đứng lặng trong mây một cánh diều.

Cả cái hồn lặng lẽ ngây ngất của đồng quê dưới nắng trưa như ngưng lại trong mấy câu ấy.

Một lần khác, tả cảnh trưa hè trong một gian nhà tranh tịch mịch, người viết:

Bụi nằm lâu chán xà nhà

Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu.

Mười bốn chữ, chữ nào cũng mang nặng một chút hồn! Thiết tưởng người ta không thể đi sâu vào cảnh vật xứ quê hơn nữa.

Ấy cũng vì Bàng Bá Lân sau khi đã hấp thụ ở thành thị một nền học khá, liền về ở nhà quê luôn. Người sống cuộc đời thông dong một ông chủ trại, thì giờ để làm ruộng ít hơn là để làm thơ. Chuyện mộng của nhiều người, với Bàng Bá Lân đã thành chuyện thực. Có nhiều người thanh niên làm gì thì làm vẫn ao ước thú điền viên, cái thú thân yêu của nhà nho ngày trước. Họ không đủ can đảm sống lam lũ như những người dân quê thực. Nhưng thành thị thì họ chán ghét lắm rồi. Họ tức tối mỗi lần nghĩ đã đưa giọt máu trong sạch và cường tráng của ông cha đến nơi hèn hò của bệnh tật, của tội lỗi.

Octobre 1941

TRƯA HÈ

Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,
Nằm mát đàn trâu ngẫm nghĩ nhai.
Ve ve rung cánh ruồi say nắng;
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.

Trời lơ cao vút không buông gió;
Đồng cỏ cào phò cánh lướt hồng.
Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa;
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
Bà hàng thưa khách ngả thiu thiu,

Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...
Đứng lặng trong mây một cánh diều.

Cành thưa, nắng tươi, chim không đứng;
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.
Vài cô về chợ buôn quang thúng
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.

Thời gian dừng bước trên đồng vắng;
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.
Như mơ đường khói trên trời nắng;
Trường học làng kia tiếng trống vào.

(Tiếng sáo diều)

CỔNG LÀNG

Chiều hôm đón mát cổng làng,
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi.
Đồng quê vườn lượn chân trời,
Đường quê quanh quất bao người về thôn.

Sáng hồng lơ lửng mây son,
Mặt trời thức giấc, véo von chim chào.
Cổng làng rộng mở. Ôn ào,
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.

Trưa hè bóng lặng nắng oi,
Mái gà cục cục tìm mỗi dất con.

Cổng làng vài chị gái non
Dừng chân uể oải chờ cơn gió nổi.

Những khi gió lạnh mưa buồn,
Cổng làng im ỉm bên đường lội trơn.
Nhưng khi trăng sáng chập chờn,
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha.

Ngày mùa lúa chín thơm đưa...
Rồi Đông gầy chết, Xuân chưa vội vàng.
Mừng xuân ngày hội cổng làng
Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ.

★

Ngày nay dù ở nơi xa.
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng,
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.

(Tiếng sáo diều)

NAM TRÂN

Chính tên là Nguyễn Học Sỹ. Sinh ngày 15 *février* 1907 ở làng Phú Thứ Thượng, huyện Đại Lộc (Quảng Nam). Học chữ Hán đến 12 tuổi và đã tập làm những lời văn trường ốc. Sau học trường Quốc học Huế, trường Bảo hộ Hà Nội. Có bằng tú tài bản xứ. Hiện làm tham tá tòa Khâm xứ Huế.

Đã đăng thơ: *An Nam tạp chí*, *Phong hóa*, *Trăng An*.

Đã xuất bản: *Huế Đẹp và Thơ*, tập đầu (1939).

Huế đẹp, Huế nên thơ. Ai chẳng nói thế? Ai chẳng thấy thế? Nhưng sao hình ảnh Huế trong thi ca lại tầm thường thế? Có lẽ cảnh Huế quá huyền diệu, quá mơ màng không biết tả thế nào cho thoát sáo. Cũng có lẽ ngắm cảnh Huế, người ta khó tránh được cái buồn vơ vẩn nó là khí vị riêng của xứ này và lòng người ta không đủ thản nhiên để ghi lấy hình sắc riêng của mỗi vật.

Kể có ít câu của Thu Hồng và hai câu này của Quỳnh Dao cũng được:

Một hàng tôn nữ cười trong nón,
Sông mở lòng ra đón bóng yêu.

Nhưng tả cảnh Huế chực ai bằng Nam Trân. Nam Trân không rơi vào khuôn sáo là vì người không mơ

màng cũng không buồn vơ vẩn. Ở Huế mà ghét Nam ai, nội chừng ấy cũng đã lạ⁽¹⁾. Người chỉ thản nhiên nhìn cảnh vật chung quanh và ghi lại bằng những nét già giặn.

Thơ Nam Trân thường mỗi bài là một bức tranh nhỏ trong ấy thể nào cũng có ít điều nhận xét đặc sắc. Thỉnh thoảng người cũng ghép vào trong cảnh một ít tình. Nhưng dấu người có nói đến tình yêu, lời thơ vẫn mực thước, vẫn không mất vẻ thản nhiên. Điều ấy thấy ngay ở bài đầu quyển Huế, Đẹp và Thơ⁽²⁾: một mẫu cảnh xinh xinh, một chút tình phảng phất trong những vãn nhịp nhàng và lặng lẽ như dòng Hương thủy trong veo. “Sóng lòng” thì nhân có xao động cũng chỉ trong khoảnh khắc như mặt nước sông kia mà thôi. Ý thơ nhẹ nhàng, điệu thơ uyển chuyển. Ta nên để ý bài này sáu câu trên thất ngôn mà bốn câu dưới lục bát. Thất ngôn tả vẻ thản nhiên của người đẹp, lúc bắt tả chút xao động trong lòng người thơ. Một cảnh hai tình, nên thơ cũng một bài hai điệu.

Về âm điệu, thơ Nam Trân thực dồi dào. Thi nhân không theo điệu nào nhất định. Trước mỗi cảnh, mỗi tình, người lại cố tạo ra một điệu thơ cho thích hợp. Câu thơ luôn luôn biến hóa; số chữ thay đổi từ một đến mười. Điệu thơ, đó là điều tối quan hệ với Nam Trân; người luôn luôn tìm kiếm, vì người nghĩ rằng chỉ có lười mới chịu nằm hoài trong một khuôn khổ.

(1) Xem bài “Giận khúc Nam ai” trích theo đây.

(2) Túc bài “Đẹp và Thơ” trích theo đây.

Nhưng điệu thơ cũng như tứ thơ, ở Nam Trân, đều là kết quả của sự dẫn đo kỹ lưỡng, sự suy tính siêng năng. Nam Trân luôn luôn tự chủ ngòi bút của mình một cách chắc chắn, không bao giờ phóng cho nó đi theo những nhạc điệu âm thầm một đôi khi vẫn thao thức trong lòng ta.

Cho nên muốn thưởng thức thơ Nam Trân ta cũng phải luyện lấy tâm trí cho bình thản. Hãy xếp thơ Nam Trân lại những lúc lòng ta có chuyện xôn xao.

Lối thơ tả chân vốn xưa ta không có. Đây đó rải rác cũng nhặt được đôi câu, nhưng đến Nam Trân mới biệt thành một lối. Nam Trân đã tìm ra một khoảnh đất mới và ở đó người đã dựng lên - ý chừng để sát nhập làng thơ Việt - cái cảnh núi Ngự sông Hương.

Thiệt tưởng vì tình láng giềng đất Quảng Nam không thể gửi ra xứ Huế món quà nào quý hơn nữa: lần thứ nhất những vẻ đẹp xứ này được diễn ra thơ.

Octobre 1941

ĐẸP VÀ THƠ

(Cô gái Kim Luông)

Thuyền nan dừng đỉnh sau hàng phượng,
Cô gái Kim Luông yếu điệu chèo.
Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết
Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo.
Thuyền qua đến bến; cô lui lại,

Vấy chiếc chèo ngang: giọt nước gieo
Đăm đăm mắt mỗi vì chèo,
Chèo cô quấy nước trong veo giữa dòng
Biết không? Cô hỏi, biết không?
Chèo cô còn quấy, sóng lòng còn xao!

(Huế, Đẹp và Thơ)

HUẾ, NGÀY HÈ

Lửa hạ bùng bùng cháy
Làn ma trốt trốt bay.
Tiếng ve rè rè mãi
Đánh đổ giấc ngủ ngày.

Đường sá ít người đi,
Bụi cây lấm kẻ núp.
Xơ xác quán nước chè,
Ra, vào người tấp nập.

Phe phẩy chiếc quạt tre,
Chú nài ngồi đầu voi
Thỉnh thoảng gơ tay bẻ
Năm ba chùm nhãn còi.

Huế phượng, như giọt huyết,
Rỏ xuống phủ lễ đường.

Mặt trời gay gay đỏ
Nhuộm đỏ góc sông Hương.

(Huế, Đẹp và Thơ)

HUẾ, ĐÊM HÈ

Trời nóng băm bốn độ.
Đèn, sao khắp đế đô.
Mặt trăng vàng, tròn trên
Nấp sau nhánh phượng khô.

Bà nhịp cầu Tràng Tiền
Đứng dày người hóng mát;
Ngọn gió Thuận An lên,
Áo quần kêu sột sạt.

Dừng đỉnh chiếc thuyền nan
Qua, lại bến sông Hương...
Tiếng dờn chen tiếng hát,
Thánh thót điệu Nam Bường.

Hai tay xách hai vòm,
Một vại mụ le te,
Tiếng non rao lạnh lối:
Chốc chốc: "Ai ăn chè?"

(Huế, Đẹp và Thơ)

TRƯỚC CHÙA THIÊN MỤ⁽¹⁾

Êm êm dòng nước Hương Giang chảy,
Xúm xít thuyền con chỗ ba, bảy.
Tiếng hát ngư ông đắm bóng cây
Như luồng khói, nhẹ, lên, lên mãi.
Tháp cao dòm nước: vết meo trôi.
Đồi thấp sừng trăng dỗi dỗi soi.
Mờ ớ, xa xa gà gáy sáng...
Trong Chùa cảnh cảnh tiếng chuông hồi.

(Huế, Đẹp và Thơ)

MÙA ĐÔNG

Cánh đồng An Cựu

Lá bàng
Như lá vàng
Rụng.
Ô! Đìu hiu
Cảnh chiều
Đông!

(1) Phỏng theo điệu bài "Đăng vương các" của Vương Bột.

Ruộng ngập: menh mông
Nước phẳng
Cò bay, yên lặng,
Quanh đồng.
Thi tứ viễn vông:
Thần Tượng tượng
Như đàn cò đôi lượn
Đồng không.

(Huế, Đẹp và Thơ)

GIẬN KHÚC NAM AI

Dừng kẻ nữa những mảnh tình tan tác.
Hãy đứng lên, Nhạc sĩ, với tôi, đi!
Tôi ghét anh mê giọng hát sâu bi
Và tung mãi tấm hồn thừa truy lạc.

Hãy đứng dậy! Vứt chiếc cảm ảo nào!
Tôi cần nghe những khúc nhạc rất hùng
- Thét ngựa lòng phi mãi chẳng chồn chân -
Sáng như gương tuốt, mạnh như luồng bão.

Ôi! Nhạc sĩ, thật anh người thậm tệ:
Quan hoài chi những lối hát mê ly,
Những câu ca không Đẹp lại không Thi
Của kỹ nữ vọc cuộc đời ê chệ?

Hãy cung kính nhường các ngài tuổi tác
Những bản đàn, nhịp hát thiếu tinh thần.
Hãy ra nghe sóng vỗ, ngắm mây vần
Rồi sáng chế cho tôi vài điệu khác.

(Huế, Đẹp và Thơ)

NẮNG THU

Hai bài hát ngô nghê và êm ái,
Bên sườn non, mục tử cỡi trâu về.
Nắng chiều rây vàng bột xuống dân quê,
Lúa chín đỏ theo gió nồm sắp mái.

Trên suối nhỏ, chiếc cầu tre hẻo lánh
Tốp người qua, lấy bảy vịn thanh ngang.
Lũ trẻ con sung sướng nổ cười vang
Đùa với bóng chảy theo dòng nước lạnh.

Dãy núi tím bỗng thay màu xanh ngắt
Rồi ố lẩn trong giây khác nhá nhem,
Âm thầm cảnh vật vào Đêm:
Vết rắng đỏ, tiếng còi xa cùng tắt.

(Huế, Đẹp và Thơ)

ĐOÀN VĂN CỪ

Những hình ảnh cuộc đời Việt Nam xưa còn lưu lại trong thời nay chẳng bao lâu sẽ mất hết. Nếu ta không gấp gấp ghi chép lấy thì rồi chẳng còn biết tìm kiếm vào đâu. Gần đây đã có một ít nhà viết tiểu thuyết ưa thuật chuyện đồng quê, nơi nường náu cuối cùng của dĩ vãng. Nhưng đời sống ở đồng quê có một nhịp nhàng riêng, thể văn tiểu thuyết không diễn ra được. Phải có thơ. Trong các nhà thơ đồng quê, không ai có ngòi bút dồi dào mà rực rỡ như Đoàn Văn Cừ.

Những bức tranh trong thơ Đoàn Văn Cừ không phải chỉ đơn sơ vài nét như các bức tranh xưa của Á Đông. Bức tranh nào cũng đầy rẫy sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui. Mỗi bức tranh là một thế giới linh hoạt. Người xem tranh hoa mắt vì những nét những màu hình như rồi rít cả lại; nhưng nhìn kỹ thì màu nào nét nào cũng ngộ nghĩnh vui vui.

Đây, trong chợ Tết, bên cạnh thầy khóa đương gò lưng viết:

Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhắm đọc vài hàng câu đối đỏ.

Kia, giữa đám hội nhà quê:

Chiếc ô đen lẳng lẳng tiến ra cầu,
Tìm đến chiếc san màu bay trước gió.

Đoàn Văn Cừ đã biết nhận xét rất tinh lại sẵn hồn thơ phong phú, hai điều thường ít đi với nhau. Phải có hồn thơ mới thấy được dưới ánh bình minh.

Tia nắng tia nháy hoài trong ruộng lúa.

Thỉnh thoảng giữa những câu tả chân chặt chẽ, chen vào một câu bất ngờ, vụt ngồi lên như một luồng sáng chen giữa bức tranh:

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,

Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.

Và bao giờ cuối bài thơ cũng có một vài câu khêu gợi. Cuối bài “Chợ Tết”:

Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,

Lá đa rụng toí bời quanh quán chợ.

Cuối bài “Đám cưới màu xuân”:

Chỉ còn nghe vắng vắng tiếng chim xuân

Ca ánh ỏi trên cành xanh tẩm nắng.

Những câu ấy đều khép lại một thế giới và mở ra một thế giới: khép một thế giới thực, mở một thế giới mộng. Cảnh trước mắt vừa tan thì tình trong lòng cũng vừa nhóm. Mắt ta không thấy gì nữa nhưng lòng ta bỗng băng khuâng.

Đoàn Văn Cừ trước sau đăng báo chỉ có sáu bảy bài thơ. Bài nào cũng hay. Cũng có bài đăng Ngày nay số thường, nhưng nghĩ đến Đoàn Văn Cừ là tôi lại nghĩ đến Tết. Cái tên Đoàn Văn Cừ trong trí tôi đã lẫn với màu bánh chưng, mùi thuốc pháo, vị mít gừng. Cứ mỗi lúc xuân về người lại gửi trên báo một chuỗi cười ngũ sắc. Tiếng cười ta còn nghe vắng vắng thì người đã biến đâu rồi và ta đành chờ mùa xuân khác. Thế rồi báo chết, tẩm tích người cũng mất. Cho

đến hôm nay, viết mấy lời giới thiệu thơ Đoàn Văn Cừ, tôi vẫn chưa biết gì thêm về con người ấy⁽¹⁾.

Octobre 1941

CHỢ TẾT

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh,
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
Người các ấp tung bùng ra chợ Tết.
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc;
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vải cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ,
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ.
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.
Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa.
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.

*

Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.
Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,

(1) Khi quyển sách này đưa in chúng tôi vẫn chưa biết gì thêm về Ô. Đoàn Văn Cừ tuy đã hỏi rất nhiều người. Vậy xin mạn phép ông trích mấy bài thơ. Ông ở đâu, làm ơn cho chúng tôi biết.

Để lắng nghe người khách nói bô bô.
Anh hàng tranh kiu kịt quảy đôi bồ,
Tìm đến chỗ đông người ngồi dỡ bán.
Một thầy khóa gò lưng trên cánh phản,
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ.
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.
Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu,
Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu.
Áo cụ lý bị người chen sấn kéo,
Khăn trên đầu đương chít cũng tung ra.
Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rợ,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa,
Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha,
Thúng gạo nếp đông đầy như núi tuyết,
Con gà trống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.

*

Chợ tưng bừng như thế đến gần đêm.
Khi chuông tối bên chùa vắng vắng đánh,
Trên con đường đi các làng hẻo lánh,
Những người quê lũ lượt trở ra về.
Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
Lá đa rụng tới bởi quanh quán chợ.

(Ngày nay)

ĐÁM CƯỚI MÙA XUÂN

Ngày ửng hồng sau màn sương gấm mỏng,
Nắng dát vàng trên bãi cỏ non xanh.
Dịp cầu xa lồng bóng nước long lanh,
Đàn cò trắng dăng hàng bay phấp phới.

Trên cành cây, bỗng một con chim gọi
Lũ người đi lí nhí một hàng đen
Trên con đường cát trắng cỏ lam viên.
Họ thông thả tiến theo chiều gió thổi,
Dưới bầu trời trong veo không mây bụi,
Giữa cánh đồng phơn phớt tựa màu nhung.
Một cụ già râu tóc trắng như bông,
Mặc áo đỏ, cầm hương đi trước đám.
Đám sáu cụ áo mền bông đỏ sẫm,
Quần nâu hồng, chống gậy bước theo nhau.
Hàng ô đen thông thả tiến lên sau.
Kế những chiếc mâm đồng che lưa đỏ.
Bọn trai tơ mặt mày coi hôn hờ,
Quần lụa chùng, nón dứa, áo sa huê.
Một vài bà thanh lịch kiêu nhà quê,
Đầu nón nghệ, tay cầm khăn mặt đỏ.
Bà cụ lão lom khom bên cháu nhỏ,
Túi đựng trầu chăm chăm giữ trong tay.
Thằng bé em mẹ ẵm, má hây hây,
Đầu cạo nhẵn, áo vàng, quần nâu sẫm.

Cô bé để cút chè người xăm mắ,
Đi theo bà váy lĩnh, dép quai cong.
Một chị sen đầu đội chiếc khăn hồng
Đặt trên cái hòm da đen bóng lộng.
Người cô dâu hôm nay coi choáng lộn,
Vành khuyên vàng, áo mới, nón quai thao.
Các bạn cô bằng tuổi cũng xinh sao,
Hai má thắm, ngây thơ nhìn trời biếc.
Dầm bảy cô phủ mình trong những chiếc
Áo đồng lắm, yếm đỏ, thắt lưng xanh.

*

Một lúc sau đi tới chỗ vòng quanh,
Nếp chùa trắng in hình trên trời thắm,
Thì cả bọn dần dần cũng khuất lẩn
Sau trái đồi lấp lánh ánh sương ngân.
Chỉ còn nghe văng vẳng tiếng chim xuân
Ca ánh ỏi trên cành xanh tắm nắng.

(Ngày nay)

ĐÁM HỘI

Mùa xuân ấy, ông tôi lên tận tỉnh
Đón tôi về xem hội ở làng bên.
Suốt ngày đêm chuông trống đánh vang rền,
Người lớn, bé mê man về hát bội.
Những thằng cu tha hồ khoe áo mới

Và tha hồ nô nức kéo đi xem.
Các cụ già uống rượu mãi gần đêm,
Tổ tôm điểm chơi đều không biết chán.
Những con bé áo xanh đòi chị ẵm
Để đi theo đám rước lượn quanh làng.
Các bà đồng khăn đỏ chạy loăng quăng.
Đón các khách thập phương về dự hội,
Một chiếc kiệu đương đi dừng bước lại,
Rồi thỉnh linh quay tít mãi như bay.
Một bà già kính cẩn chấp hai tay,
Đứng vái mãi theo đám người bí mật.
Trên bãi cỏ dưới trời xuân bát ngát,
Một chị đương đu ngựa tít trên không.
Cụ lý già đứng lại ngừng đầu trông,
Mắt hấp háy nhìn qua đôi mục kính.
Mấy cô gái nép gần hai chú lính.
Má đỏ như bên lên đứng ôm nhau.
Chiếc ô đen lẳng lặng tiến ra cầu,
Tìm đến chiếc san màu bay trước gió.
Bác nhà quê kiểng chân nhìn ngấp ngó,
Rồi reo lên cho ai nấy cùng trông
Đoàn trai dài vùn vụt giữa dòng sông
Người lơ nhố chèo trên làn nước lạnh.
Bọn đô vật trước đình thi sức mạnh,
Mình cời trần gân cốt nổi như lươn;
Tiếng reo hò khuyến khích dậy từng cơn
Lần tiếng trống bên đường khua rộn rã.
Bên mấy chiếc khăn vuông hình mỏ quạ,
Đứng chen vào chiếc mũ trắng nghênh ngang.
Bọn trai quê bá cổ cạnh cô hàng

Vờ mua bán để tìm câu chuyện gẫu.
Một chú xẩm dạo đàn bên chiếc chẫu,
Mắt lơ mờ nghe ngóng tiếng gieo tiền.
Thằng bé em đòi mẹ bế lên đèn,
Xem các cụ trong làng ra cử tế;
Tiếng chiêng trống chen từng hồi lặng lẽ,
Những bóng người trịnh trọng khê đi lên,
Những cánh tay áo thụng vái mơ huyền,
Đang diễn lại cả một thời quá khứ
Mà đất nước non sông cùng cây cỏ
Còn thuộc quyền sở hữu của Linh thiêng
Khi tế xong một cụ đứng trên thêm,
Giơ bánh pháo cho người kia lại đốt.
Bọn trai gái đứng xem đều chạy rạt,
Một thằng cu sợ hãi khóc bi be.

*

Người đi xem nhiều đám đã ra về...
Trên đường vắng lá đề rơi lác đác,
Ốc xa rúc từng hồi trong xóm mạc,
Trời đỏ hồng sau những trái đồi xanh,
Đàn chim hôm nhón nhác gọi trên cành,
Vệt tháp trắng in dài trên đồng vắng,
Tiếng chuông tối nhạt khoan trong yên lặng,
Lần trống chèo vắng vắng phía làng xa
Của đám dân nô nức dưới trăng tà...

(Ngày nay)

TRĂNG HÈ

Tiếng võng trong nhà kéo kẹt đưa,
Đầu thêm con chó ngủ lơ mơ.
Bóng cây lơ lả bên hàng dậu,
Đêm vắng, người im, cảnh lặng tờ.

Ông lão nằm chơi ở giữa sân,
Tàu cau lấp loáng ánh trăng ngân.
Thằng cu đứng vịn bên thành chõng,
Ngắm bóng con mèo quện dưới chân.

Bên giếng, dăm cô gái xứ quê
Tùng đàn vui vẻ rủ nhau về,
Trên vai nặng trĩu đôi thùng nước,
Kêu kịt đi vào lối cổng tre.

Trong xóm giờ lâu quá nửa đêm,
Tiếng chày giã gạo đã ngừng im.
Trăng tà hạ xuống ngang đầu núi,
Đom đóm bay qua dải nước đen.

Tiếng ốc trên chòi rúc thiết tha,
Gió lay cọt két rặng tre già.
Sao trời từng chiếc rơi thành lệ,
Sương khói bên đồng ủ bóng mờ.

(Ngày nay)

ANH THƠ

Chính tên là Vương Kiều Ân - Vương họ cha, Kiều họ mẹ. Sinh tháng *janvier* 1919 tại Ninh Giang. Học từ năm lên bảy, năm 12 tuổi mới lên lớp ba (Hải Dương, Thái Bình, Bắc Giang). Bỏ học sau một buổi bị cô giáo phạt quỳ.

Đăng thơ: *Hanoi báo* (ký Hồng Anh), *Tiểu thuyết thứ năm*, *Ngày nay*, *Phụ nữ*. Được giải thưởng khuyến khích về thơ của Tự lực văn đoàn năm 1939.

Đã xuất bản: *Bức tranh quê* (Đời nay, Hà Nội, 1941), *Xưa* (hợp tác với Bằng Bá Lân, 1941).

Một hôm tôi nhận được bức thư đề: M. Hoài Thanh, professeur, L'instituteur Thuận Hóa. Tôi đã không dám khinh thường người viết thư mà lại còn kính phục thêm nữa. Vì tôi biết người viết thư là một nữ thi sĩ có danh: Anh Thơ. Đã đành hay thơ Việt không cần phải giỏi tiếng Pháp. Nhưng trong tình thế nước ta bây giờ một người thiếu niên muốn có một nền học vấn vừa vừa mà không cần đến tiếng Pháp quả là một điều thiên nan vạn nan. Cứ xem văn của Anh Thơ ai cũng phải bảo là người có học. Thế mà cái lối viết rõ ràng và chắc chắn ấy, Anh Thơ không từng

học được trong tiếng Pháp. Càng kính phục người, ta càng mừng cho nền quốc văn. Quốc văn ta ngày một thêm phong phú và hiện nay đã có thể làm lợi khí đào luyện tinh thần cho một người như Anh Thơ.

Tôi vừa nói đến lối viết của tác giả Bức tranh quê, tập thơ này cũng thuộc về lối thơ của người có học. Vẫn biết làm thơ đạo tình không phải bao giờ cũng là người ít học, nhưng thường người ít học chỉ có thể làm thơ đạo tình. Phải là người có học mới có thể đưa vào thơ cái cảnh:

Chó lè lưỡi ngồi thờ nhìn cũi đóng,
Lợn trối nằm hồng học thở căng dây.

Anh Thơ từ lâu chỉ chuyên lối thơ tả cảnh, mà lại tả những cảnh rất tầm thường: một phiên chợ, một đứa bé quét sân, một vài cụ đàn bà ngồi bắt chấy. Thơ của người biệt hẳn ra một lối. Có kẻ sẽ cho Anh Thơ là người vô tình. Nhưng có thiếu nữ nào hai mươi tuổi mà lại vô tình? Anh Thơ bắt đầu cũng đã làm những bài kể nỗi lòng mình. Hẳn người đã tập luyện nhiều lắm mới có thể đi đến cái thản nhiên, cái dửng dưng mà độc giả Bức tranh quê ắt phải lấy làm lạ. Nhiều lúc tôi tưởng娘子 đã đi quá xa. Tranh quê có bức chỉ là bức ảnh; cái thản nhiên hàm súc của nghệ sĩ đã nhường chỗ cho cái thản nhiên trống rỗng của nhà nghề. Theo gót thi nhân đến đó, ta thấy uất ức khó thở: người dẫn ta vào một thế giới tù túng rồi không cho ta mơ tưởng đến một trời đất nào khác nữa.

Không, thơ phải là một tia sáng nổi cỏi thực và

cõi mộng, mặt đất với các vì sao. Thơ không cốt tả mà cốt gợi, gợi cảnh cũng như gợi tình. Cho nên mỗi lần Anh Thơ chịu đi ra ngoài lối tù túng đó để nhìn cảnh vật một cách sâu sắc hơn, lời thơ bỗng trở nên rộng rãi không ngờ và ta thấy khoan khoái biết bao. Sau câu thơ ta mơ hồ thấy một cái gì: có lẽ là hồn thi nhân. Như khi người tả cảnh bên dòng trưà hè:

Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi...

Sông im dòng động nắng đứng không trôi.
hay tả cảnh một buổi sáng trong trẻo:

Gió man mát bờ tre rung tiếng sẻ,

Trời hồng hồng đáy nước lắng son mây.

Làn khói xám từ nóc nhà lặng lẽ

Vươn mình lên như tỉnh giấc mơ say.

Cảnh trong thơ cũng bất tất phải mênh mông. Một cái vỏ ốc đủ khiến ta nghe cả tiếng sóng biển rào rạt. Chỉ có ít bông hoa mướp, một lũ chuồn chuồn mà Anh Thơ gợi nên cả cái không khí thu:

Hoa mướp rụng từng đoá vàng rải rác;

Lũ chuồn chuồn nhỏ nắng ngẩn ngơ bay.

Thường người cũng không cần đến những cảnh vốn sẵn nên thơ như thế. Với một vài điều nhỏ nhặt hầu như 'thô lậu', người hé mở cho ta một cảnh trời.

Chỗ này, giữa đám người ồn ào và đông đúc, vài ông thầy bói lặng lẽ đi,

Bước gậy lần như những bước chiêm bao.

Chỗ kia, đêm ba mươi Tết, chung quanh nồi bánh chưng sôi sùng sục:

Đĩ nhón mơ chiếc váy sồi đen nhức,

Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.

*Cho hay, vô cùng chỉ có thế giới bên trong. Và hình
sắc đẹp là những hình sắc khéo dẫn người ta vào thế
giới ấy.*

Août 1941

CHIỀU XUÂN

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.

Ngoài đường dê cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen xà xuống mỏ vu vơ;
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió,
Những trâu bò thông thả cúi ăn mưa.

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cuộc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Bức tranh quê)

TRƯA HÈ

Trời trong biếc không qua mây gợn trắng,
Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa.
Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng,
Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.

Trong thôn vắng, tiếng gà xao xác gáy,
Các bà già đưa vông hát, thiu thiu...
Nhưng dĩ con ngồi buồn tê bắt chấy
Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi kêu.

Ngoài dê thả, không người đi vắng vẻ,
Lũ chuồn chuồn giỡn nắng đuổi nhau bay.
Nhưng thỉnh thoảng tiếng nhạc đồng buồn tẻ
Của vài người cỡi ngựa đến xưa ngay.

(Bức tranh quê)

RẼM THÁNG BẢY

Gió hiu hắt gieo vàng muôn cánh lá,
Trời âm u mây xám bóng sương chiều,
Làng xóm ngập nhà nhà trong khói tỏa,
Vẳng đưa lời khóc mả lạnh hiu hiu.

Trong chùa, điện hương đèn nghi ngút sáng,
Tiếng mõ, chuông hòa nhịp trống bên đình.

Lời cầu cúng truyền theo làn khói thoảng
Quyến cô hồn nương gió lại nghe kinh.

Ngoài đê rộng bờ dài nghiêng đổ cháo
Lễ chúng sinh từng bộn một ăn mày.
Cùng lẳng lặng như bóng ma buồn nảo
Dắt nhau tìm nơi cúng để xin may.

(Bức tranh quê)

BẾN ĐÒ NGÀY XƯA

Tre rũ rợi ven bờ chen ướm át,
Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa.
Và dầm mưa dòng sông trôi rào rạt
Mặc con thuyền cắm lái đậu trơ vơ.

Trên bến vắng, dấm mình trong lạnh lẽo,
Vài quán hàng không khách đứng xo ro,
Một bác lái ghé buồm vào hút thuốc
Mặc bà hàng sù sụ sặc hơi, ho.

Ngoài đường lội họa hoàn người đến chợ
Thúng đội đầu như đội cả trời mưa.
Và họa hoàn một con thuyền ghé chỗ
Rồi âm thầm bến lại lặng trong mưa.

(Bức tranh quê)



DÔNG HỒ



MÔNG TUYẾT



HÀN MẶC TỬ



ĐỖ HUY NHIỆM

HÀN MẠC TỬ

Chính tên là Nguyễn Trọng Trí. Sinh ngày 22 *septembre* 1912 ở Lệ Mỹ (Đồng Hới), mất ngày 11 *novembre* 1940. Trú ngụ ở Quy Nhơn từ nhỏ. Nhà nghèo, cha mất sớm. Học trường Quy Nhơn đến năm thứ ba. Làm sở Đặc điển một độ; bị đau rồi mất việc. Vào Nam làm báo ít lâu lại trở về Quy Nhơn. Kế đó mắc bệnh hủi, đưa vào nhà thương Quy Hòa rồi mất ở đó.

Làm thơ từ ngày mười sáu tuổi (lấy hiệu là Phong Trần rồi Lệ Thanh). Đến năm 1936, khi chủ trương tờ phụ trương văn chương báo *Saigon* mới đổi hiệu là Hàn Mạc Tử⁽¹⁾.

Đã đăng thơ: *Phụ nữ tân văn, Saigon, Trong khuê phòng, Đông Dương tuần báo, Người mới.*

Đã xuất bản: *Gái quê* (1936)

Tôi đã nghe người ta mạt sát Hàn Mạc Tử nhiều lắm. Có người bảo: “Hàn Mạc Tử? Thơ với thần gì! Toàn nói nhảm”. Có người còn nghiêm khắc hơn nữa: “Thơ gì mà rắc rối thế! Minh tưởng có ý nghĩa khuất khúc, cứ đọc đi đọc lại hoài, thì ra nó lừa mình!” Xuân Diệu có lẽ cũng nghĩ đến Hàn Mạc Tử trong

(1) Hai chữ “hàn mạc” trong tự điển không có, chỉ có “hàn mạc” nghĩa là văn chương.

khi viết đoạn này: “Hãy so sánh thái độ can đảm kia (thái độ những nhà chân thi sĩ) với những cách đột nhiên mà khóc, đột nhiên mà cười, chân vừa nhảy, miệng vừa kêu: tôi điên đây! Tôi điên đây! - Điên cũng không dễ làm như người ta tưởng đâu. Nếu không biết điên, tốt hơn là cứ tỉnh táo như thường mà yên lặng sống”⁽¹⁾.

Nhưng tôi cũng đã nghe những người ca tụng Hàn Mạc Tử. Trong ý họ, thi ca Việt Nam chỉ có Hàn Mạc Tử. Bao nhiêu thơ Hàn Mạc Tử làm ra họ đều chép lại và thuộc hết. Mà thuộc hết thơ Hàn Mạc Tử đâu có phải chuyện dễ. Đã khúc mắc mà lại nhiều: tất cả đều sáu bảy tập. Học thuộc hết và chọn những lúc đêm khuya thanh vắng họ sẽ cao giọng, ngâm một mình. Bài thơ đã biến thành bài kinh và người thơ đã trở nên một vị giáo chủ. Chế Lan Viên nói quả quyết: “Tôi xin hứa hẹn với các người rằng, mai sau, những cái tâm thường, mực thước kia sẽ tan đi, và còn lại của cái thời kỳ này, chút gì đáng kể đó là Hàn Mạc Tử”⁽²⁾.

Ngót một tháng trời tôi đã đọc thơ Hàn Mạc Tử⁽³⁾. Tôi đã theo Hàn Mạc Tử từ lối thơ Đường đến vở kịch bằng thơ Quân tiên hội. Và tôi đã mệt lả. Chính như lời Hàn Mạc Tử nói trong bài tựa Thơ điên, vườn thơ của người rộng rinh không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh.

(1) “Thơ của người” (Ngày nay ra ngày 7-8-1938).

(2) Người mới số 5 ra ngày 23-11-1940.

(3) Do Ô. Trần Thanh Dịch cho mượn.

Bây giờ đã ra khỏi cái thế giới kỳ dị ấy và đã trở về với cuộc đời tâm thường mà ý nhị, tôi thử xếp đặt lại những cảm tưởng hỗn độn của tôi.

THƠ ĐƯỜNG LUẬT. - Theo Ô. Quách Tấn⁽¹⁾ Phan Sào Nam hồi trước xem thơ Đường luật Hàn Mặc Tử có viết trên báo đại khái nói: “Từ về nước đến nay, tôi được xem thơ quốc âm cũng khá nhiều, song chưa gặp được bài nào hay đến thế...”⁽²⁾ Ôi hồng nam nhận bực, ước ao có ngày gặp gỡ để bắt tay nhau cười lên một tiếng lớn ấy là thỏa hồn thơ đó”. Thơ Đường luật Hàn Mặc Tử làm ra nhiều nhưng bị thất lạc gần hết, tôi không được xem mấy bài. Song trong những bài tôi được xem tôi cũng đã gặp ít câu hay, chẳng hạn như:

Nằm găng đã không thành mộng được
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.

Dẫu sao tôi vẫn nghĩ cái khuôn khổ bó buộc của luật Đường có lẽ không tiện cho sự nảy nở một nguồn thơ dào dạt và lạ lùng như nguồn thơ Hàn Mặc Tử.

GÁI QUÊ. - Nhiều bài có thể là của ai cũng được. Còn thì tả tình quê trong cảnh quê. Lời thơ dễ dàng, tứ thơ bình dị. Nhưng tình ở đây không có cái vẻ mơ màng thanh sạch như môi tình ta vẫn quen đặt vào trong khung cảnh những vườn tre, những đồi thông. Ấy là một thứ tình nồng nàn, lời lẽ, rạo rực, đầy hình

(1) Người mới số 6 ra ngày 30-11-1940.

(2) Chỉ ba bài “Thức khuya”, “Chùa hoang”, “Gái ở chùa” của Hàn Mặc Tử mà Phan Sào Nam đã họa lại cả ba.

ánh khêu gợi. Ô. Phạm Văn Ký để tựa tập thơ ấy là phải lắm: Gái quê và Une voix sur la voie đều bắt nguồn trong tình dục.

THƠ ĐIÊN. - Thơ điên gồm có ba tập:

1) Hương thơm.

2) Mật đắng.

3) Máu cuồng và hồn điên.

HƯƠNG THƠM. - Ta bắt đầu bước vào một nơi ánh trắng, ánh nắng, tình yêu và cả người yêu đều như muốn biến ra hương khói. Một trời tình ái mới dựng lên đâu đây. Tuy có đôi vắn đẹp, cảm giác chung nhạt tẻ thế nào.

MẬT ĐẮNG. - Ta vẫn đi trong mờ mờ. Nhưng thỉnh thoảng một luồng sáng lạ chói cả mắt. Nguồn sáng tỏa ra từ một linh hồn vô cùng khổ não. Ta bắt gặp dấu tích còn hoi hóp của một tình duyên vừa chết yếu. Thất vọng trong tình yêu, chuyện ấy trong thơ ta không thiếu gì, nhưng thường là một thứ buồn đau có thấm thía vẫn dịu dịu. Chỉ trong thơ Hàn Mạc Tử mới thấy một nỗi đau thương mãnh liệt như thế. Lời thơ như dính máu.

MÁU CUỒNG VÀ HỒN ĐIÊN. - Đến đây ta đã hoàn toàn ra khỏi cái thế giới thực và cả thế giới mộng của ta. Xa lắm rồi. Ta thấy những gì chung quanh ta? Trắng, toàn trắng, một ánh trắng gắt gao, ghê tởm, linh động như một người hay đứng hơn như một yêu tinh. Trắng ở đây cũng ghen, cũng giận, cũng cay nghiệt, cũng trơ tráo và cũng náo nức dục tình. Hàn Mạc Tử đi trong trắng, há miệng cho máu tung ra làm biển cả, cho hồn văng ra, và rú lên những

tiếng ghê người... Ta rùng mình, ngơ ngác, ta đã lạc
lối khắp trong đáy lòng ta, ta không thấy có tí gì giống
cái cảnh trước mắt. Trời đất này thực của riêng Hàn
Mạc Tử ta không hiểu được và chắc cũng không bao
giờ ai hiểu được. Nghĩ thế ta bỗng thương con người
cô độc. Đã cô độc ở kiếp này và e còn cô độc đến muôn
kiếp. Hàn Mạc Tử chắc cũng biết thế nên lúc sinh
thời người đã nguyện với Chúa sẽ không bao giờ cho
xuất bản Thơ điên. Một tác phẩm như thế, ta không
có thể nói hay hay dở, nó đã ra ngoài vòng nhân gian,
nhân gian không có quyền phê phán. Ta chỉ biết trong
văn thơ cổ kim không có gì kinh dị hơn. Ta chỉ biết
ta đang đứng trước một người sợ sệt vì bệnh
hoạn, điên cuồng vì đã quá đau khổ trong tình yêu.
Cuộc tình duyên ra đời với tập Hương thơm, hấp hối
với tập Mật đắng, đến đây thì đã chết thiệt rồi, nhưng
khí lạnh còn tỏa lên nghi ngút.

Một nhà chuyên môn nghiên cứu những trạng thái
kỳ dị của tâm linh người ta xem tập Máu cuồng và
Hồn điên có lẽ sẽ được được nhiều tài liệu hơn một
nhà phê bình văn nghệ. Tuy thế, đây đó ta gặp những
câu rất hay.

Như tả cảnh đôi núi một đêm trăng, có câu:

Ngã nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ

Đầy mình lổm đóm những hào quang.

Lên chơi trăng, có câu:

Ta bay lên! Ta bay lên!

Gió tiễn đưa ta tới nguyệt thiềm.

Ta ở cõi cao nhìn trở xuống:

Lâng lâng mây khói quện trăng đêm.

Đọc những câu ấy có cái thú vị ở xứ lạ gặp người quen, vì đó là những cảm giác ta có thể có. Lại có khi những cảm giác ở ta rất thường mà trong trí Hàn Mạc Tử rất dễ sợ. Một đám mây in hình dưới dòng nước, thành ra:

Mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng
Trội thân về xa tận cõi vô biên.

Cái ý muốn mượn lời thơ để tả tâm sự mình cũng trở nên điên cuồng và đau đớn dị thường:

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút;
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Như mê man chết điếng cả làn da.

Cứ để ta ngắt ngư trong vũng huyết,
Trai niêm đau trên mảnh giấy mong manh;
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đương siết,
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.

Tôi chỉ trích ra vài đoạn có thể thích được. Còn bao nhiêu đoạn nữa tuy ta không thích vì nó không có gì hợp với lòng ta, nhưng ta cũng biết rằng với Hàn Mạc Tử hẳn là những câu tuyệt diệu. Nó đã tả đúng tâm trạng của tác giả. Lời thơ có vẻ thành thực, thiết tha lắm.

XUÂN NHƯ Ý. - Mùa xuân Hàn Mạc Tử nói đây có khi ở đâu hồi trời đất mới dựng lên, có khi ra đời một lần với Chúa Jê-sus, có khi hình như chỉ là mùa xuân đầu năm. Nhưng dầu sao cũng không phải là một mùa xuân thường với những màu sắc, những hình dáng ta vẫn quen biết. Đây là một mùa xuân

trong tưởng tượng, một mùa xuân theo ý muốn của thi nhân, đầy đầy những lời kinh cầu nguyện, những hương đức hạnh, hoa phẩm tiết, nhạc thiêng liêng, cùng ánh trăng, ánh thơ. Nhất là ánh thơ. Với Hàn Mạc Tử thơ có một sự quan hệ phi thường. Thơ chẳng những để ca tụng Thượng đế mà cũng để nói người ta với Thượng đế, để ban ơn phước cho cả thiên hạ. Cho nên mỗi lần thi sĩ há miệng - sao lại há miệng? - cho thơ trào ra, là chín từng mây náo động, muôn vì tinh tú xôn xao. Người ta sẽ thấy:

Đường thơ bay sáng lóng lánh như sao sa
Trên lụa trắng mười hai hàng chữ ngọc
Thêu như thêu rồng phượng kết Tinh hoa.

Hình như trong các thi phẩm xưa nay có tính cách tôn giáo không có gì giống như vậy.

Hàn Mạc Tử đã dựng riêng một ngôi đền để thờ Chúa. Thiếu lòng tin, tôi chỉ là một du khách bỡ ngỡ không thể cùng quỳ lạy với thi nhân. Nhưng lòng tôi có đứng dừng, trí tôi làm sao không ngợp vì cái vẻ huy hoàng, trang trọng, linh lung, huyền ảo của lâu đài kia? Có những câu thơ đẹp một cách lạ lùng, đọc lên như rưới vào hồn một nguồn sáng lóng lánh. Xuân như ý rõ ràng là tập thơ hay nhất của Hàn Mạc Tử.

Với Hàn Mạc Tử Chúa gần lắm. Người đã tìm lại những rung cảm mạnh mẽ của các tín đồ đời Thượng cổ. Ta thấy phảng phất cái không khí Athalie. Cho nên mặc dầu thỉnh thoảng còn sót lại một hai dấu tích Phật giáo, chắc những người đồng đạo chẳng vì thế mà làm khó dễ chỉ với dị thảo của thi nhân.

Hướng chi thơ Hàn Mạc Tử ra đời, điều ấy chứng

minh rằng đạo Thiên chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thật là những tình cảm đã thấm tận đáy hồn đoàn thể.

THƯỢNG THANH KHÍ. - Một vài bài đặc sắc ghi lại những cảnh đã thấy trong chiêm bao, ở đâu giữa khoảng các vì tinh tú trên kia. Đại khái không khác cảnh Xuân như ý mấy, chỉ thiếu tính cách tôn giáo. Huyền bí nhưng không thiêng liêng.

CẨM CHÂU DUYÊN. - Một hai năm trước khi mất, sự tình cờ đưa đến trong đời Hàn Mạc Tử hình ảnh một giai nhân có cái tên khả ái: nàng Thương Thương. Nàng Thương Thương có lẽ chỉ yêu thơ Hàn Mạc Tử và Hàn Mạc Tử hình như cũng không biết gì hơn hai chữ Thương Thương. Nhưng như thế cũng đủ để thi nhân đưa nàng vào "tháp thơ". Nàng sẽ luôn luôn đi về trong những giấc mơ của người. Có khi người mơ thấy mình là Tư Mã Tương Như đương nghe lời Trác Văn Quân năn nỉ:

Dã mê rồi! Tư Mã chàng ôi!

Người thiếp lao đao sượng cả người.

Ôi! Ôi! Hăm bốn cung cầm lại,

Lòng say đôi má cũng say thôi.

Song những phút mơ khoái lạc ấy có được là bao.
Tỉnh dậy, người thấy:

Sao triu mẩn thân yêu đâu vắng cả?

Trơ vơ buồn và không biết kêu ai!

Bức thư kia sao chẳng viết cho dài,

Cho khăng khít nồng nàn thêm chút nữa.

Ta tưởng nghe lời than của Huy Cận.

Nhưng cuộc đời đau thương kia đã đến lúc tàn, và nguồn thơ kia cũng đã đến lúc cạn. Hàn Mạc Tử chốc chốc lại ra ngoài biên giới thơ, lạc vào thế giới đồng bóng.

DUYÊN KỲ NGỘ và QUẦN TIÊN HỘI. - Mối tình đôi với nàng Thương Thương còn khiến Hàn Mạc Tử viết ra hai vở kịch bằng thơ này nữa. Quần tiên hội viết chưa xong và không có gì. Duyên kỳ ngộ hay hơn nhiều. Đây là một giấc mơ tình ái, ngắn ngủi nhưng xinh tươi, đặt vào một khung cảnh tuyệt diệu. Thì nhân dẫn ta đến một chốn nước non thanh sạch chưa từng in dấu chân người. Ở đó tiếng chim hót, tiếng suối reo, tiếng tiêu ngân đều biến thành những lời thơ tình tử. Ở đó Hàn Mạc Tử sẽ gặp Thương Thương mà người không mong được gặp ở kiếp này. Nàng sẽ nói với người những lời nồng nàn âu yếm khiến chim nước đều say sưa. Nhưng rồi người sẽ cùng tiếng tiêu cùng đi như vút nhớ đến cái nghiệp nặng nề đương chờ người nơi trần thế. Và giữa lúc nàng gục đầu khóc, cảnh tiên lại rộn rã tiếng suối ca.

Trong thi phẩm Hàn Mạc Tử có lẽ tập này là trong trẻo hơn cả. Còn từ thơ Đường luật với những câu:

Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối;

Gió thu lọt cửa cọ mài chân.

cho đến Gái quê, Thơ điên, Xuân như ý và các tập khác, lời thơ thường vẫn đục.

*

Tôi đã nói hết cảm tưởng của tôi trong lúc đọc thơ Hàn Mạc Tử. Không có bao giờ tôi thấy cái việc phê bình thơ tàn ác như lúc này. Tôi nghĩ đến người đã sống trong một túp lều tranh phải lấy bì thư và giấy nhựt trình che mái nhà cho đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến người không sao nuốt được vì ăn khổ quá. Cảnh cơ hàn ấy và chứng bệnh kinh khủng đã bắt người chịu bao nhiêu phũ phàng, bao nhiêu ruồng rẫy. Sau cùng người bị vứt hẳn ra ngoài cuộc đời, bị giữ riêng một nơi, xa hết thấy mọi người thân thích. Tôi nghĩ đến bao nhiêu năm người bó tay nhìn cả thể phách lẫn linh hồn cùng tan rã...

Một người đau khổ nhường ấy, lúc sống ta hững hờ bỏ quên, bây giờ mất rồi ta xúm lại kẻ chê người khen. Chê hay khen tôi đều thấy có gì bất nhân.

Mai 1941

BẾN LÈN

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lả lơi...
Hoa lá ngây tình không muốn động,
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi...

Trong khóm vi lau hồi hộp mãi:
Tiếng lòng ai nói? Sao im đi?
Ô kìa, bóng nguyệt trần truồng tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe...

Vô tình để gió hôn lên má,
Bên lên làm sao, lúc nửa đêm...
Em sợ lang quân em biết được,
Nghĩ ngờ đến cái tiết trinh em...

(Gái quê)

TÌNH QUÊ

Trước sân anh thơ thẩn,
Đăm đăm trông nhận về;
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đôi quê;
Gió chiều quên ngừng lại;
Dòng nước luôn trôi đi...
Ngàn lau không tiếng nói;
Lòng anh dường mê mê,
Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đến trắng thề;
Dầu ai không mong đợi,
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục,
Tiếng hờn trong lũy tre,
Dưới trời thu man mác,
Bàng bạc khắp sơn khê,
Dầu ai trên bờ liễu,
Dầu ai dưới cành lê...
Vội ngày xanh hồ hững,

Cố quên tình phu thê,
Trong khi nhìn mây nước,
Lòng xuân cũng nã nể...

(Gái quê)

MÙA XUÂN CHÍN

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.
Ba cô thôn nữ hát trên đồi;
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi,
Hồn hển như lời của nước mây...
Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí băng khuâng sức nhớ làng.
- Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

(Hương thơm)

TRƯỜNG TƯƠNG TƯ

Hiếu gì không, ý nghĩa của trời thơ?
Của hương hoa trong trăng lờn lợt bầy,
Của lời câm, muôn vì sao áy náy,
Hiếu gì không, em hỡi! Hiếu gì không?
Anh ngâm nga để mở rộng cửa lòng
Cho trăng xuân tràn trề say chói với,
Cho nắng hường vấn vương muôn ngàn sợi;
- Cho em buồn, trời đất ứa sương khuya,
Để em buồn, để em nghiệm cho ra
Cái gì kết lại mối thành tình tú?
Và duyên ương bởi đâu không đoàn tụ?
Và tình duyên sao lại dở dang chi?
Và vì đâu, gió gọi giạt lời đi?
- Lời đi qua, một chiều trong kẽ lá,
Một mùi thơm mới nửa chừng sa ngã,
Anh nếm rồi, ý vị của làn mơ?

*

Lệ Kiều ơi! Em còn giữ ý thơ
Trong đôi mắt mùa thu trong leo lẻo?
Ở xa xôi lặng nhìn anh khô héo,
Bên kia trời, hãy chụp cả hồn anh.
Hãy van lơn ở dưới chân Bàn Thành,
Cho yêu ma muôn năm vùng trở dậy,
Náo không gian cho lửa lòng bùng cháy,
Và để cho kinh động đến người tiên,
Đang say sưa ở thế giới Hảo huyền,
Đang trửng giỡn ở bên sông Ngân biếc...
Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt,

Ngó như gần nhưng vẫn thiết xa khơi!
Lau mắt đi đừng cho lệ đầy vơi.
Hãy tưởng tượng một người thơ đang sống
Trong im lìm lẻ loi trong dãy động,
- Cũng hình như, em hỡi, động Huyền Không!
Mà đêm nghe tiếng khóc ở đáy lòng,
Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa.
Em cố nghĩ ra một chiều vàng úa,
Lá trên cành héo hắt, gió ngừng ru:
“Một khối tình nức nở giữa âm u,
“Một hồn đau rã lần theo hương khói,
“Một bài thơ cháy tan trong nắng đợi,
“Một lời run hoi hóp giữa không trung,
“Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng,
“Hóa thành vũng máu đào trong ác lạnh”.

Đây là tất cả người anh tiêu tán
Cùng Trăng Sao bàng bạc xứ Say mơ
Cùng tình em tha thiết như văn thơ
Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế.

(Một đấng)

AVE MARIA

Như song lộc triều nguyên: ơn phúc cả,
Dâng cao dần thần nhạc sáng hơn trăng,
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng,
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể.

Và Tổng Lãnh Thiên Thần quỳ lạy MẸ.
Tung hô câu đường hạ ngóp châu sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa;
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh.
MARIA! Linh hồn tôi ớn lạnh.

Run như run thân tử thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng,
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến.

Lạy Bà là Đấng tinh truyền thanh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm luy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm động rưng rưng hai dòng lệ:
Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ.
Bút tôi reo như châu ngọc đến vua;
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị...
Và trong miệng ngậm câu ca huyền bí,
Và trong tay nắm một nạm hào quang...

Tôi no rồi, ơn vô lộ hòa chan.

Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ,
Ngọc Như ý vô tri còn biết cả,
Huống chi tôi là Thánh thể kết tinh.
Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh,
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới...
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi,
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen.

Hỡi Sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?

Người có nghe thơ mậu nhiệm ra đời
Để ca tụng, - bằng hoa hương sáng láng,
Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đổi anh linh?

Đây rồi! Đây rồi! Chuỗi ngọc vàng kinh,
Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý
Trượng phu lời và tông đồ triết lý,
Là Nguồn Trăng yêu mến Nữ Đồng Trinh,
Là Nguồn Đau châu lụy Nữ Đồng Trinh...

Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lập,
Khói nghiêm trang sẽ dâng lên trần ngập
Cả hàn giang, cả màu sắc thiên không,
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng
Cho sốt sáng, cho mê mê nguyện ước...

Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước,
Cho tình tôi nguyện vẹn tợ trăng rằm,
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu;
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tình dẫu,
Cho mê mê âm nhạc và thanh hương
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng,
Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ

Sẽ ngây ngất bởi chưng thơ đầy ú
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng MỆ SẦU BI.

Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì!

Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên Triều thiên ngồi chói vạn hào quang?

(Xuân như ý)

ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỄN

Tặng cả và thiên hạ

Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,
Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt vời bay...
Đây là hương quý trọng thắm trong mây
Ngời phép lạ của đức tin kiều diễm:⁽¹⁾
Câu tán tạ, không khen long cả phẩm:
Bút Xuân Thu⁽²⁾ mùa nhạc đến vừa khi
Khắp mười phương diễm lạ trở hoài nghi:
Cây bằng gấm và lòng sông toàn ngọc;
Và đầu hôm một vì sao liền mọc

Lời chú của Hàn Mạc Tử:

(1) Nhơn đức trọn tình.

(2) Ý nói sự ngợi khen có văn vẻ như trong sách Xuân Thu.

Ở phương Nam mầu nhiệm biết ngần mô!
Vi muôn kinh đồn dập cõi thơm tho,
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo.
Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo,
Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian⁽¹⁾ _
Để vừa dâng, vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.

★

Đã no nê, đã bưa rồi, thế hệ
Của phường trai mê mẩn khí thanh cao;
Phượng hoàng bay trong một tối trắng sao
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa;
Đương cầu xin, ọc thơ ra đường sữa.
Ta ngất đi trong khoái lạc của hôn đau...
Trên chín tầng diêu động cả trần châu
Dường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết,
Nhịp song đôi: này đây, cung cầm nguyệt
Uớp lời thơ thành phúc lộc của đường tu.
Tôi van lơn, thăm nguyện chú Giê Su
Ban ơn, xuống cho mùa xuân hôn phối,
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng:
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng.

(Xuân như ý)

(1) Ý nói cầu nguyện rất sốt sắng cảm động được màu sắc của không gian, biến từ sắc xám hay đen ra trắng, hoặc nói cầu nguyện từ đầu hôm tới sáng bạch.

RA ĐỜI

Một chiều xanh, - một chiều xanh huyền hoặc,
Sáng bao la vây lút cõi thiên không;
Xuất thế gian⁽¹⁾ chưa có tại trong lòng,
Muôn ý tứ say chìm nơi Bát Giác,
Hương cảm dỗ mê người trong khoái lạc.

A!A!A!

Thiên địa đắm hoang mang
- Là đương khi thờ lạy cả Thiên Đàng,
Bay những tiếng: tung hô Thánh đức.
Muôn thần phẩm trong lằng lằng châu chực,
Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly!
Ồi, cao sang khôn ví trọng ai bì,
Trên nước cả có vô vàn châu báu.
Trí rất ngộp, bởi chưng xuân hồn hậu,
Đã ra đời, theo lệnh của Ngôi Hai.
Ồi thánh tai,⁽²⁾ thánh tai, và thánh tai!
Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc,
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác,

Lời chú của Hàn Mặc Tử:

(1) Phật giáo chia thế giới làm hai cõi: Thế gian và xuất thế gian, tức là thế giới hữu hình và thế giới vô vi, đây sánh xuất thế gian với cõi thanh tịnh của lòng.

(2) Danh từ biểu lộ sự hoan hỉ và cung kính đối với Thiên Chúa.

Rất phương phi⁽¹⁾ trên hết cả anh hoa.
Xuân ra đời! Đêm ngọc ấm như ngà,
Thơ có tuổi và chiêm bao có tích,
Và tâm tư có một điều rất thích,
Không nói ra vì sợ bớt say sưa!...
- “Chàng ơi!⁽²⁾ Chàng ơi, sự lạ đêm qua!
Mùa xuân tới, mà không ai biết cả...”

(Xuân như ý)

Chúng tôi còn muốn trích ít bài nữa. Nhưng Ô. Quách Tấn, người giữ bản quyền thơ Hàn Mạc Tử, yêu cầu chúng tôi chỉ trích năm bài thơ trở xuống trong những tập chưa in thành sách.

(1) Tiếng nhạc trên Trời rất màu nhiệm, hình dung được cả sự phương phi.

(2) Chàng đây là thi sĩ, không phải chàng của thiếp.

CHẾ LAN VIÊN⁽¹⁾

Sinh năm 1920. Quê ở Bình Định. Học trường Quy Nhơn. Có bằng thành chung.

Đã đăng thơ: *Tin văn, Tiểu thuyết thứ bảy, Phụ nữ, Trong khuê phòng, Người mới.*

Đã xuất bản: *Điều tàn* (1937)

Tôi cầm bút viết bài này thì vắng vắng bên tai tôi giọng ca Nam Bình đưa sang từ nhà bên cạnh. Giọng ca âm thầm ai oán, mỗi lần tôi nghe lại khiến lòng tôi bồn chồn, chân tay tôi rời rã.

Cũng lạ! Bị chinh phục đến tiêu diệt mà cảm được lòng những kẻ đã diệt mình một cách sâu sắc như thế để chỉ có dân tộc Chiêm Thành. Những nhạc công của chúng ta luôn luôn ca nỗi oán hờn của họ. Bao nhiêu thi nhân của ta bị ám ảnh vì những nỗi buồn thương của họ. Chúng ta lại còn dành riêng cho họ một nhà thơ, để vì họ giải giùm những nỗi uất ức bao nhiêu năm như ghen ngào trên núi sông này. Vong linh đau khổ của nòi giống họ đã nhập vào Chế Lan Viên, cho nên, dầu không phải người họ Chế,

(1) Chế Lan Viên không ưng cho chúng tôi để tên thật và in ảnh của người.

Chế Lan Viên vẫn là một nhà thơ Chiêm Thành. Quyển Điều tàn đã đột ngột xuất hiện giữa làng thơ Việt Nam như một niềm kinh dị.

Nó dựng lên một thế giới đầy sọ dừa, xương máu, cùng yêu ma.

Chỗ này một yêu tinh nghe tiếng trống cầm canh chợt nhớ nơi trần thế:

Rồi lấy ra một khớp xương rợn trắng
Nút bao dòng huyết đầm khí tanh hôi
Tìm những “miếng trần gian” trong tủ cạn
Rồi say sưa, vang cất tiếng reo cười.

Chỗ kia trong

... Những cảnh ngàn sâu cây lá ngọn
Muôn ma Hồi sớ soạng dất nhau đi.

Đừng ai hỏi những cảnh ấy thi nhân đã thấy ở đâu. “Hãy nghĩ lại! Có ai thấy, vào buổi chiều, rụng ở trong tháp một viên gạch cũ mà hỏi: Viên gạch ấy chu vi, diện tích bao nhiêu? Đúc từ đời nào? Ở đâu? Bởi ai? Và để làm gì?” Chế Lan Viên đã trả lời trước như vậy⁽¹⁾.

Ta hãy theo dõi thi nhân trong cái thế giới lạ lùng ấy. Có khi ngồi trên bờ bể Chế Lan Viên bàng hoàng tự hỏi:

Ai kêu ta trong cùng thẳm. Hư vô?

Ai réo gọi trong muôn sao chổi vối?

Và say sưa nhớ lại một đêm ái ân giữa khoảng các vì sao. Có khi Chế Lan Viên điên cuồng.

(1) Trong tựa Điều tàn.

... ngụp lặn trong ánh vàng hỗn độn

Cho trăng ghì, trăng riết cả làn da.

Lại có khi lặng đứng suốt đêm với một bóng ma
hay nhìn một chiếc quan tài đi qua mà tưởng thi thể
của mình nằm trong đó.

Hắn có người sẽ nghĩ: Thơ muốn hay chứ muốn
lạ thì khó gì, cứ nói trái sự thực là được. Sự thực
người ta ngủ trong nhà thì cứ việc nói người ta ngủ
trong sao.

Đừng tưởng! Lịch sử văn học cổ kim không từng
có hai Bồ Tùng Linh. Nói láo đành dễ, nhưng cái khó
là nói láo mà vẫn không biết mình nói láo; cái khó
là có thể tin lời mình nói. Mà Chế Lan Viên tin lời
mình ghê lắm. Khi Chế Lan Viên kêu:

Hồn của ai trú ẩn ở đâu ta?

Ý của ai trào lên trong đáy óc,

Để bay đi theo tiếng cười, điệu khóc?

tôi nhất quyết thì nhân thành thực hơn tôi khi tôi
nói, chẳng hạn: tờ giấy kia trắng. Vì câu nói của tôi
là một câu nói hờ hững, xuất tự tri giác, tôi vẫn tin
mà không để vào đó tất cả lòng tin. Chế Lan Viên,
trái lại, đã để trong tiếng kêu hốt hoảng của mình,
một lòng tin đau đớn.

Ấy, người thường có những nỗi đau đớn tựa hồ vô
lý vậy mà thành thực vô cùng.

Trong một năm người ưa nhất mùa thu. Mùa thu
qua được một ngày người đã nhớ:

Ô hay, tôi lại nhớ thu rồi...

Mùa thu rớm máu rơi từng chút

Trong lá bàng thu đỏ ngập trời.

Đường về thu trước xa lắm lắm,
Mà kẻ đi về chỉ một tôi!

*Nếu một nỗi đau đớn như thế mà có thể cho là bày
đặt thi ở đời này không còn gì tin được nữa.*

Một lần khác, cũng nhớ thu, Chế Lan Viên than:
Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.

*Nỗi mong nhớ ở đây đã thành thực, mà còn to lớn
lạ lùng. Con người này quả là người của trời đất, của
bốn phương, không thể lấy kích thước thường mà hồng
đo được.*

*Ưa mùa thu, ghét mùa xuân, trong khi xuân đến,
người muốn:*

Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?
Vội của hoa tươi muôn cánh rã
Về đây, đem chấn nẻo xuân sang!

*Ý muốn ngông cuồng, ngộ nghĩnh? Đã đành. Trong
cái ngộ nghĩnh, cái ngông cuồng ấy tôi còn thấy một
sức mạnh phi thường. Chấn một luồng gió, chấn một
dòng sông, chấn những đợt sóng hung hăng ngoài
biển cả, nhưng mà “chấn nẻo xuân sang!” Sao người
ta lại có thể nghĩ được như thế?*

Ngày xưa Tản Đà chán nản than:
Đêm thu buồn lắm, chị Hằng ơi!
Trần giới em nay chán nửa rồi!

*Cái chán nản hiền lành của người Việt. Nó khác
xa cái chán nản gay gắt, náo nùng của Chế Lan Viên:*
Trời hỡi trời! Hôm nay ta chán hết
Những sắc màu hình ảnh của Trần gian.

Có phải một cái chán nản mạnh mẽ và to lớn đi thường? Người ta chán đời người ta cầu một mảnh vườn hay hơn một chút nữa, một khoảnh núi để sống riêng. Chế Lan Viên trốn đời lại nghĩ đến một vì sao!

Hãy cho tôi một tình cầu giá lạnh,

Một vì sao trở trời cuối trời xa!

Để nơi ấy tháng ngày tôi lẩn tránh

Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo.⁽¹⁾

Cái mạnh mẽ, cái to lớn ấy, những đau thương vô lý mà da diết ấy, cái thế giới lạ lùng và rùng rợn ấy, ai có ngờ ở trong tâm trí một cậu bé mười lăm mười sáu tuổi. Cậu bé ấy đã khiến bao người ngạc nhiên. Giữa đồng bằng văn học Việt Nam ở nửa thế kỷ hai mươi, nó đứng sừng sững như một cái tháp Chàm, chắc chắn và lẻ loi, bí mật. Chúng ta, người đồng bằng, thỉnh thoảng trèo lên đó - có người trèo đuôi sóc - mà trầm ngâm và xem gạch rưng, nghe tiếng rên rỉ của ma Hời cũng hay, nhưng triển miên trong đó không nên. Riêng tôi, mỗi lần nấn ná trên ấy quá lâu, đầu tôi choáng váng: không còn biết mình là người hay là ma. Và tôi sung sướng biết bao lúc thoát giấc mơ dữ dội, tôi trở xuống, thấy chim vẫn kêu, người ta vẫn hát, cuộc đời vẫn bình dị, trời xa vẫn trong xanh.

Octobre 1941

(1) Tiếc câu sau này không xứng với mấy câu trên.

THỜI OANH LIỆT⁽¹⁾

Rồi cả một thời xưa tan tác đổ.
Dấu oai linh hùng vĩ thấy gì đâu?
Thời gian chảy, đá mòn, sông núi lở,
Lòng ta luôn còn mãi vết thương đau!

Vết rục rở đã tàn bao năm trước,
Bao năm sau còn dội tiếng kêu thương,
Sâu hận cũ tìm ta ai biết được?
Người vui tươi ta mãi mãi cảm hờn,

Ta đã khóc, ta vẫn còn phải khóc
Cả thời xưa cho đến cả thời nay.
Ngày phải tàn, ánh dương rồi phải tắt,
Vỡ tan đi, đến cả quả cầu đây.

Mà thân ta phải nào không tiêu diệt
Ở trần gian và ở trí muôn người?
Trong những lúc còn xa xôi cõi chết,
Cứ khóc đi những cảnh ở chân trời.

(1) Bài này không biết đăng ở báo nào, chúng tôi chỉ chép theo trí nhớ, hai câu cuối quên mất.

Lệ ta nay muôn năm sau còn an ủi
Linh hồn ta ở tận đáy mồ sâu.
Người thuở khác biết ai còn tưởng tới⁽¹⁾
Mà thầm gieo cho những đóa hoa sầu.

TA

Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng
Lạnh như hồn u tối vạn yêu ma?
Hồn của ai trú ẩn ở đâu ta?
Ý của ai trào lên trong đáy óc,
Để bay đi theo tiếng cười điệu khóc?

Biết làm sao giữ mãi được ta đây,
Thịt cứ chịu theo thú dục chua cay!
Máu cứ chảy theo nhịp cuồng kẻ khác!
Mắt theo dõi *Tinh hoa* bao màu sắc!
Đau đón thay cho đến cả linh hồn
Cứ bay tìm Chán Nản với U Buồn.
Để dính sọ trơ vơ trần ý thịt!
Mà phải đâu đã đến ngày tiêu diệt!

Ai bảo giùm: Ta có có Ta không?

(Điều tàn)

(1) Theo bản "Thơ mới 1932-1945. Tác giả và Tác phẩm". NXB Hội Nhà văn, 1999, trang 840 có thêm 2 câu cuối này.

TRÊN ĐƯỜNG VỀ

Một ngày biếc thị thành ta rời bỏ
Quay về xem non nước giống dân Hời:

.....
.....
Đây, những Tháp gầy mòn vì mong đợi,
Những đền xưa đổ nát dưới Thời gian,
Những sông vắng lẽ mình trong bóng tối,
Những tượng Chàm lở lói rỉ rên than.

Đây, những cảnh ngàn sâu cây lả ngọn,
Muôn Ma Hời sờ soạn đất nhau đi;
Những rừng thẳm bóng chiều lan hỗn độn,
Lùng hương đưa, rộn rã tiếng từ quy!

Đây, chiến địa nơi đôi bên giao trận,
Muôn cô hồn tử sĩ hét gầm vang.
Máu Chàm cuộn thác ngày niêm oán hận,
Xương Chàm luôn rào rạt nổi căm hờn.

Đây, những cảnh thái bình trong Chiêm quốc,
Những cô thôn vàng nhuộm nắng chiều tươi;
Những Chiêm nữ nhẹ nhàng quay lại ấp,
Áo hồng nâu phủ phất xòa lời vui.

Đây, điện các huy hoàng trong ánh nắng,
Những đền đài tuyệt mỹ dưới trời xanh.
Đây, chiến thuyền nằm mơ trên sông lặng;
Bầy voi thiêng trầm mặc dạo bên thành.

Đây, trong ánh ngọc lưu ly mờ ảo
Vua quan Chiêm say đắm thịt da ngà,
Những Chiêm nữ, mơ màng trong tiếng sáo,
Cùng nhịp nhàng, uyển chuyển uốn mình hoa.

Những cảnh ấy trên Đường Về ta đã gặp,
Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi.
Và từ đáy lòng ta luôn tràn ngập
Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời.

(Điều tàn)

ĐÊM TÀN

Ta cùng Nàng nhìn nhau không tiếng nói,
Sợ lời than lay đổ cả đêm sâu,
Đôi hơi thở tìm nhau trong bóng tối,
Đôi linh hồn chìm đắm bể U Sầu.

“- Chiêm nương ơi, cười lên đi em hời!
Cho lòng anh quên một chút buồn lo!
Nhìn chi em chân trời xa vời vợi,
Nhớ chi em sâu hận nước Chàm ta?

Này, em trông một vì sao đang rụng;
Hãy nghiêng mình mà tránh đi, nghe em!
Chắc có lẽ linh hồn ta lay động
Khi vội vàng trở lại nước non Chiêm”.

Lời chưa dứt, bóng đêm đã vụt biến!
Tình chưa nồng, đã sắp phải phôi pha!
Trên trần gian vùng ô kia đã đến
Gỡ hồn nàng ra khỏi mảnh hồn ta.

(Điêu tàn)

HỒN TRÔI

Cô em ơi! Đàng xa cây tỏa bóng,
Sao cô không ngồi đợi giấc mơ nồng?
Đến chi đây, cho thân cô rung động
Lớp hồn tôi êm rải khắp trời trong?

Dừng hát nữa! Tiếng cô trong trẻo quá
Khiến hồn tôi tê liệt khó bay cao.
Này, im đi, nhìn xem, trong kẽ lá.
Một mặt trời giả đáng một vì sao.

Ngoài xa xa, không, ngoài xa xa nữa,
Thấy không cô, ánh nắng kéo hồn tôi?
Đến những chốn êm đêm như hơi thở,
Nồng tươi như suối máu lúc ban mai.

Cô bảo: Hồn có hay không trở lại
Một khi trôi vào giữa giấc mơ cuồng?
- Có, cô ơi, hồn tôi trở lại
Với lòng điên, ý chết, với tình thương.

(Đêm tàn)

THU

Chao ôi! Thu đã tới rồi sao?
Thu trước vừa qua mới độ nào!
Mới độ nào đây, hoa rạn vỡ,
Nắng hồng choàng ấp dãy bàng cao.

Cũng mới độ nào trong gió lộng,
Nến lau bùng sáng núi lau xanh,
Bướm vàng nhẹ nhẹ bay ngang bóng
Những khóm tre cao rũ trước thành.

Thu đến đây! Chừ, mới nói rằng?
Chừ đây, buồn giận biết sao ngăn?
Tìm cho những cánh hoa đang rụng,
Tôi kiếm trong hoa chút sắc tàn!

Tìm cho những nét thơ xanh cũ
Trong những tờ thơ lá võ vàng!
Ai nữ tìm môi người quả phụ
Sắc mầu hầu nhạt cả tình xuân?

Trời ơi! Chán Nản đương vây phủ
Ý tưởng hồn tôi giữa cõi Tang!

(Đêm tàn)

XUÂN

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu;
Đem chi xuân lại gợi thêm sầu?
- Với tôi tất cả như vô nghĩa,
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau!

Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?
Với của hoa tươi, muôn cánh rã,
Về đây, đem chấn nẻo xuân sang!

Ai biết hồn tôi say mộng ảo
Ý thu góp lại cảnh tình xuân?

Có một người nghèo không biết Tết
Mang li chiếc áo độ thu tàn!

Có đứa trẻ thơ không biết khóc
Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran!

Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.

(Đêm tàn)

Ngoài Diêu tàn, Chế Lan Viên còn có đăng ít nhiều thơ ở các báo, xin trích ra đây một bài nhẹ nhàng và kín đáo, khác hẳn các bài khác cùng một tác giả.

TRƯA ĐƠN GIẢN

Trưa quanh vườn. Và vông gió an lành
Ngang phòng trưa, ru hồn nhẹ cây xanh.
Trưa quanh gốc. Và mộng hiền của bóng
Bống run theo... lá... run theo... nhịp vông.
Trưa lên trời. Và xanh thắm, bầu trời,
Bống mê ly, nằm thấy, trắng, mây trôi...
Trưa! Một ít trưa, lạc vào lãng tằm
Nhập làm hồn những tượng xưa u thắm.
Trưa, theo tàu, bước xuống những sân ga
Dựng buồm lên xa gửi đến Muôn Xa.
Đây trưa hiện hình trong căn trường nhỏ
Đưa tay lên thoa những hàng kính vỡ.
Trưa gọi kêu, nâng ngực gió lên trời:
Bên vú trái tròn, lá bống run môi,

*

Tiếng ai ca, buồn theo song cửa sổ:
- “Nâng không gian trưa đặt giữa lòng người”.

(Người mới)

BÍCH KHÊ

Chính tên là Lê Quang Lương. Quê quán: Thu Xà (Quảng Ngãi).

Đã đăng thơ: *Tiếng dân, Tiểu thuyết thứ năm, Người mới...* (ký Lê Mộng Thu hoặc Bích Khê).

Đã xuất bản: *Tình huyết* (1939)

Tôi đã gặp trong Tình huyết những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam:

Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mệnh mông.

hay mấy câu này trong bài "Tranh lỏa thể":

Dáng tâm xuân uốn trong tranh Tố Nữ,

Ô tiên nương! Nàng lại ngự nơi này?

Nàng ở mô? Xiêm áo bỏ đâu đây?

Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.

Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm?

Nàng là hương hay nhan sắc lên hương?

Mắt ngời châu rung ánh sóng nghệ thường;

Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.

Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc,

Vài chút trắng say đọng ở làn môi.

Mấy câu ấy đã được Hàn Mạc Tử phẩm bình bằng những lời xứng đáng: "Thi sĩ Bích Khê là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng, rất ảo, nhìn vào thực tế"

thì sự thực sẽ thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô sang địa hạt huyền diệu... Ở "Tranh lửa thê", sự trần trụi dâm đãng đã nhường lại cho ý vị nên thơ của hương, của nhạc, của trăng, của tuyết. Quả nhiên là một sự khong khen, thanh tao quá đến ngọt lịm cả người và cả thơ⁽¹⁾.

Vừa bước vào đã thấy vàng ngọc sáng ngời như thế, ai không tin đây là biệt thự một nhà triệu phú. Huống chi chủ nhân còn nói: "Không, quý gì những vật mọn ấy! Kho tàng của tôi chính ở trong mấy phòng kia"⁽²⁾.

Nhưng tôi chưa thể nói nhiều về Bích Khê. Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài Duy Tân⁽³⁾. Tôi thấy trong đó có những câu thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó. Hình như vẫn còn gì nữa...

Còn các bài khác hoặc chưa xem hoặc mới đọc có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc.

Novembre 1941

(1) Tựa tình huyết.

(2) Trong một bức thư gửi cho chúng tôi đề ngày 7-1-1941, Bích Khê nói rằng ba bài người thích nhất là "Duy Tân", "Năm mộ Bích Khê", "Giờ trút linh hồn". Trong một bức thư khác đề ngày 25-10-1941, Bích Khê lại nói người thích bài "Xuân tượng trưng" hơn cả.

(3) Trích theo đây.

DUY TÂN

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới
Của lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong⁽¹⁾
Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng⁽²⁾
Tràn âm hưởng như chiều thu sóng nằng
Trong vòm xanh. Màu cười màu, bình lặng,
Gây phương phi: chiếu sáng ngả sang mờ
Vì hình dung những sắc mát, non, tơ,
Như mặt trời lọc qua khóm liễu, một
Hoàng hôn. Ôi đàn môi, chim báu tốt:
Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm,
Chữ điêu khắc, tả nghệ thuật sâu cam,
Đây thắm mỹ như một pho thần tượng.
Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng,
Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng:
(Những con cừu tim trẻ mướt như lông
Men da thịt lên làn sa lụa mỏng,
Mỗi con cừu bốc lên men hy vọng...)
Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Thơ.
Tôi cắn vào trái bồ vỏ xanh mơ
Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc
Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tản mát
Mộng?

Thiên tài?

- Trên hỗn độn khổa thân

(1) (2) Mới sửa. Trên Người mới: "Của lời thơ lóng đẹp. Tiếng ươm hương. Tiếng ươm hương hòa nhạc vận du dương".

Đẹp tỉ mỉ, hồi *Rung động* truyền thần,
Ròng âm nhạc của lòng trai ấp má,
Người họa điệu với thiên nhiên, ân ái
Buồn, và Xanh trời. (Tôi trôi với bờ
Êm biếc - khóc với thu: lời úa ngô
Vàng... Khi cách biệt - giữa hồn xây mộ -
Tình hôm qua - dài hôm nay thương nhớ,
Im lặng nhìn bông ý, lặng lẽ lên
Những sáng hình thanh khí...) Giữa mệnh mông.
Đường nhiếp ảnh, sắc khua màu - Tiếng thở,
Hồi Hội họa, đến muôn đời nức nở.

Ta nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Ta.
Lời nổi lời bố thí lộc *Tinh hoa*
Của *Âm điệu*, mơ màng run bầy bầy,
Một hỗn độn đẹp xô bồ say dậy
Bằng cảm tình, bằng hình ảnh, yêu thương,
Và mới mẻ - trên viên cổ đông phương!
(Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật?)
Thơ loa thế! - Giai nhân tuần trắng mặt,
Nữ thần ơi! Ta! Nô lệ bên người!

(*Người mới*)

XUÂN TƯỢNG TRUNG⁽¹⁾

Hỡi Lời ca man dại.
Điệu nhạc thở hơi rừng,
- Đêm nay, xuân đã lại
Thuần túy và tượng trưng -
Nâng lên núm vú đôi
Sữa trắng nhi nhĩ giọt;
Bay qua cụm liễu phơi
Những cườm tay điểm hột
Sương. - Phất phơ lau lách,
Khe uốn mình giai nhân:
Đường non khéo điêu khắc
Những dáng hình khỏa thân:
Lụa mây nẩy vàng chạm,
Tia ngọc bén màu ngân.

Chủ xuân đương triển lãm!

Lời ca như hạc theo
Gió lên. (Tình múa reo
Những điệu vàng châu báu,
Đường có con chim báu
Ria cánh trên ngai lòng)

(1) Chúng tôi trích bày này vì chiếu theo lời yêu cầu của ông Bích Khê.

Xòe xòe màu lông công,
Vườn thơm khua sắc mát:
Rồng uốn vóc từng cong!
Áo bạch mai khoát khoát;
Môi đào chờ khoái lạc...
Hồn tôi như đỉnh hương
Bốc lên mình thánh giá!
Ý xuân mát đến xương
Ngậm tuyết phun lá chã!

(Người mới)



LUU TRONG LU



NGUYỄN NHƯỢC PHÁP



HÀNG PHƯƠNG

NGUYỄN BÌNH



J. LEIBA

J.LEIBA

Chính tên là Lê Văn Bái. Sinh năm 1912 ở Yên Bái. Chánh quán: làng Nam Trục, phủ Nam Trục (Nam Định). Học trường Bảo hộ Hà Nội đến năm thứ ba rồi bỏ đi theo một bọn giang hồ mại võ trót một năm. Sau về quê học chữ Hán. Năm 1935, đậu thành chung, rồi vào ngạch thư ký tòa sứ Bắc Kỳ. Vì đau nặng, nên được phép nghỉ dài hạn.

Đã viết giúp: *Ngọ báo, Loa, Tin văn, L'Annam nouveau. Tiểu thuyết thứ bảy, Ích hữu, Việt báo, Nam Cường* (ký Thanh Tùng Tử và sau J.Leiba).

Thơ đăng báo Loa với một tên ký chẳng Việt Nam tí nào, thế mà vừa ra đời Leiba liền được người ta thích.

Người ta thích những vần thơ có giọng Đường rõ rệt, mà lại nói được nỗi lòng riêng của người thời nay. Trong khuôn khổ xưa, cái hương vị mới ấy rất dễ say người. Thơ Leiba ra đời (1934) giữa lúc ai nấy đều thấy mình như trẻ lại. Các nhà thơ đương thời, Thế Lữ, Đông Hồ, Thái Can, kẻ trước người sau, đều tả bằng những nét âu yếm nỗi lòng của người thiếu nữ lúc mới bén tình yêu. Nhưng không ai nói được đầy đủ như tác giả bài "Năm qua"⁽¹⁾ những giai đoạn

(1) Trích theo đây.

*của một cuộc yêu đương nhóm lên từ hồi tóc còn bỏ
xõa. Ít ai nói được như Leiba những vui buồn của
người xuân nữ. Những câu như:*

Hoa tặng vừa tàn bông thược được,

Tim chàng bỗng vắng, bóng chàng xa...

hay là:

Sầu đối gương loan, bóng lạ người,

Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai?

có thể để ngang với những câu tuyệt hay trong thơ cổ.

*Hồi ấy là hồi đẹp nhất trong đời thơ Leiba. Về sau
thơ Leiba không được hồn nhiên như thế nữa. Không
rõ những gì đã đến trong đời thi nhân, nhưng lời thơ
như vương tí căn của những đêm phóng túng. Hình
như Leiba đã đau khổ nhiều lắm. Người tức tối lúc
nghĩ đến nắm cỏ đương chờ mình:*

Vì biết phù sinh đời có thể,

Thông minh, tài bộ, thế gia chi!

Học thành, danh đạt, chung quy hão:

Mất nhắm, tay buông, giữ được gì?

Thà chọn sinh vào nhà ấu phụ,

Cục càn, mất dạy, lại ngu si.

*Leiba là một người bao giờ cũng có dáng điệu quý
phái, ưa cái không khí quý phái, tin ở tài năng, ở
dòng dõi mình, và rất tự trọng, cả trong những lúc
buông tuồng. Một người như thế mà nói những lời
như thế hẳn phải chán nản lắm.*

*Chán nản đưa người về tôn giáo. Thơ Leiba hồi
sau có bài đượm mùi Phật. Mặc dầu chưa đúng hẳn
với tinh thần đạo Phật. Bài "Bến giác"⁽¹⁾ chẳng hạn*

(1) Trích theo đây.

còn có một giọng lạnh lùng, chua chát chưa phải là giọng của kẻ đã dứt hết trần duyên. Cho đến cái bình tĩnh của nàng Kiều khi ở trong am Giác Duyên lần thứ hai, Leiba cũng chưa có⁽¹⁾. Tuy thế người gần đạo Phật hơn các nhà thơ bây giờ.

Thơ Leiba đã thay đổi theo một hai điều thay đổi trong tâm trí thanh niên khoảng bảy tám năm nay. Xem thơ ta có thể thấy khi tỏ khi mờ hình ảnh của thời đại.

Octobre 1931

NĂM QUA

Em nhớ năm em mới lên mười,
Tóc em buông xõa chấm ngang vai,
Ngây thơ nào biết em xinh đẹp,
Cùng trẻ bên đường đánh “chất” chơi.
Anh đi qua đó đứng nhìn em,
Em vút sành đi vội đứng lên,
Dắt tay cười nói thì nhau chạy,
Em vấp vào anh ngã xuống thêm.
Me em chạy lại bế em hôn,

(1) Xin nhắc lại lời Kiều nói với Vương ông khi tái hợp:

Mùi thiên, đã bén muối dưa,
Màu thiên, ăn mặc đã ưa nâu sồng.
Sự đời, đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!

Em ái de em sẽ đánh đòn.
Em phải nhịn đau không dám khóc,
Vì em trông thấy vẻ anh buồn...

.....

Em nhớ năm em lên mười hai,
Một mình em lấy trộm gương soi.
Đường ngôi đương kẻ thì anh đến,
Anh đến bên em mỉm miệng cười.
Em then, quăng gương chạy xuống nhà,
Nín hơi anh gọi cũng không thưa.
Sau màn lấp ló em nhìn trộm,
Em đợi anh về mới dám ra...

.....

Em nhớ năm em lên mười lăm,
Cũng ngày đông cuối sắp sang xuân.
Mừng xuân em thấy tim hồi hộp,
Nhìn cái xuân sang khác mỗi lần.
Ba mươi, em đứng ngắt hoa đào:
Nghỉ học anh về qua trước ao,
Ngẩng mặt vừa khi anh ngó thấy,
Ném hoa em vội chạy ngay vào.
Mồng hai, anh lễ Tết nhà em.
Em đứng nhìn anh, nấp bóng rèm,
Mười sáu xuân rồi anh đã nhớn;
Tìm em râu rĩ về anh nhìn.
Em thấy tim em đập rộn ràng,
Muốn ra lại ngại cháy tâm can.
Mẹ em rót nước mời anh uống;
Anh tủi, em râu, ai khổ hơn?
Năm ấy xuân em có một mình,

Ai vui em những ngẩn ngơ tình.
Này quân tam cúc năm xưa đó;
Nào lúc vui đùa, em với anh?
Mồng một, vui xuân hai chúng ta,
Em mười ba tuổi, tính còn thơ.
Em anh còn cãi nhau như trẻ,
Em đôi, anh nhìn, dạ ngẩn ngơ...

Xuân nay xuân trước cách bao rồi?
Nhớ buổi xuân nào, tiếc phút vui,
Em ước đôi ta cùng bé lại:
Vui xuân lại được đánh bài chơi!
Ngày nay nhớ lại buổi vô tình,
Anh lặng yêu em, em nhớ anh.
Rồi nữa xuân qua, xuân lại lại
Biết rằng sau có vẹn ba sinh?

.....
Hôm qua em đến mái đông lân,
Cô gái khâu thêu vẽ ngại ngần.
Tơ lụa bọn bề quần áo cưới,
Vội vàng cho khách kịp ngày xuân,
Duyên mình hờ hững hộ duyên ai,
Cô gái đông lân dáng ngậm ngùi
Ngán nỗi năm năm đưa chỉ thắm,
Phòng không may áo cưới cho người!...

Anh ơi! Anh mãi bước công danh,
Để phụ cho nhau một mối tình.
Nhánh liễu vườn xuân, ai ấy chủ?
Chờ ai biết có khối trao cành?

Má đỏ, xuân em chỉ có thì,
Xuân qua, phó nhẽ đợi anh về,
Tương tư lệ nhỏ phai màu phấn,
Anh hỡi! Yêu nhau há đợi gì?
Danh lợi như mây nổi giữa giờ;
Hong nhan phải giống mãi trên đời?
Đợi anh áo gấm xuân sau lại,
Chỉ sợ nghiêng giảnh hót quả mai!

(Loa)

MAI RỤNG

Nụ hồng rải lối, liễu tơ phai,
Vườn cũ rêu lan, cỏ mọc dài.
Bên gốc mai già, xuân vắng vẻ,
Âu sầu thiếu nữ khóc hoa mai...
Hoa mai đã tạ, lá mai vàng,
Vàng úa đầu cành, ủ bóng dương.
Lác đác mai già rơi mặt đất:
Hoa xưa thành quả, quả nay tàn!
Quả tàn héo rụng gốc cây khô;
Thiếu nữ âu sầu tưởng mộng xưa.
Vạch cỏ, ngậm ngùi nghiêng giỏ hốt;
Rạt rào hoa rụng cánh như mưa.
Giỏ chưa đầy quả, lệ chan sầu,
Vứt giỏ bên mình, kéo áo lau.
Gió đuổi hoa tàn bay xốn xác,

Má hồng sâu ử, ử làn thâu...
... "Năm xưa em ở chốn phòng khuê.
Yêu, nhớ, ngây thơ đã biết gì
Mai nở, mai tàn, mai lại rụng,
Tuồng đông xuân sắc mặc đi về,
Tuồng đông, xuân ấy gặp tình lang,
Chàng nhủ cùng em nỗi nhớ thương.
Ngơ ngẩn em về, sâu chẳng mối:
Ngây thơ em mới biết yêu chàng.
Yêu chàng, em cố chuốt hình dung
Tô cặp môi son, điểm má hồng,
Em thấy xuân nay hoa nở đẹp,
Cảm tình Thanh đế, tạ đông phong.
Vườn tình hoa ánh cánh song sa,
Rê liễu cùng chàng dựa bóng hoa.
Hoa tặng vừa tàn bông thuộc được,
Tìm chàng bỗng vắng, bóng chàng xa...
Xuân tàn, hạ cõi, cảnh thu sâu,
Mờ mịt hơi đông ám ngọn lau,
Xuân tới cảnh đào hoa lại nở,
Mong chàng mỗi mắt, thấy chàng đâu?
Gió xuân lại thổi chốn vườn xưa,
Lệ đầm khăn là, dạ ngẩn ngơ.
Hoa cỏ thương người, xuân ử bóng;
Đâu ngày xuân thấm buổi ngây thơ?
Sâu đôi gương loan, bóng lạ người,
Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai?
Bơ phờ tóc rối, vành khăn lệch,
Ử rũ hoa gầy, má đỏ phai.
Phấn mốc, hương bay, chiếu lệch giường.

Song thưa, gió ném cánh hoa tàn.
Ba xuân những biếng thăm vườn cũ,
Trước cửa rêu dày, lớp cỏ lan.

*

Phòng không chỉ tưởng cảnh xuân tình,
Nhánh liễu phai tơ rụng trước màn.
Chợt nghĩ vườn xuân, xuân sắp hết,
Gượng vui, khoác áo dạo hoa đình.
Xuân hết, đào phai, lý rụng rồi,
Hoa đình tịch mịch vẽ xuân phai.
Tôi bởi ong bướm bay qua ngõ,
Những tưởng màu xuân ở xóm ngoài.
Xuân buồn như nhắc cảnh xuân vui,
Gió thổi lay cành, rụng quả mai.
Thương dấu xuân tàn, nghiêng gió hốt.
Thương xuân, xuân hồi, có thương người?
Lệ chan má phấn, ủ mây ngải,
Thấm thoát màu xuân có thể thôi,
Cảnh cũng như người, chung mối hận:
Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai?

.....
Nụ hồng rải lối, liễu tơ phai,
Vườn cũ rêu lan, cỏ mọc dài.
Bên gốc mai già, xuân vắng vẻ,
Âu sâu thiếu nữ khóc hoa mai...

(Loa)

HOA BẠC MỆNH

*Tháng ba, hoa bạc mệnh
Tàn trước mọi cành xuân
(Dịch thơ cổ)*

Người đẹp vẫn thường hay chết yểu;
Thì nhân đâu bạc sớm hơn ai.
Ba xuân, muôn thắm thêu cành biếc,
Bạc mệnh hoa kia đã rụng rồi!

Héo trước trăm hoa, hoa bạc mệnh,
Đang xuân, để khỏi thấy xuân tàn.
Chúa xuân ví biết tình hoa thế,
Xin kiếp sau đừng nở thế gian.

Hồn kết gió hương trời Nhược thủy,
Cánh viên mây thắm động Thiên thai,
Hóa thành những giọt mưa thơm ấy,
Tưới nở trăm hoa đã héo rồi!

(Nam cường, tập mới)

BẾN GIÁC

Phù thế đã nhiều duyên nghiệp quá!
Lệ lòng mong cạn chốn am Không.
Cửa thiên một đóng duyên trần dứt,
Quên hết người quen chốn bụi hồng.

(Nam cường, tập mới)

THÁI CAN

Sinh ngày 22 *Octobre* 1910 ở Văn Lâm, phủ Đức Thọ (Hà Tĩnh).

Học trường phủ, trường Vinh, trường Bảo hộ, trường Thuốc Hà Nội. Tốt nghiệp y khoa bác sĩ năm 1940, hiện ở nhà học chữ Hán và làm thơ chữ Hán.

Thơ Thái Can phần nhiều đã đăng ở *Phong hóa*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Hanoi báo*, *Văn học tạp chí* 1935. Những bài thơ đầu (ký Th.C) đã in trong quyển *Những nét đan thanh*, *Ngân Sơn Tùng thư*, Huế, xuất bản năm 1934.

Tôi đã cố đọc đi đọc lại thơ Thái Can để mong tìm lại cái say sưa ngày trước. Nhưng lòng tôi cứ đứng đưng. Sao bây giờ tôi thấy thơ Thái Can sáo quá mà những thiếu nữ trong thơ Thái Can thì hầu hết ẻo lả đến khó chịu. Nhất là những nụ cười. Những nụ cười sao mà vô duyên, mà trơ trên thế!

Thơ Thái Can vẫn như trước. Dễ lòng tôi đã khác xưa? Một người thơ cũng như một người tình, yêu đó rồi bỏ đó sao cho đành. May thay tôi vẫn có thể thích được năm bảy bài. Kể những bài đó đều phỏng theo lối thơ xưa. Chữ dùng cũng xưa. Nhưng có cái gì bảo ta rằng ở đây có một người khóc cười thật. Ở đây không còn cái thói khóc gượng cười vờ nó vẫn lưu hành trên sân khấu tuồng cổ và trên thi đàn Việt

Nam khoảng vài mươi năm trước.

Khóc bạn, Nguyễn Khuyến viết:

Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua, không phải không tiền không mua.

Câu thơ nghĩ, đắn đo không viết;

Viết đưa ai, ai biết mà đưa.

Giường kia treo những hững hờ,

Đàn kia gảy những ngân nga tiếng đàn.

Tôi tưởng đó toàn là chuyện bịa. Nguyễn Khuyến hẳn không treo giường để chờ người bạn họ Dương đã đành. Cả cái chuyện thơ rượu cũng bịa nốt. Ba năm không gặp nhau⁽¹⁾ chắc Nguyễn Khuyến vẫn thơ rượu như thường, thơ rượu nào cần phải có Dương Khuê. Nhưng chuyện không thực mà tình thực, chuyện mượn người xưa, mà tình là tình Nguyễn Khuyến.

Thái Can cũng mượn những chữ sẵn của người xưa nhưng người đã gửi được nỗi lòng mình trong đó. Khi ta đọc những câu:

Vó ngựa trập trùng lên ải Bắc;

Tuyết sương lạnh lẽo giá râu mày!

Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ,

Ngựa hí vang lừng trận gió may.

ta thấy trong những câu thơ này, cũng như trong lời ngâm của Nguyễn Khuyến, mỗi cảm của thi nhân đã phát lộ ra bằng những âm thanh, bằng một lối nhịp nhàng riêng.

(1) Trong bài Nguyễn Khuyến có câu: "Trước ba năm gặp bác một lần"

Thơ Thái Can nhạc điệu không có nhiều lỗi và cũng chỉ nằm trong khuôn khổ thơ thất ngôn, nhưng trong những câu hay, bao giờ cũng thấm thía. Một người kỹ nữ, lúc canh khuya sau lúc khách làng chơi đã ra về, một mình ngồi nhìn phía quê nhà và than:

Biết đâu mà gửi lòng thương nhớ,

Mà biết cùng ai gửi nhớ thương.

Một thiếu niên gọi bạn tình trong mộng tưởng:

Thu liễu em ơi, có biết không?

Những là ngày nhớ lại đêm mong.

Thu này những tưởng cùng em gặp,

Dưới nguyệt đôi ta ngỏ chút lòng.

Còn gì sáo hơn những câu ấy. Nhưng có những lúc ta buồn và mỗi không muốn tìm tòi gì: ta buông xuôi tay, ta buông xuôi lòng cho trôi theo những lời, dầu sáo, dầu cũ, miễn là âm điệu khi lên khi xuống cùng ăn nhịp với lòng ta. Những lúc đó ngâm thơ Thái Can thì tuyệt.

Cho đến những bức tranh thỉnh thoảng ta gặp trong thơ Thái Can cũng không phải là những bức tranh tô bằng nét, bằng màu, mà chính là họa bằng nhạc điệu:

Mỹ nhân lững thững xem hoa rụng,

Trâm ngọc quên cài tóc bỏ rơi.

Sương tỏa bên mình như khói nhẹ;

Xiêm y tha thướt mái hiên ngoài.

Hãy đọc đi đọc lại bốn câu này. Có phải lời thơ yểu điệu và mềm mại như một người đẹp?

Những lúc thi nhân tìm được âm điệu thích hợp để diễn đạt nỗi lòng mình, ta thấy người khoan khoái

như được giải thoát. Nếu không, người ra chiều uất ức, khó chịu. Người phân vân trước những ham muốn, những mộng tưởng nhiều khi trái ngược nhau. Tâm hồn Thái Can rất phức tạp. Tuy vẫn thường mơ tưởng cái cảnh thanh gươm yên ngựa, song nhác thấy bóng khăn san áo màu thời nay, người cũng không muốn hững hờ qua. Người thực lòng thương những gái giang hồ, người thống trách xã hội đã dẫn họ vào đường truy lạc, song những yến diên có ca nhi điểm vui, tất cả cái hào hoa, cái êm dịu của cuộc đời phú quý người cũng không nở từ. Người muốn gây một sự nghiệp, người không muốn sống vô ích, song người lại thấy làm gì cũng vô ích, người ghét hữu hạn và khao khát vô cùng.

Bấy nhiêu điều trái ngược chỉ có thể đưa người ta đến chán nản. Ta hãy nghe Thái Can khuyên người ca nhi vừa tự sát mà không chết:

Dừng đây em ơi! Sống cõi đời,
Đời dẫu khổ nhục đến mười mười,
Em nên điểm phấn tô son lại,
Ngạo với nhân gian một nụ cười.

Trong hai người, thi nhân và kỹ nữ, dễ đã biết ai chán hơn ai? Cho đến ái ân thi nhân cũng không thiết nữa:

Thôi! Thế lòng anh mãn nguyện rồi
Vì tình là mộng đó mà thôi,
Lòng em một phút yêu anh đó
Cũng thể yêu anh suốt một đời.

Thái Can nói mãn nguyện mà lại đau đớn hơn những lời oán hận của một thi nhân khác, Lan Sơn:

Một phút lòng em mơ bạn mới
Yêu anh sau nữa cũng bằng không.

Août 1941

CẢNH ĐÓ, NGƯỜI ĐÂU?

Gặp em thơ thẩn bên vườn hạnh,
Hỏi mãi mà em chẳng trả lời,
Từ đó bắc nam người một ngã;
Bên vườn hoa hạnh bóng giăng soi.

(Những nét đan thanh)

CHIỀU THU

Hoa hồng rũ cánh bay, đầy đất;
Triều nặng sương thu mấy khóm lan.
Mỹ nhân lững thững xem hoa rụng
Ta ngỡ Hằng Nga nấu Quảng Hàn.

Mỹ nhân lững thững thăm hoa rụng,
Trâm ngọc quên cài tóc bỏ rơi.
Sương tỏa bên mình như khói nhẹ;
Xiêm y tha thướt mái hiên ngoài.

Ta đứng bên hiên kiếm ý thơ;
Mỡ nhân vô ý bước đi qua.
Cánh hồng quyến luyến trên chân ngọc
Như muốn cùng ai sống phút thừa.

Chẳng được như hoa vương gót nàng,
Cõi lòng man mác giá như sương!
Ta về nhặt lấy hoa thu rụng
Đặng giữ bên lòng nỗi nhớ thương.

(Phong hóa)

TRÔNG CHÔNG

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
Xuân nhật những trang thượng thủy lâu.
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hồi giao phu tể mịch phong hầu.*

VƯƠNG XƯƠNG LINH

Chinh phu ruổi ngựa lên miền Bắc.
Tiếng địch bên thành thổi véo von.
Mây bạc lưng trời bay lững thững;
Chim trời tan tác bóng hoàng hôn.
Vó ngựa trập trùng lên ải Bắc.
Tuyết sương lạnh lẽo giá râu mày!
Gương thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ,
Ngựa hí vang lừng trận gió may.

Dứng tựa bên thành xiêm áo lệch,
Kìa ai trông ngóng ải Phiên ngoài,
Bóng cờ phất phới xa xa, lạt..
Tình cũ xin nguyên chẳng lạt phai...
Mang ấn phong hầu khi trở lại,
Rõ ràng chinh phụ nét cười tươi.

(Phong hóa)

ANH BIẾT EM ĐI...⁽¹⁾

Anh biết em đi chẳng trở về,
Dặm ngàn liễu khuất với sương che.
Em đừng quay lại nhìn anh nữa:
Anh biết em đi chẳng trở về.

Em nhớ làm chi tiếng ái ân.
Đàn xưa đã lỡ khúc dương cầm.
Dây loan chẳng đượm tình âu yếm,
Em nhớ làm chi tiếng ái ân.

Bên gốc thông già ta lỡ ghi
Tình ta âu yếm lúc xuân thì.
Em nên xóa dấu thể non nước
Bên gốc thông già ta lỡ ghi.

(1) Chép theo một bức thư (1934)

Chẳng phải vì anh, chẳng tại em:
Hoa thu tàn tạ rụng bên thềm.
Ai tình sớm nở chiều phai rụng:
Chẳng phải vì anh chẳng tại em.

Bể cạn, sao mờ, núi cũng tan,
Tình kia sao giữ được muôn vàn...
Em đừng nên giận tình phai nhạt:
Bể cạn, sao mờ, núi cũng tan.

Anh biết em đi chẳng trở về
Dặm ngàn liễu khuất với sương che.
Em đừng quay lại nhìn anh nữa;
Anh biết em đi chẳng trở về.

CẢNH ĐOẠN TRƯỜNG

Em chỉ nói rằng: "Đời em buồn".

Rồi em nức nở lệ sầu tuôn.

(Tâm sự một cô gái nháy)

Anh nhớ năm xưa trong yến diên
Hợp mặt ba kỳ, trăm sinh viên.
Rót chén rượu nồng cùng vui chơi
Trước khi chia tay người mỗi nơi.
Điểm vui yến tiệc bọn ca nhi

Ba bảy mai kia đương vừa thì.
Hoa khô hôm ấy là em đó,
Liếc mắt đưa tình đá cũng mê.
Hôm nay nức nở sầu ảm đạm
Kể lại đời em nghe thê thảm:
Không quê, không quán, không mẹ cha,
Như cánh bèo trôi không chỗ bám.
Em phải dấn thân vào hồng lâu
Lụy từ nô bộc đến công hầu.

Rồi lại giạt trôi trường khiêu vũ
Hết lòng chiều khách lại chiều chủ.
Liều bỏ sức vóc được bao nhiêu
Dạn gió dày sương thực đến điều.

May thay em gặp khách phiêu lưu
Cảm thấy tình em thắm đậm nhiều,
Nhặt cánh hoa tàn rơi dưới đất
Chung tình trong một mối thương yêu.

Khách nhớ quê xa trở gót về,
Đêm trường nhớ khách dạ dề mê,
Cảm thấy đời em buồn lạnh, tẻ,
Ngoài đường sương lạnh bước ra đi.

Ra đi gió lạnh tạt ngang mình,
Nghĩ đến đời em, em khiếp kinh,
Kinh khiếp vì đời như vực thẳm
Xui em trụy lạc, hồi trời xanh!

Nếu cũng như ai có mẹ cha,
Buông xuân rủ gắm với phong là,
Thời em ngày tháng cùng vui sướng
Hón hờ nô đùa với cỏ hoa.

Rồi ngày đác lý nở nhành bông,
Em cũng như ai được tắm chồng
Quyên cả chúc cao trong xã hội
Êm đêm chia ngọt sẻ bùi chung.

Than ôi! Em có được như người:
Hoa tạ lia cành trước gió rơi
Lăn lóc cát lằm hoen cánh ngọc
Dem thân làm thú vạ muôn người.

*

Lũng thũng em đi bên vệ đường,
Âm thầm buồn bã; gió cùng sương
Uớt cả áo xiêm, em chẳng biết...
Lòng em mang nặng dấu đau thương.

Chán nản quay đầu em lại nhìn
Cuộc đời quá khứ tựa đêm đen.
Tương lai bước tới chân chồn mỗi,
Một bước đau lòng, một bước thêm!

Lâu các, kìa ai vợ với chồng
Êm đêm trong giấc phụng loan chung.
Riêng em lũng thũng bên hè vắng
Khóc mãi, mắt em ứa đỏ hồng.

Ôi thôi! Em quyết chỉ quên sinh,
Quyết bỏ trần gian, bỏ ái tình.
Trong một gian buồng thuê buổi tối
Đau lòng, em uống thuốc quên sinh.

Khinh thay! Những gái tiếng con nhà
Vì tính buông tuồng phải truy sa
Vào chỗ bùn lầy nghề kỹ nữ;
Nhưng em... nào phải muốn giăng hoa.

Giời đất này! Hãy chứng minh:
Vì chưng xã hội quá bất bình.
Thân em thật đã bùn than lấm
Lòng tuyết, em còn giữ tiết trinh.

Mang tám lòng đau xuống suốt vàng
Ai người nhân thế chạnh lòng thương?
Ai người biết được em đau khổ?
Đêm lạnh... than ôi! Cảnh đoạn trường.

Cõi đời dân tôi, giấc âm thầm
Hình ảnh ngàn xưa cũng xóa dần,
Sau rốt cảm nghe như mẹ ẵm
Và lời ân ái khách xa xăm.

Sáng sớm người ta vào buồng ngủ,
Thất đảm kinh hồn nhiều la rú.
Vội vàng đưa em đến nhà thương,
Để em lạnh lẽo nằm trên giường.
Hồi lâu thuốc thang em tỉnh dậy

Mở mắt, lạ lòng, nhìn thế gian:
Bất giác hai hàng lệ em tràn.

Chung quanh em, những người sẵn sóc
Gạn ghề dò la hết cõi gốc
Em chỉ nói rằng: "Đời em buồn",
Rồi em nức nở lệ sầu tuôn.

*

- Anh cũng như em, chán cõi đời,
Nhưng mà quả quyết sống mà chơi.
Đời càng bạc bẽo cùng mình lắm
Mình cũng yên vui, cũng nói cười!

Cười đời bạc bẽo khinh thế gian
Cho biết rằng ta chẳng phải hèn
Ta sống vì chúng ta quả quyết
Đạp bằng muôn vạn nỗi gian nan.

Đứng dậy em ơi! Sống cõi đời,
Đời dầu khổ nhục đến mười mười,
Em nên điểm phấn tô son lại,
Ngạo với nhân gian một nụ cười.

Ngày mai ở mãi chốn chân trời
Trong cảnh gia đình ấm áp vui
Một phút trầm ngâm anh sẽ khấn
Cho em trở lại được tươi cười.

(Hanoi báo)

VÂN ĐÀI

Vợ một ông chủ sự vô tuyến điện. Sinh ngày 29 *janvier* 1908. Quê quán ở Hà Nội.

Đã đăng thơ: *Phụ nữ tân văn*, *Phong hóa*, *Ngày nay*, *Tinh hoa*, *Đàn bà*.

Chọn thơ Vân Đài tôi phân vân quá. Bài nào cũng được. Không có gì sâu sắc. Vân Đài chỉ là một người chơi thơ. Nhưng lời thơ bao giờ cũng nhẹ nhàng êm ái. Ít khi tiếng Nam có vị ngọt ngào như thế. Ấy cũng vì Vân Đài chỉ ưa nói những gì rất mong manh, rất bình yên.

Những câu xôn xao nhất như:

Gió xuân đâu biết cho lòng thiếp

Ôm ấp bên mình thiếp mãi chi?

thì lại là những câu phỏng theo thơ Đường. Ai ngờ thơ Đường còn có thể gửi về cho thơ Việt thời nay chút hương sắc dục.

Octobre 1944

TIẾNG ĐÊM

Vườn trăng tha thướt cảnh in bóng,
Từng giọt tàu tiêu điểm tiếng sương.
Cỏ nép chân cây, cảnh rữ lá
Vài tia gió nhẹ rơn hoa tường.

Song thưa từng mảnh sáng trăng qua,
Thức giấc tôi thâm lén bước ra,
Rón rén lướt đi như gió thoảng
Sợ làm kinh động giấc mơ hoa.

Bên gốc tôi nghe có những lời
Rừ rì trong đám lá khô rơi,
Tưởng hồn thu thảo trong khuya vắng
Rủ rỉ cùng hoa nói chuyện đời.

Lại thoảng tình hương ở các bông
Bay ra lan đượm khắp không trung;
Trong cơn ngây ngất say sưa ấy
Chợt động cảnh cây tiếng lá rung.

Tiếng gió lùa qua thức mộng chìm
Phá tan hương khói giấc êm đêm
Lại thêm tiếng khánh chùa xa thẳm
Quen đến buồn tôi lúc nửa đêm.

(Đàn bà)

ĐỖ HUY NHIỆM

Sinh ngày 16 *mars* 1915 ở Nam Định. Chính gốc người Phú Yên, họ Hồ sau đổi ra họ Đỗ. Học trường Nam Định đến đậu thành chung, lên Hà Nội học đến đậu tú tài. Hiện làm sở Trước bạ Hà Nội. Viết báo thường ký Đỗ Phủ, Thiếu Lăng.

Đã xuất bản: *Khúc ly tao* (1931), *Thiên diễm tuyệt* (1936),

Đỗ Huy Nhiệm kể:

Lắm khi đứng tựa bên cây,
Thần thờ đôi mắt đắm say nhìn trời,
Nhưng đến lúc cất lời để gọi
Thì nàng như làn khói thoảng tan.
Mặc tôi đứng sững mơ màng,
Một mình với một chiếc đàn chùng dây.

Nàng đây là Nàng Thơ và câu này là một câu tâm sự. Quả Đỗ Huy Nhiệm đã ôm một mối tình lãng mạn đi theo dõi Nàng Thơ luôn trong bảy tám năm trời từ Khúc ly tao đến Thiên diễm tuyệt, từ Phụ nữ thời đàm hồi Ô.Phan Khôi chủ trương đến Tân thiếu niên, Tiến hóa, Văn học tạp chí 1935, Hà Nội báo, Tiểu thuyết thứ năm, Trào phúng, Đông thanh, Đông á, Tin mới... hầu khắp trên các báo chí Bắc Nam. Nàng thơ có lẽ không nở phụ người có công. Một đôi lần

*Nàng đã gặp con người tình cờ trở nên người họ Đỗ
và cố ý mạo danh Đỗ Phủ, Thiều Lăng(*) các cuộc gặp
gỡ ấy đều ghi lại bằng những vần thơ phảng phất
giọng Đường với một chút xôn xao mới.*

Octobre 1941

ĐIU HIU

Cơn gió diu hiu lướt mặt hồ,
Thổi rơi xuống nước chiếc hoa khô.
Giật mình, làn nước cau mày giận,
Tan cả vầng trăng tỏa lũng lơ.

(Hanoi báo)

HOA TỬ

Vườn xuân, nắng mới, mai đương đẹp.
Em lạnh lùng qua, chẳng đoái hoài.
Em hỡi! Vô tri hoa biết tử:
Đầm đìa châu lệ hạt sương mai.

(Thiên diễm tuyệt)

(*) Xem tiểu sử.

SAY

Buồn ở đâu theo tối xuống rồi,
Đã tràn u ám cả hồn tôi
Đang ngồi say khướt bên ao vắng
Tha thân nhớ người không nhớ tôi.

Viết vội mấy dòng kéo ý tan
Đang khi hồn ở chốn mơ màng
Để mong ân ái vài giây phút
Giữa lúc say say tưởng cạnh nàng.

Viết được mấy dòng rất những: em
Thế rồi khoa chén uống huyền thiên
Bởi vì mai tỉnh, giờ vui hết,
Nàng sẽ quay về ở chốn tiên.

Người ở tiên cung vốn lạnh lùng
Có bao giờ bận với yêu mong.
Mà tôi yêu lắm, tôi mong lắm,
Nàng có bao giờ biết thế không?

Chả nhẽ suốt đời trong mộng tưởng
Chỉ say mới dám ngỏ yêu nàng!
Lòng ơi! Gió đã về bên ấy
Còn đợi bao giờ nhắn ý sang?

*

Qua đã say rồi, nay lại say,
Rượu vui, buồn vẫn lẫn đâu đây.
Nghiêng hồ tôi rót cho đầy chén
Để giữ người yêu hết trọn ngày.

Nàng chỉ thăm tôi những lúc buồn,
Khi hồ đầy rượu, buổi hoàng hôn,
Lúc hồn chuệnh choáng say say ấy
Rồi lại quay về tận cuối thôn.

Nàng về thôn nảo thôn nao ấy
Sau núi nghiêng nghiêng đá trập trùng
Những buổi chiều vàng, sau nắng lạt,
Theo chiều lại đến với yêu mong.

Chiều nay nàng đến trong ly rượu
Tôi uống vui với hết cả nàng.
Tôi uống dật dề từng hớp một,
Sợ mai nàng bận chẳng buồn sang.

Trăng đã lên cao. Rượu cạn rồi,
Cả nàng đã đắm cả hồn tôi.
Ngày mai rượu hết nghiêng hồ rộng
Vết chút hương còn ép sát môi.

(Tiểu thuyết thứ năm)

LƯU KỶ LINH

Chính tên là Lưu Trọng Lai, sinh năm 1907 ở Cao Lao hạ, huyện Bố Trạch (Quảng Bình). Học trường Đồng Hới, trường Quốc học Huế (đến năm thứ ba).

Đã đăng thơ: *Hanoi báo*, *Tao đàn*, *Tiểu thuyết thứ bảy*.

Lưu Kỳ Linh là anh ruột Lưu Trọng Lư. Nhưng thơ em nhiều người biết mà thơ anh ít ai hay. Kể cũng đáng tiếc Thơ Lưu Kỳ Linh tuy mới nhưng đôi bài có cái nhẹ nhàng, cái kín đáo, cái vi diệu của những vần thơ xưa. Nó không huy hoàng, lộng lẫy. Trong vườn thơ nó chỉ là những bông hoa màu nhạt, hương thanh, e lệ nở trong một góc tường. Nhưng ai dám bảo là những bông hoa không quý?

Juillet 1941

ĐỢI CHỜ

Đêm xuân mộng chưa về thăm,
Cửa lòng rộng mở, em nằm nghe sương
Tỉ tê gọi gió lên đường
Nghe trăng âu yếm đổ hương trên cành.
Gà vô ý giục tàn canh,
Cửa lòng vội khép cho tình ngủ thôi.

CẢNH HOA THU MUỘN⁽¹⁾

Muộn màng thu nở một cảnh hoa.
Còn một chiều nay hoa với ta.
Muốn tặng người yêu không nở hái;
Bóng vàng như đã rụng non xa...

(1) Lời bình của thi sĩ trong một bức thư”

“Tất cả tình tứ của tôi đều ngưng đọng lại, sắc đặc lại ở bốn câu đó.

“Với người yêu, ai có tiếc gì, người ta có thể ném cả kho tàng châu ngọc như không. Thế mà một cảnh hoa thu muộn tôi không nở... Anh để ý chỗ không liên lạc giữa hai câu 3,4”.

CON BƯỚM TRẮNG

*Bướm kia ai biết là thi sĩ
Kiếp trước đa tình lại hóa thân.*

L.K.L.

Vùng hồng phun ánh hồng tươi,
Cả một vườn xuân loáng nét cười.
E lệ cánh trà so cánh huệ,
Hương lan thâm kín mĩ hương mai.

Những loài hoa mới bỗng xông xao
Con bướm lang thang đâu... lạc vào
Phơ phất dịu dàng đôi quạt trắng,
Đu càn thấp chán nhún càn cao.

NGUYỄN GIANG

Con nhà văn hào Nguyễn Văn Vĩnh. Trên ba mươi tuổi. Đã du học bên Pháp. Về nước chủ trương Âu tây tư tưởng và Đông Dương tạp chí.

Họa sĩ hơn là thi sĩ.

Đã xuất bản: *Trời xanh thăm* (1935)

“... Ký giả lại nghĩ rằng nếu trong một bức tranh, cái Đẹp chẳng phải là ở riêng một vật nào, mà là ở cách ta để cái vật này gần cái vật khác để cho cái hình nọ với cái hình kia nó cân đối nhau, thì trong văn thơ cái Đẹp cũng chẳng phải là ở một vật riêng nào, một chữ, một câu nào, mà là ở cái toàn thể cả bài thơ, ở cái cách tình cảnh tương đối và hòa hợp với nhau”. Câu này Nguyễn Giang viết trong tựa Trời xanh thăm (tr.17-18). Tôi chép lại đây để rõ quan niệm của Nguyễn Giang về thi ca: làm thơ là tìm cái Đẹp mà cái Đẹp là “cái cách tình cảnh tương đối và hòa hợp với nhau”.

Có hiểu quan niệm đặc biệt ấy, cái quan niệm từ nghề vẽ chuyển sang nghề thơ, họa may mới hiểu được thơ Nguyễn Giang. Tôi nói họa may vì thú thật tôi không dám chắc là đã hiểu. Tôi quá nặng lòng trân tục mà lối thơ này quá thuần túy chẳng? Tôi không

hiểu được những nhà thơ nghệ sĩ chẳng? Dẫu sao, xem thơ tôi muốn tìm những tâm hồn. Mà sau câu thơ Nguyễn Giang ít khi tôi thấy có gì. Sự tương đối, sự hòa hợp của những tình, những cảnh trong thơ Nguyễn Giang tôi thấy tầm thường quá, không đủ rung động lòng tôi. Người ta bảo lối thơ Đường bao giờ cũng thế. Nhưng tôi đã đọc của Lý Bạch, của Đỗ Phủ những bài thơ khiến tôi rung cảm biết bao!

Đã vậy sao tôi lại nói đến thơ Nguyễn Giang trong một quyển sách chỉ nói đến những nhà thơ và những bài thơ tôi thích? Ấy là vì đọc Nguyễn Giang tôi bỗng không dám hoàn toàn tin tôi. Ấy cũng vì những ý nghĩ thành thực và ngộ ngộ giải bày trong bài tựa dài đầu quyển Trời xanh thăm. Vậy xin trích ra đây ba bài thơ tôi để ý nhất (bài nào câu cuối cũng hay). Hoặc giả bạn đọc sẽ thấy có gì chẳng, ngộ hầu khỏi mai một một nhà thơ có chân tài biết đâu?

September 1941

XUÂN

Vườn Luxembourg (Paris)

Gió xuân phơ phất thổi trong cành
Lớp lớp bên đường bóng lá xanh
Cây cỏ cười tươi hoa mუმ mုံ
Học sinh qua lại áo phong phanh

Chim non ngoài nắng bay chi chít
Đàn sáo trong cây vắng khúc tình
Bờ suối chờ ai chưa thấy lại
Nhìn cô áo đẹp bước đi nhanh

(Trời xanh thăm)

CON ĐƯỜNG NẮNG

La route des Baux
près St Rémy de Provence

Xào xạc đường trưa vắng bóng người
Bốn bề nắng hạ phẳng bằng soi
Lơ thơ dưới núi hàng thông cỗi
Trắng xóa bên trời tảng đá vôi
Một bước ngạt ngào trăm thức cỏ
Trước sau thăm thẳm một màu trời
Dừng chân ngắm cảnh bên bờ đá
Kìa cánh hoa vàng tưởng nhớ ai

(Trời xanh thăm)

ME

St Cirq Lapopie

Chiều hôm đàn qua lượn bên sông
Chỉ chút cảnh cao tiếng náo nùng
Non biếc rừng thưa thu lạnh lẽo
Sông chiều một dải tối mênh mông
Ngắm chim rộn rã trăm âu yếm
Nhớ mẹ ngày đêm một tấm lòng
Xã hội còn mong khi rạng mặt
Mà con thơ thẩn đứng nhìn trông.

(Trời xanh thăm)

QUÁCH TẤN

Sinh ngày 23 tháng 11 năm Kỷ Dậu (24 janvier 1910)
ở làng Trường Định, huyện Bình Khê (Bình Định). Hiện
làm phán sự tòa sứ Nha Trang. Ông thân là người Tây
học, bà thân là người Hán học. Bắt đầu học chữ Hán,
năm 11 tuổi mới học chữ quốc ngữ. Học trường Quy Nhơn.
Có bằng thành chung.

Đã xuất bản: *Một tấm lòng* (1939), *Mùa cổ điển* (1941).

Đêm đã khuya, tôi ngồi một mình xem thơ Quách Tấn. Ngoài kia có lẽ trăng sáng lắm. Nhưng trời về thu, khí trời lạnh lạnh, cửa sổ bên bàn viết đóng kín. Ngọn nến trên bàn tỏa ra một bầu ánh sáng chỉ đủ sáng chỗ tôi ngồi. Chung quanh tối cả. Tôi và im. Một thứ im lặng dày đặc. Trong ấy có muôn ngàn thứ tiếng ta không nghe.

Lúc này chính là lúc xem thơ xưa. Tôi lắng lòng tôi để đón một sứ giả đời Đường, đời Tống. Đời Đường có lẽ đúng hơn. Đời Đường mới có cái âm u ấy. Thơ Tống dầu xem được ít tôi nhớ hình như quang đãng và bình yên, không như thế.

Theo gót nhà thơ, tôi đi dần vào một thế giới huyền diệu. Ở đây người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn ràng, những lời reo vui vẻ đều kiêng. Một sức mạnh vô hình, rất mềm mại nhưng rất chắc

chấn nặng đè lên hết thảy. Tình cảnh ở đây không còn là những tình cảnh ta vẫn thường quen biết. Tình cảnh ở đây đã biến thành một thứ hương mầu nhiệm. Nó quyen lấy mình ta và chân ta tự nhiên bước theo một điệu nhịp nhàng dịu dặt. Ta không thấy gì, ta không nghe gì. Nhưng ta biết thế giới này giàu sang lắm. Chốc chốc một cảnh rực rỡ vụt hiện ra trước mắt ta rồi vụt biến đi:

Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.
Bồn chồn thương kẻ nường song bạc,
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng?

Ta có thể lơ đãng không thấy rõ sương trên bến Phong Kiều, trăng trên dòng Xích Bích. Không thấy cả cái giếng sầu rụng. Nhưng sắc vàng kia! Cái sắc vàng trong giây phút chiếu sáng cả trời thơ!

Rồi tất cả lại trở lại trong mờ mờ. Hương thiêng vẫn quán quýt bên mình ta, ta đã xa lắm những vui buồn lộn xộn, rộn rịp của cuộc đời; nhưng sao thỉnh thoảng giữa im lặng ta nghe như có tim ai thổn thức. Đây lời than của một người mộ cô:

Cảnh có núi sông nhiều thú lạ,
Đời không cha mẹ ít khi vui.

Đây tiếng rên rỉ một thiếu niên thấy mình bơ vơ trơ trọi:

Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ
Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội thơ!

Tiếng khóc âm thầm của con người dè dặt, kín đáo ấy, nó mới nào lòng làm sao! Quách Tấn đã tìm được những lời thơ rung cảm chúng ta một cách thấm thía.

*Người đã thoát hẳn cái lối chơi chữ nó vẫn là môn
sở trường của nhiều người trong làng thơ cũ.*

Octobre 1941

ĐÀ LẠT ĐÊM SƯƠNG

Bóng trắng lóng lánh mặt hồ im,
Thời khắc theo nhau lả rải chìm.
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dịu dịu mộng êm êm.

Một luồng sương bạc bỗng từ mô
Lẻn cuốn vừng trăng cuốn mặt hồ,
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc:
Người lơ lửng đứng giữa hư vô.

- Trời đất tan ra thành thủy tinh. -
Một bàn tay ngọc dẫm hương trinh
Âm thầm mơn trớn bên đôi má
Hơi mát đê mê chạy khắp mình.

(Một tấm lòng)

VỀ THĂM NHÀ CẢM TÁC

Quê người dong ruổi bấy nhiêu lâu,
Vườn cũ về thăm cảnh dải dâu!

Trống trải bạ gian nhà nhện choán,
Ngựa nghiêng bốn mặt dậu bìm leo!
Cội tùng bóng ngả sương rơi lệ!
Ngõ trúc mây che cuộc đục sâu!⁽¹⁾
Lẳng lẳng bên thêm ôn chuyện cũ...
... Giặt mình ngõ đến chốn nào đâu?

(Một tấm lòng)

ĐÊM THU NGHE QUẠ KÊU

Từ Ô y hạng rử rê sang,⁽²⁾
Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn ràng...

Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.

(1) Cội tùng: Một cảnh trong vườn. Câu này có mượn ý câu ca dao:

Một mai bóng ngả cội tùng
Mũ rơm ai đội áo mừng ai mang.

Ngõ trúc: Một cảnh trong vườn. Câu này có mượn ý câu:

Nghe con sắp được nghỉ hè
Thẩn thơ ngõ trúc rào tre trông chừng.

trong bài ca “Nhớ con” của bà thân chúng tôi.

(Lời chú của Quách Tấn)

(2) Ô y hạng nghĩa là xóm áo đen, tên một xóm đời xưa bên Tàu. Xóm ấy có hai họ Vương, Tạ là hai họ lớn con cháu thường mặc áo đen. Vậy chữ “Ô” ở đây không có nghĩa là con quạ. Quách Tấn dùng điển sai nhưng điều ấy tưởng chẳng có quan hệ gì lắm.

Bồn chồn thương kẻ nường song bạc.
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng?
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
Tình hoang mang gọi tứ hoang mang...

(Mùa cổ điển)

ĐÊM TÌNH

Giấc thắm tình duyên non gối nước,
Màn sương để lọt ánh sao băng.
Hồn hoa chợp mộng thơm hồn gió;
Tóc liễu dừng thơ đón tóc trăng.
Muôn điệu tơ lòng run sẽ sẽ,
Nửa vời sóng nhạc gợn lâng lâng.
Phòng hương thương kẻ ngồi nường triện
Tình gọi mây xa lệ ngập ngừng.

(Mùa cổ điển)

MỘNG THẤY HÀN MẠC TỬ

Ơi Lệ Thanh! Ơi Lệ Thanh!
Một giấc trưa nay lại gặp mình
Nhan sắc châu pha màu phú quý,

Tài hoa bút trở nét tình anh.
Rượu tràn thú cũ say sưa chuyện,
Hương tạ trời cao bát ngát tình.
Tôi khóc tôi cười vang cả mộng...
Nhớ thương đưa lạc gió qua màn.

(Mùa cổ điển)

TRỞ TRỢI

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ,
Bao nhiêu khăn khít bấy ơ hờ!
Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ,
Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ!
Mưa gió canh dài ngăn lối mộng,
Bèo mây bến cũ quện lòng tơ...
Hỏi thăm tin tức bao giờ lại
Con thước qua song lại ỡm ờ!

(Mùa cổ điển)

CHIỀU XUÂN

Chim mang về tổ bóng hoàng hôn,
Vàng lũng lơ non biếc đọng cồn.
Cành gió hương xao hoa tử muội,
Đôi sương sóng lượn cỏ vương tôn,

Khói mây quanh quán hồi chuông vọng,
Trời biển nồn nao tiếng địch dồn.
Thưởng cảnh ông câu tình tự quá!
Thuyền con chở nguyệt đến cô thôn.

(Mùa cổ điển)

BÊN SÔNG

Gió rủ canh đi ngàn liễu khóc,
Sông đùa lạnh tới bóng trăng run...
Thuyền ai tiếng hát bên kia vắng?
Ghé lại cho nhau gởi chút buồn.

(Mùa cổ điển)

TÌNH XƯA

Từ buổi thuyền đưa khách thuận dầm
Trông chừng bến cũ biệt mù tăm...!
Cảm thương chiếc lá bay theo gió
Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm.

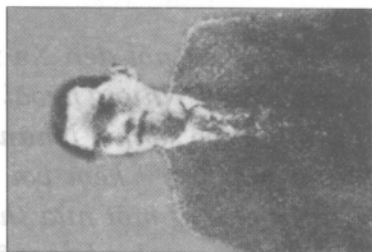
(Mùa cổ điển)



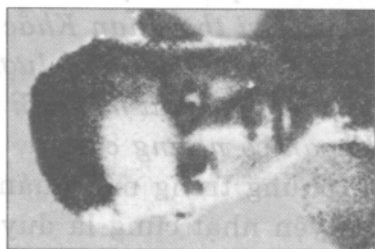
MÔNG HUYỀN



NGUYỄN ĐÌNH THƯ



PHAN VĂN ĐẠT



PHAN THANH PHƯỚC



PHAN KHẮC KHOAN

PHAN KHẮC KHOAN

Sinh vào khoảng *Juin* 1916 ở làng Yên Lăng, huyện Yên Thành (Nghệ An). Mồ côi mẹ từ thuở bé. Năm 15 tuổi cha bị mù. Học trường huyện, trường Vinh. Có bằng thành chung. Hiện dạy tư ở Huế.

Đã đăng thơ: *Phong hóa* (ký chàng Chương), *Thế giới*, *Mới* (ký Hồng Chương) *Hà Nội tân văn*, *Tri tân*.

Hai năm trước tôi đã nói đến Xa xa, tập thơ đầu của Phan Khắc Khoan⁽¹⁾. Nhưng ngoài tập Xa xa, Phan Khắc Khoan còn làm vô số thơ. Nhân hỏi xem, tôi đã nhận được mười một tập⁽²⁾ kèm với một lá thư đại khái nói: “Đây chỉ chừng một nửa thi phẩm của tôi, nhưng tôi không muốn anh phải mệt vì thơ tôi hơn nữa”. Dầu thế, tôi đã mệt vì thơ Phan Khắc Khoan nhiều lắm. Không phải đây đó tôi không lược được những vần thơ dễ thương. Nhắc lại một môi tình hồ hững, Phan Khắc Khoan có những câu:

Đã trót tương phùng trong một quán

Dầu trà ôi, chuyện nhạt cũng là duyên.

Có khi lòng bâng khuâng, người muốn:

(1) Tao đàn số 13 ra ngày 16-10-1939.

(2) Ngoài ra còn hai kịch thơ nữa: Phạm Thái và Trần Can.

Hạ mái tình xưa: sương về gió tạt.

Nghiêng nghiêng hồn cho trút nhẹ chua cay.

Có khi thấy lẻ loi, người than:

Thơ vụng quá, sấm vai gì trên sân khấu?

Hồn đơn cô, trông ngơ ngác chợ đời!

.....
Ồ! Những lúc bốn bên tường hiu quạnh
Thời gian không ngừng thoát một ly nào
Mà trong phòng hồn tôi cứ nao nao!
Bình yên lại, sao mà non yếu thế?
Lòng mơ khát gì đây chẳng? Có lẽ,
Kìa mệnh mang ý lạ tự đâu về
Ngập hồn tôi như nước cả tràn đê,
Rồi bút mực tự tình cùng giấy trắng.

Còn có thể tìm được nhiều lời khả ái như thế, nhất là trong những bài tả sự thờ ơ, sự phản trắc trong tình bạn. Nhưng cái tính dễ dãi của Phan Khắc Khoan thực dễ sợ! Ai lại đi xe lửa hạng tư chật không một chỗ đứng, từ Huế ra Thanh, mà làm luôn một thời năm bài thơ dài! Cho nên Phan Khắc Khoan thường không hay đi sâu vào hồn mình để tìm thấy những điều riêng biệt.

Di lại, tập Xa xa vẫn là tập thơ trội hơn cả. Hình như một cuộc tình duyên không toại đã vì tác giả khơi nguồn thơ. Người ta lắm khi cần phải có một nỗi thất vọng lớn mới sáng mắt mà nhìn rõ lòng mình và tạo vật. Có lẽ Phan Khắc Khoan đã nhờ thế mà cảm được cái phong vị đặc biệt của cảnh trời biển miền Nam. Cả tập Xa xa đượm một nỗi buồn vô hạn, một nỗi nhớ không nguôi. Tuy chỉ là nỗi lòng riêng

*nhưng lời thơ nhân đó có cái buồn bát ngát, cái nhớ
nhung khó hiểu của những nơi trời nước mênh mông.
Người đọc thơ tưởng nghe điệu buồn đều hiu muôn
năm vẫn thì thầm trên bãi biển.*

*Những bức tranh nho nhỏ, xinh xinh, thu gọn trong
bốn câu bảy chữ, đều buồn lây cái buồn kín đáo và
man mác của thi nhân. Vì nói tình hay nói cảnh,
người cũng chỉ nói lòng mình, nói cho một mình mình
nghe. Hình ảnh người yêu luôn luôn theo dõi người
trong lúc người muốn quên, muốn xa, đã đưa người
về cuộc đời bên trong đây ý nhị.*

Juillet 1941

I

Nón ngả sau lưng trước gió chiều,
Áo hồng nô gió cũng bay theo;
Tay nâng tà áo, tay vịn nón,
Khi tóc huyền tuôn những nét yêu.

II

Lá rung như vẫy người xa tới
Viếng cảnh vườn im dưới bóng mây;
Thì ra thu đã về đây với
Én liệng từng không gió lất lay.

III

Tiếng dâu chiêm chiếp? Trời u ám
Trong bóng nào dâu thấy cánh chim?
Buồn chưa! Trên nước chiều đen xám
Bóng chiếc thuyền con, đứng lặng im.

IV

Nước chiều đã cạn, sông bày cát,
Nhưng chiếc đồ ngang vẫn đợi chờ
Người thưa, khách vắng... buồn man mác,
Cô lái buồn trông dãy núi mờ.

V

Ai đứng trong buồn mong mỗi bạn
Trở về với những khúc ca hoan?
- Tổ chim bỏ vắng trên cành nhạn
Đã kể cho người nổi hợp tan.

VI

Cây vươn trên nước rủ bờ phờ,
Gió nhẹ vờn sương thổi vật vờ;
Chiều đuối, chiều tàn, chiều lặng lẽ;
Đò qua sông vắng lướt như mơ.

VII

Chỉ thấy cành rung ngọn lắt lay,
Xạc xào vang rộn tiếng heo may.
Ngoài kia có lẽ mông mênh quá,
Gió lạnh len vào núp dưới cây.

VIII

Ngoài kia chân vẫn tìm ra lối,
Sao dưới hàng keo bóng phủ dày?
Hình như tất cả đêm khuya tối,
Tất cả chui vào dưới rặng cây.

IX

Buồm ai thấp thoáng ngoài xa mịt?
Ta chẳng quen người cũng ngó theo...
Ai người chẳng biết buồn ly biệt
Lúc cánh buồm giương ai nhớ neo?

X

Tôi vừa ra đó quên cầm sách,
Gió đã lòn vào đỡ đếm trang.
- À mà trong vắng trong xa cách
Có lẽ bao nhiêu nỗi phụ phàng!

(*Xa xa*)

THÂM TÂM

Chính tên là Nguyễn Tuấn Trình. Sinh 12 mai 1917
ở Hải Dương. Học ở Hải Dương.

Hiện viết giúp: *Tiểu thuyết thứ bảy, Truyền bá.*

Bài thơ trích dưới đây rút ở tập *Thơ Thâm Tâm* chưa
xuất bản.

*Thơ thất ngôn của ta bây giờ thực có khác thơ thất
ngôn cổ phong. Nhưng trong bài dưới đây lại thấy
sống lại cái không khí riêng của nhiều bài thơ cổ.
Điều thơ gấp. Lời thơ gắt. Câu thơ rắn rỏi, gân guốc.
Không mềm mại uyển chuyển như phần nhiều thơ
bây giờ. Nhưng vẫn được chút băng khuâng khó hiểu
của thời đại.*

Novembre 1941

TỔNG BIỆT HÀNH

Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thấm, không vàng vọt,
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình, một đứng đứng...

- Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ,
Chí nhón chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.

*

Ta biết người buồn chiều hôm trước.
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt,
Một chị, hai chị cùng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót.

Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...

Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu say.

(Thơ Thâm Tâm)

PHAN THANH PHƯỚC

Dòng dõi Phan Thanh Giản. Chánh quán ở Nam Kỳ.
Sinh ở Huế năm 1916. Học ở Quảng Trị, Faifo, Huế. Có
bằng thành chung. Hiện làm việc Nam triều.

Bài thơ trích sau đây rút trong tập *Vương hương*, chưa
xuất bản.

Phan Thanh Phước nói: “Một bài thơ của tôi xong là tôi tự thấy có kém sút một ít trong sức khỏe của tôi. Như vậy tức nhiên có một phần sức khỏe tôi đã vào trong thơ tôi, tôi tự hỏi thế là trong thơ tôi có cả hồn lẫn xác của tôi chăng”⁽¹⁾.

Ai đọc hết tập Vương hương chắc cũng có cảm giác ấy: trong thơ Phan Thanh Phước quả có hồn lẫn xác và cái xác đã làm tội cái hồn. Một bài thơ hay, dầu nhẹ nhàng vui vẻ, dầu sâu nã thương đau, bao giờ cũng là một sự giải thoát. Giải thoát ra khỏi cái u tối của xác thịt để sống trong cái sáng láng của linh hồn. “Tự giác nhi giác tha”, cái tôn chỉ nhà Phật cũng là tôn chỉ nhà thơ. Phan Thanh Phước ít khi đạt được tôn chỉ ấy. Ta thấy người khổ sở lắm, mỗi bước mỗi ngập ngừng, mỗi bước mỗi vấp vào xác thịt. Tập Vương hương với cái tên yêu kiều, đã bày ra một cuộc hỗn

(1) Trong một bức thư gửi cho chúng tôi đề ngày 24-3-1941.

chiến gay go, đau đớn giữa xác và hồn.

Kẻ cũng đáng tiếc. Mỗi lần Phan Thanh Phước thoát ly được ra ngoài cái vương vীu của xác thịt, người tỏ ra có bản lĩnh lắm. Tôi vẫn biết người có tính ưa lập dị, nhưng dầu sao cũng là một tâm hồn phong phú, hay hay.

Khi người yêu, mối tình của người luôn luôn thắc mắc. Người có ngồi suốt đêm nhìn người yêu ngủ hay không, ai biết được. Nhưng người đã có những cảm giác của một người thức đêm như thế:

*Anh đã thức trọn đêm không biết nhọc
Ngồi lặng yên cho mắt ngắm em say;
Đời vắng xa, xa hết những chua cay
Còn em đẹp mềm thơm và ngon ngọt.*

Song gần nhau lâu rồi cũng có khi chán. Lúc bấy giờ người sẽ sống lại cái vui xưa:

*Muốn sống êm ta gọi phút yêu đầu,
Anh bỏ ngỡ say em người xa lạ.*

Thiết tưởng ta vẫn có thể để hy vọng vào những tác phẩm sau này của Phan Thanh Phước.

Octobre 1941

ĐÊM TÂN

Tặng Vương Xương Linh

Canh trắng sương dần phiên về,
Buồn thao thức động bốn bề nghiêm lâu;
Sân mê ngậm bóng cây sâu:
Liều nghiêng tóc rũ trước lầu gió se.
Địch rầu giọng kéo lê thê
- Thơ ai khuya lạnh ngã để tương tư? -
Nén hao lệ ứa từ từ,
Ngán ngơ tựa gối nàng như mất hồn.

(Vương hương)

LƯU TRỌNG LƯ

Sinh năm 1912 ở Cao Lao hạ, huyện Bố Trạch (Quảng Bình). Học trường Quốc học Huế đến năm thứ ba, ra Hà Nội học tư rồi bỏ đi làm báo, làm sách cho đến nay. Chủ trương Ngân Sơn từng thư, Huế (1933-1934).

Đã viết giúp: *Phụ nữ tân văn*, *Phụ nữ thời đàm*, *Tiến hóa*, *Hanoi báo*, *Tân thiếu niên*, *Tao đàn*...

Đã xuất bản: *Tiếng thu* (1939).

*Lư đang nằm trên giường xem quyển Tiếng thu
bỗng ngồi dậy cười to:*

- A ha! Thế mà mấy bữa nì cứ tưởng...

- ?

Hai câu:

Giật mình ta thấy bồ hôi lạnh,

Mộng đẹp bên chăn đã biến rồi.

*mấy bữa nì tôi ngâm luôn mà cứ tưởng là của Thế
Lữ...*

Thì ra hai câu ấy của Lư!

Ở đời này, ít có người lơ đãng hơn. Thi sĩ đời nay họ khôn lắm, có khi ranh nữa. Và yêu thơ, thường ta chả nên biết người: thiết thời cho họ và thiết thời ngay cho mình. Nhưng yêu thơ Lư mà quen Lư vô hại, vì đời Lư cũng là một bài thơ. Nếu quả như người ta vẫn nói, thi sĩ là một kẻ ngơ ngơ ngác ngác, chân

bước chập chững trên đường đời, thì có lẽ Lư thi sĩ hơn ai hết. Giả một ngày kia Lư có nhảy xuống sông ôm bóng trăng mà chết ta cũng không ngạc nhiên một tí nào.

Trong thơ Lư, nếu có tả chim kêu hoa nở, ta chờ tin, hay ta hãy tin rằng tiếng kêu kia màu kia chỉ có ở trong mộng. Mộng! Đó mới là quê hương của Lư. Thế giới thực của ta với bao nhiêu thanh sắc huy hoàng Lư không nghe thấy gì đâu. Sống ở thế kỷ hai mươi, ngày ngày nện gót giày trên các con đường Hà Nội, mà người-sứ mơ màng thấy mình gò ngựa ở những chốn xa xăm nào.

Cảnh mộng có khi cũng có màu sắc như chiếc cánh điều lững thững trên sườn núi hay con nai vàng ngơ ngác trong rừng thu. Nhưng thường ta chỉ thấy những cảnh rất mơ hồ, không có ở thời nay mà cũng không có ở thời nào. Hãy đọc bài Thơ sầu rụng⁽¹⁾. Bóng người con gái quay tơ trong đó ẩn sau một màn mây mờ. Ta biết có nàng nhưng ta không thấy nàng và ta vẫn chờ nên tìm nàng làm chi... Cứ để lòng trôi theo cái âm hưởng đặc biệt của bài thơ, ngân nga, dằng dặc, buồn buồn, đều đều như tiếng guồng xa... Sau bài thơ bát ngát một trời đất ta không hiểu, thi nhân cũng không hiểu.

Nhưng dầu sao con người mơ mộng ấy cũng đã rơi xuống giữa cõi trần, người đã sống một cuộc đời rất thực ở trần gian. Có điều mỗi khi kể lại những chuyện thực trong đời mình, người để xen vào rất nhiều chuyện

(1) Trích theo đây.

mộng. Nhưng chuyện dầu chuyện mộng, tình bao giờ cũng thực. Và mỗi tình chan chứa trong bài thơ bất ta phải bồi hồi.

Đặc sắc của Lư chính ở chỗ này. Từ những kỷ niệm tươi sáng về người mẹ đã khuất, cho đến bao nhiêu buồn thương, bao nhiêu chán nản, bao nhiêu đau khổ vì tình yêu, cả cái cảnh đời giá lạnh của đôi vợ chồng lúc “tình đà xế bóng”, cùng cái thú ngây ngất của cuộc đời “giang hồ”, Lư đều kể cho ta nghe một cách rất cảm động.

Một điều rõ ràng: đọc thơ người khác ta có thể tìm thấy nhiều bài âm điệu tình tế hơn, nhiều hình ảnh xinh đẹp hơn, nhưng ít có bài cảm động như thơ Lư. Ấy, chỉ vì Lư thành thực hơn. Hãy xem: tuy chẳng phải là người của gia đình, Lư đã không ngần ngại mà nói đến vợ đến con, một điều các thi nhân ta gần đây hình như kiêng lắm.

Tôi bỗng nhớ câu nói của Pascal: “Tuồng kẻ viết là một nhà văn, không ngờ lại được gặp một người”.

Tôi biết có kẻ trách Lư cầu thả, lười biếng, không biết chọn chữ, không chịu khó gọt dũa câu thơ. Nhưng Lư có làm thơ đâu, Lư chỉ để lòng mình tràn lan trên mặt giấy. Tình đã gửi trong lời thơ, Lư không còn đoái hoài đến nữa, Lư vứt chỗ này một bài, chỗ khác một bài, với cái phóng khoáng của kẻ khinh hết thấy những cái gọi rằng quý ở đời này. Sánh với những người yêu thơ Lư, Lư là người thuộc thơ mình ít nhất. Ấu cũng là một điều bất lợi. Một điều bất lợi nữa là trong khi thơ Việt Nam đương đi tìm một nghệ thuật mới lạ, những tình cảm khuất khúc, những hình sắc

phiên phúc của thiên nhiên, thì Lư chỉ có một ít khúc đàn bình dị, một ít khúc đàn xưa, dầu có đổi xoang đổi điệu cũng vẫn là những khúc đàn xưa.

Nhưng ngoài cái sở thích nhất thời còn những sở thích đời đời không thay đổi.

Bao giờ còn có những cặp vợ chồng nhớ tiếc buổi tân hôn thì những câu như:

Còn đâu ánh trăng vàng

Mơ trên làn tóc rối?

.....

Đêm ấy xuân vừa sang

Em vừa hai mươi tuổi.

vẫn khiến họ băng khuâng.

Bao giờ còn những kẻ say đắm tình yêu và đau khổ vì yêu thì những câu thơ như:

Ta mơ trong đời hay trong mộng?

Vùng cúc bên ngoài động dưới sương.

hay:

Đội đến luân hồi sẽ gặp nhau

Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau.

Chờ anh dưới gốc sim già nhé!

Em hái đưa anh đoá mộng đầu.

vẫn tìm thấy những tiếng dội trong lòng người.

Dầu chưa lặn lóc trong trường tình, đọc thơ Lư người ta cũng phải bồi hồi vì cảnh phong ba ngoài kia, nơi thì nhân đương trôi nổi. Qua khung cửa bài thơ, ngọn gió lạnh ngoài khơi đưa tới, người ta sẽ thấy xao động cho dầu đã khép chặt cõi lòng để sống một cuộc đời êm ấm.

Sao lại có người có thể đọc những câu như thế mà

vấn đủng đưng⁽¹⁾. Họ bảo những nỗi đau thương ấy thường quá. Vâng, thường, thường lắm, thường như hầu hết những nỗi đau thương thành thực của loài người. Tôi không muốn nói nhiều. Trước sự đau thương của người bạn, tôi muốn im lìm kính cẩn. Tôi chỉ biết, dầu có ưa thơ người này người khác, mỗi lúc buồn đến, tôi lại trở về với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí tôi hàng tháng, lúc nào cũng như văng vẳng bên tai. Bởi vì thơ Lư nhiều bài thực không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thồn thức cùng hòa theo tiếng thồn thức của lòng ta.

Mars 1941

NẮNG MỚI

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước dậu phơi.

(1) Xem bài phê bình Lưu Trọng Lư của Hoàng Trọng (Người mới số 9 ra ngày 21-12-1940)

Hình dáng me tôi chứa xóa mờ
Hãy còn mừng tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước dậu thưa.

(Tiếng thu)

THƠ SẦU RỤNG

Vùng trắng từ độ lên ngôi,
Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ.
Để tóc vương vãn thơ sầu rụng,
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo.
Năm năm tiếng lựa xe đều...
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây.
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay,
Mùi hương hàng xóm bay đầy mái đông,
Nghiêng nghiêng mái tóc hương nồng,
Thời gian lạnh rớt một dòng tuần tênh.

(Tiếng thu)

GIANG HỒ

Mời anh cạn hết chén này,
Trăng vàng ở cuối non tây ngậm buồn.
Tiếng gà đã rộn trong thôn,
Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay.

Để lòng với rượu cùng say,
Chừ đây lời nói chua cay lạ nhường!
Chừ đây đêm hầy đây sương,
Con thuyền còn buộc, trăng buồn lạnh lòng!
Chừ đây trăng nước nào nùng,
Chừ đây hoa cỏ bên sông rữ buồn.
Tiếng gà lại rộn trong thôn...
Khoan dừng tơ tưởng vợ con chuyện nhà.
Giờ này còn của đôi ta,
Giang hồ rượu ấy còn pha lệ người.
Ồ sao rượu chẳng kể môi,
Lời đâu kiêu diễm cho người lòng chàng?

*

Tay em nâng chén hoàng hoa,
Sá gì hớp rượu vì ta bận lòng,
Hãy gượng lắng nghe dòng sông chảy,
Gió đùa trăng trên bãi lạnh lòng.
Sá gì hớp rượu, bận lòng,
Đợi gì môi nháp rượu nồng mới say?
Hãy nhích lại đưa tay ta nắm,
Hãy buông ra đắm thắm nhìn nhau.
Rồi trong những phút giây lâu,
Mất sầu gợn sóng, lòng đau rộn tình.
Phút giây ấy, ta mình ngây ngất,
Bỗng con thuyền buộc chặt, rời cây.
Cho ta khát chén rượu này,
Vì ta em hãy lựa dây đoạn trường.

Khoan để đốt chút hương trầm đã!
Đội trầm bay rộn rã lời ca...
Nghe xong ta ngắm trời xa,
Dòng sông Ngân đã nhạt mờ từ lâu.
Tiếng gà đã gáy mau trong xóm,
Bình minh đã rạng khóm tre cồn.
Trông nàng môi nhạt màu son,
Giật mình ta nhớ vợ con ở nhà.

Từ đây chẳng bao giờ phiêu lãng,
Niềm thê nhi ngày tháng quen dần.
Đôi phen nhớ cảnh phong trần:
Bóng nàng ẩn hiện xa gần đâu đây.
Tưởng nghe tiếng gọi nơi hồ hải,
Mắt lệ mờ ta mãi trông theo,
Trong buồng bỗng tiếng con reo,
Vội vàng khép cửa gió heo lạnh lòng.

*

Đêm ấy rượu nàng ta không uống,
Từ sau thế không uống rượu ai.
Đôi phen ngồi ngóng chân trời,
Chẳng bao giờ nghĩ đến đời phiêu lưu.
Ngoan ngoan như con cừu non dại,
Cỏ quanh vườn cần mãi còn ngon.
Sau lưng nghe tiếng cười giòn,
Vội vàng ngoảnh lại... thằng con vẫn cười.
Nó đưa ta một chai rượu bé,
Bảo rằng: “Đây, rượu mẹ dâng cha”.

Giật mình ta mới nhớ ra:
Là ngày sinh nhật vợ ta đó mà!
Ta uống chẳng hóa ra lỗi hẹn,
Mà từ nan đâu vẹn đạo chồng!
Than ôi, trời giá đêm đông,
Máu du tử thực trong lòng hết sôi!
Chén lại chén kẻ môi thủ thi,
Càng với càng túy lúy càng đầy!

Lúc tỉnh rượu lặng ngồi bên án,
Trông vào gương, lẫn trán có vôi.
Vợ con khúc khích đứng cười,
Còn ta vô ý lệ rơi xuống bàn.
Hết say vẫn bàng hoàng trong mộng,
Xót xa thay cái giống giang hồ!
Ngón đàn thêm một đường tơ,
Mà người sương gió nghìn thu nhọc nhằn.

*

Thôi rồi ra chốn nước non,
Lồng son lại để số con chim trời.
Thú hồ bể quyến mời du tử,
Niềm thê nhi khôn giữ được người,
Biết sao trái được tính trời,
Giang hồ cốt ấy trọn đời phiêu linh...

(Tiếng thu)

TIẾNG THU

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

(Tiếng thu)

TÌNH DIÊN

Hôm ấy trăng thu rụng dưới cầu,
Em cười em nói suốt canh thâu.
Yêu nhau những tưởng yêu nhau mãi,
Tình đến muôn năm chữa bạc đầu...

Ngày tháng trôi xuôi với ái ân...
Bên cầu lá rụng đã bao lần!

.....
.....

Tình ái hay đâu mộng cuối giờ...
Nhằm nhau giây lát hận muôn đời,
Kẻ ra non nước, người thành thị;
Đôi ngả tình đi, người mỗi nơi.

Hôm nay ngồi ngóng ở bên sông,
Ta được tin ai mới lấy chồng;
Cười chứa dứt câu tình đã vội...
Nàng điên trên "gối mộng" người thương.

Ta mơ trong đời hay trong mộng?
Vùng cúc bên ngoài, động dưới sương...

.....

.....

Ta hát dăm câu vô nghĩa lý,
Lá vàng bay lả vào buồn ta;
Ta viết dăm câu vô nghĩa lý,
Người điên xem đến hiểu lòng ta.

(Tiếng thu)

CÒN CHI NỮA

Giờ đây hoa hoang dại
Bên sông, rụng tới bờ,
Đã qua rồi cơn mộng,
Đừng vỗ nữa, tình ơi!

Lòng anh đà rời rụng
Trên sông ngày tàn rơi,
Tình anh đà xế bóng,
Còn chi nữa, em ơi?

Còn đâu ánh trắng vàng
Mơ trên làn tóc rối?
Chân nâng trên đường sỏi;
Sương lá đổ rộn ràng.

Trăng nội vẫn mơ màng
Trên những vòng tóc rối?
Đêm ấy xuân vừa sang,
Em vừa hai mươi tuổi.

Còn đâu những giờ nhung lụa:
Mộng trùm trên bông
Tình ấp trong gối
Rượu tân hôn không uống cũng say nồng?

Còn đâu mùi cỏ lạ
Uớp trong mớ tóc mây?
Một chút tình thơ ngây
Không còn trên đôi má.

(Tiếng thu)

XUÂN VỀ

Năm vừa rồi
Chàng cùng tôi
Nơi vùng giáp Mộ
Trong gian nhà cỏ
Tôi quay tơ,
Chàng ngâm thơ.
Vườn sau oanh giục già,
Nhìn ra hoa đua nở,
Dừng tay tôi kêu chàng;
“Này, này! Bạn! Xuân sang”.
Chàng nhìn xuân mặt hớn hờ
Tôi nhìn chàng lòng vốn vã...
Rồi ngày lại ngày
Sắc màu: phai
Lá cành: rụng
Ba gian: trống
Xuân đi
Chàng cũng đi.
Năm nay xuân còn trở lại
Người xưa không thấy tới.

(Tiếng thu)

MỘT MÙA ĐÔNG

I

Đôi mắt em lặng buồn
Nhìn thôi và chẳng nói
Tình đôi ta vời vợi
Có nói cũng không cùng.

Yêu hết một mùa đông
Không một lần đã nói;
Nhìn nhau buồn vời vợi
Có nói cũng không cùng.

Giờ hết một mùa đông
Gió bên thêm thổi mãi;
Qua rồi mùa ân ái:
Đàn sếu đã sang sông.

Em ngồi trong song cửa;
Anh đứng dựa tường hoa;
Nhìn nhau và lệ ứa:
Một ngày một cách xa.

Đây là dải Ngân hà;
Anh là chim Ô Thước
Sẽ bắc cầu nguyện ước
Một đêm một lần qua.

Để mặc anh đau khổ,
Ái ân giờ tận số.

Khép chặt đôi cánh song!
Khép cả một tấm lòng!

II

Em là gái trong song cửa,
Anh là mây bốn phương trời;
Anh theo cánh gió chơi vơi
Em vẫn nằm trong nhung lụa.

Em chỉ là người em gái thôi,
Người em sâu mộng của muôn đời.
Tình em như tuyết dâng đầu núi
Vằng vặc muôn thu nét tuyết vơi.

Ai bảo em là giai nhân
Cho đời anh đau khổ?
Ai bảo em ngồi bên cửa sổ
Cho vương váu nợ thi nhân?

Ai bảo em là giai nhân
Cho lệ tràn đêm xuân?
Cho tình tràn trước ngõ,
Cho mộng tràn gối chăn?

III

Ngày hôm tiễn biệt buồn say đắm,
Em vẫn đùa nô uống rượu say.
Em có biết đâu đời vắng lạnh.
Lạnh buồn như ngọn gió heo may.

Môi em đượm sắc mùi nho tươi;
Đôi má hồng em chúm nụ cười;
Đôi mắt em say màu sán lạn;
Trán em để lỏng làn tóc rơi.

Tuy môi em uống lòng anh say,
Lời em càng nói càng chua cay.
Anh muốn van em đừng nói nữa.
Lệ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay.

IV

Hãy xếp lại muôn vàn ân ái,
Đừng trách nhau, đừng ái ngại nhau,
Thuyền yêu không ghé bến sâu
Như đêm thiếu phụ bên lầu không trăng.
Hãy như chiếc sao băng băng mãi
Để lòng buồn, buồn mãi không thôi.

(Tiếng thu)

CHIỀU CỔ

Chiều sương, rừng tía, lệ muôn hàng.
San sát nghe đầy bến Trúc lang.
Cây, nước, say theo người trắng sị;
Con dò quên cả chuyển sang ngang.

(Tiếng thu)

ĐIỆU HUYỀN

Những điệu huyền bay, lạc khắp thôn
Tầng nhà, đây đó hẹn nhau buồn.
Có cô dâu mới nhìn sông nước
Sực nhớ quê nhà giọt lệ tuôn.

(Tiếng thu)

THÚ ĐAU THƯƠNG

Tình đã len trong màu nắng mới,
Lòng anh buồn vời vợi, em ơi!
Niềm yêu run động đôi môi
Tình đây khôn lựa được lời thắm tươi.

Đã héo lăm nụ cười trong mộng,
Đã mờ mờ lăm bóng thân yêu,
Đã lam tím cả cảnh chiều,
Trong hồn lặng đã hiu hiu mộng tàn.

Để chân gối nằm yên chỗ cũ,
Hãy lịm người trong thú đau thương!

.....
.....

(Tiếng thu)

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

Con nhà văn hào Nguyễn Văn Vĩnh. Sinh ngày 12 *décembre* 1914 ở Hà Nội, mất ngày 19 *novembre* 1938. Học ở Hà Nội. Có bằng tú tài tây.

Làm thơ từ năm 1932. Ngoài thơ có viết nhiều truyện ngắn và kịch.

Có viết giúp: *Annam nouveau*, *Hanoi báo*, *Tinh hoa*, *Đông Dương tạp chí*.

Đã xuất bản: *Ngày xưa* (1935)

Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp.

Không mến sao được? Với đôi ba nét đơn sơ, Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa. Không phải cái thời xưa nặng nề của nhà sử học, cũng không phải cái thời xưa tráng lệ hay mơ màng của Huy Thông, mà là một thời xưa gồm những màu sắc tươi vui, những hình dáng ngộ nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu rĩ cố hữu và đã biết cười, cái cười của những “thắt lưng dài đỏ hoe”, những đôi “dép cong” nho nhỏ. Những cảnh ấy vốn có thực. Nhưng dầu sự thực không có thì nhà thơ sẽ tạo ra, khó gì. Mặc cho những nhà khảo cổ cặm cuì tìm nguyên do câu chuyện hai vị thần giành nhau một nàng công chúa, thì nhân cứ cho là có thực và người thấy khi Thủy Tinh đã bắt

quyết gọi mưa để khoe tài, thì Sơn Tinh chẳng chịu thua, liền

Vung tay niệm chú. Núi từng dải,
Nhà lớn, đôi con lớn cõm bò
Chạy mưa.

Sáng hôm sau, Thủy Tinh cười rông vàng đến xin cưới,

Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai,
Khập khiễng bò lê trên đất lạ;
Trước thành tấp tểnh đi hàng hai.

Nhưng chậm mất rồi, Sơn Tinh đã đến trước. Tức quá, Thủy Tinh liền ra lệnh cho bọn đồ đệ dương oai:

Cá voi quác mồm to muốn đớp;
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng;
Càng cua lớn chồm giờ như mác;
Tôm kên chạy quắp đuôi xông xao.

Ai xem những cảnh ấy mà không buồn cười. Thi nhân cũng chỉ muốn thế: kiếm chuyện cười chơi.

Cũng có khi người cười những nhân vật chính người đã tạo ra, như cái cô bé đi chùa Hương trong thiên ký sự chép những câu thật thà:

Em đi, chàng theo sau.
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,
Sợ gian nan không giàu.

Có khi chẳng còn biết người muốn cười ai. Sau khi tả cái đẹp của My Nương, người thêm một câu:

Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.

Người vờ ngơ ngẩn để kiếm cớ giấu mình chơi, hay

người muốn giấu những kẻ đứng trước gái đẹp bỗng thấy hồn thơ lai láng?

Lại có khi không giấu mình, không giấu người, thì nhân cũng cười: cười vì một cảnh ngộ. Như khi Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng đến hỏi My Nương, Hùng Vương sung sướng nhìn con:

Nhưng có một nàng mà hai rể,

Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều.

Đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng một người đương khúc khích cười. Nhưng cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu của các ông tú, từ Tú Suất, Tú Xương, đến Tú Mỡ. Nó hiền lành và thanh tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng đủ cho nó có một địa vị trên thi đàn. Nhưng còn có điều này nữa mới thật quý: với Nguyễn Nhược Pháp nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng. Những cảnh, những người đ. khiến thi nhân cười cũng là những cảnh, những người thi nhân mến. Người mến cô bé đi chùa Hương và cùng cô bé san sẻ mọi nỗi ước mơ, sung sướng, buồn rầu. Người mến nàng My Nương. Lúc My Nương từ biệt cha đi theo chồng, người thấy:

Lầu son nàng ngoái trông lần nữa,

Mì xanh lệ ngọc mờ hơi sương.

rồi:

Nhìn quanh khối tỏa buồn man mác,

Nàng kêu: “Phụ vương ôi! Phong Châu!”

Một điều lạ là những câu tình tứ như thế ghép vào bên cạnh những câu đến buồn cười mà không chút bỡ ngỡ. Cái duyên của Nguyễn Nhược Pháp là ở đó.

Chắc Nguyễn Nhược Pháp không chịu ảnh hưởng A. France, nhưng xem Ngày xưa tôi cứ nhớ đến cái duyên của tác giả Le livre de mon ami. Phải chăng Nguyễn Nhược Pháp cũng hay giễu đời và thương người như A. France? Không, nói giễu đời e không đúng, Nguyễn Nhược Pháp còn hiền lành hơn. Nguyễn Nhược Pháp chỉ muốn tìm những cảnh, những tình có thể mua vui. Dầu sao, tôi thấy Nguyễn Nhược Pháp già lắm, khác hẳn người bạn chí thân của người là Huy Thông. Người nhìn đời như một ông già nhìn đàn trẻ con rất ngộ nghĩnh mà cũng rất dễ yêu, mặc dầu người vẫn còn trẻ lắm. Người mất năm hai mươi bốn tuổi, lòng trong trắng như hời còn thơ.

Octobre 1941

TAY NGÀ

Đêm nay chờ giăng mạc,
Ngồi thần thơ trong vườn,
Quanh hoa lá róc rách
Như đùa bắt làn hương.

Ta ngồi bên tảng đá
Mơ lêu chiểu ngày xưa,
Mơ quan Nghè, quan Thám
Đi có cờ lọng đưa.

Rôi bao nàng yếu điệu
Ngấp nghé bay trên lầu;
Vừa leng keng tiếng ngựa,
Lệ gót tiên gieo cầu.

Tay vơ cầu ngũ sắc,
Má quan Nghè hây hây.
Quân hầu reo chuyển đất,
Tung cán lọng vừa quay.

Trên lầu mấy thị nữ
Cùng nhau rúc rích cười:
“Thưa cô đừng thẹn nữa
Quan Nghè trông lên rồi”.

Cúi đầu nàng tha thướt,
Yêu kiều như mây qua.
Mắt xanh nhìn man mác,
Mỉm cười về cảnh hoa.

Ta còn đang luyến mộng,
Yêu bóng người vẫn vơ;
Tay ngà ai phủ trán?
- Hiu hắt ánh giăng mờ...

(Ngày xưa)

CHÙA HƯƠNG

(Thiên ký sự của một cô bé ngày xưa)

Hôm nay đi chùa Hương.
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me em đây,
Em vấn đầu, soi gương.

Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo dải yếm đào;
Quần lĩnh, áo the mới;
Tay cầm nón quai thao.

Me cười: “Thầy nó trông!
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá!
Bao giờ cô lấy chồng?”

Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mối mai đưa tiếng,
Khen tươi như trắng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thấy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm.
Ý đợi người tài trai -

Em đi cùng với me,
Me em ngồi cẳng tre.
Thầy theo sau cuối ngựa,
Thắt lưng dài đỏ hoe.

Thầy me ra đi dò.
Thuyền mấp mênh bên bờ.
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh buồm lô nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một vãn nhân.
Người đầu thanh lạp nhường!
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai người không thương?

Chàng ngồi bên me em.
Me hỏi chuyện làm quen:
“Thưa thầy đi chùa ạ?
Thuyền đông giới ôi chen!”

Chàng thưa vâng, thuyền đông,
Rồi ngắm trời mênh mông,
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn phớt ánh mây hồng.

Dòng sông nước đục lờ.
Ngâm nga chàng đọc thơ!

Thầy khen hay, hay quá!
Em nghe rồi ngẩn ngơ.

Thuyền đi, bến Đục qua.
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói:
“Nam vô A-di-đà!”

Réo rất suối đưa quanh,
Ven bờ, ngọn núi xanh,
Dịp cầu xa nhỏ nhỏ:
Cảnh đẹp gần như tranh.
Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khỉ ngồi,
Tới núi con voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây.
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.

Em đi, chàng theo sau.
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,
Số gian nan không giàu.

Thầy me đến điện thờ.
Trầm hương khói tỏa mờ.
Hương như là sao lạc.
Lớp sóng người lô nhô.

Chen vào thật lắm công,
Thầy me em lễ xong
Quay về nhà ngang bảo:
“Mai mới vào chùa trong”.

Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
“Mai ta vào chùa trong”.
Đêm hôm ấy em mừng!
Mùi trầm hương bay lừng.
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chim kêu trong rừng.

Em mơ, em yêu đời,
Mơ nhiều... Viết thế thôi,
Kẻ ai mà xem thấy
Nhìn em đến nực cười.

Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng.
Thầy me em sắp sửa
Vàng hương vào chùa trong.

Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.
Vì thương me quá mệt,
Sấn sóc, chàng đi theo.

Me bảo: “Đường còn lâu.
Cứ vừa đi ta cầu
Quan thế âm bồ tát
Là tha hồ đi mau”.

Em ư? Em không cầu,
Đường vẫn thấy đi mau.
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu).
Khi qua chùa Giải oan,
Trông thấy bức tường ngang.
Chàng đưa tay, lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.

Tấm tắc thầy khen hay,
Chữ đẹp như rồng bay.
(Bài thơ này em nhớ
Nên chả chép vào đây).

Ôi! Chùa trong đây rồi!
Động thắm bóng xanh ngời.
Gấm thêu trần thạch nhũ
Ngọc nhuộm hương trầm rơi.

Me vui mừng hả hê:
“Tặc! Con đường mà ghê!”
Thầy kêu mau lên nhé,
Chiều hôm nay ta về.

Em nghe bỗng rụng rời!
Nhìn ai luống nghẹn lời!
Giờ vui đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi!

Làn gió thổi hây hây.
Em nghe tà áo bay,
Em tìm hơi chàng thổi!
Chàng ôi, chàng có hay?
Đường đây kia lên giới.
Ta bước tựa vai cười,
Yêu nhau, yêu nhau mãi!
Đi, ta đi, chàng ôi!

Ngun ngút khói hương vàng,
Say trong giấc mơ màng
Em cầu xin Giới Phật
Sao cho em lấy chàng.

(Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi hai người lấy nhau, vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau rồi là hết chuyện).

(Ngày xưa)

Chúng tôi còn muốn trích hai bài nữa: “Sơn Tinh - Thủy Tinh” và “Một buổi chiều xuân”, nhưng không thể được vì phải chiều theo lời yêu cầu của Ô. Nguyễn Giang. Các bạn chịu khó tìm xem quyển Ngày xưa.

PHAN VĂN DẬT

Sinh ngày 17 *août* 1909 ở làng Phú Xuân, huyện Hương Trà (Thừa Thiên). Chánh quán: làng Đạo Đầu, phủ Triệu Phong (Quảng Trị). Học trường Quốc học Huế đến đậu thành chung. Hiện làm thư ký ngạch trước bạ Huế.

Viết văn từ 1924, đến 1927 có thơ đăng *Nam Phong*, *Thần kinh*, *Rạng Đông* (ký Tiêu Lang và Thường Nga Phố). Đã xuất bản: *Bảng khuâng* (1935).

Hồi décembre 1935 tôi có viết trên báo Tràng An một bài về quyển Bảng khuâng. Nay xem lại thơ Phan Văn Dật cảm tưởng vẫn không khác xưa. Vậy xin trích mấy đoạn chính trong bài ấy.

Trong làng thơ Phan Văn Dật thuộc về phái thanh niên. Nhưng có lẽ thanh niên vì tuổi hơn vì thơ. Giữa lúc một luồng không khí mới thúc giục người ta thoát ly gia đình, Phan Văn Dật đã dám ca tụng cái tình cha con, anh em; sách của người, người để tặng song thân, tưởng ngày nay cũng là một điều ít có.

Những điều người mơ ước cũng giống hết những điều mơ ước của các cụ ta ngày xưa: một cuộc đời bình dị nơi thôn dã. Tôi thấy ở người cái lòng chán nản, hơn nữa, cái lòng căm giận những nơi đô hội. Mối hận dài trong thơ Phan Văn Dật sẽ chẳng là cái hận của Dương Quý Phi bị hy sinh vì lẽ nước, nó là

cái hận một người đàn bà bị sức quyến rũ của thị thành cướp mất chồng con.

Nguyễn Nhược Pháp với tập Ngày xưa đã nhìn cảnh vật xưa bằng con mắt một người thời nay. Phan Văn Dật với tập Bâng khuâng đã nhìn cảnh vật ngày nay sau bức màn một tâm hồn xưa.

Giữa cuộc đời náo động, người ngoảnh mặt làm ngơ và tự tạo cho mình một thế giới riêng, một thế giới lặng lẽ đầy thơ mộng. Cuộc đời như thế ắt sẽ bằng phẳng vô sự. Nhưng vô sự chỉ đối với những con mắt không tinh. Thực ra trong lòng thi nhân không phải vô sự: thi nhân không thiết chuyện hàng ngày nhưng vẫn luôn luôn sống với một cuộc đời đã qua rất phong phú:

Tôi không hay hưởng cùng cái hiện tại
Hững hờ, tôi thường để nó đi qua.

Chuyện ngày nay sau tôi sẽ xót xa,

Tôi chỉ tiếc những giờ không trở lại.

“Những giờ không trở lại” đó, Phan Văn Dật nhắc đến một cách âu yếm. Nào những mối tình xưa, xa hơn nữa, những cảm hoài thời thơ ấu, những khi nô đùa với trẻ con hàng xóm, những khi anh em dắt tay nhau vơ vẩn trong vườn:

Vào buổi bình minh, năm ấy xưa,

Trong vườn đào lý, phủ sương mờ,

Dắt tay hai trẻ tìm hoa rụng,

Mơ chuyện thần tiên, nghĩ vẩn vơ.

Những cảnh đã qua trong đời mình có khi thi nhân để lẫn với những cảnh đã qua mấy mươi đời trước. Nhân biệt một người bạn, Phan Văn Dật đã thay lời người đàn bà xưa tiễn chồng đi lính viết lên những

câu nhịp nhàng và cảm động. Nỗi buồn riêng ấy của thi nhân còn khiến người nghĩ liên miên đến nỗi đau đớn của người xương phụ cùng cái ngao ngán vì mọi cuộc tang thương⁽¹⁾.

Nói cho đúng, thi nhân chẳng phải hoàn toàn sống trong cảnh xưa cảnh mộng và cái thế giới chung quanh tuyệt không có trong con mắt thi nhân. Người cũng biết say sưa vì cảnh đẹp thoáng qua trước mắt. Có lúc bỗng sức nhớ mình là một người trai trẻ đương tuổi yêu, nghệ sĩ nắn mấy vần thơ:

Ca ngợi tình yêu, vẻ đẹp em,
Lời thơ réo rắt tôi sẵn tìm,
Cây người mang tặng cho em đọc,
Em để vào ngăn em chẳng xem.

Thì xưa nay vẫn thế!

Thơ Phan Văn Dật không rức rở, không réo rắt, không hùng tráng, không làm ta bồi hồi ngáy ngất, nhưng vẫn khiến ta ưa đọc: nó là những vần thơ dễ thương. Ta không cảm phục mà ta lưu luyến, cũng như ta lưu luyến đất Kinh Đô là nơi quê hương của thi sĩ. Người yêu vẫn sẽ xem thi nhân như bạn nếu không thể xem như thầy.

Chính Phan Văn Dật cũng không muốn làm thầy ai. Người vốn biết:

Sự hoàn toàn tìm kiếm chỉ thêm hoài,
Ngọc lành là chuyện nói mà chơi,
Chớ kể ngọc nào không có vết!

Décembre 1935

(1) Xem ba bài trích theo đây.

TIỀN ĐƯA

(Lời một người đàn bà xưa đưa chồng đi lính)

Ngày mai chàng lên đường,
Thân gió bụi tuyết sương,
Tối nay còn với thiếp
Xin cạm chén quỳnh tương.
Chàng mặc áo nhung này,
Thiếp vì chàng mới may,
Thiếp dù xa chân ngựa.
Tơ lòng theo chàng bay.⁽¹⁾
Đừng nghĩ đến ngày mai!
Hôm nay biết hôm nay,
Thiếp đây mà chàng đó,
Chùng ấy là đủ rồi.
Ngày mai chàng ruổi xa,
Mặc kẻ nước mắt sa,
Yên ngựa rong đường thẳng.
Thức dậy lúc canh gà.
Ngày mai khi chàng về,
Thiếp dù chống gậy lê,
Xin vì chàng dâng rượu,
Tình xưa, cạm chén thê⁽²⁾.

(1) Thi sĩ mới sửa lại. Trong tập *Băng khuông*: “Khối tình theo chàng bay”.

(2) Trong tập *Băng khuông*: “Tiếp theo chén hôm ni”.

Rồi bên chàng có thiếp,
Giấc hòe cùng thêm thiếp.
Yêu nhau đến trăm năm
Phong trần cho bỏ kiếp.

29-10-1927
(*Bâng khuâng*)

BI XUÂN NƯƠNG

(Một người khách qua chơi xóm bình kháng gặp kẻ cố nhân là Bi Xuân Nương, nhân hỏi vì sao đến đổi, Bi Xuân Nương rơi lụy mà tặng cho khách bài này).

Em là gái giang hồ
Hầu hạ người khách du;
Vì tiền khách bán thịt⁽¹⁾,
Mặc cho khách giày vò.
Khách bảo gì em vâng,
Dám thương chút bụi trần,
Hôm nay em của khách,
Quỳ gối, tùy lượng xuân.

(1) Chúng tôi có bàn với thi sĩ nên đổi hai chữ “bán thịt”. Nhưng thi sĩ không muốn đổi vì “hai chữ sống sượng ấy làm người ta thấy cảnh thương tâm của Bi Xuân Nương đem thân nghìn vàng của mình ra bán như người hàng thịt bán thịt bò thịt heo ngoài chợ, tính từng cân từng lạng”.

Em đã bán mình rồi,
Nhị đào người chán chơi,
Mình băng từ bùn nhuộm
Hoa trôi mặc sóng dồi.
Khách nhắc gì chuyện cũ?
Nẫu ruột đứa xương phụ!
Hãy bằng lòng mình em,
Hồn em tha cho nó!
Gặp nhau đừng nhớ nhau,
Em đau và khách đau.
Đừng trêu nhau nợ cũ,
Dòng châu trả dòng châu.
Muốn hỏi xin đừng hỏi
Biết ra chi thêm tủi,
Cố nhân gì em đây?
Đồ chơi cho trăm mối.
Thương nhau còn một quên!
Quên là thương nhau bền.
Khách không hay em đã...
Em còn được khách tin.
Gạt lệ thôi làm lơ,
Khách vui mà em nhờ,
Mấy lời muôn thu giận
Ruột tằm chưa hết tơ.

29-10-1927
(*Bâng khuâng*)

NÀNG CON GÁI HỌ DƯƠNG

Năm xưa ta lại chốn này,
Hồ thu nước mới chau mày với thu.
Nàng Dương mười bốn hái dâu,
Hoa non dâu đã biết sầu vì thu.

Năm sau ta đến chốn này,
Nàng Dương tóc đã đến ngày cài trâm.
Chiều xuân hoen hoén trăng rằm,
Con ong lén gửi thơ thầm ngoài hiên.

Qua năm ta lại chốn này,
Ngựa xe chen bước dấu giày in sân.
Phòng khuê cửa đóng mấy tầng,
Chim xanh mỗi cánh mấy lần về không.

Rồi năm ta lại chốn này,
Nàng Dương mở cửa suốt ngày đợi tin.
Thêm ba khách vắng rêu in,
Cành hoa năm ngoái ai vin năm này?

Năm nay ta lại chốn này,
Lầu không chim vắng, chim bay đàng nào?
Hỏi người có biết tầm hao,
Láng giềng rằng có cô nào dâu đây!

29-10-1927
(*Bâng khuâng*)

ĐÔNG HỒ

Chính tên là Lâm Tấn Phác. Sinh ngày 16 tháng 2 năm Bính Ngọ (10 mars 1906) ở làng Mỹ Đức (Hà Tiên). Thôi học nhà trường từ năm 16 tuổi. Chịu ảnh hưởng tạp chí Nam Phong rất nhiều.

Lập Trí đức học xá. Chủ trương báo Sống (1935).

Đã viết giúp: *Nam phong, Trung bắc tân văn, Đông Pháp thời báo, Kỳ Lân báo...*

Đã xuất bản: *Thơ Đông Hồ* (1932), *Cô gái xuân* (1935).

Hoàn cầu để ít có thứ tiếng được âu yếm, nâng niu như tiếng Nam. Âu cũng vì tiếng Nam đương ở trong cảnh khốn cùng, đương bị nhiều người rẻ rúng. Thói thường con nhà nghèo vẫn thương yêu cha mẹ hơn con nhà sang trọng.

Nhưng yêu quốc văn mà đến như Đông Hồ kẻ cũng ít. Thất học từ năm mười lăm, mười sáu; từ đó người chỉ chuyên học quốc văn, viết quốc văn, rồi mở trường chuyên dạy quốc văn. Cả những lúc người đại cơm bầu nước cùng học trò đi chơi các vùng thắng cảnh đất Phương thành, các đảo dữ miền duyên hải, tôi tưởng cũng chỉ vì quốc văn: người đi tìm cảm hứng vậy.

Khốn nỗi, người ra đời vào lúc văn học nước nhà đương hồi tàn tạ. Vốn tính hiền lành, không đủ táo bạo để gây nên giữa làng văn một cuộc biến động cần

phải có, lúc đầu người chỉ cam tâm hiến mình cho những lễ lối xưa ràng buộc. Và người cũng không hề lấy thế làm bất rứt khó chịu, chưa bao giờ người có ý muốn thoát ly.

Mặc dầu, sự tình cờ đã một đôi lần đưa người ra ngoài khuôn sáo. Trong tập *Thơ Đông Hồ*, giữa bao nhiêu câu văn trơn tru mà tầm thường, trống rỗng, đột nhiên ta gặp đôi lời dường như trong ấy ẩn náu một linh hồn. Như những lời thuật hoài sau khi nàng *Linh Phượng* đã thành người thiên cổ:

Mối sầu khôn dãi cùng trời đất;
Chén rượu dành khuây với nước non.
cùng những lời nhớ bạn, hoặc thật thà:

Khi biệt dễ dàng, khi gặp khó;
Chốn vui ai nhớ chốn sầu chi.
hoặc kín đáo:

Cái oanh đâu bỗng ngoài hiên gọi:
Đã hai lần rồi xuân vắng mai⁽¹⁾.

Với nỗi thất vọng ấy, với nỗi buồn man mác ấy, *Đông Hồ* đã đi xa trường thơ Nam phong nhiều lắm.

Nhưng trong tập *Thơ Đông Hồ*, lạ nhất là bài “*Tuổi xuân*”, người ta có thể tưởng nó đã ở đâu lạc tới. Đến khi tác giả đưa in lại vào tập *Cô gái xuân* ta mới thấy nó tìm được hoàn cảnh tự nhiên của nó. Bởi vì trong bài “*Tuổi xuân*” có cái bông bột, cái trịnh trọng trước tình yêu mà cả thế hệ trước đây không từng biết: họ quen xem người đàn bà như một thứ đồ chơi.

(1) “Mai” cũng là tên người yêu (xem bài “*Nhớ Mai*” trong *Cô gái xuân*).

Đông Hồ vẫn là người của thế hệ bây giờ vậy. Cho nên phong trào thơ mới vừa nổi lên là người nhận ngay được con đường của mình. Với phong trào thơ mới tưởng không có sự đắc thắng nào vẻ vang hơn.

Từ nay, Đông Hồ sẽ chỉ ca tình yêu và tuổi trẻ. Ngôi bút của thi nhân riêng âu yếm những nỗi lòng của người thiếu nữ, khi bình yên lặng lẽ, khi phơi phơi yêu đương. “Cô gái xuân” của Đông Hồ tỏ thể những lời đến dễ thương, những lời tuông như lá lời mà vẫn trong sạch. Ta thấy trong lời nàng cái êm dịu, cái mơn trớn, vuốt ve của tình ái. Nghe nàng nói lòng nào không xiêu? Nhất là khi nàng kể cảnh ái ân trên bãi biển ta khó có thể không cùng nàng tư tưởng đến những cảnh ấy. Đông Hồ là người thứ nhất đã đưa vào thi ca Việt Nam cái vị bát ngát của tình yêu dưới trăng thanh, trong tiếng sóng.

Ai cũng thấy Thơ Đông Hồ và Cô gái xuân khác nhau xa. Tuy vậy, nếu trong Thơ Đông Hồ ta đã thấy khơi nguồn thơ Cô gái xuân thì trong Cô gái xuân vẫn còn lại lóng cái buồn những vần thơ cũ.

Aoút 1941

CÔ GÁI XUÂN

Trong xóm làng trên, cô gái thơ,
Tuổi xuân mơn mớn vẽ đào tơ.
Gió đông mơn trớn bông hoa nở,
Lòng gái xuân kia vẫn hững hờ.

Lũng thưng lên trường buổi sớm chiều,
Tập tành nghiên bút, học may thêu.
Quần đen, áo trắng, khăn hồng nhẹ,
Ngọn xòa ngang vai, tóc bỏ đều.

Lá rợp cành xoài bóng ngả ngang,
Cô em dừng bước nghỉ bên đường.
Cởi khăn phẩy giọt mồ hôi trán,
Gió mát lòng cô cũng nhẹ nhàng.

Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,
Lòng cô phát phối biết bao tình.
Vội vàng để vở bên bờ cỏ,
Thoăn thoát theo liền đàn bướm xinh.

Áo trắng khăn hồng gió phát phơ,
Nhẹ nhàng vui vẻ nét ngây thơ.
Trông cô hớn hỏ như đàn bướm,
Thong thả trời xuân mặc nhớn nhơ.

Đàn bướm bay cao, cô trở về,
Sửa khăn, cấp sách lại ra đi,
Thản nhiên, cô chẳng lòng thương tiếc,
Vì bướm ngày xuân chẳng thiếu chi!

Cũng xóm làng trên, cô gái thơ,
Tuổi xuân hơn hớn vẻ đào tơ.
Gió đông mơn trớn bông hoa nở,
Lòng gái xuân kia náo nức chờ.

Tung bừng hoa nở bóng ngày xuân,
Rực rỡ lòng cô, hoa ái ân.
Như đợi, như chờ, như nhớ tưởng,
Đợi, chờ, tưởng, nhớ bóng tình quân.

Tình quân cô: ấy sự thương yêu,
Đằm thắm, xinh tươi, lắm mĩ miều.
Khao khát đợi chờ, cô chữa gập,
Lòng cô cảm thấy cảnh đìu hiu.

*

Một hôm, chợt thấy bóng tình quân,
Gió lộng, mây đưa thoáng đến gần.
Dang cánh tay tình, cô đón bắt,
Vô tình mây gió cuốn xa dần.

Gót ngọc phăng phăng cô đuổi theo:
"Tình quân em hỡi! Hỡi người yêu!
"Gió mây xin để tình quân lại;
"Chậm chậm cho em nói ít điều..."

Than ôi! Mây gió vẫn vô tình
Cuồn cuộn bay trên ngọn núi xanh.
Nhìn ngọn núi xanh, mây khói tỏa,
Mắt cô, đôi giọt lệ long lanh.

Lá rợp cành xoài bóng ngả ngang
Cô em dừng bước nghỉ bên đường.
Cởi khăn phủ giọt mồ hôi trán,
Gió mát, lòng cô những cảm thương.

Lủi thủi bên đường, cô ngẩn ngơ.
Chốn này, đuổi bắt bướm ngày xưa,
Cô buồn, cô tiếc, cô ngùi ngậm,
Cô nhớ ngày xuân, nhớ tuổi thơ:

“Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh
“Lòng cô phát phối biết bao tình.
“Vội vàng để vở bên bờ cỏ,
“Thoăn thoát theo liền đàn bướm xinh...

“Đàn bướm bay cao, cô trở về,
“Sửa khăn, cấp sách lại ra đi,
“Thản nhiên, cô chẳng lòng thương tiếc,
“Vì bướm ngày xuân chẳng thiếu chi!...”

Ái tình nào phải bướm ngày xuân,
Tình ái ngày xuân chỉ một lần;
Một thoáng bay qua không trở lại,
Gái xuân đỏ lệ khóc tình quân!

(Cô gái xuân)

MUA ÁO

“Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi,
Em đâu còn áo mặc đi chơi.
Bán thơ, nhận dịp anh ra chợ,
Đành gởi anh mua chiếc mới thôi!

- Hàng bông mai biếc màu em thích,
Màu với hàng, em đã dặn rồi.
Còn thuốc tắc, quên! Em chữa bảo:
Kích từng bao rộng, vạt bao dài?

- Ôi hay! Nghe hỏi mà yêu nhỉ!
Thuốc tắc anh còn lựa hỏi ai,
Rộng hẹp, tay anh bỗng ẵm đó,
Ngắn dài, người mới tựa bên vai!"

(Cô gái xuân)

TUỔI XUÂN⁽¹⁾

Kể từ khi quen nhau,
Vừa mười ba tuổi đầu;
Tuổi xuân, tuổi vui sướng,
Nào có biết chi sầu.

Quen nhau thì yêu nhau,
Yêu nhau quăn quít nhau.
Quây quần trong một tổ,
Như đôi chim bồ câu.

(1) Bài này nguyên ở trong Thơ Đông Hồ sau lại đưa vào Cô gái xuân. Thi nhân có thêm ít nhiều. Tiếc sao người lại không bỏ đôi đoạn dỏm đáng quá.

Ngày tháng chỉ mong cầu
Gần nhau được dài lâu.
Sum vầy lòng những ước,
Ly biệt có ngờ đâu.

Muốn thế, vẫn được thế,
Ai khéo chiều nhau tẽ,
Bao những cuộc vui cười,
Cùng nhau cùng chia sẻ:

“Anh ơi! Em muốn học.
Anh hãy dạy em đọc.
Dạy em không? Hở anh?
Không dạy em, em khóc.
- Em đừng làm nũng chứ!
Hãy nói anh nghe thử,
Em muốn học chữ gì?
- Em muốn học Quốc ngữ!
Quốc ngữ chữ Việt Nam,
Này thơ em, anh xem
- Anh nghe, em cứ đọc!
- Thơ rằng: “Anh yêu em!...”

“Em muốn dạy anh thêu,
- Yêu em, anh phải chiều.
- Chỉ kim, anh thử lựa.
Nghe lời em, em yêu.

Này! Anh thêu khéo chán,
Ngàn mây đôi chiếc nhận

Chấp cánh tung trời bay,
Trăm năm cùng kết bạn.

- Tươi thắm bức lụa là,
Đôi chim nhạn không già,
Đời mình âu cũng thế,
Ngày xuân ở với ta..."

"Này anh! Buổi thư nhàn,
Em dạy anh học đàn.
- Học đàn khó! - Đâu khó!
Chỉ đôi tiếng nhật khoan!..."
Khoan nhật đôi đường tơ;
Lay động đổi lòng thơ.
Gảy nên khúc tình ái.
Khúc đứt, lòng ngẩn ngơ...
Buông bắt trên tơ trúc,
Nhìn em, năm ngón ngọc,
Năm búp măng nồn nà.
Mãi nhìn, đàn chứa thuộc...

"Anh ơi! Em muốn chơi,
Non nước chốn này vui...
Âu yếm, cầm tay dặt,
Cùng nhau thưởng cảnh trời.
Ngày lạnh, màu hoa cỏ,
Đêm thanh, thú trắng gió.
Cảnh trời với lòng người
Biết bao lần gặp gỡ.

“Anh! Em muốn chơi thuyền,
Một ngày ta làm tiên...”
Buông buồm theo ngọn gió,
Sóng nước những triền miên.
Trời biển cảnh lồng lộng,
Đôi tấm lòng rung động.
Kề vai sẽ tựa nhau,
Chập chờn trong giấc mộng.

Bên rừng, chiếc lá rơi,
Mặt nước, cánh hoa trôi.
Chòm mây bay tản mác,
Đàn nhạn rẽ phương trời.
Trông cảnh, em ngậm ngùi,
Nhìn em, anh thở dài,
Cảm nghĩ chuyện đời đời,
Giọt lệ bắt đầu rơi!...

Biết đời từ hôm ấy,
Tuổi lớn, ngày dần thấy:
Chuyện buồn đưa đến thương,
Ngày vui không có mấy.
Đôi lứa cũng xa nhau,
Tuổi xuân còn mãi đâu.
Biệt ly nay mới biết,
Chỉ xiết nỗi thương đau.
Giọt lệ một lần ứa,
Biết bao lần chan chứa;
Một lần khi bắt đầu,
Biết bao lần sau nữa!

Chốc, mười mấy năm trời,
Trăm nghìn cảnh đổi dời,
Nói đến chuyện gặp gỡ,
Sóng ngược lại bèo xuôi!
Cuộc đời những lần lóc,
Tiếng cười đổi tiếng khóc.
Nào đâu bạn trẻ thơ,
Cùng ta kể mái tóc?
Buồn nhớ cảnh năm xưa,
Lòng riêng những thẩn thờ.
Tóc xanh hồ đã bạc,
Luống tiếc tuổi ngây thơ!

(Cô gái xuân)

BỐN CÁI HÔN

“... Em nhớ: một sáng ngày mùa đông,
Gió bắc ào ào tiếng hải hùng,
Theo khe cửa sổ, gió thổi rít,
Chỉ nghe tiếng gió mà lạnh lùng!
Em cuốn mình trong làn chăn đệm,
Đệm cỏ, chăn bông em chẳng ấm,
Bỗng như có một ánh than hồng
Chạm vào trán em chạy vào lòng.
Lòng em ấm áp, hơi lạnh tan;

Em nằm sung sướng mà bàn hoàn,
Sờ tay lên trán em mới biết:
Hơi ẩm ẩm yếm mẹ em hôn...

... Em nhớ: một buổi chiều mùa thu
Bấy giờ mẹ em mất đã lâu.
Trông chiếc lá rơi em ủ rũ,
Hơi may hiu hắt, em buồn rầu,
Mất mẹ, em mất tình âu yếm,
Lạnh lùng, em thiếu hơi hôn ẩm.
Đứng tựa bên vườn, em ngẩn ngơ,
Trông nước, trông mây, em đợi chờ...
Chợt thấy cha em về trước sân,
Áo quần lấm láp vết phong trần,
Chạy ra mừng rỡ đưa tay đón,
Cúi xuống mái đầu, cha em hôn.
Từ hôm em được cha em hôn,
Đằm ấm lòng em bớt nỗi buồn.
Nhưng cha em mãi bận xuôi ngược,
Rày đó mai đây việc bán buôn...

... Em nhớ: một buổi trưa mùa hạ.
Buổi trưa nặng nề, trời oi ả.
Tựa cửa lớp học, em rầu rầu,
Nghe tiếng ríu rít đàn chim sâu.
Trước sân, bè bạn em nô đùa.
Riêng em buồn cảm thân bơ vơ:
Mẹ mất, còn cha, cha ít gặp
Một năm chỉ hai lần rước đưa!...
Cô giáo, thấy em đứng một mình,

Đi qua, gọi em hỏi sự tình,
Cầm tay cô dắt lại bàn học,
Ân cần, thương yêu vuốt mái tóc.
Rồi cô âu yếm hôn tay em,
Lặng qua cửa lớp cơn gió nồm,
Bao nỗi buồn bực, gió thổi mát,
Cái hôn như ngọn gió êm đêm...

Nay em đang giữa cảnh đêm xuân,
Gió trăng tình tứ đêm thanh tân.
Trước vòm trời biển cảnh lồng lộng,
Cùng anh trao đổi tình ái ân.
Khoác tay anh đi trên bãi cát.
Cát bãi, trăng soi màu trắng mát.
Nghiêng đầu lơ lửng tựa vai anh,
Lặng nghe sóng bãi đưa rào rạt.

Nước mây êm ái bóng trăng sao,
Say sưa em nhìn lên trời cao,
Buông khúc đàn lòng theo nhịp gió,
Giờ phút thần tiên, hồn phiêu dao.
Một hơi thở mát qua, dịu dàng,
Như cơn gió biển thoảng bay ngang,
Rồi luồng điện ấm chạm trên má:
Ân ái môi anh kề nhẹ nhàng.
Nũng nịu, em ngả vào lòng anh,
Ngẩn ngơ ngừng lặng giây cảm tình.
Tóc em xoa tung, tay gió lướt,
Bâng hoàng em nhớ chuyện sau trước:
Đời em, khoảng hai mươi năm hơn,

Được hưởng bốn lần âu yếm hôn.
Bốn lần em thấy em vui sướng,
Mưa gió đời em đỡ lạnh buồn.
Nhưng, từ khi em thôi học rồi,
Cùng cô giáo em không gặp gỡ.
Mà rồi, từ đó em lớn khôn,
Cha em cũng chẳng hôn em nữa.
Ba lần hôn kia em mất rồi,
Lần này biết có được lâu dài.
Nước bèo, em nghĩ đời chia biệt,
Mà lệ sâu em thấm thức rơi!..."

(Cô gái xuân)

MỘNG TUYẾT

Chính tên là Lâm Thái Úc (đáng lẽ là Út, nữ văn sĩ nhận tên mình là Út). Sinh ngày 9 *janvier* 1918 ở làng Mỹ Đức (Hà Tiên). Chỉ học trường hết bậc sơ đẳng, rồi luyện tập quốc văn ở Trí đức học xá.

Hai bài thơ trích sau đây rút trong tập *Phấn hương rừng*.

Trong những người do Trí đức học xá đào luyện ra thì Mộng Tuyết có đặc sắc hơn cả. Nhờ Ô. Đông Hồ nói giùm, tôi được xem tập Phấn hương rừng của nữ sĩ. Tập thơ bìa thếp vàng, giấy tàu tốt, chính nữ sĩ viết và vẽ để làm vui riêng trong khuê phòng. Nét bút hoa mỹ, nét vẽ phóng túng, thảnh thỏang lại chen vào ít câu chữ Hán cũng của Mộng Tuyết, thực là một cái thú cho người xem.

Còn thơ, hoặc nhẹ nhàng hí hửng, hoặc hàm súc lâm ly, hoặc nhớ nhung bát ngát, hoặc xôn xao rạo rức, tổng chi là lời một thiếu nữ, khi tự tình, khi đùa giỡn, khi tạ lòng người yêu. Người xem thơ bỗng thấy lòng run run như được đọc thư tình gửi cho một người bạn: người thấy mình đã phạm vào chỗ riêng tây của một tâm hồn, trong tay dường như đang nắm cả một niềm ân ái.

Nhưng có một điều đáng suy nghĩ: người thiếu nữ trong tập thơ này có làm cho ta quên những thiếu

nữ do trí tưởng thi nhân đàn ông tạo ra không? Nàng, một người đàn bà thiệt, nàng có đàn bà hơn những người đàn bà khác trong tưởng tượng kia không? Dầu sao, có những lời thơ như câu sau này tả cảnh xuân:

Chốn buồn khuê, xuân đến thăm em.

Hay như bài đề tặng bộ Việt Pháp tự điển⁽¹⁾, những lời tuy bình dị mà có một vẻ yêu kiều riêng tưởng ngòi bút đàn ông khó có thể viết ra được.

Août 1941

DƯƠNG LIỄU TÂN THANH

Trân trọng mạc giao hành khách thủ

Đoàn trường tình tự kỷ, ân cần.

LÊ BÍCH NGÔ⁽²⁾

“Dương liễu mười bài”⁽³⁾ chép gửi anh.

Ly hoài, ai khéo gọi cho mình.

Bích Ngô âu cũng lòng thôn nữ

Chung với nghĩa xưa một mối tình.

“Bên đường, qua lại bao nhiêu khách;

“Riêng bề cảnh xuân đưa tặng nhau.

“Sung sướng Giang Nam chàng phối ngựa,

“Tháng ngày bóng liễu rủ tơ sầu...”

(1) Trích theo đây.

(2) Một người bạn chí thân của Phan Thanh Giản.

(3) Thơ của Lê Bích Ngô tặng Phan Thanh Giản.

“Lả lướt đợi ngày xuân trở lại,
“Ngày xuân trở lại, hỏi bao ngày!
“Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió,
“Ngùi ngậm tan xuân hoa rụng đầy...”

Nét mực vừa khô, lệ ướt đầm,
Lời xưa thêm gợi mối thương tâm.
Biệt ly còn bận đời danh sĩ;
Hướng chốn buồn the khách chỉ kim.

(Phấn hương rừng)

VÌ ANH THỌ XUÂN

Đề tặng anh Đông Hồ bộ Việt Pháp tự điển

Vì ai, đề tặng sách cho ai;
Rồi lại vì ai, cảm tạ người;
Bởi sợ nhà thơ nghèo đến chữ,
Yêu nhau, đưa tặng mấy muôn lời.

Tiếng nhà, cửa sẵn kho vô tận,
Mặc sức tiêu hoang, mặc sức chơi;
Mua bốn phương trời mây nước đẹp,
Mua nghìn năm cảnh cỏ hoa tươi.

Hãy còn thừa thãi, tiêu chưa hết,
Mua lấy, trần gian, tiếng khóc cười.
Trước hết, đã mua rồi một món:
Thành Phương hương điểm mối tình dài.

(Phấn hương rừng)

NGUYỄN XUÂN HUY

Sinh ngày 15 *juillet* 1915 ở làng Dũng Quyết, huyện Ý Yên (Nam Định). Học ở Nam Định. Hiện dạy học ở Hà Nội.

Đã viết giúp: *Đông Tây, Phụ nữ thời đàm, Nhật tân, Tân thiếu niên, Hanoi báo.*

Hai bài thơ trích dưới đây rút trong tập *Hương xuân* chưa xuất bản.

Cứ mỗi chiều Nguyễn Xuân Huy lại ra ngồi ở một mỏm đá trên bờ sông Vân (Ninh Bình) để sống những giờ thần tiên trong tưởng tượng với một nữ sinh có gặp qua vài lần. Thi nhân còn nhỏ, người tình trong mộng lại nhỏ hơn. Thi nhân sẽ dạy cho người yêu học. Hai người sẽ sống chung với nhau, âu yếm nhau, nhưng cũng đối nhau, đùa nhau và chơi với nhau đủ mọi trò trẻ con.

Tôi tưởng phải theo Nguyễn Xuân Huy⁽¹⁾ thuật lại giấc mộng tình ấy mới có thể hiểu được hai bài thơ trích dưới đây, nhất là bài “Giận nhau” mà báo Phụ nữ thời đàm hồi Ô.Phan Khôi chủ trương đem sánh với bài “Trường can hành” của Lý Bạch. Tôi sẽ không có cái táo bạo của ông Phan, nhưng tôi cũng thấy thơ Nguyễn Xuân Huy hay lắm. Mỗi tình ở đây nó vừa

(1) Văn học tạp chí 1935 ngày 8 Juin.

thanh sạch như tình ruột thịt, vừa nồng say như tình yêu. Tình ấy, một đời người ta chỉ có thể nuôi trong mộng một lần. Khi lòng xuân mới nhóm và người ta còn giữ được cái trong trắng của tuổi ngây thơ. Chúng ta - những ai không còn tuổi ấy - xem thơ Nguyễn Xuân Huy sẽ được hưởng chút gió trong lành thổi về từ thời mười tám.

Octobre 1941

GIẬN NHAU

Hôm nọ em biếng học,
Khiến cho anh bất bình,
Khẽ đánh em cái thước
Vào bàn tay xinh xinh.

Anh nheo em “biếng lười”,
“Rắn mặt” cùng “khó dạy”;
Rồi lệ em chan hòa,
Rồi lòng anh tê tái...

Giận anh, em ủ rũ
Từ hôm đó mà đi:
Anh hỏi, em không đáp,
Anh cười, em ngoảnh đi.

Chơi “Đi trốn đi tìm”,
Em không chơi với nữa;
Khăn đào em đang thêu
Cho anh, em bỏ dở.

Hôm nay em đã cười,
Nũng nịu đến “xin lỗi”.
Được thể anh làm cao:
“Sao em không giận mãi?”

(Hương xuân)

EM ĐƯƠNG THÊU...

Em đương thêu bên cửa,
Mơ mẩn trăm vẻ xinh.
Anh ghé đến ngồi cạnh
Vuốt ghẹo làn tóc xanh.

Giật tay, em sẽ trách:
“Cho Hà thêu đi anh!”
Không nghe anh cứ nghịch.
Em bực, nắm tay anh:

“Vì tội đã trêu Hà
“Kết án tay phải giữ;
“Bao giờ biết hối lỗi
“Hứa chữa đi thì tha”.

- “Không, chả chữa đâu, em,
“Vì em đẹp lắm ấy.
“Muốn em giữ suốt đời
“Để ngồi cạnh em mãi”.

(Hương xuân)

HÀNG PHƯƠNG⁽¹⁾

Vợ Ông. Vũ Ngọc Phan. Con Ông. Lê Dư. Sinh năm 1908 ở làng Nông Sơn (Quảng Nam). Học chữ Hán bảy tám năm. Chữ Tây chỉ học đến lớp nhất.

Đã đăng thơ: *Phụ nữ tân văn*, *Ngày nay*, *Hà Nội tân văn*, *Đàn bà*.

Thơ Hàng Phương cùng một giọng êm dịu, ngọt ngào như thơ Vân Đài. Nhưng ít dấu tích thơ Đường và thành thực hơn. Như đoạn cuối trong bài “Lòng quê” trích theo đây lời thơ thực yếu điệu dễ thương. Hàng Phương mượn lời chim để nói nỗi lòng mình. Nhưng thực ta không còn biết đây là lời người hay lời chim. Bởi môi tình ở đây nhẹ nhàng quá, trong trẻo quá. Người thơ tưởng chừng đã biến thành chim...

Tình quê còn đưa thi hứng cho Hàng Phương nhiều lần nữa. Có khi nó lẫn với lòng thương người mẹ đã khuất:

Ngày nay bên khóm trúc
Em thơ khóc rừng rúc;
Tìm mẹ biết tìm đâu?
Trời xanh xanh một màu...

(1) Hàng Phương là tên, không phải biệt hiệu.

*Có khi nó chỉ là tình lưu luyến cảnh quê hương:
Ai về cố quận cho ta nhớ
Gửi chút lòng thương nhớ núi sông.
Hằng Phương rất mến cảnh. Người âu yếm nhìn
những lúc trăng lên:
Sáng trưng mái ngói nhà ai
Đôi chim ngõ buổi ban mai giạt mình.
những lúc bình minh:
Sương đêm còn đọng trên cành,
Rưng rưng hạt ngọc, long lanh nhìn trời...
và:
Nách tường đôi lúa chim sâu,
Nằm trong tổ ấm, thò đầu nhón nhơ...
Những bức tranh nho nhỏ ấy đơn sơ mà xinh tươi
làm sao! Hồn thi nhân âu cũng thế.*

Décembre 1941

LÒNG QUÊ

Tặng V.N.P.

Xưa kia em ở bên trời,
Ngây thơ chưa rõ cuộc đời là chi,
Mặc cho ngày tháng trôi đi,
Tóc mây nào biết có khi bạc đầu!

Chim non ở chốn rừng sâu,
Quanh mình chỉ thấy một màu xanh xanh.
Bình minh buổi ấy gặp anh,
Rủ em ra chốn đô thành xa khơi.
Yêu anh, em hóa yêu đời,
Theo anh chấp cánh tung trời bay cao.

Anh đưa em đến vườn đào,
Màu tươi, sắc thắm, em nào dám chê.
Nhưng em luống nặng lòng quê,
Nhớ thương cảnh cũ bốn bề núi non.
Nhớ nơi làng xóm con con,
Nhớ hương cây quế chon von trên đồi;
Bạn xưa, nhớ yến tha mỗi,
Cảnh xưa, em đổ trong hồi còn thơ...
Đường xa ngoảnh lại ngẩn ngơ,
Trông theo mây trắng thần thờ mắt xanh...

(Hà Nội tân văn)

NGUYỄN BÌNH

Sinh năm 1919 ở làng Thiện Vinh, huyện Vụ Bản (Nam Định). Không hề học ở nhà trường, chỉ học ở nhà với cha và cậu.

Làm thơ từ năm 13 tuổi. Đã làm gần một nghìn bài. Được giải khuyến khích về thơ của Tự lực văn đoàn năm 1937.

Đã đăng thơ: *Ngày nay*, *Tiểu thuyết thứ năm*, *Nam cường*.

Đã xuất bản: *Lỡ bước sang ngang*, *Tâm hồn tôi* (Lê Cường, Hà Nội, 1940), *Hương cố nhân* (Á châu, Hà Nội, 1941).

Ở mỗi chúng ta đều có một người nhà quê. Cái nghề làm ruộng và cuộc đời bình dị của người làm ruộng cha truyền con nối từ mấy nghìn năm đã ăn sâu vào tâm trí chúng ta. Nhưng - khôn hay dại - chú ý ta ngày một cố lìa xa nề nếp cũ để hòng đi tới chỗ mà ta gọi là văn minh. Dầu sao, những tính tình tư tưởng ta hấp thụ ở học đường cám dỗ ta, những cái phiền phức của cuộc đời mới lôi cuốn ta, nên ở mỗi chúng ta người nhà quê kia vốn khiêm tốn và hiền lành ít có dịp xuất đầu lộ diện. Đến nỗi có lúc ta tưởng chàng đã chết rồi. Ô. Nguyễn Bình thì không thế. Người nhà quê của Nguyễn Bình vẫn ngang nhiên

sống như thường. Tôi muốn nói Nguyễn Bính vẫn còn giữ được bản chất nhà quê nhiều lắm. Và thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta. Ta bỗng thấy vườn cau bụi chuối là hoàn cảnh tự nhiên của ta và những tính tình đơn giản của dân quê là những tính tình căn bản của ta. Giá Nguyễn Bính sinh ra thời trước, tôi chắc người đã làm những câu ca dao mà dân quê vẫn hát quanh năm và những tác phẩm của người, bây giờ đã có vô số những nhà thông thái nghiên cứu. Họ chẳng ngớt lời khen những câu như:

Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

hay

Lòng anh: giếng ngọt trong veo,
Giăng thu trong vắt biển chiều trong xanh.
Lòng em như bụi kính thành,
Đa đoan vô ngựa chung tình bánh xe.

Tiếc thay Nguyễn Bính lại không phải là người thời xưa! Cái đẹp kín đáo của những vần thơ Nguyễn Bính tuy cảm được một số đông công chúng mộc mạc, khó lọt vào con mắt các nhà thông thái ngày nay. Tình cờ có đọc thơ Nguyễn Bính họ sẽ bảo: "Thơ như thế này thì có gì?" Họ có ngờ đâu đã bỏ rơi một điều mà người ta không thể hiểu được bằng lý trí, một điều quý vô ngần: hồn xưa của đất nước.

Kể một phần cũng là lỗi thi nhân. Ai bảo người không nhà quê hẳn? Người đã biết trách người gái quê:

Hoa chanh nở ở vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê.
Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng, gió nội bay đi ít nhiều.

Thế mà chính người cũng đã “đi tỉnh” nhiều lần lắm. Dấu thị thành chẳng những người mang trên quần áo, nó còn in vào tận trong hồn. Khi người than:

Đời có còn gì tươi đẹp nữa,
Buồn thì đến khóc, chết thì chôn.

Khi người tả cảnh xuân:

Đã thấy xuân về với gió đông,
Với trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong.

ta thấy người không còn gì quê mùa nữa.

Thế thì những câu trên này nên bỏ đi ư? Ai nỡ thế. Nhưng vì có những câu ấy mà người ta khó nhận thấy cái hay của những câu khác có tính cách ca dao. Thành ra cái đặc sắc của Nguyễn Bính, chỗ Nguyễn Bính hơn các nhà thơ khác, ít được người ta nhìn thấy. Đó là một điều đáng vì Nguyễn Bính phản nản. Đáng trách chẳng là giữa những bài giống hệt ca dao người bỗng chen vào một đôi lời quá mới. Ta thấy khó chịu như khi vào một ngôi chùa có những ngọn đèn điện trên bàn thờ Phật. Cái lối gập gờ ấy của hai thời đại rất dễ trở nên lố lằng.

Août 1941

TƯƠNG TƯ

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của trời.
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

Hai thôn chung lại một làng,
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?
Ngày qua ngày lại qua ngày,
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.

Bảo rằng cách trở đò giang
Không sang là chẳng đường sang đã đành
Nhưng đây cách một đầu đình,
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...

Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!
Bao giờ bến mới gặp đò?
Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?

Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

(Lỡ bước sang ngang)

HAI LÒNG

Lòng em như quán bán hàng,
Dừng chân cho khách qua đàng mà thôi
Lòng anh như mảng bè trôi,
Chỉ về một bến, chỉ xuôi một chiều.

Lòng anh như biển sóng cồn
Chứa muôn con nước ngàn con sông dài.
Lòng em như chiếc lá khoai,
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu.

Lòng anh như hoa hướng dương,
Trăm nghìn đổ lại một phương mặt trời.
Lòng em như cái con thoi,
Thay bao nhiêu suốt mà thoi vẫn lành.

(Lỡ bước sang ngang)

GIẤC MƠ ANH LÁI ĐÒ

Năm xưa chở chiếc thuyền này,
Cho cô sang bãi tước đay chiều chiều.
Để tôi mơ mãi, mơ nhiều:
“Tước đay xe vông nhuộm điều, ta đi.
Tưng bừng vua mở khoa thi,
Tôi đỗ quan Trạng, vinh quy về làng.

Võng anh đi trước võng nàng...
Cả hai chiếc võng cùng sang một đờ”.

Đồn rằng đám cưới cô to,
Nhà giai thuê chín chiếc đờ đón dâu.
Nhà gái ăn chín nghìn cau,
Tiền cheo tiền cưới chừng dẫu chín nghìn...

Lang thang tôi dạm bán thuyền,
Có người giả chín quan tiền lại thôi!

.....

(Tâm hồn tôi)

QUAN TRẠNG

Quan Trọng đi bốn lạng vàng,
Cờ thêu tám lá qua làng trang nghiêm.
Mọi người hớn hở ra xem,
Chỉ duy có một cô em hơi buồn.
Từ ngày cô chữa thành hôn,
Từ ngày anh khóa hũ còn hàn vi...
Thế rồi vua mở khoa thi,
Thế rồi quan Trọng vinh quy qua làng...

(Tâm hồn tôi)

LẮNG LỞ

Láng giềng đã đổ đèn dâu,
Chờ em ăn đập miếng giàu, em sang.

Đôi ta cùng ở một làng
Cùng đi một ngõ, vội vàng chi anh?

Em nghe họ nói mong manh,
Hình như họ biết chúng mình... với nhau.

Ai làm cả gió, đất cau,
Mấy hôm sương muối cho giàu đồ non?

(Tâm hồn tôi)

XA CÁCH

Nhà em cách bốn quả đồi,
Cách ba ngọn suối, cách đôi cánh rừng;
Nhà em xa cách quá chừng,
Em van anh đấy, anh đừng thương em!⁽¹⁾

(Tâm hồn tôi)

(1) Thi sĩ mới sửa lại. Trong quyển *Tâm hồn tôi*: Em van anh đấy, anh đừng yêu em.

NGƯỜI HÀNG XÓM

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái dậu mừng tôi xanh rờn.
Hai người sống giữa cô đơn,
Nàng như cũng có mối buồn giống tôi.
Giá đừng có dậu mừng tôi,
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng.

Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng...
Có con bướm trắng thường sang bên này.
Bướm ơi! Bướm hãy vào đây!
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi...
Chả bao giờ thấy nàng cười,
Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên,
Mắt nàng đắm đắm trông lên...
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi!

Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi,
Tôi buồn tự hỏi: "Hay tôi yêu nàng?"
- Không, từ ân ái nhớ nhàng,
Tình tôi than lạnh gió tàn làm sao!

Tơ hong nàng chả cất vào,
Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang.
Mấy hôm nay chẳng thấy nàng,
Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong.

Cái gì như thể nhớ mong?
Nhớ nàng? Không! Quyết là không nhớ nàng!
Vàng, từ ân ái nhớ nhàng,
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa.

Tâm tâm giới cú đổ mưa,
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm.
Cô đơn buồn lại thêm buồn...
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?

Hôm nay mưa đã tạnh rồi!
Tơ không hong nữa, bướm lười không sang.
Bên hiên vẫn vắng bóng nàng,
Rưng rưng... tôi gục xuống bàn rưng rưng...

Nhớ con bướm trắng lạ lùng!
Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng.
Hỡi ơi! Bướm trắng tơ vàng!
Mau về mà chịu tang nàng đi thôi!
Đêm qua nàng đã chết rồi.
Nghẹn ngào tôi khóc... Quả tôi yêu nàng.

Hồn trình còn ở trần gian?
Nhập vào bướm trắng mà sang bên này!

(Tâm hồn tôi)

XUÂN VỀ

Đã thấy xuân về với gió đông,
Vội trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời, đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh, trời quang, nắng mới hoe.
Lá nõn, ngành non ai trắng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...

Thong thả nhân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung,
Đây vườn hoa buổi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trắng hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.

(Tâm hồn tôi)

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Sinh ngày 5 *mai* 1916 ở Nam Định. Có bằng tú tài tây. Đã học trường Luật, nhưng lại bỏ để làm phó thanh tra sở Hỏa xa miền Bắc hơn một năm. Dạy tư một độ, hiện theo học ban cử nhân toán học.

Đã xuất bản: *Thơ say* (1940)

Ý giả Vũ Hoàng Chương định nối cái nghiệp những thi hào xưa của Đông Á: Cái nghiệp say. Người say đủ thứ: say rượu, say đàn, say ca, say tình đông đưa. Người lại còn "hơn" cổ nhân những thứ say mới nhập cảng: say thuốc phiện, say nháy đầm. Bấy nhiêu say sửa đều nuôi bằng một say sửa to hơn mọi say sửa khác: say thơ. Vũ Hoàng Chương có cái dụng ý muốn say để làm thơ. Cái dụng ý ấy không khỏi có hại. Nhưng một lần kia, bước chân vào tiệm nháy, người bỏ quên dụng ý làm thơ ngoài cửa, và lần ấy người đã làm một bài thơ tuyệt hay.

Tôi yêu những vần thơ chênh choáng, lão đảo mà nhịp nhàng theo điệu kèn khiêu vũ:

.....
Âm ba gòn gợn nhỏ,
Ánh sáng phai phai dần...

Bốn tường gương diên đảo bóng giai nhân.
Lui đôi vai, tiến đôi chân,

Riết đôi tay, ngã đôi thân,
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió...

.....
Quả là những vần thơ say.

Cái dụng ý làm thơ Vũ Hoàng Chương cũng còn bỏ quên ít lần nữa.

Kể, cái say sưa của Vũ Hoàng Chương là một thứ say sưa có chừng mực, say sưa mà chưa hẳn là truy lạc, mặc dầu từ say sưa đến truy lạc đường chẳng dài chi. Nhưng truy lạc hay say sưa đều mang theo một niềm ngao ngán. Niềm ngao ngán ấy ta vốn đã gặp trong thơ xưa. Duy ở đây nó có cái vị chua chát, hẳn học và bi đát riêng.

Mỗi lần nói đến hôn nhân, Vũ Hoàng Chương có giọng khinh bỉ vô cùng. Người thấy hôn nhân ch' là sự chung chạ của hai xác thịt, một sự bản thủ đã làm dơ dáy bao mộng đẹp của tuổi hoa niên:

Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mải,
Chút thơ ngây còn lại cũng vừa chôn.
Khi tỉnh dậy, bần như nơi Hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn.

Khốn nỗi! Thoát ly được hôn nhân cùng mọi trói buộc khác, nào người có tìm được hạnh phúc, người chỉ thấy bơ vơ:

Mênh mông đâu đó ngoài vô tận
Một cánh thuyền say lạc hướng đêm.

Con thuyền say kia chính là linh hồn và cuộc đời của thi nhân. Rút lại, hy vọng cao nhất của người là quên. Quên hết thấy trong những thú lợm giọng của khách làng chơi:

Hãy buông lại gần đây làn tóc rối,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi diên,
Rồi em sẽ dịu anh trên cánh khối,
Đưa hồn say về tận cuối trời Quên.

Septembre 1941

SAY ĐI EM

Khúc nhạc hồng êm ái,
Điệu kèn biếc quay cuồng,
Một trời phấn hương
Đôi người gió sương,
Đầu xanh lên đạn, cùng xót thương,
càng nhớ thương,
Hoa xưa tươi, trắng xưa ngọt, ~~hoa~~ xưa kẻ,
tình nay sao héo!
Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẻo,
Lòng trót nghiêng mà bước vẫn du dương.
Lòng nghiêng tràn hết yêu đương
Bước chân còn nhịp Nghê thường lắng lơ.
Ánh đèn tha thướt
Lưng mềm, nảo nuốt dáng thơ
Hàng chân lả lướt
Đê mê, hồn gửi cánh tay hồ.
Âm ba gờn gợn nhỏ,
Ánh sáng phai phai dần...
Bốn tường gương diên đảo bóng giai nhân.

Lui đôi vai, tiến đôi chân,
Riết đôi tay, ngả đôi thân,
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió,
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ,
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta!
Cổ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa,
Tay mềm mại, bước còn chưa chuẩn choáng.
Chưa cuối xứ Mê ly, chưa cùng trời Phóng đăng,
Còn chưa say, hồn khát vẫn thêm men.
Say đi em! Say đi em!
Say cho lơ lửng ánh đèn,
Cho cung bậc ngả nghiêng, diên rồ xác thịt.
Rượu, rượu nữa và quên, quên hết!
Ta quá say rồi,
Sắc ngã màu trôi...
Gian phòng không đứng vững,
Có ai ghi hư ảnh sát kề môi?
Chân rã rời
Quay cuồng chỉ được nữa
Gối mỗi gần rơi!
Trong men cháy, giác quan vừa bén lửa,
Say không còn biết chi đời.
Nhưng em ơi,
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ.
Đất trời nghiêng ngửa,
Thành Sầu không sụp đổ, em ơi!

(*Thơ say*)

NGHE HÁT

Phách ngọt, đàn say, nệm khói êm.
Tiếng ca buồn nổi giữa chùng đêm.
“Canh khuya đưa khách...”. Lời reo ngọc.
Mơ gái Tầm Dương thoáng áo xiêm.
Ai lạ nghìn thu, xa tám cõi,
Sen vàng như động phía châu liêm.
Nao nao khói biếc hải thương nữ;
Trở gối, hoa lê rụng trắng thêm.

(Thơ say)

QUÊN

Đã hẹn với em rồi; không tưởng tiếc
Quãng đời xưa, không than khóc gì đâu!
Lấy buồng lại gần đây làn tóc biếc,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi nâu.

Đêm nay lạnh, tìm em trên gác tối,
Trong tay em dâng cả tháng năm thừa,
Có lẽ đâu tâm linh còn trọn lối
Để đi về Cay Đẳng những thu xưa.

Trên nẻo ấy, tôi bởi, - em đã biết -
Những tình phai duyên úa, mộng tan tàn.
Trên nẻo ấy, sẽ từ muôn đáy huyết,
Ái ân xưa vùng dậy nức chân anh.

Không, em ạ, không còn can đảm nữa,
Không! Nguồn yêu, suối lệ cũng khô rồi,
Em hãy đốt giùm anh trong mắt lửa
Chút ưu tư còn sót ở đôi môi...

Hãy buông lại gần đây làn tóc rối,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi diên,
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói,
Đưa hồn say về tận cuối trời Quên.

(Thơ say)

PHƯƠNG XA

Nhỏ neo rồi, thuyền ơi! Xin mặc sóng,
Xô về đông hay dạt tới phương đoàn,
Xa mặt đất, giữa vô cùng cao rộng,
Lòng cô đơn, cay đắng, họa dần với.

Lũ chúng ta, lạc loài, dăm bảy đứa,
Bị quê hương ruộng bỏ, giống nòi khinh,
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa,
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy lên đênh.

Lũ chúng ta, đầu thai lắm thế kỷ,
Một đôi người u uất nổi trơ vơ,
Đời kêu bạc không dung hồn giản dị,
Thuyền ơi thuyền! Xin ghé bến hoang sơ.

Men đã ngấm, bọn ta chờ nắng tắt,
Treo buồn cao cùng cao tiếng hò' khoan,
Gió đã nổi, nhịp giăng chiều hiu hắt,
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy cho ngoan.

(Thơ say)

MỘNG HUYỀN⁽¹⁾

Sinh ở Huế năm 1919. Hiện học tú tài ở Hà Nội. Đã đăng thơ: *Tràng An, Sông Hương*.

Bài thơ trích sau đây rút trong tập *Rung động* chưa xuất bản.

Thơ Mơng Huyền có đôi ba bài đã đến với tôi như một hơi gió hiền hòa. Tôi nghĩ đến hơi gió ngàn năm vẫn đìu hiu trên sông Hương.

Trong lời thơ hiu hắt một linh hồn yếu điệu và buồn buồn, hay thương người mà cũng rất dễ thương. Nó không tràn ngập, không lấn áp hồn ta. Nó chỉ nhẹ nhàng, chỉ âm thầm và e lệ. Ta đừng nói to, đừng bước nặng, hãy lắng hồn ta lại để đón lấy hồn người.

Ngày nọ, thi nhân về thăm nhà một cô thôn nữ sớm từ trần. Người lẳng lẳng đi qua, bước rất nhẹ nhàng vì:

Sợ làm kinh động sâu xưa cũ

Ấn nấp mình trong bụi cỏ vàng.

Ta hãy noi theo gương ấy và chớ làm kinh động chút hồn thơ đang nương mình trong bụi cỏ lời thơ.

Juillet 1941

(1) Thi sĩ yêu cầu chúng tôi đừng để tên thật của người.

VƯỜN HOANG

Hôm nay trở lại vườn xưa,
Nén tim rộn rã ngăn ngừa nhớ thương.
Cỏ lan mặt đất bên đường.
Cành cây nghiêng gửi mùi hương bay rồi.
Hình em còn ở hồn tôi,
Sầu em lẫn quất bồi hồi đầu dây...
Rào xiêu, hoa héo, cây gầy,
Em từ trần vội một ngày năm xưa.
Vườn hoang, nhà vắng, cây thưa,
Lòng tôi sâu tủi đã vừa mấy xuân!
Ngày kia tôi sẽ từ trần,
Vườn hoang liêu lại mấy lần hoang liêu...

(Rung động)

NGUYỄN ĐÌNH THƯ

Sinh ngày 1er février 1917 ở làng Phước Yên, huyện Quảng Điền (Thừa Thiên). Nhà rất nghèo, nhờ bà ngoại nuôi đến lớn, nên đặt tên là Thư, lấy ý rằng đời xưa Ô. Ngụy Thư khôn lớn cũng nhờ bên ngoại.

Học trường Quieignec, trường Quốc học Huế. Có bằng thành chung. Hiện làm thư ký Kho bạc Huế.

Những bài thơ trích sau đây rút trong tập *Hương màu* chưa xuất bản.

Khách yêu thơ gặp được một bài thơ hay là một cái thú. Nếu bài thơ lại chưa hề in lên mặt giấy cho hàng vạn người xem thì cái thú lại gấp hai. Thơ in ra rồi hình như có mất đi một tí gì, có lẽ là một tí hương trình tiết.

Tôi đã được nếm cái thú thanh khiết ấy trong khi xem thơ Nguyễn Đình Thư.

Đây không phải là một nguồn thơ tân kỳ. Xem xong ta có thể nghĩ đến thơ người này, người khác. Mặc dầu, lần thứ nhất tôi đọc những vần thơ ấy, nó cứ lưu luyến hoài trong tâm trí như tiếng nói một người bạn tuy mới quen mà vẫn thân yêu từ bao giờ.

Thơ Nguyễn Đình Thư không nói chuyện gì lạ: một chút tình thoáng qua, một đêm trăng lạnh, vài con bướm vẽ vành, một buổi chia ly, nỗi lòng người bị

tình phụ, đi lại chỉ những buồn thương, những vui sướng rất quen. Nhưng buồn ở đây là một mối buồn âm thầm, lặng lẽ, thấm thía vô cùng, cái buồn không nước mắt, cái buồn của điệu Nam Bình trên sông Hương. Lòng thi nhân như một nguồn sâu vô hạn rưới khắp cảnh vật, bao phủ cả vùng trăng khuya:

Không biết hôm nay trăng nhớ ai

Mà buồn đưa lạnh suốt đêm dài?

Trông chừng quanh quẽ mênh mông quá

Như trái u hoài muôn dặm khơi.

Buồn cho đến những khi đáng vui, những khi yêu và được yêu cũng buồn. Bài thơ thành ra lời của thi nhân thì thâm một mình; người xem hình như cũng cần phải ngâm rất nhỏ. Đọc to lên nghe sỗ sàng thế nào như nghe những bài ca Huế phổ vào cái âm nhạc âm ỹ của đôi bàn máy hát.

Nhưng thi nhân dễ buồn thì cũng dễ vui. Một chút nắng mới báo tin xuân cũng đủ khiến người vui. Cái vui của Nguyễn Đình Thự có vẻ kín đáo, nhưng không miễn cưỡng, không gượng gạo. Người vui hồn nhiên, cái vui của cây cỏ.

Về điệu thơ thì có đến bốn năm lối. Riêng trong lối lục bát thỉnh thoảng ta lại gặp những câu phảng phất giọng Kiều hay giọng ca dao lẫn với một tí phong vị mới. Chẳng hạn như những câu:

Một thương là sự đã liều

Thì theo cho đến xế chiều chứ sao!

Sa buồn mây nổi đôi thông,

Khói cao nghi ngút đôi vùng giang tân.

Có khi lại xen vào một hai tiếng riêng của đàng

trong nghe cũng hay:

Cách vời trước biết bèo mây

Chung đôi xưa “nở” sum vầy làm chi.

Nhất là chữ “thương”, một chữ đầu miệng của người Huế, thi nhân dùng đến luôn và dùng khi nào cũng có duyên (trên kia ta đã thấy một lần):

Mấy bữa trông trời bớt nhớ thương,

Chim say nắng mới hót inh vườn.

Gió xao trắng động hương cành,

Trông ra mấy dặm liễu thành thương thương.

Mở lòng đón phong trào thơ mới, điều ấy đã đành nhưng cũng chớ quên tìm đến nguồn thơ thiên nhiên của nòi giống. Nguyễn Đình Thu đã có ý ấy. Ít nhiều hồn xưa đã ngưng lại trong thơ Nguyễn Đình Thu.

Janvier 1941

ĐẾN CHIỀU

Tôi yêu là bởi tôi yêu

Cầm tay cô hỏi hỏi nhiều làm chi?

Khi yêu không đắn đo gì

Phân phó chừ biết nói vì có sao.

Hướng hồ yêu tự khi nào,

Hôm qua lòng thấy ngọt ngào mới hay.

Gạn gùng mong cạn phơi bày,
Họa chẳng có một điều này đơn sơ:

Thuyền tình đã gặp người đưa,
Giống khơi không lẽ đôi giờ rồi thôi.

Tin nhau ai nói bằng lời,
Và mai ai biết xa vời bao nhiêu?

- Một thương là sự đã liêu
Thì theo cho đến xế chiều chứ sao!

(Hương màu)

SANG NGANG

Lòng tôi như chiếc thuyền nan,
Tình cô như khách sang ngang một chiều.

Thu nào quá đỗi cô liêu.
Bờ hun hút lạnh nắng hiu hiu buồn...

Qua rồi thôn cách bến sương,
Phất phơ áo nhạt mất đường lau không.

Vô tình đâu biết trên sông
Có người ngang lái còn trông dõi mình.

(Hương màu)

TỔNG BIỆT

Mênh mông muôn lớp sóng dồn
Về lau trắng gió bãi cồn khói sương.

Nước non đây chỗ chia đường
Tương tư mở lối đoạn trường cũng đây.

Cách vời trước biết bèo mây
Chung đôi xưa nở sum vầy làm chi,
Để giờ lủi thủi người đi
Mai chiều quạnh quẽ tà huy tôi buồn,

Vỗ vàng đứng bến giang thôn
Thuyền người nằng bể mây nguồn biết đâu!

- Cầm tay chừ hẹn chi nhau
Sầu chia nước chảy bên nào xa hơn?

(Hương màu)

VƯƠNG TÌNH

Xinh đẹp ngây thơ nhiều thiếu nữ
Lông nghe sao lạ mặt quen thân,
Tuồng như độ trước - khi nào ấy -
Có gặp nhau đâu đã một lần.

Có lẽ khi là khách viễn phương
Nhân cơ rẽ một ngã ba đường,

Hay chừng dậm gió xang mưa chường
Cùng lánh hiên người đôi phút hương;

Hay buổi trưa nào trở bến sang
Tình cờ chung mạn chuyển dò ngang,
Tới nơi người dỗi vùng mây trắng
Kẻ trái lăm xăm hướng bụi vàng...
Rồi đó không hề tưởng nhớ nhau,
Phương trời ai có biết ai đâu!
Đời cầm như nước đôi dòng lạ,
Mây khói mệnh mang sầu lạc sầu...

Nay gặp không ngờ chẳng ước mong,
Môi e đáng nỡ gọi tao phùng,
Không vốn vã lắm, nhưng may để
Gây chút tươi êm bớt ngượng ngùng;

Lặng lẽ nhìn nhau chẳng thoáng tình
Người ơi tôi thấy quá buồn tanh;
Và đây chia cách không đưa tiễn
Mất với trông theo nghĩ chẳng đành.

(Hương màu)

THIỆT THÀ

Phụ phàng chi lắm thế anh ơi,
Em gửi thư sao chẳng trả lời?

- Dẫu chẳng ra chi duyên phận ấy,
Cực lòng em chịu dám hờn ai.

Nhớ bữa ra đi anh dặn dò,
Những là chờ đợi chốn buồn lo;
- Đừng đau em nhá! Thư luôn nhá!
Không có phương trời anh héo khô.

Nghe nói, chao ôi! Xiết thảm sâu,
Trăm nghìn những muốn chết theo nhau;
Lệ không cầm nữa, tơ duyên tưởng
Vấn vít đôi ta đến bạc đầu.

Cui cút ra vào em với em,
Lời kia căn dặn dám sai quên;
Ai dè anh bỏ em đành đoạn,
Ôi lá hoa cùng trắng gió quen!

Em có hay đâu cơ sự này,
Nửa chừng nửa đổi chịu chua cay;
Tình anh như nắng thu đông ấy
Lưu luyến nhân gian chẳng mấy ngày...

Chắc hẳn anh chừ đã lửng nhau,
Vui bề gia thất ấm êm sao!
Tình cờ nếu gặp em đâu đó
Không biết lòng anh nghĩ thế nào?

(Hương màu)

T.T.KH.

Hồi septembre 1937, *Tiểu thuyết thứ bảy* đăng một truyện ngắn của Ô. Thanh Châu: "Hoa ti gôn". Ít ngày sau tại tòa báo nhận được một bài thơ nhan đề "Bài thơ thứ nhất", rồi lại nhận được một bài nữa: "Hai sắc hoa ti gôn". Hai bài đều ký tên T. T. Kh. Và đều một nét chữ run run. Từ đấy tòa soạn *Tiểu thuyết thứ bảy* không nhận được bài nào nữa và cũng không biết T. T. Kh. Ở đâu.

Nhưng sau khi hai bài thơ kia đăng rồi, xóm nhà văn bỗng xôn xao. Có đến mấy người nhất quyết T. T. Kh. chính là người yêu của mình. Và người ta đã phê bình rất náo nhiệt. Có kẻ không ngần ngại cho hai bài ấy là những áng thơ kiệt tác.

Nói thế đã đành là quá lời, nhưng trong hai bài ấy cũng có những câu thơ xứng với vẻ lâm ly của câu chuyện. Cô bé T. T. Kh. yêu. Người yêu của cô có nét mặt râu râu và có lẽ đã đọc nhiều văn Từ Trầm Á. Cô bé kể: những buổi chiều thu, đứng dưới giàn hoa ti gôn,

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,

Thở dài trong lúc thấy tôi vui;

Bảo rằng: "Hoa giống như tim vỡ,

Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi".

Cô bé ngây thơ không tin. Ai ngờ lời nói văn hoa kia bỗng thành sự thực. Chàng đi...

Ở lại vườn Thanh có một mình,

Tôi yêu gió lạnh lúc tàn canh,
Yêu trăng lạnh lẻo rơi trên áo,
Yêu bóng chim xa, nắng lướt màn.
Và một ngày kia tôi phải yêu
Cả chồng tôi nữa, lúc đi theo
Những cô áo đỏ sang nhà khác!
- Gió hồi, làm sao lạnh rất nhiều?

Ngày ấy là ngày buồn nhất trong đời nàng:

Người xa xăm quá - Tôi buồn lắm

Trong một ngày vui pháo nhuộm đường.

*Từ đó mùa thu qua, rồi mùa thu qua, nàng vẫn
luôn luôn tưởng nhớ, nhưng tin buồn chàng nào có
hay; cho nên nàng tự hỏi:*

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,

Trời ơi! Người ấy có buồn không?

*Một nỗi đau đớn trần trụi, không ẩn sau liễu
Chương Đài như nỗi đau đớn của nàng Kiều ngày
trước⁽¹⁾.*

*Cho đến hôm nay, xem truyện, tình cờ lại thấy cánh
hoa xưa. Nàng không sao cầm lòng được:*

Cho tôi ép nốt dòng dư lệ

Nhỏ xuống thành thơ, khóc chút duyên!

*Bốn năm đã qua từ ngày tờ báo vô tình hé mở cho
ra một cõi lòng. Ai biết "con người vườn Thanh" bây
giờ ra thế nào? Liệu rồi đây người có thể lảng lảng
ôm nỗi buồn riêng cho đến khi về chín xuôi?*

Novembre 1941

(1) Khi về hỏi liễu Chương Đài

Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!

TRẦN HUYỀN TRÂN⁽¹⁾

Sinh ngày 13 *septembre* 1913 ở Hà Nội. Tự học ở Hà Nội.

Hiện viết giúp: *Tiểu thuyết thứ bảy, Truyền bá, Phổ thông bán nguyệt san.*

Viết đến đây tôi đã định khép cửa lại, dầu có thiên tài đến gõ cũng không mở. Thế mà lại phải mở cửa để đón một nhà thơ nữa: Trần Huyền Trân. Trần Huyền Trân, con người có tên lạ ấy không phải là một thiên tài. Nhưng tôi ưa những vần thơ hiền lành và ít nói yêu đương.

Cũng có lần thi nhân tả tình tương tư:

Xa nhau gió ít lạnh nhiều,

Lửa khuya tàn chậm, mưa chiều đổ nhanh.

Nhưng thường thì Huyền Trân tìm thi hứng, hoặc trong những cảnh đời buồn bã như cảnh đời cùng của thi sĩ Tản Đà:

Có đàn con trẻ nheo nheo,

Có dăm món nợ eo sèo bên tai.

Chừng lâu rượu chẳng về chai,

Nhện dăng giá bút một vài đường tơ.

(1) Thi sĩ xin giấu tên thật.

Nghiên son lớp lớp bụi mờ,
Một ôn tờ lại từng tờ cổ thi.
hoặc trong cảnh đồng quê:
Mặt trời say rượu tẩm ven đông
Nước then băng khuâng ửng má hồng.
Bầy sẻ đâu về cười khúc khích
Rủ nhau lúa chín trộm vài bông.
*Đồng quê của Huyền Trân đã mất hết vẻ quê mùa.
Nó làm duyên làm dáng như một cô gái thành thị.
Huyền Trân ưa nhất là nói tình mẹ con.
Người gọi cái hình ảnh Phạm Ngũ Lão sau khi
đẹp giấc Nguyên. Đêm ấy tiệc khao quân vừa tan. Ai
ấy đều yên ngủ. Cho đến chiến mã cũng:*
Đuôi mừng phúi sạch bụi binh đao.
*Giữa lúc ấy Phạm Ngũ Lão một mình ngồi trong
trướng, lòng băn khoăn nhớ mẹ:*
Bình thư ngừng giở, bào quên cỏi,
Đến nhớ mong ai bắc lụi tàn.
Thế rồi tướng quân quất ngựa tìm về chốn
Nằm ôm gốc gạo lều dăm mái
Cánh liếp che sương hé đợi chờ.
*Than ôi! Tướng quân về tới nơi thì mẹ già không
còn nữa.*
*Thơ Huyền Trân không xuất sắc lắm. Nhưng sau
khi đọc hoài những câu rất anh anh em em tôi đã
tìm thấy ở đây cái thú của người đi đời gió.*

Novembre 1941.

NHỎ TO...

Hỡi người bạn sẽ theo tôi đến đây! Bạn hãy cho tôi được nói vài lời... tâm sự. Có lẽ tôi đã kể lể với bạn nhiều lắm, nhưng bao giờ giữa chúng ta cũng có một người thứ ba. Bây giờ thì khác, bây giờ chỉ còn bạn với tôi.

Khi tôi bắt đầu viết quyển sách này, đây đó người ta bảo tôi: “Cây leo thà leo đa chứ leo gì những loài thảo mộc nhỏ”. Nhưng dầu tôi có tự rể rúng đến đâu cũng không bao giờ nuôi cái mộng làm một cây leo, nghĩa là cái mộng “hôi” một chút danh thừa. Tôi biết quyển sách này ra đời sẽ chỉ đưa về cho tôi một mớ ác cảm. Hàng trăm người sẽ bảo tôi mù vì không trích thơ họ. Những người, thơ trích ít, sẽ nghĩ đáng lẽ phải trích thơ họ nhiều hơn. Những người, thơ trích nhiều, sẽ khó chịu vì thấy tên mình bên cạnh những tên họ khinh rẻ. Và bạn nữa, hỡi người bạn không quen biết! Tôi biết bạn cũng sẽ trách tôi sao lại trích nhiều bài thơ bạn thấy dở và bỏ sót nhiều bài bạn cho hay.

Nhưng Chế Lan Viên hoàn toàn bất mãn về tập “Điều tàn” mà cho hai câu vịnh đá vọng phu của Quách Tấn:

Lụy nhớ mưa ngàn tuôn nước nước;

Tóc thề mây núi bạc phơ phơ.

là “những câu đẹp nhất trong những câu đẹp nhất

mà văn chương Việt Nam có thể có". Hứa Cầm rất thích bài "Thân thể" (trong "Lửa Thiêng") mà bao người cho là dở. Một nhà nho nghe đọc hai câu:

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;

Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.

(Lời kỹ nữ)

chê Xuân Diệu "học lực" kém và nói quyết nếu Xuân Diệu chuyên học thơ mười năm sẽ chẳng viết những câu như thế.

Biết làm sao chiều được tất cả mọi người? Ấu là tôi chỉ chiều tôi vậy.

*

Song cũng có nhà thơ có tài mà vì lẽ này hay lẽ khác song tôi không thể nói đến. Cũng như có bài thơ hay không thể trích được.

*

Bạn hỏi tôi: "Thi sĩ đâu mà lắm thế? Mới mười năm mà trên bốn chục người! Thời đại này dầu phong phú cũng không lẽ thế". Nhưng bạn hãy nghĩ: Báo "Đông Pháp" vừa mở một cuộc thi thơ, tất cả có 1.500 người dự, đó chỉ là thơ cũ, một thứ thơ còn ngoi ngóp. 1.500 thi sĩ cùng ra đời một lần! Trong nước ta có bao nhiêu người biết đọc biết viết là chừng ấy thi sĩ. Có lẽ số thi sĩ lại nhiều hơn cũng nên. Chán chỉ người không biết đọc biết viết cũng làm thơ. Mà thơ họ vị tất đã thua thơ người có học.

Vậy nước ta có bao nhiêu thi sĩ? 40.000 hay 400.000?

4.000 người có thơ đăng báo in sách, chừng 40 người có thơ trích trong quyển này, và may mắn ra có 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế!

Nhưng tôi là người thời bấy giờ. Dầu vui dầu buồn, tôi muốn sống cái đời bấy giờ đã. Có những bài thơ tôi say mê mà người sau sẽ thấy không có gì. Thì mặc họ chứ. Nói gì người sau. Chính tôi ngày mai đây biết có còn rung động vì tất cả những bài thơ hôm nay tôi trích? Nghĩ thế nên hôm nay tôi hết sức rộng rãi với tôi. Bài thiết hay trích đã đành, bài hay vừa tôi cũng trích. Lại có khi trong một bài chỉ được bốn năm câu; nếu những câu ấy không dẫn vào trong bài tôi viết tôi cũng đành trích trọn bài thơ. Tôi sợ thiếu không sợ thừa. Tôi muốn ghi hết những vui buồn của thời đại. Tôi chỉ dè dặt với những nhà thơ ai cũng biết. Xuân Diệu có 15 bài trích, nhưng ngoài 15 bài ấy vẫn còn nhiều bài hay. Các nhà thơ có tiếng đại khái đều thế. Ngoài ra với các nhà thơ ít người biết, hễ bài nào trích được là tôi trích.

*

Nếu xem thơ, bạn thấy mệt, ấy là lỗi tự bạn. Quyển sách này không phải sách xem hết một lần. Vả bạn cũng nên nghĩ rằng, tuy còn bỏ sót nhiều, ít ra tôi cũng đã xem năm mươi quyển thơ như quyển này. Lắm khi xem một trăm bài thơ, chỉ có một bài trích được. Tôi đã đọc tất cả một vạn bài thơ và trong số ấy có non một vạn bài dở. Nếu làm xong quyển sách này, mà không chê chán vì thơ là điều tôi rất mong mỏi.

Vậy nếu trong quyển này ít khi tôi nói đến cái dở,

bạn hãy tin rằng không phải vì tôi không thấy cái dở. Nhưng tôi nghĩ rằng đã dở thì không tiêu biểu gì hết. Đặc sắc mỗi nhà thơ chỉ ở trong những bài hay. Mỗi bài thơ hay là một cánh cửa mở cho tôi đi vào một tâm hồn. Những tâm hồn không lối vào, những tâm hồn bưng bít, thì tôi còn biết gì mà nói. Chủ nhân không mở cửa, tôi đành chịu đứng ngoài. Cho nên gặp thơ hay, tôi triển miên trong đó. Tôi ngâm đi ngâm lại hoài, cố lấy hồn tôi để hiểu hồn người. thỉnh thoảng có nói đến cái dở là cũng cốt cho nổi cái hay mà thôi. Chứ dở thì giữa đời thiếu gì mà phải đi tìm trong thơ! Nói chắc bạn không tin, nhưng thực tình tôi chẳng muốn chê ai mà cũng chẳng muốn khen ai. Tôi chỉ muốn hiểu cho đúng - không phải cho đủ - hình sắc các hồn thơ.

Và như thế tôi đã phải cố gắng nhiều lắm. Vì trong các nhà thơ cũng nhiều người tôi gặp giữa đời. Có người thơ tuyệt đẹp mà đối với tôi lại toàn những cử chỉ rất mực xấu xa. Họ phụ phàng, họ nhỏ nhen... Nhưng thôi, tôi nói ra làm gì. Những cử chỉ xấu kia là bề ngoài; phần sâu sắc nhất trong tâm hồn họ đã ghi lại nơi những vần thơ đẹp. Tôi tin như thế. Đừng ai làm tôi hết lòng tin.

Trái lại, có những nhà thơ tử tế với tôi vô cùng mà thơ của họ tôi lại chỉ thích... có hạn.

Nếu bảo rằng tôi không ái ngại người này, không khinh ghét người kia, thì e không thực. Nhưng ái ngại hay khinh ghét, khi xem thơ tôi chỉ biết có thơ. Tôi không hề nghĩ đến danh vọng của người hay của tôi. Danh vọng quý thật, nhưng còn có điều quý hơn danh vọng, quý hơn hết thảy: lòng ngay thẳng, mà

ít nhất cũng phải giữ trọn trong văn chương.

Bạn chớ tìm tất cả những điều tôi nói trong những bài thơ tôi thích. Những điều ấy đôi khi chỉ có trong những bài không trích. Muốn hiểu rõ tôi nói có đúng hay không bạn phải xem trọn thơ từng người một. Và phải xem kỹ. Hầu hết những bài thơ hay, có đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấy hay.

★

Có lẽ bạn đương chờ tôi phân ngôi thứ trong làng thơ xem ai nhất, ai nhì. .. Bạn sẽ thất vọng. Tôi chỉ ghi cảm tưởng xem thơ nên bài viết dài ngắn không chừng. Bạn cũng đừng so sánh thơ trích nhiều trích ít. Ai lại lấy số trang, số dòng mà định giá một nhà thơ?

Có lẽ bạn đương chờ những bài nghiên cứu vô tư và khách quan. Bạn cũng sẽ thất vọng. Vô tư thì tôi đã vô tư hết sức, nhưng khách quan, không. Tôi vẫn có thể vờ bộ khách quan và mặc cho những ý riêng của tôi cái lối y phục của mọi người. Nhưng việc gì phải khổ thế? Chạy đi đâu cũng không thoát cái tôi thì tôi cứ là tôi vậy. Hay dở tính trời. .

★

Có một lần viết về lịch sử phong trào thơ mới, tôi đã định bặt miệng - y như những nhà học giả tập sự. Nhưng chỉ được vài trang, vui buồn lại cứ theo ngôi bút hiện lên trang giấy. Tôi dừng dừng sao được? Tôi đã sống trong lòng thời đại. Kể lịch sử thời đại

làm sao có thể không nhớ lại những năm vừa qua trong đời tôi. Cũng như nói về các nhà thơ tôi thích làm sao lời nói của tôi không đượm chút băng khuâng lúc xem thơ.

Bạn sẽ lấy làm lạ sao tôi lại có thể thích những lối thơ trái hẳn nhau: Nguyễn Nhược Pháp với Chế Lan Viên, Thái Can với Xuân Diệu? Chính tôi cũng lấy làm lạ. Nhưng sự thực là thế: Sự thực khi xem Nguyễn Nhược Pháp tôi không còn nhớ Chế Lan Viên; và khi xem Thái Can tôi đã quên hẳn Xuân Diệu. Giá thử tôi chỉ thích một lối thơ thì “phải lẽ” hơn. Nhưng muốn cho “phải lẽ”, tôi phải giết một nửa lòng tôi. Tôi không nỡ.

Những thơ ra đời trong mười năm nay đã nhiều lại nhiều khuynh hướng. Tôi cố đưa một tí trật tự vào chỗ vốn chẳng có trật tự gì. Tôi chia làm ba dòng: dòng Pháp, dòng Đường và dòng Việt. Ấy cũng là liều. Tôi đã phân vân nhiều lắm trước khi làm liều như vậy. Bởi người ta có thể tìm thấy trong làng thơ những xóm như:

Xóm sông Thương: Bàng Bá Lân, Anh Thơ.

Xóm Tự Lực: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận.

Xóm Phương Đông: Lưu Trọng Lư, Thái Can...

Xóm Huế: Phan Văn Dật, Nam Trân, Nguyễn Đình Thi...

Xóm Bình Định: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên...

Xóm Hà Tiên: Đông Hồ, Mộng Tuyết...v.v ...

Nhưng trong các xóm dân ngụ cư nhiều quá không có gì thuần nhất. Và đã chia xóm, rồi lại phải đặt “trùm xóm”, cũng lôi thôi.

*

Tôi chợt thấy từ trước đến nay tôi không gọi các thi sĩ bằng ông. Tôi biết nói thế nào cho trôi sự xác xược ấy. Chỉ có một điều rõ là nếu tôi gọi Thế Lữ chẳng hạn, bằng ông, tôi sẽ bớt yêu “Mấy vần thơ” nhiều lắm. Như có ai lấy làm khó chịu vì cách xưng hô ấy, tôi đành xin lỗi vậy. Luôn thể tôi cũng xin lỗi vì đã tự tiện bỏ hầu hết những lời đề tặng trên các bài thơ. Trong một quyển hợp tuyển những lời ấy sẽ thành vô nghĩa. Tôi chỉ giữ lại những lời đề tặng cần phải có mới hiểu được ý thơ. Dám mong sẽ chẳng ai bắt bẻ gì vì chỉ trong chuyện này chính tôi cũng đã phải... hy sinh chút ít.

*

Một quyển sách nói về thơ Việt mà mở ra không nhắc đến Nguyễn Du tôi thấy như một sự bội bạc. Nghĩ thế tôi muốn tìm một câu gì trong truyện Kiều để in lên đầu sách. Sự tình cớ xui tôi nhớ lại câu:

Của tin, gọi một chút này làm ghi.

Đọc đi đọc lại riêng lấy làm đắc ý lắm.

*

Quyển sách này ra đời, cái điều tôi ngại nhất là sẽ mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá! Nó khệnh khạng như một ông giáo gàn. Bình thì cũng còn được. Nhưng phê? Sao lại phê?

Vậy tôi viết gì đây và trong làng văn danh hiệu tôi là gì? Chẳng hạn có thể gọi những bài tôi viết là tùy bút, tùy hứng... Nhưng không lẽ tôi là một nhà tùy bút, một nhà tùy hứng, hay một tùy bút gia, một

tiểu luận tác giả (hai chữ sau này của Ô. Đào Duy Anh dịch chữ essayiste).

*

Tôi không định khen chê ai. Nhưng sách ra sao cho khỏi những tiếng khen chê. Bạn chê, tôi xin chịu. Nhưng hoặc bạn có khen, hãy xin cùng tôi nhớ tới:

Các Ô. Phan Văn Dật, Trần Thanh Mại, Hà Xuân Tế, Thanh Tịnh, Bửu Kế là những người đã giúp tôi nhiều tài liệu.

Tôi cũng không quên cảm ơn các nhà thơ đã cho phép tôi trích thơ, đã gửi ảnh và cho biết một vài điều về tiểu sử, tuy năm sinh ngày sinh chắc nhiều khi chỉ bằng theo trí tưởng tượng những người làm giấy khai sinh.

Bạn sẽ lấy làm lạ sao tác giả hai người mà cứ xưng tôi. Sự thực thì hai người cũng như một. Không có ý nào, lời nào là của riêng ai. Nhưng bây giờ quyển sách đã hết thiết rồi, tôi lại biến thành chúng tôi, và chúng tôi xin ký cả hai tên cho đúng:

LỜI CUỐI SÁCH ⁽¹⁾

TỪ SƠN

Cuộc đời của Hoài Thanh từ thuở thiếu thời cho đến lúc trái tim ngừng đập là một chuỗi dài của những cuộc tìm kiếm đầy thích thú mê say cái hay và vẻ đẹp của văn chương. Như một nhà địa chất cần mẫn, yêu nghề, Hoài Thanh đã phát hiện được không ít vàng ngọc của thơ ẩn trong lớp bụi thời gian hoặc trong các mạch chìm nổi của cuộc đời, nhất là trong hiện tại.

Một thời gian dài trước Cách mạng, “thơ mới” là niềm say mê, là nơi trú ngụ bình yên của tâm hồn Hoài Thanh trước mọi sóng gió của cuộc đời.

“Tôi vốn rất say mê “thơ mới” ngay từ khi “thơ mới” mới ra đời. “Thơ mới” hầu như là cái vui duy nhất của tôi hồi bấy giờ”. ⁽²⁾

Thi nhân Việt Nam là đứa con tinh thần được ra đời trong sự mê say, trong niềm “vui duy nhất” của

(1) Viết nhân lần tái bản 1988. Có sửa chữa và thêm chú giải trong lần in này (4.2000).

(2) Tuyển tập Hoài Thanh tập I. tr.303.

Trong bài viết này có trích dẫn một số câu trong một số tác phẩm của Hoài Thanh. Từ đây trở đi, để cho tiện xin được viết tắt TTHT (Tuyển tập Hoài Thanh), PBTL (Phê bình và tiểu luận), TNVN (Thi nhân Việt Nam).

Hoài Thanh, của một người trong cuộc đổi mới thơ ca Việt Nam giai đoạn 1932 - 1941. (Chữ thơ ca Việt Nam tôi dùng ở đây là thơ ca công khai “hợp pháp” được in trên sách báo thời ấy). Đứa con này vừa mới ra đời đã được bạn đọc thời bấy giờ đón nhận và bạn đọc các thế hệ sau tìm kiếm. Sách ra đầu năm 1942 liền được tái bản ngay cuối năm ấy.⁽¹⁾

Tác giả *Thi nhân Việt Nam* đã “lấy hồn tôi để hiểu hồn người” (TNVN - tr. 366). Không chỉ để hiểu mà còn say theo hồn người. 169 bài thơ của 46 nhà thơ có mặt trong *Thi nhân Việt Nam* như hòa với giọng bình của tác giả để hát lên bài ca sâu não, mộng mơ, vui vội, buồn sâu, đau đớn, ngỡ ngàng trước cuộc đời. Bài ca dường như bất tận của những tâm hồn, những con người “đầu thai lâm thế kỷ” muốn ru hồn mình tới “tận cuối trời Quên”.

Sự mê say “thơ mới”, sức quyến rũ của “thơ mới” lúc bấy giờ quả là lớn. Đối với tác giả *Thi nhân Việt Nam* suốt một thời gian dài, cái say “thơ mới” đã thấm vào máu thịt, đã trở thành máu thịt nên không dễ

(1) TNVN do Nguyễn Đức Phiên (tức Hoài Chân, đồng tác giả) xuất bản.

- Đầu những năm sáu mươi TNVN được trường Đại học tổng hợp Hà Nội in rônêo làm tài liệu tham khảo cho sinh viên.

- Năm 1968, Nhà xuất bản Hoa Tiên in lại TNVN ở Sài Gòn.

- Năm 1985, Nhà xuất bản Đông Nam Á in lại TNVN ở Paris.

- Riêng nhà xuất bản Văn học, từ 1988 đến 1999 đã tái bản TNVN tới 12 lần, và cho đến tháng 4 năm 2000 TNVN được tái bản 20 lần (chưa kể có nơi in hoặc trích TNVN không xin phép gia đình nhà văn Hoài Thanh).

gì rút bỏ. Mặc dầu, có khi người say thơ cũng mơ hồ cảm thấy đây là một thứ tình say có “đáng đắp Liêu Trai”.

“Say thơ cũng như say người. Có khi đúng, có khi sai. Có khi đúng mặt này, sai mặt khác. Nhưng đã say thì không phải dễ gì mà dứt ra được”.(THTT - tr.122).

Có lẽ vì thế mà sau sáu năm đi theo Đảng tham gia cách mạng và kháng chiến, năm 1951, Hoài Thanh mới có được một cái nhìn dứt khoát thể hiện trong chương II “Nhìn lại thơ cũ 1932 - 1945” ở quyển *Nói chuyện thơ kháng chiến*. Trong chương ấy, ở trang 12, có đoạn Hoài Thanh viết: “Còn xét về phương diện khách quan thì ngày trước hay bây giờ những câu thơ buồn nản hay mơ mộng vẩn vơ cũng đều là đồng minh của giặc. Giặc chỉ có thể xây dựng cơ đồ của chúng trên phần bạc nhược của con người. Chúng ta không dám làm người thì chúng nó mới có khả năng làm giặc”.

Cách nhìn nhận ấy có phần thái quá. Song trong hoàn cảnh lịch sử bấy giờ, một chút thái quá ấy có khi lại cần thiết. Kiên quyết phủ định niềm say mê sai lạc trong con người cũ của mình một cách thanh thực bao giờ cũng là điều đáng quý.

Tám năm sau, vào đầu năm 1959, trong bài soạn “Về văn thơ lãng mạn tiểu tư sản 1930 - 1945”⁽¹⁾ để giảng cho lớp văn III Đại học Sư phạm và Đại học Tổng Hợp Hà Nội, Hoài Thanh viết trong phần kết luận:

(1) Có in trong Hoài Thanh toàn tập, tập 4, tr 615 - 628, NXB Văn học, 1999.

“Thơ lãng mạn tiểu tư sản có thể xem là một sức phá hoại, vừa phá hoại chế độ thực dân phong kiến vừa phá hoại nhiệt tình cách mạng. Trong thơ lãng mạn tiểu tư sản vẫn có một thứ lòng tin mà bọn thống trị cũ có thể dựa vào, tức là lòng tin rằng cuộc đời là thế, không thể thay đổi được. Nhưng bọn thống trị cũ dựa vào lòng tin thì ít, vào võ lực thì nhiều. Trái lại lực lượng của cách mạng chủ yếu là ở lòng tin. Cho nên bọn thực dân dung dưỡng mà cách mạng lại phải tiến hành đấu tranh với thơ lãng mạn tiểu tư sản.

Trong hoàn cảnh ngày nay tuy cách mạng đã thắng lợi trên một nửa nước, đại bộ phận tiểu tư sản đã đứng trong hàng ngũ cách mạng nhưng tư sản và tiểu tư sản mà nhiều an¹ em chúng ta vốn hô hấp một lần cuối cùng với sữa mẹ vẫn có sức lôi cuốn chúng ta. Có những câu thơ rầu rĩ nó cứ ngân nga âm ỉ trong lòng, bám vào đầu óc như đĩa. Cần phải bơi vào mà rút nó ra.

Nhưng lại cũng phải nhớ rằng tư sản và nhất là tiểu tư sản nước ta cũng có khả năng đi với cách mạng. Chút lòng yêu đời yêu nước còn thể hiện trong thơ không nên tùy tiện mà vứt đi. Vẫn cần phải trân trọng. Và nên nhớ phần ấy nhiều hơn là phần tiêu cực, dầu nhớ để phê phán cũng vậy”.⁽¹⁾

(1) Chép trong di cảo viết tay của Hoài Thanh hiện gia đình còn giữ. Các ý trong đoạn văn này đến tháng 11 - 1964 Hoài Thanh đã đưa vào trong bài viết “*Một vài ý kiến về phong trào “thơ mới” và quyền Thi nhân Việt Nam*” với lời văn chặt chẽ, dứt khoát hơn. (Xem TTHT tập II, tr.302).

Từ cách nhìn nhận “thơ mới” có phần thái quá trong *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951) đến đây Hoài Thanh đã có cái nhìn độ lượng thể tất nhân tình, sát với giá trị thực của “thơ mới” nhiều hơn. Tuy vậy có một nhận định cơ bản về “thơ mới” mà tác giả *Thi nhân Việt Nam* - trong các bài viết cũng như sổ tay ghi chép, sau này trong lúc trao đổi chuyện trò với bạn bè hoặc con cái - không thay đổi: mặt chính của “thơ mới” là tiêu cực.

Trong đề cương chuẩn bị cho buổi nói chuyện về “thơ mới” ở Đại học Tổng hợp hồi tháng 11 - 1962, Hoài Thanh ghi ở mục “Vào đề”:

“Mọi người đều đồng ý trong “thơ mới” 1930 - 1945 có nhân tố tích cực và nhân tố tiêu cực. Cái chỗ không đồng ý là tỉ lệ giữa hai bên. Về phần tôi, *tôi vẫn nghĩ tiêu cực là chính*”. (Tôi nhấn mạnh. T.S.)

Buổi nói chuyện ấy theo yêu cầu của nhà trường, chủ yếu nêu cái phân tích cực của “thơ mới” nhằm mục đích để người nghe tiếp thu được cái hay của thơ. Hoài Thanh ghi tiếp trong đề cương bài nói: “yêu cầu ấy cũng phù hợp với tôi: tôi nghĩ phê phán cái dở trong văn thơ không gì bằng quên quách nó đi. Đó là cách phê phán của quần chúng”.⁽¹⁾

Xem lại các ghi chép trong đề cương chuẩn bị bài nói kể trên, tôi thấy Hoài Thanh đã chọn những bài thơ hay trong phong trào “thơ mới” của các nhà thơ nổi tiếng như: Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Nguyễn Nhược Pháp, Thâm Tâm, Đoàn Văn Cừ, Anh

(1) Di cảo viết tay.

Thơ v.v... để bình luận, phân tích những cái hay, cái tích cực của “thơ mới” được khái quát trong những tiểu mục như sau:

- Phong vị đậm đà của cảnh sắc quê hương.
- Thái độ trân trọng đối với người lao động.
- Tấm lòng thiết tha với đất nước.
- Lòng khao khát yêu đời.
- Tình yêu phong phú, tha thiết và đắm say.
- Những đóng góp quan trọng về ngôn ngữ nghệ

thuật của “thơ mới”.⁽¹⁾

Nhưng, hai tháng sau, vào tháng 11 - 1964, có lẽ Hoài Thanh muốn đề phòng “cách nhìn đời theo lối “thơ mới” còn tồn tại từng mảng trong cuộc sống của chúng ta” (PBT II tr.230), e ngại lớp thanh niên dầu chưa biết đến “thơ mới” bao giờ cũng vẫn có nhiệm vụ phải cách nhìn đời theo lối “thơ mới” nên trong bài viết *Một vài ý kiến về phong trào “thơ mới”* và quyển *“Thi nhân Việt Nam”* Hoài Thanh nhấn mạnh:

“Nhìn chung “thơ mới” chìm đắm trong buồn rầu, điên loạn, bế tắc. Đó là chưa nói đến phản hiện nhiên là sa đọa. Nguy hiểm nhất là nó lại tạo ra một thứ say sưa trong đó. Hình như không buồn rầu, không điên loạn, không bế tắc thì không hay, không sâu. Bế tắc đã biến thành một thứ lý tưởng. Một thứ lý

(1) Những ý kiến nhận xét, phân tích các giá trị của “thơ mới” trong buổi nói chuyện này về sau được Hoài Thanh viết lại trong bài *Một vài ý kiến về phong trào “thơ mới”* và quyển *“Thi nhân Việt Nam”* và bài *Thêm một vài lời về quyển “Thi nhân Việt Nam”* (Xem PBT II tr.218 hoặc TTHT II tr. 294 và Chuyện thơ... tr.170 hoặc TTHT II tr.307).

tưởng như thế bao giờ cũng nguy hiểm, *trong một hoàn cảnh cần phải đấu tranh quyết liệt lại càng nguy hiểm* (Tôi nhấn mạnh. T. S) cho nên mặt chính của “thơ mới” phải nói là mặt tiêu cực. Ngay những nhân tố tích cực cũng chìm ngập trong không khí bế tắc ấy không gỡ ra được”. (PBTL II tr.230)

Tháng 8 năm 1977, mười ba năm sau khi viết bài vừa kể trên, Hoài Thanh muốn được “nói thêm vài lời nữa” với độc giả miền Nam, nhất là độc giả trẻ “đã đọc và ưa thích quyển *Thi nhân Việt Nam*, đã bắt gặp trong *Thi nhân Việt Nam* và nói chung trong “thơ mới” một tiếng nói đồng tình, đồng điệu”. Hoài Thanh nhắc nhở nhẹ nhàng mà vẫn dứt khoát:

“Ngày nay hòa bình đã lập lại, hoàn cảnh đã đổi khác. Trong hoàn cảnh mới, nên chẳng nhìn *Thi nhân Việt Nam* một cách khác? Tôi nghĩ chúng ta sẽ tiếp tục trân trọng phần hay, phần đẹp trong “thơ mới” như ta vẫn nhận định trước đây. Nhưng phần ấy không phải phần chính. Phần chính là “thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng”⁽¹⁾. Mà vô luận trong hoàn cảnh nào cũng không thể chấp nhận chuyện buông xuôi.

(1) Trong bài viết này Hoài Thanh có dẫn bốn câu thơ trong bài *Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi* của Chế Lan Viên với dụng ý để độc giả ở miền Nam hiểu thêm tâm sự của một nhà thơ nổi tiếng của phong trào “thơ mới” và cũng là tâm sự chung của lớp người “thơ mới” đi theo cách mạng khi nhìn lại quá khứ:

Chờ bao giờ quên nỗi chua cay của một thời thơ ấu.

Tổ quốc trong lòng ta mà có cũng như không.

Nhân dân ở quanh ta mà ta chẳng thấy

Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng.

Nhất là khắc phục hậu quả của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, của ba mươi năm chiến tranh xâm lược, xây dựng lại đất nước bị tàn phá nặng nề về nhiều mặt, là một sự nghiệp đòi hỏi ở mỗi chúng ta rất nhiều cố gắng và hy sinh, kể cả những cố gắng và hy sinh lớn nhất” (TTHT tập II - tr.308)

Như vậy là trong vòng gần ba mươi năm (từ 1951 đến 1977), trước sau Hoài Thanh vẫn dứt khoát coi tiêu cực là mặt chủ yếu của “thơ mới” và *Thi nhân Việt Nam*. Đánh giá *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh không tách rời với việc đánh giá thơ mới: *Thi nhân Việt Nam* là một hợp tuyển “thơ mới” “giai đoạn 1932 - 1941, viết về Thi nhân Việt Nam không thể nào không căn cứ vào một nhận định khoa học về phong trào “thơ mới” (TTHT II - tr.294). Đặt vấn đề như vậy là đúng về cơ bản nhưng chưa đủ. Dù sao cũng phải nhìn nhận “thơ mới” với tư cách là một trào lưu, một khuynh hướng văn học mà sự hình thành và phát triển, tồn tại và lụi tàn có quá trình và quy luật riêng của nó. *Thi nhân Việt Nam* chỉ là một mặt cắt ngang ở ranh giới của thời kỳ phát triển và suy tàn. *Thi nhân Việt Nam* có chứa khá nhiều nhân tố tiêu cực của “thơ mới” nhưng không phải là tất cả. Hoài Thanh đã cảm thấy điều này nhưng chưa có dịp đi sâu và hình như cũng không có ý định đi sâu. Trong bài viết năm 1977 đã nhắc tới ở trên, Hoài Thanh có nói thoáng qua; “Trong *Thi nhân Việt Nam* không có bài thơ nào là thơ phản động và nói chung cũng không phải là thơ đồi trụy. Chẳng những thế, có không ít bài thơ rất đậm đà phong vị quê hương, rất có tình với đất

nước, rất tha thiết yêu đời. Ra đời dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân phong kiến, “thơ mới” không dám đương trường đả kích quân thù nhưng không phải không nói lên cái ảm ức, cái đau khổ của người làm thơ. Có thể nói đó cũng là một tiếng thơ yêu nước và trên thực tế, hầu hết các nhà “thơ mới” có tên tuổi về sau đều tham gia đánh Pháp rồi đánh Mỹ cho đến ngày toàn thắng”.

Nhìn chung, qua mấy lần nhận định, đánh giá “thơ mới” và *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh mới dừng sâu vào việc đánh giá thái độ trách nhiệm trước cuộc đời của các nhà “thơ mới” và tác giả *Thi nhân Việt Nam*. Các giá trị văn học thực sự của “thơ mới” và tác phẩm phê bình văn học *Thi nhân Việt Nam* rõ ràng là đã và đang tồn tại trên thực tế, trong đời sống tinh thần của nhiều thế hệ đã qua, Hoài Thanh còn dè dặt chưa quan sát, đánh giá đầy đủ. Riêng đối với *Thi nhân Việt Nam*, dựa con tinh thần của mình, Hoài Thanh đã tự phê phán hết sức nghiêm khắc.⁽¹⁾ Trái lại, không ít những nhà nghiên cứu, phê

(1) “Sai lầm không chỉ ở chỗ đã đề cao quá đáng nhà thơ này hay nhà thơ kia. Có thể nói toàn bộ sự đánh giá ở đây là sai vì sai từ gốc sai đi. Ngay những đoạn có vẻ đúng, thật ra vẫn là sai và sai về căn bản”. (TTHT II tr. 304)

Cái “sai về căn bản” của tác giả TNVN theo Hoài Thanh là: “Trong hoàn cảnh mất nước thì việc đầu tiên đối với nhà văn học cũng như nhà khoa học là phải góp sức giành lại chủ quyền dân tộc có phải là miệt mài trong chuyện tiếng nói và văn thơ” TTHT III tr.305)

· bình, nhà thơ nhà văn có tên tuổi đã đánh giá *Thi nhân Việt Nam* đạt tình, thấu lý hơn.⁽¹⁾

Nhân đây có lẽ cũng nên tìm hiểu xem vì sao Hoài Thanh có cái nhìn nghiêm khắc với “thơ mới” và nhất là tự phê phán *Thi nhân Việt Nam* một cách quá nghiêm khắc như thế.

(2) Xin trân trọng trích một số trong rất nhiều ý kiến nhận định để bạn đọc tham khảo:

- “Tác phẩm đáng nói trong những năm 1930 - 1945 có phần chắc là cuốn *Thi nhân Việt Nam* cộng tác với Hoài Chân. Chúng ta còn nhớ rằng dưới ảnh hưởng của tư tưởng Mác - Lênin tác giả đã tự phê bình rất nghiêm khắc. Vẫn biết rằng tập sách chưa thể nói là đã có một lập trường vững chắc và phương pháp biên soạn chưa phải đã thật sự khoa học, cách đánh giá các tác phẩm thơ xuất bản trong mười năm 1930 - 1940 cũng đang dành phần đất khá rộng để thảo luận, người viết sách rõ ràng đã bị giới hạn về nhiều phương diện trong khi trình bày một tập văn tuyển khá phức tạp như vậy. Dầu sao thì Hoài Thanh và Hoài Chân cũng đã đọc hộ chúng ta trong ngoài một vạn bài thơ và bao nhiêu bài văn nữa; dầu sao thì qua gần 400 trang sách ấy chúng ta cũng bắt gặp khá nhiều ấn tượng khá nhiều suy nghĩ về nghệ thuật thơ mới. Riêng về phần tôi sau khi đọc tác phẩm và đặc biệt là sau khi xem lại bài tựa cuốn sách, tuy tôi không đồng ý với hai tác giả về một số điểm nhưng quả tình tôi vẫn để ý tới nhiều đoạn văn thật sự hấp dẫn. Và một điều khá lạ, là ngay từ hồi ấy cảm tưởng của tôi là tập sách trong khi có vẻ như tán dương cuộc thắng lợi của thơ mới cũng đã cho thấy một ít dấu hiệu về sự kết thúc một thời kỳ khi cái mới đang trở thành cái cũ”.

Đặng Thai Mai (Thương tiếc đồng chí Hoài Thanh - Báo Văn nghệ số ra ngày 10 tháng 4 năm 1982)

Chúng ta đã biết trong cuộc tranh luận nghệ thuật hồi 1935 - 1936, kéo dài cho đến 1939, Hoài Thanh bị xem như là chủ tướng của phái “nghệ thuật vị nghệ thuật”. Cuộc tranh luận này Hoài Thanh đã tường thuật và tự phê bình một cách nghiêm túc, thành thật.⁽¹⁾ Cái

“Anh là người yêu “thơ mới” từ buổi đầu chớm nụ; chăm chú theo dõi suốt mười năm cho đến ngày nở hoa, đơm quả, chọn những bài hay nhất trong hàng nghìn bài đăng trên mặt báo, có bài còn là bản thảo, in thành “hợp tuyển” kèm theo những lời bình trang nhã, duyên dáng, đầy cảm xúc. Để đầu sách là một bài nghiên cứu công phu về phong trào “thơ mới” qua đó có thể thấy anh say “thơ mới” đến mức nào! Các anh - phải nói các anh vì tập này anh soạn chung với Hoài Chân - gỡ hết các chống báo cũ, tìm hết ý kiến người nọ, người kia phát biểu khắp nơi để nhận cho ra tính chất của phong trào, phong cách từng nhóm, những điểm chung và những điểm riêng, biện luận thế nào là “thơ mới” được thanh niên ham chuộng như vậy... Bài ấy viết kỹ đến nỗi sau này có người bàn lại, tuy nhận định khác đi ít nhiều, nhưng thấy các anh không bỏ sót một tư liệu nào quan trọng cả”.

Trương Chính (Lời giới thiệu - Tuyển tập Hoài Thanh tập I, tr.11).
Thi nhân Việt Nam với bài nghiên cứu về Thơ mới có thể coi là một công trình lớn về phê bình trước Cách mạng Tháng Tám. Nếu coi cuốn sách “là một bước chìm sâu hơn nữa vào con người nghệ thuật vị nghệ thuật” (Phan Cự Đệ: *Hoài Thanh*; in trong tập Phan Cự Đệ và Hà Minh Đức: *Nhà văn Việt Nam* (1945 - 1975); tập I) thì tất nhiên cũng đúng một phần nhưng chưa thấy được ưu điểm cơ bản của cuốn sách:.

Vũ Đức Phúc (*Hoài Thanh - “Tập chí Văn học” số 2 - 1982*)

(1) Xem bài “*Nhìn lại cuộc tranh luận về nghệ thuật hồi 1935 - 1936*” (TTHT II - tr. 257)

dịch của phái “nghệ thuật vị nhân sinh”, đứng đầu là Hải Triều, không chỉ nhằm phê phán quan điểm của phái “nghệ thuật vị nghệ thuật” mà chủ yếu là nhằm tập hợp lực lượng cách mạng, cổ vũ khí thể cách mạng của các tầng lớp quần chúng thông qua việc tuyên truyền, phổ biến quan điểm mácxít về văn học nghệ thuật. Đối với văn nghệ sĩ thuộc trào lưu lãng mạn tiểu tư sản lúc bấy giờ thì đây có thể xem như một sự đánh thức của cách mạng. Đánh thức ra khỏi cơn mộng du chính trị. Hoài Thanh nhớ lại: “Hồi ấy chúng tôi đã bị lay dữ. Nói cho phải thì chúng tôi không phải không dụi mắt một ít . Nhưng rồi chúng tôi lại nhắm nghiền mắt lại, một phần vì tự ái nhưng phần chính là vì tâm trí hãy còn mê”. (TTHT II - tr. 91). Đi vào cách mạng và những ngày đầu kháng chiến, Hoài Thanh nhìn lại thấy mình mới “tỉnh một nửa thôi”: “Tôi đi vào cách mạng, lòng rất vui nhưng với sự yên trí rằng trời đất cũ của tôi cũng đi vào một thế; từ ánh trăng bát ngát trong *Truyện Kiều*, ánh nắng vàng ngơ ngẩn buồn trong “thơ mới”, đến các loại quan niệm về con người muôn thuở, văn chương muôn thuở v.v... Tất cả những thứ ấy đối với tôi có sức quyến rũ rất ghê và nhất là có giá trị như những chân lý khách quan không thể nào phủ nhận. Tôi tự nghĩ: muốn gì thì gì trời đất vẫn chỉ có bấy nhiêu núi sông hoa lá; lòng người cũng chỉ có chừng ấy buồn vui, yêu ghét nên văn chương rồi cũng thế thôi”. (TTHT II - tr.292). Từ “tỉnh một nửa” đến tỉnh hẳn là cả một chặng đường dài. Đến sau chiến thắng Thu Đông Việt Bắc 1947 Hoài Thanh mới bắt đầu đi vào bước ngoặt rẽ sang đường mới:

“Có lần đi trong rừng, men theo một dòng suối, tôi vừa đi vừa ôn lại mấy câu thơ của Tản Đà; rõ ràng là suối bên mình và suối trong thơ khác nhau lắm rồi. Tôi ao ước có những vãn thơ khác. Có thể nói từ đó trong trí tôi bắt đầu hình thành những quan niệm khác về nghệ thuật văn chương. Mà cũng mới bắt đầu thôi. Từ đó về sau còn phải trải qua nhiều phấn đấu”. (TTHT II - tr. 293).

Hoài Thanh dần dần nhận ra sai lầm lớn nhất của đời mình trước tháng Tám 1945 là “thoát ly cách mạng, lấy văn chương làm nơi lánh nạn, vùi đầu vào chuyện không đâu để trốn tránh trách nhiệm, trốn cuộc đời”. (TTHT - tr. 290). Sai lầm này tập trung vào thời gian tranh luận nghệ thuật “cũng là một cách cố giữ lấy cho mình cái quyền say mê “thơ mới”, nói một cách khác là cái quyền thoát ly cách mạng” (TTHT II - tr.303).

Như vậy đó, Hoài Thanh luôn luôn chân thành cả lúc đúng lẫn lúc sai. Trong văn chương và trong cả cuộc đời. Sự tự phê phán quá nghiêm khắc của Hoài Thanh là điều có thể hiểu được. Hoài Thanh kiên quyết phủ định con người cũ của mình. Vì vậy, Hoài Thanh thực lòng lo lắng cho những ai, nhất là lo cho các bạn trẻ đi lạc sang con đường mòn bé tắc của mình đã đi trước đây. Mặt khác, các cuộc đấu tranh tư tưởng trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đặc biệt là trong lĩnh vực văn học nghệ thuật mấy chục năm qua, thường vẫn trở lại những vấn đề cơ bản đã đặt ra hồi tranh luận nghệ thuật. (Tất nhiên các vấn đề này đặt ra ở cấp độ khác, mang những màu sắc khác và có những yêu cầu khác). Là một trong

những người được Đảng giao trách nhiệm lãnh đạo lĩnh vực văn nghệ, Hoài Thanh càng thêm e ngại cái cũ có cơ sống lại. Hoài Thanh thường nói tới trách nhiệm của người cầm bút, luôn đề phòng những lệch lạc về lập trường tư tưởng trong bối cảnh lịch sử cụ thể của vài chục năm qua là điều cần thiết. Và trên thực tế không thể nói khác được.

*

Trong việc tiếp nhận các giá trị văn học nghệ thuật có một chân lý hiển nhiên không thể phủ nhận được là: mỗi thời đại, mỗi lớp người có những thái độ và mức độ tiếp nhận khác nhau. Các tác phẩm dở và các giá trị giả tất nhiên sẽ bị công chúng và thời gian vứt vào sọt rác của lịch sử. Các tác phẩm hay, các giá trị văn học nghệ thuật chân chính của dân tộc và nhân loại, dầu có những hạn chế lớn do lịch sử và thời đại tạo ra, bao giờ và ở đâu cũng có sức sống trong lòng nhân dân, được nhân dân giữ gìn và trân trọng.

- Tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta nên có cái nhìn hợp lý, hợp tình hơn đối với “thơ mới” và quyển *Thi nhân Việt Nam*. Tôi thấy chẳng có gì phải e ngại rằng từ đây sẽ dẫn tới một sự phủ nhận nào đó. Thái độ mácxít lêninít trong việc nhìn nhận lại các giá trị tinh thần của quá khứ bao giờ cũng bao gồm sự tiếp nhận, sự kế thừa, sự sắp đặt lại và đương nhiên là có cả sự từ bỏ. Từ bỏ cái xấu, cái có hại, cái sai để phát huy cái đẹp, cái có ích, cái đúng thì có gì là đáng ngại? Nhìn nhận lại “thơ mới” và quyển *Thi nhân Việt Nam*

không phải là lật trái mọi sự nhìn nhận đúng đắn và chân thành của chúng ta về hiện tượng văn học phong phú và phức tạp này. Tôi tin rằng các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu, phê bình, nhà văn, nhà thơ và các bạn đọc của chúng ta sẽ trân trọng ghi nhận và nghiên cứu nghiêm túc các lời tâm sự, các lời tự phê phán của Hoài Thanh, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên... và các nhà thơ khác trong cuộc. Những công trình nghiên cứu công phu của nhiều nhà nghiên cứu về văn học hiện đại sẽ là những tài liệu quý, bổ ích không thể bỏ qua. Các hiện tượng tương tự trong văn học thế giới sẽ được quan sát cẩn thận để giúp ta suy nghĩ sâu hơn. Và điều nhất thiết phải làm là có một sự điều tra xã hội học có độ thông tin đáng tin cậy để có thể rút ra những kết luận cần thiết làm cơ sở cho việc nhận định, đánh giá một cách thực-sự khoa học. Thực tiễn đời sống chính trị - xã hội và đời sống văn học nghệ thuật của đất nước ta hiện nay đang tạo ra bầu không khí thuận lợi và các điều kiện thuận tiện cho công việc nghiên cứu thú vị và bổ ích này

*

Tôi không có tham vọng và cũng không đủ sức để làm cái công việc nêu ở trên. Ở đây tôi chỉ xin nêu lướt một vài suy nghĩ xen lẫn hồi ức về *Thi nhân Việt Nam* và tác giả *Thi nhân Việt Nam* với hy vọng mơ hồ rằng may ra góp một phần bé nhỏ có ích cho những ai cùng mối quan tâm với tôi trên vấn đề nhìn nhận đầy đủ hơn “thơ mới” và cuốn *Thi nhân Việt Nam*.

Cha tôi và Hoài Chân (em ruột ông) bắt tay vào biên soạn *Thi nhân Việt Nam* lúc tôi mới được năm, sáu tuổi. Gần nửa thế kỷ đã trôi qua cùng với bao sóng gió của cuộc đời... Bấy giờ gia đình chúng tôi sống ở Huế. Cha mẹ tôi thuê một căn nhà xoàng xĩnh ở ngã tư “gara Nghệt”, phía gần trường Thuận Hóa. Giáp tường với căn nhà tôi ở là nhà một ông thợ rèn. Suốt ngày dội sang bên nhà tôi là tiếng đập, gõ chát chúa và tiếng thụt bễ lò rèn phập phều. Cha tôi viết *Thi nhân Việt Nam* trong luồng âm thanh nhọc nhằn ấy, nhất là vào những ngày hè oi ả của xứ Huế. Cha mẹ tôi kể lại: năm ấy (1941) gia đình tôi sống hết sức lao đao. Nguồn sống chính của gia đình (gồm ông tôi, mấy người em của cha tôi, cha mẹ và 3 con) trông cậy vào đồng lương dạy tư của cha tôi. Vậy mà vào năm đó, chính quyền thực dân cấm cha tôi đi dạy. Lấy gì mà sống? Mẹ tôi phải mở quán sách, cha tôi chạy vạy xin đi dạy lại. Nửa năm sau chúng mới cho cha tôi tiếp tục dạy ở trường Thuận Hóa.

Nỗi đời cơ cực đang giờ vuốt

Cơm áo không đùa với khách thơ.

Xuân Diệu

Đọc *Thi nhân Việt Nam* ta thường thấy các nhà thơ và tác giả như đắm chìm trong mơ mộng vẩn vơ và có cảm giác hình như họ là những người sống sung sướng, đầy đủ và nhàn rỗi. Đó là thế giới thơ của họ. Thật ra, ở đời thường trong số họ không ít người đang đắm chìm hoặc sắp đắm chìm thực sự vì manh áo, miếng cơm. Họ là tư sản, là “phú hào” ở đâu trong đầu óc, trong sách vở Tây mà họ vớ để đọc chú dưới ánh mặt trời họ tồn tại trong dáng hình đầy đủ của

con người lao động làm thuê:

*Chóng hết trang máu lẫn mồ hôi
Từng dòng đánh đổi lấy ngô khoai
Giữa khi ông chủ buôn vắn ấy
Tiệc rượu lầu cao ngả gối cười.*

Trần Huyền Trân⁽¹⁾

Họ khát khao, mơ ước nhiều. Những khát khao tội nghiệp thôi mà cũng chẳng được. Có lẽ vì vậy mà họ cố đưa hồn mình đến những cõi huyền ảo hoặc cố tạo ra những mơ mộng để tự huyễn mình:

*Tôi chỉ là người mơ ước thôi,
Là người mơ ước hão! Than ôi!
Bình minh chói lói đâu đâu ấy
Còn chốn lòng riêng u ám hoài.*

Thế Lữ

Họ ao ước:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm*

Xuân Diệu

Nói về “thơ mới”, Xuân Diệu thường nhắc đến hai chữ *đau đời*. Đau vì nỗi đời vất vả. Đau vì kiếp làm dân một nước nô lệ. Đau vì tủ nhục, nghèo hèn cứ gắn hoài với thân phận. Theo tôi, nỗi *đau đời* chính là cái hạt cơ bản tạo nên cái đẹp cần giữ gìn, trân trọng trong “thơ mới”. Thái độ mãn nguyện, sự lạnh

(1) Đoạn thơ này tôi chép trong di cảo viết tay của Hoài Thanh. Ghi chú của Hoài Thanh cho biết đoạn này trích trong bài *Chợ vắn* chương của Trần Huyền Trân. Vì chữ viết khó đọc tôi tạm đoán 2 chữ đầu câu 1 là *Chóng hết* không biết có đúng với nguyên bản không.

nhật, sự hững hờ trong cuộc sống là kẻ thù của sự sáng tạo nghệ thuật. Có *đau đời* mới nảy ra khát vọng đổi đời. Rõ ràng là trong “thơ mới” đã thấy thấp thoáng ngọn lửa của khát vọng đổi đời. “Thơ mới” và các nhà “thơ mới” là sản phẩm tất yếu của lịch sử, của giai cấp, của thời đại. Đừng đòi hỏi thơ của họ phải sáng chói như mặt trời hoặc sáng rực như ngọn đèn pha chiếu rõ đường phải đi, nơi phải đến. Họ bị giam hãm trong một môi trường thiếu năng lượng, thiếu chất đốt của lòng tin làm sao thơ họ có đủ chất sáng? Điều đáng quý là trong “thơ mới” đã lập lòe “ngọn lửa Đan cô” trên thảo nguyên mịt mù của cuộc đời: ngọn lửa của tình yêu người, yêu non sông đất nước, yêu tiếng mẹ đẻ...

Cuối chặng đường của “thơ mới” ngày một hiện rõ sự bế tắc mà mầm sống của nó đã chứa sẵn từ chặng đường đầu tiên: sự buồn nản, thất vọng. Song, khi xem xét sự bế tắc này theo tôi, rất nên và rất cần nhìn thấy bên dưới, phía sau tấm chắn ấy là sự quần quai, đau đớn của những tâm hồn, những con người bé nhỏ, cô đơn.

Đường về thu trước xa xăm lắm

Mà kẻ đi về chỉ một tôi!

Chế Lan Viên

Đi vào thế giới “thơ mới” có lẽ không nên đi theo kiểu tham quan tập thể ồn ào: thấy thắng cảnh đấy, di tích lịch sử đấy, nghe thuyết minh biết vậy rồi lại ào lên xe đi nơi khác. Thấy tất cả, thậm chí đã sờ vào di tích, đã chụp ảnh với nó, khắc tên mình vào nó mà rốt cuộc chẳng hiểu gì về nó cả.

Đọc “thơ mới” nếu không cảm nhận được cái hồn

của nhà thơ “tràn ra đầu ngọn bút”, không thấy các nhà thơ đã:

Trái niêm đau trên mảnh giấy mong manh

Hàn Mạc Tử

thì chi bằng chưa nên đọc hoặc phải đọc kỹ hơn, đọc bằng chính trái tim của mình rồi hãy truyền các thông tin cảm nhận lên óc, để cho óc đoán định, xử lý sau.

Cái đau đời, cái bế tắc của “thơ mới” là ánh phản chiếu cái bế khổ bế tắc của xã hội cũ, là bóng hình, là tiếng kêu than về thân phận con người của các nhà thơ. Về mặt nào đó có thể nói: hầu như thân phận của các nhà “thơ mới”, của tác giả *Thi nhân Việt Nam* trong cuộc đời cũ na ná như thân phận nàng Kiều:

Những là rày ước mai ao

để rồi sau bao năm chìm nổi trong vũng bùn xã hội nhơ nhớp phải cất lên tiếng than đau đớn:

Đã buồn cả ruột lại dơ cả đời!

Trong dịp học tập bảo vệ Đảng tháng 5 - 1970 cha tôi có tự nhận xét về quãng đời thanh niên của mình:

“... Trong tuổi thanh niên, tôi không phải không cảm thấy cái nhục làm nô lệ cho giặc ngoại xâm, tôi cũng muốn cất đầu lên. Bị giặc đập đầu xuống, tôi mất tinh thần nhưng vẫn chưa chịu cúi đầu hẳn. Tôi vẫn muốn cất đầu lên, thấp hơn lần trước một ít. Nhưng cứ mỗi lần cố cất đầu lên thì lại bị chúng nó đập xuống sâu thêm một tầng nữa. Và cứ thế cho đến lúc tôi không còn đủ sức cất đầu lên nữa”⁽¹⁾.

(1) Lý lịch khai trong dịp học tập bảo vệ Đảng ngày 24 - 5 - 1970 (Di cảo viết tay của Hoài Thanh).

Đây là bi kịch của Hoài Thanh và có lẽ cũng mang tính bi kịch chung của thế hệ các nhà “thơ mới”. Hoài Thanh đã ghi lại rất đúng cái tâm trạng bế tắc lúc bấy giờ:

“Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.

“Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.

“Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhất là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước”. (TNVN - tr. 52)

Xét cho cùng, cái bế tắc của “thơ mới” cũng giống như cái đêm tối mịt mùng của chị Dậu và cái đập phá, chửi bới khùng điên của Chí Phèo trong văn học hiện thực phê phán thời ấy. Nó có ý nghĩa nhân bản.

Từ đó vang lên lời kêu gọi khẩn thiết: Hãy cứu lấy những con người đau khổ!

*

Tháng 11 năm 1964. Lúc ấy cha tôi vừa viết xong bài: *Một vài ý kiến về phòng trào “thơ mới” và quyển “Thi nhân Việt Nam”*. Cũng thời gian này, tôi tạm biệt những người thân để lên đường đi công tác ở chiến trường Nam Bộ. Phút tạm biệt, đã ra đến đầu cầu thang tôi còn đề nghị cha tôi cùng tôi quay lại

căn phòng của gia đình. Tôi muốn nghe một lần cuối bản *Pôlônex* nổi tiếng của M. Ôghinxki ⁽¹⁾ mà tôi rất yêu thích. Đó là một bản nhạc có giai điệu tuy buồn da diết mà vẫn trong sáng và rất đẹp. Cha tôi hỏi: “Tại sao trước giờ lên đường đi chiến trường con lại nghe một giai điệu buồn như vậy?” Tôi trả lời tôi rất xúc động mỗi khi nghe bản nhạc này vì nhạc sĩ đã truyền cho tôi một tâm hồn đẹp qua làn suối trong vắt của âm thanh. Bản nhạc tuy buồn nhưng lại gợi lên trong tôi tình yêu tha thiết và khát vọng trong sáng. Cha tôi ngồi yên lặng: trong khi tôi khoác lại ba lô chuẩn bị bước ra. Bỗng cha tôi kéo tôi ngồi xuống ghế rồi bảo: “Con nghe thêm một lần nữa đi”. Tôi bật công tắc máy hát. Giai điệu đẹp của bản nhạc lại tràn ngập căn phòng và tràn ngập lòng tôi, dạt dào những cảm xúc khó tả. Từ buổi chia tay thiêng liêng ấy, bản *Pôlônex* trở thành một hiện diện trong đời sống tinh thần của tôi trên đường hành quân, trong chiến hào, địa đạo, trong những thương nhớ, băng khuâng... và dài hơn là trên những chặng đường đời xa tít tắp.

Năm 1972, tôi từ chiến trường vượt Trường Sơn lần thứ hai ra Hà Nội nhận công tác mới. Cha con tôi lại chung sống với nhau. Tôi thường trò chuyện với cha tôi về những năm tháng ở chiến trường. Khi tôi kể chuyện hành quân dọc Trường Sơn và ở chiến trường tôi và đồng đội thường mở đài Sài Gòn để nghe thơ và nhạc “tiên chiến” vậy mà vẫn công tác và đánh

(1) M. Ôghinxki: nhạc sĩ Ba Lan (1765 - 1833). Bản *Pôlônex* nói ở đây là bản *Từ biệt quê hương*.

giặc rất hăng, vẫn lạc quan yêu đời. Cha tôi có vẻ không đồng tình nhưng không phê phán tôi. Tôi thanh minh với cha tôi rằng tôi không nghe các luận điệu “chiêu hồi” của giặc mà chỉ nghe thơ, nghe hát thôi. Các bài thơ, các bài hát ấy gắn liền với kỷ niệm thời thơ ấu. Tôi kể tên các bài thơ tôi đã đọc thuộc trong *Thi nhân Việt Nam* hồi còn nhỏ và nhắc lại cả lời bình của cha tôi. Tôi khẳng định với cha tôi các bài thơ đó vẫn hay. Tôi thấy cha tôi suy nghĩ rất nhiều về những điều đó. Nhưng, đến năm 1977 cha tôi lại viết bài *Thêm một vài lời về quyển “Thi nhân Việt Nam”* mà tư tưởng chủ yếu của bài viết này là đề phòng cho lớp thanh niên khỏi bị nhiễm lối sống buông xuôi trước những yêu cầu gút gao của giai đoạn lịch sử mới.

Đầu năm 1982, cha tôi thường xuyên là bệnh nhân nằm ở phòng cấp cứu của khu B bệnh viện Việt - Xô, Hà Nội. Lúc này cha tôi đã suy tim nặng. Tuy vậy trí óc của ông vẫn còn rất minh mẫn, tỉnh táo. Tối tối tôi lại vào bệnh viện chăm sóc và bàn chuyện thơ, chuyện đời với ông. Một hôm tôi kể cho cha tôi nghe chuyện một cháu bé người lai Pháp đi cùng bố mẹ nó sang Hà Nội thăm người thân. Trong một bữa tiệc gia đình, cháu bé đã ôm chặt con vịt trời bị thương còn sống khóc nức nở và phản đối người nhà định làm thịt chiêu đãi bố mẹ cháu và cháu. Từ chuyện này tôi than phiền với cha tôi: “Trẻ con ở nước ta hiện nay ít được giáo dục về nhân bản quá. Văn học ta hiện nay cũng chưa xem trọng vấn đề này”. Cha tôi trầm ngâm một lúc rồi nói: “Có lẽ phải nghĩ lại xem chúng ta có quá nhấn mạnh đến vấn đề đấu tranh

giai cấp không”.

Khoảng vài ba tuần trước khi cha tôi mất, nhà xuất bản Văn học báo cho ông biết: “Tuyển tập Hoài Thanh tập I” đã bắt đầu xếp chữ. Cha tôi mừng lắm nhưng tỏ ra khó có hy vọng được thấy mặt quyển sách của mình. Lúc bấy giờ cha tôi yếu lắm nhưng ông vẫn vui vẻ trò chuyện với chú tôi (Hoài Chân), với chúng tôi và với bạn bè về công việc làm tuyển tập. Nhân đó tôi hỏi: “Tại sao cha không cho tuyển *Một thời đại trong thi ca*?⁽¹⁾ Cha tôi trả lời dứt khoát: “Lúc này chưa nên”.

Một lần khác, vẫn ở trên giường cấp cứu, sôi nổi, vui vẻ, chúng tôi bàn về thơ “chân dung nhà văn” đang lưu hành trong giới văn chương. Cha tôi khe khẽ đọc lại mấy câu “thơ chân dung” nói về ông mà ai đó đã đọc cho ông:

*Vị nghệ thuật một nửa đời
Nửa đời lại phải vì người cấp trên
“Thi nhân” còn một chút duyên
Chẳng cầm cho vững lại lèn cho đau!...*

Đọc xong, cha tôi bình:

- Tay này nó biết mình mê Kiều nên nó dùng lối lấy Kiều để vẽ chân dung mình thì khéo thật. Tuy vậy câu thứ 2 nói oan và nói ác quá. Cha biết có không ít người nghĩ như thế về cha.

Nói xong, cha tôi có vẻ hơi buồn buồn.

Tôi còn nhớ, đêm giao thừa Tết năm 1982, tôi ngồi đón xuân với cha tôi trong phòng cấp cứu bệnh viện. Đêm ấy ông nói với tôi rất nhiều điều buồn vui trong

(1) Bài tổng kết phong trào “thơ mới” ở đầu cuốn TNVN.

cuộc đời, trong thơ văn. Tôi nhớ mãi lời ông nói với tôi đêm đó:

- Cha viết văn đã 50 năm nhưng công việc cha thích nhất là dạy học và bình thơ, bình thơ *hay*, vô luận là của ai. Cha biết văn chương của cha cũng vậy vậy thôi. Nếu không có cuốn *Thi nhân Việt Nam* thì không chắc gì người ta công nhận cha thực sự là một nhà văn.

“Một đời làm nhà văn cha chỉ tìm cái hay cái đẹp để bình. Đó là điều ham muốn của cha. Vậy mà cha đã vấp phải khối chuyện phiền: kẻ yêu, người ghét. Thậm chí cha còn bị vu cáo, bị nói oan. Cha biết vậy nhưng không thể sống khác, viết khác cái tạng của mình. Điều mà cha có thể hoàn toàn yên tâm và tự hào trước lúc đi xa là cha đã sống và viết hoàn toàn trung thực. Đó là cái quý nhất mà cha muốn để lại cho các con”.

Tôi biết rõ cha tôi còn một điều chưa ại nguyện là chưa hoàn thành được lòng mong muốn ấp ủ từ lâu: viết tiếp một *Thi nhân Việt Nam* mới, theo cách của ông. Ông đã bắt tay vào việc sưu tầm, ghi chép ừ nhiều năm. Di cảo của ông để lại bộn bề tài liệu, tư liệu cho công trình ấy. Nhưng rồi, “lực bất tòng tâm”... Vì Đời và Thơ ông đã sống mê say, sống hết mình. Với ông, Thơ và Đời tuy hai mà một, tuy một mà hai, hòa quyện. Ông đã đi xa, xa mãi nhưng chuyện thơ của ông để lại vẫn ấm hơi nồng của cuộc sống.

*

Phải chi Hoài Thanh còn sống cho đến hôm nay. Khi đi xa, ông chưa biết và chưa hình dung nổi chỉ vài năm sau nhiều tác phẩm có giá trị văn học đích thực xuất bản từ trước 1945 - những tác phẩm mà bấy lâu nay chúng ta dè dặt bởi lý do này khác nên chưa in lại thì nay đã trở lại bình thường trong đời sống tinh thần của nhân dân ta, được đông đảo bạn đọc chăm chú nâng niu. Việc in lại các tác phẩm ấy thật có ý nghĩa. Nó lấp những khoảng trống trong nền văn học hiện đại đất nước ta, phù hợp với lòng mong mỏi của nhiều thế hệ bạn đọc. Và bây giờ đến lượt *Thi nhân Việt Nam* hiện diện. Không biết trong số bạn đọc có ai e ngại về sự hiện diện của *Thi nhân Việt Nam* không? Nếu có thì xin hãy tin ở đông đảo công chúng đã từng trải của chúng ta. Họ sẽ biết cách tiếp nhận cái hay, cái đẹp cũng như biết cách loại bỏ cái chur hay, chưa đẹp, thậm chí cả cái độc hại. Bạn đọc của chúng ta có đủ bản lĩnh và trình độ cảm nhận tác phẩm. Thực tế đã chứng minh điều này, xin đừng lo. Sâm là vị bổ mà dùng quá liều lượng cũng có thể gây chết người. Nọc rắn là chất làm chết người nhưng biết dùng thì lại trị được bệnh, cứu được người. Vấn đề đặt ra là ở mục đích, liều lượng và cách sử dụng cùng với sự am hiểu của người thầy thuốc.

Tháng 10 - 1988

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
TIỂU SỬ TÁC GIẢ TNVN	7
TẢN ĐÀ	
Cung chiêu anh hồn Tản Đà	15
Thề non nước	17
Tống biệt	18
<i>MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA</i> <i>(HOÀI THANH)</i>	
	19
THẾ LỮ	
Nhớ rừng	63
Tiếng trúc tuyệt vời	69
Tiếng sáo Thiên Thai	71
Bên sông đưa khách	72
Cây đàn muôn điệu	73
Vẻ đẹp thoáng qua	75
Giây phút chạnh lòng	77
	78
VŨ ĐÌNH LIÊN	
Lòng ta là những hàng thành quách cũ	81
Ông đồ	84
	85
	431

LAN SƠN	87
Vết thương lòng	89
Tết và người qua	90
Đám ma đi	92
THANH TỊNH	93
Mòn mỏi	94
Tơ trời với tơ lòng	96
THÚC TẾ	97
Trăng mơ	97
HUY THÔNG	100
Anh Nga	103
Khúc tiêu thiếu	114
NGUYỄN VỸ	116
Sương rơi	119
Gửi Trương Tửu	120
ĐOÀN PHÚ TỨ	122
Màu thời gian	123
XUÂN DIỆU	128
Trăng	133
Huyền diệu	134
Tình trai	135
Nhị hồ	135
Đây mùa thu tới	137
Vội vàng	137
Chiều	139

Viễn khách	140
Tương tư, chiều	141
Lời kỹ nữ	142
Nguyệt cầm	143
Giục già	144
Thu	145
Buồn trăng	146
Hoa đêm	147
 HUY CẬN	 149
Buồn đêm mưa	154
Tình tự	155
Đi giữa đường thơm	156
Đẹp xưa	157
Tràng giang	158
Vạn lý tình	159
Nhạc sầu	159
Ngậm ngùi	161
Thu rừng	162
Áo trắng	162
Chiều xuân	163
 TẾ HANH	 165
Quê hương	167
Lời con đường quê	168
Vu vơ	169
Ao ước	170
 YẾN LAN	 171
Bến Mỹ Lăng	172
Nhớ	173

PHẠM HẦU	174
Chiều buồn	175
Vọng hải đài	176
 XUÂN TÂM	 179
Xa lạ	181
Nghỉ hè	183
 THU HỒNG	 184
Tơ lòng với đẹp	186
Êm đêm	186
Mảnh hồn thơ	188
 BÀNG BÁ LÂN	 188
Trưa hè	191
Cổng làng	192
 NAM TRÂN	 194
Đẹp và Thơ	196
Huế, ngày hè	197
Huế, đêm hè	198
Trước chùa Thiên Mụ	199
Mùa đông	199
Giận khúc Nam ai	200
Nắng thu	201
 ĐOÀN VĂN CỪ	 202
Chợ Tết	204
Đám cưới mùa xuân	206
Đám hội	207
Trăng hè	210

ANH THƠ	211
Chiều xuân	214
Trưa hè	215
Rằm tháng bảy	215
Bến dò ngày xưa	216
 HÀN MẠC TỬ	 218
Bến lến	227
Tình quê	228
Mùa xuân chín	229
Trường Tương tư	230
Ave Marie	231
Đêm xuân cầu nguyện	234
Ra đời	236
 CHẾ LAN VIÊN	 238
Thời oanh liệt	243
Ta	244
Trên đường về	245
Đêm tàn	246
Hồn trôi	247
Thu	248
Xuân	249
Trưa đơn giản	250
 BÍCH KHÊ	 251
Duy Tân	253
Xuân tượng trưng	255
 J.LEIBA	 258
Năm qua	260

Mai rụng	263
Hoa bạc mệnh	266
Bến giác	266
THÁI CAN	267
Cảnh đó người đâu	271
Chiều thu	271
Trông chồng	272
Anh biết em đi	273
Cảnh đoạn trường	274
VÂN ĐÀI	279
Tiếng đêm	280
ĐỖ HUY NHIỆM	281
Địu hiu	282
Hoa tử	282
Say	283
LƯU KỶ LINH	285
Đợi chờ	286
Cành hoa thu muộn	286
Con bướm trắng	287
NGUYỄN GIANG	288
Xuân	289
Con đường nắng	290
Mẹ	291
QUÁCH TẤN	292
Đà Lạt đêm sương	294

Về thăm nhà cảm tác	294
Đêm thu nghe quạ kêu	295
Đêm tình	296
Mộng thấy Hàn Mạc Tử	296
Trơ trọi	297
Chiều xuân	297
Bên sông	298
Tình xưa	298
 PHAN KHẮC KHOAN	 300
Xa xa	302
 THÂM TÂM	 305
Tổng biệt hành	305
 PHAN THANH PHƯỚC	 307
Đêm Tần	309
 LƯU TRỌNG LƯ	 310
Nắng mới	314
Thơ sầu rụng	315
Giang hồ	315
Tình điên	319
Tiếng thu	319
Còn chi nữa	320
Xuân về	322
Một mùa đông	323
Chiều cổ	325
Điệu huyền	326
Thú đau thương	326

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP	327
Tay ngà	330
Chùa Hương	332
PHAN VĂN DẬT	338
Tiến đưa	341
Bi Xuân Nương	342
Nàng con gái họ Dương	344
ĐÔNG HỒ	345
Cô gái xuân	347
Mua áo	350
Tuổi xuân	351
Bốn cái hôn	355
MỘNG TUYẾT	359
Dương liễu tân thanh	360
Vì anh Thọ Xuân	361
NGUYỄN XUÂN HUY	362
Giận nhau	363
Em đương thêu	364
HÀNG PHƯƠNG	365
Lòng quê	367
NGUYỄN BÌNH	368
Tương tư	371
Hai lòng	372
Giấc mơ anh lái đò	372
Quan trạng	373

Lẳng lơ	374
Xa cách	374
Người hàng xóm	375
Xuân về	377
VŨ HOÀNG CHƯƠNG	378
Say vì em	380
Quên	382
Phương xa	382
Nghe hát	383
MỘNG HUYỀN	385
Vườn hoang	386
NGUYỄN ĐÌNH THU	387
Đến chiều	389
Sang ngang	390
Tống biệt	391
Vương tình	391
Thiệt thà	392
T.T.KH	394
TRẦN HUYỀN TRÂN	396
NHỎ TO (HOÀI THANH)	398
LỜI CUỐI SÁCH (TỪ SƠN)	406

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ – BA ĐÌNH – HÀ NỘI

Điện thoại : 04.7.161.518 – 04.7.161.190

Fax : 04.8294.781

E- mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam kỳ khởi nghĩa – Quận 3

Điện thoại: 08 8469858, Fax: 08 8483481

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CỬ

Biên tập: BAN BIÊN TẬP

Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in: DAN THANH

THI NHÂN VIỆT NAM – HOÀI THANH – HOÀI CHÂN

In 1.000c khổ 13x19cm (500c bìa cứng, 500c bìa mềm)

Tại Công ty in Việt Hưng – Chi nhánh Hà Nội

Giấy chấp nhận ĐKKHXB số 1461/CXB ngày 31/8/2005

Giấy TN số: 384/VHGP NXB Văn học cấp ngày 19/10/2005

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.

HOÀI THANH / HOÀI CHÂN

Thi Nhân Việt Nam



Nhà sách Minh Thắng
1048 ĐƯỜNG LẮNG - ĐT: 04.7663490

THI NHAN VIET NAM (



S0028263

P00896

40000 d

GIÁ: 40.000Đ